

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC**



**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH NÔNG HỌC TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

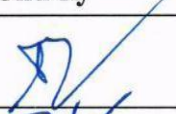
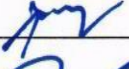
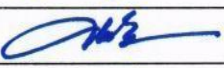
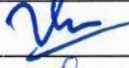
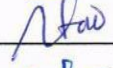
GIAI ĐOẠN 2019 - 2024

**Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ Giáo dục và Đào tạo**

Sơn La, tháng 12 năm 2024

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH NÔNG HỌC**

(Kèm theo Quyết định số 1315/QĐ-ĐHTB ngày 19 tháng 12 năm 2023)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	TS. Đỗ Hồng Đức	Phó Hiệu trưởng, Phụ trách Trường	Chủ tịch	
2	TS. Hoàng Ngọc Anh	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch	
3	TS. Vũ Quang Giảng	Trưởng khoa Nông - Lâm	Phó Chủ tịch	
4	TS. Nguyễn Văn Khoa	Phó Trưởng Khoa Nông - Lâm	Thư ký	
5	TS. Nguyễn Tiến Dũng	Phó Trưởng phòng Đào tạo	Thành viên	
6	TS. Vũ Mạnh Cường	Trưởng Phòng TC-HC, Thư ký Hội đồng Trường, Chủ tịch CĐCS	Thành viên	
7	TS. Nguyễn Thị Lan Anh	Trưởng phòng KHCN&HTQT	Thành viên	
8	TS. Nguyễn Duy Hiếu	Phó Trưởng phòng, Phụ trách phòng BDCL&TTPC	Thành viên	
9	TS. Vì Thị Xuân Thủy	Giám đốc Trung tâm TH-TN	Thành viên	
10	ThS. Lê Thị Bích Hào	PGĐ Trung tâm TT-TV	Thành viên	
11	TS. Dương Văn Mạnh	Trưởng phòng CTCT-QLNH	Thành viên	
12	ThS. Hà Văn Niệm	Trưởng phòng Quản trị CSVN	Thành viên	
13	TS. Hoàng Văn Thành	Phó Trưởng khoa Nông - Lâm	Thành viên	
14	TS. Nguyễn Đức Thuận	Phó Trưởng Bộ môn Nông học, Khoa Nông - Lâm	Thành viên	
15	Phạm Văn Hải	Sinh viên lớp K64 Đại học Nông học, Khoa Nông - Lâm	Thành viên	

(Danh sách gồm có 15 người)

MỤC LỤC

MỤC LỤC	i
DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT	v
PHẦN I. KHÁI QUÁT	1
1. Đặt vấn đề	1
1.1. Tóm tắt báo cáo tự đánh giá	1
1.2. Mục đích, quy trình và phương pháp tự đánh giá CTĐT	3
2. Tổng quan chung	4
2.1. Giới thiệu về Trường Đại học Tây Bắc	4
* Điểm mạnh	5
* Điểm yếu	6
2.2. Giới thiệu về Khoa Nông Lâm	9
2.3. Giới thiệu về ngành Nông học	11
PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ	13
Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	13
Tiêu chí 1.1.	13
Tiêu chí 1.2.	15
Tiêu chí 1.3.	17
Kết luận về Tiêu chuẩn 1:	20
Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo	20
Tiêu chí 2.1.	20
Tiêu chí 2.2.	22
Tiêu chí 2.3..	23
Kết luận chung về Tiêu chuẩn 2	24
Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học	24
Tiêu chí 3.1.	25
Tiêu chí 3.2.	26
Tiêu chí 3.3.	27
Kết luận chung về Tiêu chuẩn 3	28
Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học	29
Tiêu chí 4.1.	29
Tiêu chí 4.2.	32
Tiêu chí 4.3.	34

Kết luận về Tiêu chuẩn 4:	36
Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học	37
Tiêu chí 5.1.	38
Tiêu chí 5.2.	40
Tiêu chí 5.3.	43
Tiêu chí 5.4.	45
Tiêu chí 5.5.	47
Kết luận về Tiêu chuẩn 5:	49
Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên	49
Tiêu chí 6.1.	50
Tiêu chí 6.2.	53
Tiêu chí 6.3.	56
Tiêu chí 6.4.	58
Tiêu chí 6.5.	59
Tiêu chí 6.6.	61
Tiêu chí 6.7.	63
Kết luận về Tiêu chuẩn 6	65
Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên	66
Tiêu chí 7.1	67
Tiêu chí 7.2	69
Tiêu chí 7.3.	71
Tiêu chí 7.4	72
Tiêu chí 7.5	74
Tiêu chuẩn 8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học	77
Tiêu chí 8.1.	78
Tiêu chí 8.2.	80
Tiêu chí 8.3.	82
Tiêu chí 8.4.	84
Tiêu chí 8.5.	86
Kết luận về Tiêu chuẩn 8:	88
Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị	89
Tiêu chí 9.1.	90
Tiêu chí 9.2.	92

Tiêu chí 9.3.	94
Tiêu chí 9.4.	96
Tiêu chí 9.5	98
Kết luận về Tiêu chuẩn 9:	101
Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng	101
Tiêu chí 10.1.	102
Tiêu chí 10.2.	103
Tiêu chí 10.3.	104
Tiêu chí 10.4.	106
Tiêu chí 10.5.	108
Tiêu chí 10.6.	110
Kết luận về Tiêu chuẩn 10	112
Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra	113
Tiêu chí 11.1	114
Tiêu chí 11.2	117
Tiêu chí 11.3	120
Tiêu chí 11.4	123
Tiêu chí 11.5	125
Kết luận tiêu chuẩn 11	127
PHẦN III. KẾT LUẬN	129

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

TT	CỤM TỪ VIẾT TẮT ĐẦY ĐỦ	VIẾT TẮT
1.	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ GDĐT
2.	Cán bộ	CB
3.	Cán bộ quản lý	CBQL
4.	Cán bộ viên chức	CBVC
5.	Câu lạc bộ	CLB
6.	Chất lượng cao	CLC
7.	Cao học	CH
8.	Chuẩn đầu ra	CĐR
9.	Chương trình dạy học	CTĐT
10.	Chương trình đào tạo	CTĐT
11.	Chuyển giao công nghệ	CGCN
12.	Cổ vấn học tập	CVHT
13.	Cộng hòa dân chủ nhân dân	CHDCND
14.	Công nghệ thông tin	CNTT
15.	Công tác học sinh sinh viên	CT HSSV
16.	Cơ sở vật chất	CSVC
17.	Đại học Tây Bắc	ĐHTB
18.	Đảm bảo chất lượng	ĐBCL
19.	Đảm bảo chất lượng giáo dục	ĐBCLGD
20.	Đơn vị học trình	ĐVHT
21.	Giảng viên	GV

22.	Giảng viên chính	GVC
23.	Giảng viên cao cấp	GVCC
24.	Giáo dục	GD
25.	Giáo viên chủ nhiệm	GVCN
26.	Giáo sư	GS
27.	Hoàn thành	HT
28.	Hoàn thành nhiệm vụ	HTNV
29.	Học sinh sinh viên	HSSV
30.	Học viên cao học	HVCH
31.	Hợp tác quốc tế	HTQT
32.	Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục	KT&ĐBCLGD
33.	Kế hoạch chiến lược	KHCL
34.	Khoa học công nghệ	KHCN
35.	Khoa học giáo dục	KHGD
36.	Ký túc xá	KTX
37.	Nghiên cứu khoa học	NCKH
38.	Nghiên cứu sinh	NCS
39.	Nghị quyết vụ sự phạm	NVSP
40.	Phó Giáo sư	PGS
41.	Phòng cháy chữa cháy	PCCC
42.	Phương pháp dạy học	PPDH
43.	Sau đại học	SDH
44.	Sinh viên	SV

45.	Thạc sĩ	ThS
46.	Thẻ dực thẻ thao	TDTT
47.	Tiến sĩ	TS
48.	Tự đánh giá	TĐG
49.	Trường Đại học Tây Bắc	TBU

PHẦN I. KHÁI QUÁT

1. Đặt vấn đề

1.1. Tóm tắt báo cáo tự đánh giá

Trong bối cảnh hiện nay, chất lượng đào tạo là yếu tố cốt lõi, sống còn của một cơ sở đào tạo. Chất lượng đào tạo là nhân tố cơ bản định uy tín của cơ sở đào tạo. Nhận thức được giá trị và ý nghĩa của công tác đảm bảo chất lượng đào tạo, dưới sự chỉ đạo của lãnh đạo Nhà trường, tập thể khoa Nông - Lâm, Trường Đại học Tây Bắc đã tiến hành công tác tự đánh giá, kiểm định chất lượng đào tạo của ngành Nông học.

Công tác tự đánh giá chương trình là một khâu quan trọng trong quá trình phát triển của ngành đào tạo, để có cái nhìn tổng quan về chất lượng đào tạo sinh viên và xây dựng văn hóa chất lượng bên trong nhà trường. Năm 2021 Trường Đại học Tây Bắc (ĐHTB) đã được Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục thuộc Hiệp hội các trường đại học, cao đẳng Việt Nam công nhận trường đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục (theo Quyết định số 139/QĐ-KĐCLGD ngày 24/35/2021) [H1.01.01.13]. Tiếp tục kế hoạch tự đánh giá của Nhà trường, từ 24 - 25 tháng 7 năm 2021 Trường ĐHTB đã cử 10 cán bộ giảng viên tham dự khóa tập huấn online “*Bảo đảm chất lượng trình đào tạo*” do ĐH Đại học Đà Nẵng tổ chức (theo Quyết định số 610/QĐ-ĐHTB ngày 25/7/2021). Đây là hoạt động quan trọng nhằm trang bị phương pháp và kỹ năng thực hiện điều chỉnh chương trình đào tạo cho cán bộ, giảng viên của Trường ĐHTB nói chung và của Khoa Nông-Lâm nói riêng nhằm nâng cao chất lượng chương trình đào tạo.

Trường ĐHTB là trường đại học đa ngành phát triển theo định hướng ứng dụng Trường đóng trên địa bàn khu vực Tây Bắc, là nơi có tiềm năng lớn về đất đai và khí hậu để phát triển nông nghiệp. Thu nhập của hầu hết người dân vùng Tây Bắc đến từ sản xuất nông nghiệp. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế và việc ứng dụng công nghệ cao được thực hiện mạnh mẽ trong mọi ngành nghề trong đó có ngành nông nghiệp thì nguồn nhân lực có trình độ cao về lĩnh vực nông nghiệp tại vùng Tây Bắc rất quan trọng. Do đó từ năm 2003 Trường Đại học Tây Bắc đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép mở ngành đào tạo kỹ sư Nông học phục vụ đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao trong lĩnh vực nông nghiệp cho vùng Tây Bắc và các vùng lân cận. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, để nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực cao cho xã hội không, việc đánh giá lại CTĐT một cách toàn diện theo Thông tư số 04/2016-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 14 tháng 3 năm 2016 là hết sức cần thiết. Năm 2023, Trường ĐHTB đã ban hành Quyết định số 1315/QĐ-ĐHTB ngày 19/12/2023 về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Nông học trình độ đại học; Kế hoạch số 152/KH-ĐHTB ngày 29/01/2024 về Kế hoạch tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Nông học trình độ đại học, giai đoạn 2019-2024 để thực hiện nhiệm vụ triển khai tự đánh giá theo quy định Bộ Giáo dục và Đào tạo và Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục. Trong quá trình tiến hành tự đánh giá, Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành Nông học đã thực hiện một cách nghiêm túc và đúng theo các quy định, kế hoạch đã ban hành. Báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Nông học được Hội đồng xây dựng với kết cấu bao gồm 4 phần, cụ thể như sau:

- Phần I. Khái quát: Nội dung chính phần này đề cập tới mục đích, quy trình tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Nông học của Khoa Nông – Lâm.

- Phần II. Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí: Phần này trình bày kết quả tự đánh giá của chương trình đào tạo theo 11 tiêu chuẩn, 50 tiêu chí. Các tiêu chí được

phân tích, tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí với các tiểu mục lần lượt là: (1) Mô tả-phân tích chung về toàn bộ tiêu chuẩn và chỉ ra các minh chứng cụ thể; (2) Điểm mạnh-nêu những điểm mạnh của CTĐT (3) Điểm tồn tại; (4) Kế hoạch hành động; (5) Tự đánh giá.

- Phần III. Kết luận: Kết luận về những điểm mạnh, những điểm cần phát huy của CTĐT, được tổng hợp theo từng tiêu chuẩn; tóm tắt những điểm tồn tại và vấn đề cần cải tiến chất lượng; kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT và tổng hợp kết quả tự đánh giá.

- Phần IV. Phụ lục: Phần này tổng hợp các minh chứng có liên quan tới thông tin tổng quát của Khoa, các tài liệu có liên quan tới hoạt động tự đánh giá của Hội đồng. Phụ lục theo công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Cục Quản lý chất lượng về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài CTĐT.

Nội dung chính của Báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành Nông học dựa theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học bao gồm 11 tiêu chuẩn với 50 tiêu chí. Trong đó, các tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4 tập trung vào mục tiêu, chuẩn đầu ra, bản mô tả CTĐT, cấu trúc, nội dung chương trình dạy học và phương pháp tiếp cận trong dạy và học; tiêu chuẩn 5 đánh giá về kết quả học tập của người học; tiêu chuẩn 6, 7 đánh giá về đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên; tiêu chuẩn 8 đánh giá các yếu tố liên quan đến người học và hoạt động hỗ trợ người học; tiêu chuẩn 9 gắn với các vấn đề về CSVC và trang thiết bị; tiêu chuẩn 10 tập trung khẳng định các nhận định về việc nâng cao chất lượng CTĐT và NCKH; tiêu chuẩn 11 đánh giá về kết quả đầu ra của cả CTĐT ngành Nông học.

Toàn bộ những phân tích, đánh giá và kết luận trong báo cáo đều dựa trên các thông tin, minh chứng hiện có trong vòng 5 năm trở lại đây, có thể tiếp cận được về tất cả các lĩnh vực liên quan đến chương trình đào tạo ngành Nông học. Mã thông tin và minh chứng được ký hiệu bằng chuỗi có ít nhất 11 ký tự, bao gồm 1 chữ cái, ba dấu chấm và 7 chữ số; cứ 2 chữ số có 1 dấu chấm (.) để phân cách theo công thức sau: Hn.ab.cd.ef.

Trong đó:

- H: viết tắt “Hộp minh chứng” (minh chứng của mỗi tiêu chuẩn được tập hợp trong 1 hộp hoặc một số hộp).

- n: số thứ tự của hộp minh chứng được đánh số từ 1 đến hết (trường hợp $n \geq 10$ thì chuỗi ký hiệu có 12 ký tự trở lên).

- ab: số thứ tự của tiêu chuẩn (tiêu chuẩn 1 viết 01, tiêu chuẩn 10 viết 10).

- cd: số thứ tự của tiêu chí (tiêu chí 1 viết 01).

- ef: số thứ tự của minh chứng theo từng tiêu chí (thông tin và minh chứng thứ nhất viết 01, thứ 15 viết 15...).

- Ví dụ:

+ H1.01.01.01: là minh chứng thứ nhất của tiêu chí 01 thuộc tiêu chuẩn 01, được đặt ở hộp 1.

+ H02.11.05.09 là minh chứng thứ 9 của tiêu chí 05 thuộc tiêu chuẩn 11, được đặt ở hộp 02.

1.2. Mục đích, quy trình và phương pháp tự đánh giá CTĐT

- Mục đích tự đánh giá:

Đánh giá tổng thể các hoạt động của CTĐT ngành Nông học theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học của Bộ GDĐT là một khâu quan trọng trong việc bảo đảm chất lượng CTĐT của Trường Đại học Tây Bắc.

Quá trình tự đánh giá CTĐT ngành Nông học giúp Nhà trường nói chung và Khoa Nông - Lâm nói riêng tự rà soát, xem xét, đánh giá thực trạng của CTĐT, hiệu quả hoạt động đào tạo, NCKH, nhân lực, CSVC và các vấn đề liên quan khác thuộc CTĐT; xây dựng và triển khai các kế hoạch hành động nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng CTĐT; từ đó tiến hành điều chỉnh các nguồn lực nhằm đạt tiêu chuẩn chất lượng đào tạo, tiệm cận tiêu chuẩn quốc tế của khu vực và các nước trên thế giới.

Tự đánh giá là cơ sở để đăng ký đánh giá ngoài và đề nghị công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng CTĐT ngành Nông học.

Hoạt động tự đánh giá cũng thể hiện tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của khoa Nông - Lâm trong toàn bộ hoạt động ĐT, NCKH và PVCD theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phù hợp với triết lý giáo dục, sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi của Nhà trường.

- Công cụ đánh giá:

Hoạt động tự đánh giá được thực hiện theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT gồm 11 tiêu chuẩn (50 tiêu chí) theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/03/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Công văn số 1075/KTKĐCLGD-KĐDH ngày 28/06/2016 thêm trích yếu; Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo trích yếu; Tài liệu hướng dẫn một số kỹ thuật tự đánh giá.

- Phương pháp đánh giá

Quá trình tự đánh giá CTĐT ngành Lâm sinh được dựa theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí của Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học ngày 14/03/2016. Công văn số 1075/KTKĐCLGD-KĐDH ngày 28/06/2016 thêm trích yếu; Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo; Tài liệu hướng dẫn một số kỹ thuật tự đánh giá.

- Quy trình tự đánh giá

Bước 1: Xác định mục đích, phạm vi tự đánh giá;

Bước 2: Thành lập Hội đồng tự đánh giá, ban thư ký, các nhóm công tác;

Bước 3: Lập kế hoạch tự đánh giá, phân công trách nhiệm cụ thể cho từng nhóm;

Bước 4: Thu thập thông tin và minh chứng;

Bước 5: Xử lý, phân tích các thông tin và minh chứng thu được;

Bước 6: Viết báo cáo tự đánh giá;

Bước 7: Hoàn thiện báo cáo tự đánh giá tổng thể;

Bước 8: Công bố báo cáo tự đánh giá trong toàn Khoa và Trường để đọc và góp ý kiến;

Bước 9: Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành tự đánh giá.

2. Tổng quan chung

2.1. Giới thiệu về Trường Đại học Tây Bắc

Trường ĐHTB được thành lập theo Quyết định số 39/2001/QĐ-TTG ngày 23/03/2001 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở Trường Cao đẳng Sư phạm Tây Bắc. Trường ĐHTB là trường đại học công lập, đào tạo đa ngành, trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, đào tạo theo định hướng ứng dụng. Hiện nay, cơ sở chính của Trường tọa lạc tại Tổ 2, phường Quyết Tâm, TP Sơn La, tỉnh Sơn La. Cơ cấu tổ chức của Trường hiện nay tại bao gồm:

- Đảng bộ,
- Hội đồng Trường,
- Ban Giám hiệu,
- Các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể quần chúng bao gồm: Đảng bộ, Công đoàn cơ sở, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Sinh viên, Hội Chữ thập đỏ, Hội Khuyến học,
- 28 đơn vị thuộc và trực thuộc gồm: 7 phòng chức năng; 7 khoa; 11 trung tâm (trong đó: 07 trung tâm hoạt động theo cơ chế tự chủ); Ban Quản lý Khu Nội trú; Trạm Y tế; Trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Chu Văn An.

Trường đang đào tạo 24 ngành đại học, 01 ngành cao đẳng, 02 ngành đào tạo trình độ thạc sĩ: Ngôn ngữ Việt Nam, Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán. Ngoài ra, Trường còn được giao nhiệm vụ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giảng viên các trường đại học, cao đẳng; bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp cho giảng viên, giáo viên trung học phổ thông, trung học cơ sở, tiểu học, mầm non; bồi dưỡng nghiệp vụ hướng dẫn và điều hành du lịch. Trường tuyển sinh trên phạm vi cả nước, trong thực tế đối tượng tuyển sinh của Trường chủ yếu là con em các dân tộc khu vực Tây Bắc. Quy mô đào tạo hiện tại: 5.000 người học, trong đó có 3.000 sinh viên đại học, cao đẳng hệ chính quy, gần 600 lưu học sinh của nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào. Tỷ lệ sinh viên là con em các dân tộc ít người trên 80%.

Đội ngũ giảng viên, giáo viên, cán bộ thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ phát triển cả về quy mô và chất lượng. Đã hình thành một số nhóm nghiên cứu chuyên sâu thuộc các ngành Toán học, Sinh học, Vật lý, Nông Lâm, Kinh tế; đã có nhiều công bố trong nước và quốc tế chất lượng, có sản phẩm ứng dụng vào thực tiễn. Trường đã thực hiện nhiều nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia, cấp bộ, tỉnh và cấp cơ sở; tổ chức các hội thảo quốc tế, hội thảo quốc gia. Hoạt động khoa học công nghệ của giảng viên, giáo viên, cán bộ gắn với định hướng nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo, thực tiễn Tây Bắc, tạo ra sản phẩm có giá trị thương mại, công bố khoa học trên các tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế. Tạp chí Khoa học hoạt động từ năm 2015, đã có chỉ số ISSN và có một số ngành được Hội đồng Chức danh Nhà nước tính điểm số từ 0.25 - 0.5 là: Ngôn ngữ, Giáo dục học, Sinh học, Nông Lâm, Toán học.

Nhà trường đã có bộ phận phụ trách, các đơn vị đã phối hợp để thực hiện nhiều hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng thông qua các hoạt động hỗ trợ chuyên môn giảng dạy, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, đào tạo bồi dưỡng nguồn nhân lực, các hoạt động của Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên, Hội Chữ thập đỏ, Hội Khuyến học. Trường đã có hợp tác với một số địa phương, cơ quan khu vực Tây

Bắc, các doanh nghiệp để thực hiện công tác đào tạo, thực hành, thực tập, khoa học công nghệ, triển khai các dịch vụ. Trường có thỏa thuận hợp tác với một số trường đại học, viện nghiên cứu trong nước.

Tổng số giảng viên, giáo viên, cán bộ, viên chức và người lao động, tính đến 25/3/2023 là 407 người, trong đó có 5 sĩ quan biệt phái, 01 biên chế được Tỉnh ủy giao làm việc tại Văn phòng Đảng ủy. Về trình độ chuyên môn: có 04 phó giáo sư; 86 tiến sĩ; 231 thạc sĩ; 57 đại học; 10 cao đẳng; 17 trình độ khác.

Trường Đại học Tây Bắc là đơn vị sự nghiệp công lập, tự đảm bảo một phần kinh phí hoạt động thường xuyên. Nguồn tài chính cho hoạt động của Trường được hình thành từ ngân sách Nhà nước cấp và thu học phí, lệ phí và thu hoạt động sự nghiệp.

Cơ sở chính tại thành phố Sơn La là 95 ha, diện tích tại cơ sở Mộc Châu là 10 ha, diện tích tại cơ sở Thuận Châu là 01 ha. Hệ thống giảng đường với hàng trăm phòng học; 05 phòng học ngoại ngữ, 08 phòng học tin học với 400 máy tính, 28 phòng thực hành thực tập chuyên môn; 05 hội trường 200 chỗ ngồi, 01 hội trường 1.000 chỗ ngồi. Hệ thống phòng thực hành, thí nghiệm thuộc các lĩnh vực Sinh Hóa, Vật lý, Tin học, Nông Lâm và Trung tâm Thực hành Thí nghiệm, các nhà lưới, nhà vòm, nhà kính diện tích trên 10.000 m², khu thực nghiệm Mộc Châu cơ bản đáp ứng nhu cầu đào tạo, khoa học công nghệ. Thư viện có tổng diện tích 5.885 m² với 150 máy tính sử dụng phần mềm quản lý thư viện Ilib; số đầu sách, giáo trình và tài liệu tham khảo, tài liệu chuyên khảo phục vụ nghiên cứu; báo, tạp chí khoa học lên đến hàng trăm nghìn bản; sách, giáo trình điện tử 1.300 đầu sách. Khu nội trú có 8 nhà ký túc xá, đủ chỗ cho 3.500 người học. Nhà ăn Sinh viên có tổng diện tích trên 2.600 m², phục vụ đồng thời cho 2.000 người. Trường thực hành sư phạm có diện tích 1,2 ha đang được xây dựng hoàn thiện.

Năm 2022, để đáp ứng với xu thế phát triển của Nhà trường, sứ mạng và tầm nhìn của trường Đại học Tây Bắc được chỉnh sửa và ban hành mới theo Nghị Quyết số 39/NQ-HĐTĐHTB, ngày 02 tháng 8 năm 2022 [H1.01.01.08]. Theo đó, sứ mạng của Nhà trường là: Đào tạo nguồn nhân lực, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, thực hiện các dịch vụ phục vụ phát triển bền vững kinh tế - xã hội, hội nhập quốc tế của khu vực Tây Bắc và đất nước.

Tầm nhìn của Nhà trường là: Trường Đại học Tây Bắc là trường đại học đa ngành, phát triển theo định hướng ứng dụng có uy tín, chất lượng cao; đạt tiêu chuẩn chất lượng của Mạng lưới các trường đại học Đông Nam Á vào năm 2030, đạt tiêu chuẩn chất lượng tiên tiến quốc tế vào năm 2045 [H1.01.01.08].

Triết lý giáo dục của Trường ĐHTB là: Nâng tầm giá trị - Kiến tạo tương lai.

Giá trị cốt lõi của Trường ĐHTB là: Đoàn kết – Trách nhiệm – Sáng tạo – Hiệu quả.

Với sứ mệnh trọng đại như vậy, Nhà trường đã đào tạo hàng chục ngàn sinh viên tốt nghiệp (trong đó có sinh viên ngành Nông học) cung cấp nguồn nhân lực cao phục vụ phát triển kinh tế- xã hội khu vực Tây Bắc, Việt Nam và nước bạn Lào.

Đánh giá điểm mạnh, tồn tại, cơ hội của thách thức của Trường Đại học TB

*** Điểm mạnh**

Trường đã tiến hành công tác đánh giá ngoài cơ sở giáo dục đại học và được cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học năm 2021 [H1.01.01.13].

Nhà trường có truyền thống tốt đẹp của hơn 60 năm xây dựng và phát triển, có nhiều kinh nghiệm trong công tác đào tạo, nghiên cứu; gắn bó với thực tiễn, có quan hệ mật thiết với các địa phương khu vực Tây Bắc. Đội ngũ giảng viên, giáo viên, cán bộ, viên chức tâm huyết với sự nghiệp, am hiểu sâu sắc địa phương và khu vực, giàu kinh nghiệm; tiếp tục có những tiến bộ về phẩm chất đạo đức, năng lực lãnh đạo, quản trị, quản lý và năng lực chuyên môn nghiệp vụ. Đội ngũ cán bộ, giảng viên, giáo viên trẻ năng động, nhanh chóng thích ứng với những tiến bộ, tích cực học tập nâng cao trình độ để đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới. Bên cạnh năng lực đào tạo ngày càng tiến bộ thì các lĩnh vực khoa học công nghệ, hợp tác trong nước và quốc tế đã giúp cho Nhà trường có thêm nhiều thành tựu, kinh nghiệm, hiểu biết, mở rộng quan hệ đối tác.

Sinh viên của Trường chủ yếu đến từ khu vực Tây Bắc, có khả năng gắn bó lâu dài với địa phương; địa bàn phục vụ của sinh viên sau khi tốt nghiệp khá rộng và có nhu cầu cao, nhất là ở vùng sâu, vùng xa. Hàng chục nghìn cựu sinh viên của Nhà trường nay đã trưởng thành, nhiều người giữ các vị trí quan trọng trong hệ thống Đảng, chính quyền, đoàn thể, tổ chức, doanh nghiệp.

Trường đã có Tạp chí Khoa học; có một số nhóm nghiên cứu được định hình, một số cá nhân đã tạo dựng được uy tín khoa học; một số trung tâm nghiên cứu năng động thu hút được chương trình, đề tài dự án, thương mại hóa sản phẩm.

Hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng tạo cơ hội để huy động các nguồn lực tài chính, mở rộng hợp tác, liên kết trong nước và quốc tế, thu hút đội ngũ có trình độ cao tham gia vào quá trình đào tạo, nghiên cứu khoa học. Trường có quan hệ hợp tác với các đối tác quốc tế như Lào, Nhật Bản, Úc, Hoa Kỳ, các đối tác trong nước, đặc biệt là các tỉnh khu vực Tây Bắc - nơi có nhiều cựu sinh viên của Trường đã trưởng thành, cũng là nơi sử dụng nhân lực do Nhà trường đào tạo.

Các tổ chức chính trị xã hội của Trường hoạt động sôi nổi, hiệu quả, góp phần tích cực tạo động lực cho hoạt động học thuật, chuyên môn, nghiệp vụ.

Cơ sở vật chất ngày càng được hoàn thiện bảo đảm phục vụ nâng cao chất lượng, hiệu quả các mặt công tác.

*** Điểm yếu**

Việc xây dựng các kế hoạch và tổ chức thực hiện các nghị quyết, kết luận, chỉ thị, chính sách, chương trình, kế hoạch và các văn bản chỉ đạo khác của cấp trên, của Đảng ủy, Hội đồng Trường còn thiếu sát sao, kiên quyết thiếu khoa học.

Năng lực cạnh tranh, tính chủ động, tác phong làm việc chuyên nghiệp còn hạn chế; số lượng giảng viên có trình độ cao phân bố không đồng đều, quy hoạch theo lĩnh vực nghiên cứu mỏng, thiếu chuyên gia đầu ngành, kỹ năng sử dụng ngoại ngữ, năng lực hợp tác quốc tế còn hạn chế.

Chính sách đãi ngộ, thu hút chưa đủ mạnh để ổn định và phát triển đội ngũ giảng viên có trình độ cao, có năng lực nghiên cứu khoa học.

Công tác dự báo, quy hoạch ngành và các chuyên ngành đào tạo trình độ đại học và sau đại học còn hạn chế; chưa chú trọng phân tích nhu cầu nguồn nhân lực của xã hội; ngành nghề đào tạo chưa đa dạng, sức thu hút chưa cao.

Nguồn lực tài chính còn hạn chế, chủ yếu dựa vào nguồn tài chính từ ngân sách Nhà nước, khả năng tự chủ tài chính chưa cao. Trang thiết bị tại phòng học, phòng thực

hành, học liệu tại thư viện phục vụ cho giảng dạy, học tập, nghiên cứu, thực hành xuống cấp, lạc hậu chưa đáp ứng yêu cầu.

Việc chậm tiến độ thực hiện Dự án xây dựng Trường, chậm quyết toán các công trình xây dựng đã hoàn thành gây thiệt hại lớn đến phát triển cơ sở hạ tầng và ngân sách.

Công tác quảng bá nâng cao hình ảnh, vị thế của Trường chưa thực sự được chú trọng.

*** Cơ hội**

Tây Bắc là địa bàn chiến lược đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại của cả nước, có vai trò quan trọng đối với môi trường sinh thái của cả Vùng đồng bằng Bắc Bộ.

Đảng và Nhà nước đã có nhiều chủ trương, chính sách ưu tiên để phát triển khu vực miền núi và Tây Bắc như: Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được phê duyệt tại Quyết định số 1719 – QĐ/TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ, Nghị quyết số 11 - NQ/TW ngày 10/2/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Tây Bắc có tiềm năng to lớn về tài nguyên thiên nhiên, đa dạng về bản sắc văn hóa của cộng đồng các dân tộc, có thế mạnh để phát triển nông, lâm, ngư nghiệp, thủy điện, khoáng sản, du lịch và kinh tế cửa khẩu do giáp với các tỉnh Bắc Lào và Trung Quốc.

Đảng và Nhà nước có nhiều chủ trương, chính sách quan tâm tới giáo dục nói chung và giáo dục đại học nói riêng; sự tạo điều kiện của Bộ Giáo dục và Đào tạo, sự ủng hộ của lãnh đạo và nhân dân địa phương. Năm 2023 là năm tiếp tục thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII; Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 Hội nghị Trung ương 8 Khóa XI Đại hội Đảng khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; Nghị quyết Đại hội lần thứ XV của Đảng bộ tỉnh Sơn La và Nghị quyết Đại hội lần thứ XXIII của Đảng bộ Nhà trường. Trung ương Đảng và các địa phương trong khu vực đã xác định công tác đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực là một trong những nhiệm vụ trọng tâm cần ưu tiên, tăng cường thực hiện.

Đặc biệt là trong Chiến lược phát triển kinh tế xã hội 10 năm 2021 – 2030, Trung ương Đảng đã đưa ra một số nội dung như sau trong quan điểm chỉ đạo: *“Phát triển nhanh và bền vững dựa chủ yếu vào khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số... Phát huy tối đa lợi thế của các vùng, miền; phát triển hài hòa giữa kinh tế với văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu; quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi cho các đối tượng chính sách, người có công, người nghèo, người yếu thế, đồng bào dân tộc thiểu số... Khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, ý chí tự cường và phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Phát huy tối đa nhân tố con người, coi con người là trung tâm, chủ thể, nguồn lực quan trọng nhất và mục tiêu của sự phát triển; lấy giá trị văn hóa, con người Việt Nam là nền tảng, sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững”*.

Về các đột phá chiến lược, Trung ương Đảng đã chỉ đạo: *“Tiếp tục phát triển toàn diện nguồn nhân lực, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo gắn với khơi dậy khát vọng*

phát triển đất nước, lòng tự hào dân tộc, ý chí tự cường và phát huy giá trị văn hóa, con người Việt Nam...Đẩy nhanh thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện và nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, trọng tâm là hiện đại hóa và thay đổi phương thức giáo dục, đào tạo, nhất là giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp. Chú trọng đào tạo nhân lực chất lượng cao, phát hiện và bồi dưỡng nhân tài; có chính sách vượt trội để thu hút, trọng dụng nhân tài, chuyên gia cả trong và ngoài nước. Xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, công chức có phẩm chất tốt, chuyên nghiệp, tận tụy, phục vụ nhân dân...Phát triển mạnh mẽ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để tạo bứt phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh”.

Nhà trường tiếp tục nhận được sự quan tâm, lãnh đạo, giúp đỡ của cấp trên, sự hợp tác của các đối tác trong nước và quốc tế; đặc biệt là sự hỗ trợ của Trung ương Đảng, Nhà nước, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, các sở, ban, ngành, địa phương, doanh nghiệp, đồng bào các dân tộc tỉnh Sơn La cũng như các tỉnh Tây Bắc.

Cơ hội mở rộng quy mô đào tạo do nhu cầu ngày càng tăng về xã hội hoá học tập, nguồn nhân lực trình độ cao, nâng cao tỷ lệ lao động qua đào tạo, nâng cao chất lượng cuộc sống. Xu thế đổi mới giáo dục và tự chủ đại học, nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo, kiểm định và công khai chất lượng gắn với sự phát triển của khoa học và công nghệ tạo cơ hội đổi mới bộ máy tổ chức, công tác quản lý và quá trình đào tạo.

Tình hình kinh tế của Việt Nam nói chung, khu vực Tây Bắc nói riêng ngày càng phát triển, người dân ngày càng quan tâm và đầu tư cho thế hệ sau về giáo dục, đặc biệt là giáo dục đại học. Chủ trương phát triển kinh tế số, chuyển đổi số toàn diện các lĩnh vực cần nguồn nhân lực đáp ứng.

Sự phát triển của công nghệ thông tin góp phần tích cực trong việc mở rộng nguồn tri thức số cho giảng viên, giáo viên và người học. Các phần mềm hỗ trợ dạy và học trực tuyến giúp giảng viên, giáo viên và người học chủ động ứng phó và giảm thiểu sự ảnh hưởng của dịch bệnh.

*** Thách thức**

Tuy nhiên, sự phát triển kinh tế - xã hội chưa tương xứng với sự đầu tư và tiềm năng vốn có của khu vực Tây Bắc. Văn hóa, giáo dục còn nhiều bất cập, các chỉ tiêu chất lượng nhân lực: tỷ lệ mù chữ, tỷ lệ tốt nghiệp trung học phổ thông, trung học cơ sở, đại học, cao đẳng, trường nghề trên quy mô dân số... vẫn còn những khoảng cách lớn so với các khu vực khác trong toàn quốc. Lực lượng lao động đã qua đào tạo của khu vực Tây Bắc thấp hơn so với mức trung bình cả nước và không đồng đều giữa các tỉnh.

Yêu cầu của xã hội ngày càng cao về chất lượng nguồn nhân lực, đa dạng về ngành nghề và hình thức đào tạo đòi hỏi Trường phải thường xuyên nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học, từng bước khẳng định uy tín, phát huy vị thế của Trường ở khu vực Tây Bắc.

Xu hướng đào tạo gắn với thực tế và nhu cầu xã hội để tăng cơ hội việc làm phù hợp với ngành đào tạo của người học sau khi tốt nghiệp.

Quy định về tự chủ đại học dẫn tới nguồn ngân sách Nhà nước đầu tư cho Nhà trường ngày càng giảm.

Cạnh tranh trong tuyển sinh ngày càng gay gắt, xu hướng học nghề và đi làm ngay sau tốt nghiệp trung học phổ thông dẫn đến nguồn tuyển sinh giảm.

Xu hướng hội nhập quốc tế và tác động của cách mạng công nghệ 4.0 tạo thách thức trong chuyển đổi số giáo dục đào tạo.

2.2. Giới thiệu về Khoa Nông Lâm

Khoa Nông lâm là đơn vị quản lý chuyên môn thuộc Trường Đại học Tây Bắc, có văn phòng tọa lạc trong khuôn viên của Trường, Tổ 2, phường Quyết Tâm, TP Sơn La.

Khoa Nông - Lâm chính thức được thành lập vào ngày 09 tháng 01 năm 2006 trên cơ sở Ban Kinh tế Nông - Lâm. Từ khi thành lập đến nay, Khoa đã đào tạo được nhiều thế hệ sinh viên đóng góp cho sự nghiệp phát triển kinh tế- xã hội của đất nước, của khu vực Tây Bắc và các tỉnh Bắc Lào. Trải qua nhiều thăng trầm của lịch sử, đến nay Khoa Nông - Lâm đã có những bước tiến vượt bậc, khẳng định được vị thế của mình trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ thuộc lĩnh vực nông, lâm nghiệp và môi trường.

Giai đoạn tiền thân của Khoa Nông lâm (từ 2003 - 2006)

Ngày 27 tháng 8 năm 2003, Ban Kinh tế - Nông lâm được thành lập theo Quyết định số 151/QĐ-TCCB của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Bắc. Khi mới thành lập, Ban Kinh tế - Nông lâm có 4 thành viên với nhiệm vụ cơ bản là xây dựng, phát triển các ngành đào tạo đại học khối ngành nông, lâm và kinh tế. Ngay khi mới thành lập, Ban Kinh tế - Nông lâm đã hoạch định kế hoạch xây dựng và phát triển ngành; đề xuất với Nhà trường chuẩn bị cơ sở, vật chất phục vụ đào tạo, tập trung xây dựng các chương trình đào tạo trình độ đại học. Năm 2003, Ban đã chính thức tuyển sinh và đào tạo hai lớp Đại học Nông học và Đại học Lâm sinh đầu tiên với 120 sinh viên; năm 2004, tuyển sinh và đào tạo, ngành kế toán tổng hợp; năm 2006 liên với Trường Đại học Kinh tế quốc dân mở ngành Quản trị kinh doanh và liên kết với Trường Đại học Nông nghiệp I Hà Nội mở ngành đào tạo đại học Bảo vệ thực vật.

Trong thời gian này Ban Kinh tế- Nông lâm hoạt động ở cơ sở cũ của Nhà trường (thị trấn Thuận Châu, tỉnh Sơn La) còn rất nhiều khó khăn: đội ngũ cán bộ giảng viên còn hạn chế về số lượng, trình độ và kinh nghiệm; cơ sở vật chất phục vụ đào tạo tại cơ sở Thuận Châu còn nghèo nàn với các phòng học cấp 4 xây dựng từ những năm 1960 đã xuống cấp; cơ sở thực hành thực tập còn thiếu thốn vv... Ban đã tham mưu với Nhà trường mời những giảng viên có nhiều kinh nghiệm từ các trường đại học có bề dày kinh nghiệm như: Trường ĐH Nông nghiệp I Hà nội, Trường ĐH Lâm nghiệp Việt Nam, Trường ĐH Kinh tế quốc dân lên thỉnh giảng; đã tận dụng khu vườn trường nhỏ bé làm nơi thực hành; đã liên kết với các đơn vị tại địa phương đưa sinh viên đi thực tập. Với tinh thần đoàn kết, bằng sự nhiệt huyết, thầy và trò Ban Kinh tế Nông-lâm đã hoàn thành xuất sắc sứ mệnh của mình, đặt nền móng đầu tiên cho sự phát triển của Khoa Nông lâm và Khoa Kinh tế sau này.

Giai đoạn đầu thành lập Khoa (từ 2006 – 2013)

Ngày 9 tháng 1 năm 2006, Khoa Nông lâm - Kinh tế được thành lập. Các đơn vị thuộc Khoa gồm 3 bộ môn (Nông nghiệp, Lâm nghiệp, Kinh tế) và 01 Tổ Văn phòng. Nhiệm vụ của Khoa là thay mặt Nhà trường quản lý các hoạt động đào tạo tại cơ sở Thuận Châu sau khi Nhà trường chuyển về cơ sở mới tại TP. Sơn La. Năm 2008, bộ phận hành chính bảo vệ tại cơ sở Thuận Châu được Khoa thống nhất quản lý. Ngày 14 tháng 8 năm 2008, Bộ môn Kinh tế tách khỏi Khoa Nông lâm-Kinh tế theo Quyết Định số 415/QĐ-ĐHTB-TCCB của Hiệu Trưởng. Khoa Nông lâm-Kinh tế đổi tên thành Khoa Nông - Lâm. Để thuận lợi cho công tác giảng dạy các học phần cơ bản tại cơ sở Thuận

Châu, Bộ môn Sinh học ứng dụng được thành lập theo Quyết định số 734/QĐ-ĐHTB-TCCB của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Bắc ngày 3 tháng 12 năm 2010.

Giai đoạn này Khoa Nông- Lâm tập trung xây dựng và phát triển đội ngũ đồng thời mở rộng các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế. Khoa đã đề xuất tuyển dụng nhiều cán bộ, giảng viên có trình độ và năng lực chuyên môn; đã liên kết với Trường Đại học Nông nghiệp I Hà Nội, Trường Đại học Lâm nghiệp Việt Nam mở lớp Thạc sĩ tại Cơ sở Thuận Châu để đào tạo đội ngũ tại chỗ cho Khoa; đã liên kết với các tổ chức, các đơn vị, các trung tâm, các khu bảo tồn thiên nhiên để gửi sinh viên thực tập; tiếp tục mời những giảng viên có nhiều kinh nghiệm từ các trường đại học, các viện nghiên cứu có uy tín lên thỉnh giảng. Đặc biệt, Khoa đã mở rộng hợp tác với các đối tác trong nước và quốc tế, tranh thủ nguồn lực, nâng cao chất lượng đội ngũ phục vụ đào tạo, nghiên cứu. Trong giai đoạn này, cán bộ, giảng viên và sinh viên trong Khoa đã thực hiện nhiều đề tài NCKH cấp tỉnh, cấp bộ và cấp cơ sở; đã thực hiện dự án về nâng cao năng lực cho cán bộ, giảng viên do tổ chức JICA tài trợ; đã thực hiện 4 tiểu dự án do ngân hàng thế giới tài trợ vv... Chính vì vậy, năng lực hoạt động của đội ngũ cán bộ, giảng viên và sinh viên ngày càng được nâng lên rõ rệt.

Giai đoạn từ 2013 - 2024

Ngày 02/02/2013 Khoa Nông- Lâm đã di chuyển từ cơ sở Thuận Châu về cơ sở TP Sơn La. Từ thời điểm này, cán bộ, giảng viên và sinh viên có điều kiện học tập trong môi trường tốt hơn với các phòng học khang trang, các phòng thí nghiệm hiện đại. Ngày 18/ 9/2013, Bộ môn Nông nghiệp được phân chia thành 2 bộ môn Nông học và Chăn nuôi-Thú y; Bộ môn Lâm nghiệp được phân chia thành 2 bộ môn Lâm học và Quản lý tài nguyên và Môi trường. Năm 2019, do tình hình hình thực tiễn của Nhà trường, Bộ môn Sinh học ứng dụng giải thể và chuyển về khoa Khoa học tự nhiên và công nghệ quản lý. Năm 2020, Bộ môn Lâm học đổi tên thành Bộ môn Lâm nghiệp. Đến nay, tổ chức của Khoa gồm Văn phòng Khoa và 4 bộ môn (Nông học, Chăn nuôi, Quản lý tài nguyên và môi trường, Lâm nghiệp). Hiện tại, Khoa đang đào tạo 6 ngành trình độ đại học là Nông học, Lâm sinh, Quản lý Tài nguyên và Môi trường, Quản lý Tài nguyên rừng, Bảo vệ thực vật, Chăn nuôi.

Trong giai đoạn này, Khoa Nông-Lâm tiếp tục tập trung vào công tác Phát triển đội ngũ, Đào tạo, NCKH và CGCN, Hợp tác quốc tế, Kết nối và phục vụ cộng đồng:

- Về công tác phát triển đội ngũ: Khoa đã cử nhiều cán bộ, giảng viên có năng lực đi nghiên cứu sinh ở trong và ngoài nước; khuyến khích cán bộ, giảng viên tham dự các khóa đào tạo tập huấn trong nước và quốc tế; cử nhiều cán bộ, giảng viên tham gia các khóa đào tạo ngoại ngữ văn bằng 2 và đào tạo trực tuyến.

- Về công tác đào tạo: Trú trọng nâng cao chất lượng; phát triển chương trình đào tạo theo hướng ứng dụng; đổi mới phương pháp giảng dạy, gắn đào tạo với thực tiễn sản xuất. Tăng cường phối hợp với các tổ chức, các doanh nghiệp để gửi sinh viên đi thực tập, tiếp cận với thực tiễn vv...

- Về công tác NCKH và CGCN: Khoa đã định hướng nghiên cứu phù hợp với yêu cầu ngành nghề và khích lệ giảng viên và sinh viên NCKH; nhiều đề tài, dự án Khoa thực hiện gắn với phát triển kinh tế, xã hội của địa phương và gắn với giảng dạy; kết quả của nhiều đề tài, dự án khoa học đã được chuyển giao, có sức lan tỏa tại cộng đồng địa phương; có nhiều đề tài của giảng viên và sinh viên đạt giải cao trong các hội thi NCKH quốc gia và của địa phương.

- Công tác hợp tác quốc tế: Tiếp tục phối hợp của tổ chức IfPat hình thành dự án phát triển du lịch cộng đồng tại tỉnh Sơn La. Tham gia tích cực vào dự án Au4-Skill do chính phủ Úc tài trợ về nâng cao năng lực đào tạo, quản lý hiệu suất công việc, đảm bảo chất lượng và cải tiến phương pháp giảng dạy vv...

- Công tác kết nối và phục vụ cộng đồng: Tăng cường công tác hỗ trợ sinh viên trong học tập và nghiên cứu; mở rộng hợp tác với các doanh nghiệp, các tổ chức trong đào tạo, nghiên cứu khoa học, việc làm vv...

Những thành tựu nổi bật của Khoa Nông-Lâm

Trong quá trình phát triển từ khi mới thành lập đến nay, Khoa Nông - Lâm không ngừng phát triển về mọi mặt, cụ thể:

- Về đội ngũ: Khi thành lập, Khoa có 4 cán bộ, giảng viên với 1 thạc sĩ và 3 kỹ sư, cử nhân. Đến nay Khoa có 42 cán bộ, giảng viên với 11 tiến sĩ và 31 thạc sĩ (6 NCS)

- Về đào tạo: Khoa đang quản lý 6 ngành đào tạo đại học là Nông học, Lâm sinh, Quản lý Tài nguyên Môi trường, Quản lý Tài nguyên rừng, Bảo vệ Thực vật và Chăn nuôi. Khoa đã đào tạo được 14 khóa ra trường với hơn 3700 sinh viên. Hầu hết các sinh viên ra trường có việc làm và công tác tại khắp mọi miền của Tổ quốc.

- Về Nghiên cứu Khoa học: Từ năm 2003-2024, Khoa Nông lâm đã thực hiện thành công 18 đề tài, dự án KH&CN cấp tỉnh; 25 đề tài, dự án cấp Bộ; 2 đề tài nhánh cấp Nhà nước về lĩnh vực NN&PTNT; thực hiện 65 đề tài cấp cơ sở; 6 tiểu dự án do World Bank và các tổ chức khác tài trợ.

- Về Hợp tác quốc tế: Khoa đã thực hiện thành công dự án “*nâng cao năng lực cho cán bộ giảng viên của trường Đại học Tây Bắc*” và dự án “*Hỗ trợ cải thiện thu nhập của người nông dân thông qua tái thiết nông nghiệp tổng hợp khu vực đồi núi*” do JICA tài trợ; hợp tác với Trường Đại học Southern Cross, Đại học công nghệ Queensland (Australia), Ngân hàng thế giới (WB), Trung tâm Nông Lâm thế giới (ICRAF), Trung tâm nghiên cứu nông nghiệp quốc tế Australia (ACIAR), Đại sứ quán Australia, Công ty FORD Việt Nam, Quỹ Uninever Việt Nam, Tổ chức dịch vụ và phát triển Đức thực hiện các dự án liên quan đến phát triển nguồn lực con người, phát triển nông, lâm nghiệp và môi trường.

- Về Hợp tác với các tổ chức trong nước: Khoa đã phối hợp với Trường Đại học; Khoa học tự nhiên - Đại học Quốc gia Hà Nội thực hiện thành công 01 dự án thuộc chương trình Tây Bắc; phối hợp với Viện NC Rau quả trung ương thực hiện thành công 01 đề tài cấp Nhà nước; phối hợp với Liên hiệp Hội KHKT tỉnh Sơn La tổ chức thành công các buổi chuyển giao kỹ thuật; phối hợp với Công ty Oleco đưa nhiều sinh viên đi thực tập sinh tại Israel; phối hợp với các công ty Chăn nuôi Dheus, ANT, Hải nguyên; các HTX, các khu bảo tồn rừng, các doanh nghiệp khác đưa sinh viên đi thực tập và giới thiệu việc làm.

2.3. Giới thiệu về ngành Nông học

Ngành Nông học có mã số ngành đào tạo là 7620109, đào tạo trình độ đại học trong thời gian 4 năm. Sau khi tốt nghiệp người học được cấp bằng Kỹ Nông học, có thể làm việc tại các cơ quan, tổ chức có hoạt động liên quan đến giảng dạy, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ, sản xuất kinh doanh và dịch vụ về nông nghiệp; các cơ quan quản lý nhà nước về nông nghiệp, chủ trang trại, doanh nghiệp nông nghiệp, tổ chức quốc tế, phi chính phủ hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn.

Mục tiêu đào tạo của ngành Đào tạo, cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng cao trong lĩnh vực trồng trọt, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động, hướng tới phát triển ngành sản xuất cây trồng tiên tiến, an toàn và bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu.

Quy trình đào tạo của ngành Nông học được tổ chức theo hệ thống tín chỉ và thực hiện theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT, ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ và Thông tư số 57/2012/TT-BGD&ĐT, ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT. Ngành Nông học tuyển sinh hệ đại học trên phạm vi cả nước và các tỉnh Bắc Lào. Hiện nay, ngành Nông học đã tuyển sinh được 20 khóa sinh viên, trong đó 16 khóa sinh viên đã tốt nghiệp ra trường, cung cấp hàng nghìn nhân lực chất lượng cao, đã và đang góp phần tích cực vào công cuộc phát triển ngành nông nghiệp tại vùng Tây Bắc và cả nước.

PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ

Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mở đầu:

Ngành Nông học là ngành đào tạo thuộc khoa Nông Lâm của Trường Đại học Tây Bắc. Trải qua hơn 20 năm đào tạo (từ 2003 đến nay) chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra của ngành Nông học thường xuyên được rà soát, cập nhật, bổ sung định kỳ cho phù hợp với yêu cầu ngành nghề của từng giai đoạn trên cơ sở tiếp thu các ý kiến đóng góp của các nhà khoa học, đơn vị sử dụng lao động, cán bộ quản lý, giảng viên giảng dạy, cựu người học và người đang học.

Mục tiêu của CTĐT ngành Nông học được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của nhà trường, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật Giáo dục đại học. CDR của CTĐT ngành Nông học được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT. CDR của CTĐT ngành Nông học nêu cụ thể kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm đối với người học tốt nghiệp và triển vọng việc làm trong tương lai. CDR của CTĐT ngành Nông học phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.

Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của CSGD đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học

1. Mô tả hiện trạng

Ngành đào tạo Đại học Nông học của Trường Đại học Tây Bắc được Bộ Giáo dục và đào tạo cho phép tuyển sinh và đào tạo từ năm 2003. Trong quá trình đào tạo, Nhà trường đã tiến hành nhiều đợt cập nhật và chỉnh sửa và ban hành mới chương trình đào tạo ngành nông học cho phù hợp với điều kiện thực tế vùng miền, cụ thể vào các năm 2018, 2020, 2022, 2024 [H1.01.01.6]. Trong CTĐT ngành Nông học được ban hành năm 2022 và sửa đổi năm 2024, mục tiêu của CTĐT được xác định và công bố một cách rõ ràng [H1.01.01.06]. Trong đó, Mục tiêu CTĐT ngành Nông học được xác định rõ ràng, gồm mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể như sau:

Mục tiêu chung: Đào tạo, cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng cao trong lĩnh vực trồng trọt, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động, hướng tới phát triển ngành sản xuất cây trồng tiên tiến, an toàn và bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu.

Mục tiêu cụ thể (Program Objective: POs): Trường Đại học Tây Bắc đào tạo người học tốt nghiệp trình độ đại học ngành Nông học đạt được những mục tiêu cụ thể sau:

PO 1: Có khả năng áp dụng các kiến thức cơ bản về chính trị, tự nhiên, kinh tế, xã hội và những hiểu biết vững chắc, sâu rộng về kiến thức chuyên môn nghiệp vụ để giải quyết những vấn đề trong lĩnh vực trồng trọt.

PO 2: Vận dụng linh hoạt các kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng mềm trong lập kế hoạch, thực hiện, cải tiến các giải pháp kinh tế, kỹ thuật cho các hệ thống sản xuất cây trồng; Có kỹ năng tuyên truyền, vận động, tập huấn, chuyển giao kỹ thuật trong lĩnh vực trồng trọt cho người dân.

PO 3: Thể hiện được các giá trị đạo đức nghề nghiệp trong công việc, có năng lực tự học, tự nghiên cứu, có tinh thần khởi nghiệp, kết nối và phục vụ cộng đồng, nắm bắt các nhu cầu xã hội và tự tạo việc làm sau tốt nghiệp.

Để đạt được mục tiêu đề ra trong CTĐT, từng mục tiêu cụ thể đã được liên kết chặt chẽ với chuẩn đầu ra của CTĐT và được thể hiện rõ trong Bảng mối liên hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo [H1.01.01.06]. Mối quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và trong ma trận các kỹ năng trong bản mô tả chương trình đào tạo. Mỗi một mục tiêu đã được cụ thể hóa qua một hoặc nhiều CDR và ngược lại, một CDR phản ánh một hay nhiều mục tiêu CTĐT [H1.01.01.06]. Bên cạnh đó, trong mỗi học phần đều có mục tiêu riêng và các mục tiêu của các học phần cũng được xây dựng dựa trên mục tiêu của CTĐT, qua đó, mục tiêu của CTĐT cũng được xác định một cách rõ ràng và cụ thể trong Bản mô tả CTĐT, Ma trận kỹ năng và đề cương chi tiết của các học phần [H1.01.01.06].

Trong quá trình rà soát, điều chỉnh CTĐT ngành Nông học, Khoa Nông Lâm luôn chú trọng đến sự phù hợp giữa mục tiêu CTĐT với sứ mạng và tầm nhìn của trường trường Đại học Tây Bắc. Qua ba lần chỉnh sửa chương trình đào tạo vào các năm 2013, 2018 và 2022, mục tiêu của CTĐT ngành nông học đã được điều chỉnh phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường ban hành theo Nghị Quyết số 39/NQ-HĐTĐHTB, ngày 02 tháng 8 năm 2022 [H1.01.01.08], và Kế hoạch chiến lược phát triển trường ĐHTB giai đoạn 2018-2023, tầm nhìn đến 2030 [H1.01.01.09]. Theo đó, sứ mạng của Nhà trường là: Đào tạo nguồn nhân lực, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, thực hiện các dịch vụ phục vụ phát triển bền vững kinh tế - xã hội, hội nhập quốc tế của khu vực Tây Bắc và đất nước. Tầm nhìn của Nhà trường là: Trường Đại học Tây Bắc là trường đại học đa ngành, phát triển theo định hướng ứng dụng có uy tín, chất lượng cao; đạt tiêu chuẩn chất lượng của Mạng lưới các trường đại học Đông Nam Á vào năm 2030, đạt tiêu chuẩn chất lượng tiên tiến quốc tế vào năm 2045 [H1.01.01.06]. Như vậy mục tiêu của CTĐT ngành Nông học đã phù hợp với sứ mạng của Nhà trường là: Đào tạo nguồn nhân lực, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa phục vụ phát triển bền vững kinh tế - xã hội, hội nhập quốc tế của khu vực Tây Bắc.

Để xây dựng được mục tiêu CTĐT trên, Nhà trường và Khoa Nông Lâm đã nghiên cứu Luật giáo dục Đại học năm 2012 [H1.01.01.01], Luật giáo dục năm 2019 [H1.01.01.03] và Luật giáo dục đại học sửa đổi năm 2018 [H1.01.01.02]. Theo đó, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật GDĐH được ban hành nêu rõ mục tiêu đào tạo đại học là: “Đào tạo nhân lực, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài; nghiên cứu khoa học, công nghệ và tạo ra tri thức, sản phẩm mới, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội, quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế”. Đồng thời, “đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và phát triển ứng dụng khoa học công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo; có sức khỏe; có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp thích nghi với môi trường làm việc; có ý thức phục vụ nhân dân” [H1.01.01.02]. Như vậy mục tiêu CTĐT ngành Nông học phù hợp với mục tiêu đào tạo đại học được ban hành trong Luật giáo dục đại học sửa đổi năm 2018.

Trong quá trình xây dựng CTĐT, Nhà trường và Khoa Nông Lâm đã tiến hành khảo sát, phỏng vấn, thu thập ý kiến của các bên liên quan về CTĐT, số lượng cũng như yêu cầu về thị trường lao động đối với một kỹ sư Nông học thông qua phiếu khảo sát được thiết kế sẵn [H1.01.01.5] và tổ chức hội thảo lấy ý kiến trực tiếp. Từ Báo cáo

tổng hợp khảo sát và Biên bản họp lấy ý kiến của các bên liên quan về CTĐT [H1.01.01.7], Khoa Nông lâm đã tiến hành điều chỉnh mục tiêu CTĐT phù hợp với nhu cầu thị trường lao động cũng như yêu cầu về chất lượng của nguồn nhân lực ngành Nông học. Cụ thể là đã bổ sung tăng cường các học phần có tính chất phù hợp với đặc điểm tình hình khu vực Tây Bắc, tăng cường thời lượng cho các học phần thực tập nghề nghiệp, thực tập thực tế, tăng cường các học phần ứng dụng công nghệ thông tin... cho chương trình đào tạo.

Sau khi CTĐT được ban hành năm, CTĐT ngành Nông học đã được Khoa và Nhà trường công bố rộng rãi trên trang website của Khoa và của Nhà trường để người học và xã hội cùng được biết [H1.01.01.11], tạo động lực cho sinh viên phấn đấu học tập và cũng là để khẳng định chất lượng người học với xã hội.

2. Điểm mạnh

Mục tiêu CTĐT ngành Nông học của Khoa Nông Lâm được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường, đáp ứng được cơ bản các nhu cầu của xã hội và phù hợp với điều 5 - Mục tiêu của Giáo dục đại học ban hành trong Luật giáo dục đại học sửa đổi năm 2018. Nhà trường và Khoa đã công bố rộng rãi mục tiêu CTĐT cho cán bộ, nhân viên, sinh viên và xã hội cùng được biết để phấn đấu hoàn thành mục tiêu đào tạo.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến nhận xét về nhu cầu nguồn nhân lực, mục tiêu của CTĐT của cựu người học và nhà tuyển dụng nhằm bổ sung, hoàn chỉnh mục tiêu CTĐT đạt hiệu quả chưa cao do số lượng khảo sát chưa lớn và chưa thực hiện được một cách rộng rãi trên nhiều đối tượng, nhiều vùng, miền khác nhau.

4. Kế hoạch hành động

Định kỳ 2 năm 1 lần, Khoa Nông Lâm nghiệp chủ động rà soát, hiệu chỉnh và cập nhật CTĐT theo các nội dung mới phù hợp với sự phát triển của ngành nghề trên cơ sở tham khảo các chương trình tiên tiến trong nước và khu vực.

Hàng năm, Khoa Nông Lâm nghiệp tiếp tục lấy ý kiến phản hồi của cựu người học đã tốt nghiệp và các nhà tuyển dụng về các nội dung cụ thể của mục tiêu CTĐT để điều chỉnh cho phù hợp với yêu cầu phát triển trong từng giai đoạn.

5. Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 1.2. CDR của CTĐT được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà NH cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT

1. Mô tả hiện trạng

Chuẩn đầu ra của CTĐT là yêu cầu tối thiểu về kiến thức và kỹ năng, thái độ, trách nhiệm nghề nghiệp mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, được cơ sở đào tạo cam kết với người học và xã hội, và được công bố công khai cùng với các điều kiện đảm bảo thực hiện. Chuẩn đầu ra được thường xuyên rà soát, điều chỉnh, bổ sung và hoàn thiện nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo, khẳng định cam kết của đơn vị đào tạo với xã hội và với đơn vị sử dụng lao động.

Chuẩn đầu ra Ngành Nông học của trường Đại học Tây Bắc cũng được tiến hành xây dựng và thường xuyên rà soát chỉnh sửa vào các năm 2013, 2018, 2022 và 2024 và đã được ban hành riêng hoặc cùng với Chương trình đào tạo. Trong các lần chỉnh sửa

CĐR, Nhà trường và Khoa Nông Lâm đều tiến hành khảo sát và lấy ý kiến của các bên liên quan được thể hiện tại các báo cáo khảo sát và Biên bản Hội thảo Lấy ý kiến các bên liên quan về nội dung ra chỉnh sửa chuẩn đầu ra ngành Nông học [H1.01.01.07],. Từ đó Khoa Nông Lâm điều chỉnh chuẩn đầu ra ngành Nông học sao cho có thể đáp ứng tốt nhất yêu cầu của các bên liên quan. Sau khi tiến hành rà soát và chỉnh sửa, CĐR của CTĐT ngành Nông học đã được ban hành riêng hoặc cùng với việc ban hành các Chương trình đào tạo [H1.01.02.02], [H1.01.02.03], [H1.01.02.04].

Qua 3 lần điều chỉnh, đến nay, CĐR của CTĐT ngành Nông học đã được xác định rõ ràng rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà NH cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT, cụ thể như sau:

Người học khi tốt nghiệp chương trình đào tạo ngành Kỹ sư Nông học của Trường Đại học Tây Bắc có khả năng:

PLO 1: Vận dụng được những kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, xã hội nhân văn, chính trị, pháp luật Việt Nam trong hoạt động nghề nghiệp và cuộc sống.

PLO 2: Xác định được các yếu tố tác động đến quá trình sinh trưởng và phát triển của cây trồng.

PLO 3: Đánh giá và thực hiện được các kỹ thuật sản xuất cây trồng, quản lý dịch hại tổng hợp trên cây trồng.

PLO 4: Thực hiện được các hoạt động sau thu hoạch và tiêu thụ sản phẩm cây trồng.

PLO 5: Tổng hợp, phân tích và đề xuất được các giải pháp để giải quyết những vấn đề liên quan đến sản xuất cây trồng.

PLO 6: Thực hiện được kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, làm việc nhóm và làm việc với cộng đồng

PLO 7: Ứng dụng được công nghệ thông tin, ngoại ngữ trong nghiên cứu và thực hiện công việc.

PLO 8: Có năng lực đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp trong công việc chuyên môn, có năng lực tự học tập và nghiên cứu.

PLO 9: Có hành vi ứng xử phù hợp với phẩm chất đạo đức nghề nghiệp.

Với chuẩn đầu ra như trên, người học sau khi tốt nghiệp có thể đảm bảo được các yêu cầu chung về những kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, xã hội nhân văn, chính trị, pháp luật Việt Nam trong hoạt động nghề nghiệp và cuộc sống. Và những yêu cầu chuyên biệt riêng cụ thể cần có về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm đối với người học tốt nghiệp ngành Nông học và triển vọng việc làm trong tương lai của kỹ sư Nông học.

Mỗi chuẩn đầu ra có liên hệ chặt chẽ với từng mục tiêu cụ thể của CTĐT, và được thể hiện trong Ma trận quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được ban hành cùng CTĐT ngành Nông học [H1.01.02.06]. Bên cạnh đó, từng chuẩn đầu ra của ngành Nông học cũng được cụ thể hóa và liên quan chặt chẽ đến chuẩn đầu ra của Đề cương chi tiết cho từng học phần. Theo đó chuẩn đầu ra của mỗi học phần đều có sự đóng góp, hỗ trợ để người học đạt được chuẩn đầu ra cụ thể của CTĐT, điều này được mô tả cụ thể trong mục Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và chuẩn

đầu ra chương trình đào tạo (PLOs) được xây dựng trong Đề cương chi tiết các học phần [H1.01.01.06].

Trong quá trình xây dựng chuẩn đầu ra CTĐT ngành Nông học, Khoa Nông Lâm đã tham khảo khung trình độ Quốc gia Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg, ngày 18 tháng 10 năm 2016 [H1.01.02.01]. Từ đó, chuẩn đầu ra của CTĐT ngành Nông học được điều chỉnh phù hợp với khung trình độ Quốc gia, được thể hiện tại Ma trận đối sánh chuẩn đầu ra CTĐT với khung trình độ quốc gia Việt Nam trong CTĐT ngành Nông học ban hành năm 2022, 2025 của Hiệu trưởng trường Đại học Tây Bắc [H1.01.01.06]. CĐR của CTĐT ngành Nông học đã được Khoa và Nhà trường công bố rộng rãi trên trang website của Khoa và của Nhà trường để người học và xã hội cùng được biết [H1.01.01.11].

2. Điểm mạnh

Chuẩn đầu ra CTĐT của ngành Nông học được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà NH cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT. CĐR đã nêu cụ thể kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm đối với người học tốt nghiệp đại học ngành Nông học và triển vọng việc làm trong tương lai.

3. Điểm tồn tại

Số lượng nhà tuyển dụng và các bên liên quan trả lời ý kiến phản hồi về CĐR của CTĐT ngành Nông học chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

Định kỳ 2 năm 1 lần, Khoa Nông Lâm tiến hành đánh giá mức độ đạt được CĐR của các SV ra trường công tác, từ đó có giải pháp nhằm cập nhật, cải tiến CĐR của CTĐT để nâng cao chất lượng đào tạo của SV ngành Nông học. Hằng năm, Khoa Nông Lâm nghiệp kết hợp với Phòng Quản lý chất lượng tiếp tục lấy ý kiến của nhà tuyển dụng và các bên liên quan về CĐR của CTĐT

5. Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 1.3. CĐR của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai

1. Mô tả hiện trạng

Trong quá trình đào tạo, để góp phần nâng cao chất lượng đào tạo nhằm xây dựng CĐR phù hợp với nhu cầu thực tế của xã hội. Khoa Nông - Lâm đã kết hợp với các phòng ban liên quan của Nhà trường tiến hành cập nhật, định kỳ rà soát chỉnh sửa theo các quy trình được trường ĐHTB ban hành [H1.01.03.03] và được cập nhật các bước đầy đủ trong việc lập kế hoạch và tổng kết công tác bảo đảm chất lượng hàng năm [H1.01.03.10]. Trong các lần chỉnh sửa, Nhà trường cũng ra các quyết định, xây dựng các kế hoạch cũng như phân công các đơn vị rà soát chỉnh sửa CĐR một cách bài bản [H1.01.03.05], [H1.01.03.06], [H1.01.03.07], [H1.01.03.08]. Trong quá trình thực hiện, Nhà trường đều tiến hành khảo sát, lấy thông tin của các bên liên quan như cựu người học, các nhà khoa học, các chuyên gia đầu ngành và các nhà tuyển dụng lao động về CĐR cũng như CTĐT [H1.01.01.07], khảo sát nhu cầu của thị trường lao động liên quan đến chương trình đào tạo [H1.01.01.12]. Trên sở sở số liệu thu thập được, Hội đồng Khoa học của Khoa Nông - Lâm tiến hành phân tích, tổng hợp thành Biên bản kết quả khảo sát để làm căn cứ xây dựng CĐR của CTĐT [H1.01.01.7].

Mỗi lần xây dựng hay điều chỉnh CĐR đều tiến hành tham vấn, lấy ý kiến của các bên liên quan. Các mẫu phiếu khảo sát các bên liên quan được xây dựng cho từng đối tượng cụ thể như sau:

Đối với nhà tuyển dụng, nội dung khảo sát là sự tham vấn về các yêu cầu cụ thể và mức độ cần thiết về các kiến thức, kỹ năng tương ứng với mỗi một vị trí công việc mà nhà tuyển dụng đang có nhu cầu tuyển dụng [H1.01.01.05].

Đối với giảng viên và nhà khoa học, nội dung khảo sát là sự tham vấn về mức độ cần thiết đối với một chuẩn đầu ra về kiến thức và kỹ năng của người học sau khi tốt nghiệp cần đạt được. [H1.01.01.05].

Đối với cựu người học, nội dung khảo sát là sự tham vấn về các yêu cầu cụ thể và mức độ cần thiết của từng đơn vị kiến thức, từng kỹ năng để hoàn thành tốt được vị trí công tác mà cựu người học đang đảm nhiệm [H1.01.01.05].

Trong phiếu khảo sát, ngoài các đơn vị kiến thức và kỹ năng đã được soạn sẵn, người được khảo sát đều có thể trình bày những đơn vị kiến thức và kỹ năng khác cũng như các yêu cầu khác mà người được khảo sát thấy cần thiết của một kỹ sư tốt nghiệp ngành Lâm sinh cần phải đạt được.

Kết quả thu được từ các phiếu khảo sát về CĐR và CTĐT của nhà tuyển dụng, của cựu người học và của cán bộ giảng viên, nhà khoa học [đã được Hội đồng khoa học Khoa họp để tổng hợp, phân tích, đánh giá bằng Biên bản [H1.01.01.07]. Bên cạnh đó, để CĐR phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, Khoa Nông - Lâm cũng đã tiến hành tổ chức Hội thảo Lấy ý kiến của các bên liên quan về CĐR của CTĐT ngành Nông học [H1.01.01.07].

Trong những lần điều chỉnh CĐR ngành Nông học, Nhà trường đều đã ban hành kế hoạch và quy định chi tiết về tiến trình rà soát, chỉnh sửa CĐR và CTĐT, cụ thể, năm 2018 Nhà trường Ban hành Quyết định 516/QĐ-ĐHTB-ĐTĐH, ngày 02 tháng 7 năm 2018 về Quy định xây dựng, rà soát, điều chỉnh, bổ sung CĐR đào tạo trình độ đại học [H1.01.03.03]. Năm 2022 ban hành Quyết định số 180/QĐ-ĐHTB, ngày 10 tháng 3 năm 2022 về việc Thành lập Ban chỉ đạo và các tiểu ban rà soát, chỉnh sửa Chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo trình độ đạo học, cao đẳng [H1.01.03.06]; Kế hoạch 235/KH-ĐHTB, ngày 15 tháng 3 năm 2022 về Rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo trình độ đại học, cao đẳng [H1.01.03.05]; Ngày 20 tháng 3 năm 2022, Khoa Nông – Lâm lập Biên bản phân công giảng viên rà soát, chỉnh sửa chương trình đào tạo, trong đó phân công cụ thể các nhóm tiến hành các hoạt động rà soát chỉnh sửa CĐT ngành Nông học và các ngành khác [H1.01.03.07] . Trong các quy định và kế hoạch trên, việc tham vấn ý kiến của các bên liên quan được đặc biệt chú trọng. Trong lần điều chỉnh của năm 2022, kết quả từ việc tham vấn ý kiến của các bên liên quan trong năm 2022 cho thấy, mong muốn của các nhà tuyển dụng và các chuyên gia là sinh viên sau khi tốt nghiệp bên cạnh việc hiểu yêu cầu về kiến thức cơ sở, kiến thức chuyên môn thì hầu hết các chuyên gia, nhà tuyển dụng quan tâm yêu cầu phải biết vận dụng được vào trong thực tiễn. Ngoài ra sau khi tốt nghiệp, người học cần kỹ năng cần thiết về thực hành nghề, kỹ năng viết báo cáo, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm [H1.01.01.07]. Đây là những thông tin quan trọng để xây dựng CĐR của ngành Nông học năm 2022. Theo đó CĐR ngành Nông học năm 2022 và đã có một số nhiều thay đổi, bổ sung so với CĐR ban hành các năm 2014 và 2018, cụ thể như sau:

- Về kiến thức: CĐR năm 2022 ngoài yêu cầu về “hiểu” và “nắm được” còn yêu cầu có khả năng “vận dụng được” các kiến thức cơ bản vào lĩnh vực Trồng trọt;

- Về kỹ năng: CĐR năm 2022 cũng đã đưa vào đầy đủ các loại kỹ năng bao gồm kỹ năng thực hành, kỹ năng viết báo cáo, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm như theo những yêu cầu của các bên liên quan cho ý kiến.

Những điểm mới trong CĐR ngành Nông học ban hành năm 2022 đã phản ánh yêu cầu của các bên liên quan đặc biệt là của nhà tuyển dụng [H1.01.01.07]. Những thay đổi này là sự hội tụ cơ bản của một kỹ sư có khả năng thích ứng và phát triển trong một xã hội năng động, có khả năng phát triển sự nghiệp không chỉ trong lĩnh vực chuyên môn mà còn trong cả các lĩnh vực khác theo đà phát triển của xã hội.

CĐR của CTĐT ngành Nông học từ khi ban hành vào năm 2014 đến nay, sau mỗi lần sửa đổi bổ sung đều được công bố công khai trên trang thông tin của Nhà trường và trên website của Khoa Nông - Lâm [H1.01.01.11]. Ngoài ra, CĐR còn được giới thiệu trong các tuần sinh hoạt công dân cho tân sinh viên khóa mới và trong công tác quảng bá tuyển sinh [H1.01.03.09] của Khoa theo kế hoạch của Nhà trường hàng năm và trong các hội thảo về giảng dạy và nghiên cứu khoa học do Khoa tổ chức.

Như vậy CĐR của CTĐT ngành Nông học đã được xây dựng, bổ sung dựa trên việc lấy kiến của các bên liên quan và được định kỳ rà soát chỉnh sửa, bổ sung. Việc rà soát được tiến hành một cách bài bản theo hướng dẫn của Bộ GDĐT, cũng như được Nhà trường xây dựng Kế hoạch lấy ý kiến phản hồi thường xuyên của người học, giảng viên và các bên liên quan [H1.01.03.05], [H1.01.03.08], [H1.01.01.07]. Đồng thời CĐR được công bố công khai trên các trang thông tin của trường Nhà trường, Khoa, Phòng ban và được giới thiệu trong các hoạt động thường niên khác.

2. Điểm mạnh

CĐR của CTĐT ngành Nông học phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan; có sự tham gia ý kiến của các bên liên quan trong quá trình xây dựng, điều chỉnh và bổ sung. CĐR của CTĐT được định kỳ rà soát, điều chỉnh theo kế hoạch của nhà trường và sau khi được ban hành, CĐR của CTĐT ngành Nông học được công bố công khai cho các chuyên gia, nhà tuyển dụng và sinh viên được biết bằng các hình thức khác nhau.

3. Điểm tồn tại

Việc rà soát, điều chỉnh CĐR của CTĐT đã được thực hiện nhiều lần nhưng chưa được thường xuyên (*ít nhất 2 năm một lần*), và việc lấy ý kiến phản hồi của người học sau tốt nghiệp, giảng viên, các nhà Khoa học là chuyên gia đầu ngành và các nhà tuyển dụng lao động để góp ý cho CĐR chưa được rộng khắp.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2023-2024, bên cạnh kế hoạch rà soát, điều chỉnh CTĐT do Nhà trường ban hành, Khoa Nông - Lâm chủ động thường xuyên thực hiện rà soát, chỉnh sửa CĐR của các CTĐT trong đó có ngành Nông học ít nhất 2 năm một lần. Trong đó việc lấy ý kiến phản hồi của người học sau tốt nghiệp, giảng viên, các nhà Khoa học là chuyên gia đầu ngành và các nhà tuyển dụng lao động để góp ý cho CĐR sẽ được tiến hành rộng rãi với nhiều người tham gia.

5. Tự đánh giá 5,5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 1:

Mục tiêu của CTĐT ngành Nông học được xác định rõ ràng; phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường; phù hợp với mục tiêu của Luật GDĐH. Mục tiêu của CTĐT ngành Nông học đã tiếp thu ý kiến của các bên liên quan trong quá trình rà soát, điều chỉnh và thông báo, phổ biến đến người học bằng nhiều hình thức khác nhau. CĐR của CTĐT ngành Nông học được xác định rõ ràng, cụ thể về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm đối với NH tốt nghiệp. CĐR của CTĐT ngành Nông học được xây dựng, rà soát, cập nhật đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan; có tham khảo các ý kiến phản hồi từ cựu SV, các nhà khoa học, các nhà tuyển dụng cũng như nhu cầu của thị trường lao động. CĐR của CTĐT ngành Nông học được thể hiện trong CTĐT, CTDH, bản mô tả CTĐT và công bố công khai đến các bên liên quan bằng các hình thức khác nhau.

Tuy nhiên, số lượng nhà tuyển dụng trả lời ý kiến phản hồi về CĐR, về CTĐT ngành Nông học còn ít. Bên cạnh đó việc rà soát, điều chỉnh CĐR của CTĐT đã được thực hiện nhiều lần nhưng chưa nhận được nhiều ý kiến của các bên liên quan, đặc biệt là nhà tuyển dụng lao động.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 1:

+ Điểm trung bình tiêu chuẩn: 5,3

+ Số tiêu chí đạt: 3/3

Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo

Mở đầu

Bản mô tả CTĐT ngành Nông học được xây dựng theo chương trình khung do Trường ĐHTB ban hành theo Quyết định số 989/QĐ-ĐHTB-ĐTĐH ngày 12 tháng 9 năm 2022 và kế thừa CTĐT trước đó. Bản mô tả CTĐT đầy đủ thông tin và cập nhật bao gồm: tên cơ sở giáo dục (CSGD); tên gọi của văn bằng; tên CTĐT; thời gian đào tạo; mục tiêu, CĐR của CTĐT; tiêu chí tuyển sinh; cấu trúc CTDH; ma trận kỹ năng (thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt CĐR); đề cương các môn học/học phần; vị trí việc làm; CTĐT đối sánh; thời điểm cập nhật CTĐT.

Đề cương các học phần của CTĐT ngành Nông học đầy đủ thông tin và cập nhật bao gồm: tên GV phụ trách giảng dạy; tên học phần; số tín chỉ; phân bổ thời gian; loại học phần; khối kiến thức; mô tả tóm tắt học phần; mục tiêu, CĐR của học phần; mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs); đánh giá học phần; kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần; các yêu cầu của môn học/học phần; cấu trúc môn học/học phần; phương pháp dạy học; phương thức kiểm tra, đánh giá; tài liệu chính và tài liệu tham khảo.

Bản mô tả CTĐT ngành Nông học được thiết kế rõ ràng, có cấu trúc đảm bảo tính logic, hợp lý, được cập nhật định kỳ và được công bố công khai để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận. Từ đó đảm bảo tính khả thi và người học dễ dàng đạt được CĐR của CTĐT.

Tiêu chí 2.1. Bản mô tả CTĐT đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Mô tả hiện trạng

Bản mô tả CTĐT ngành Nông học ban hành năm 2022 được rà soát, chỉnh sửa dựa trên CTĐT năm 2018 và năm 2021 [H2.02.01.34], [H2.02.01.11], [H2.02.01.22]. Căn cứ vào tài liệu quy định về chuẩn CTĐT các trình độ của GDĐH do Cục QLCL, Bộ

GDĐT ban hành [H1.01.01.04], [H2.02.01.01], [H2.02.01.02], [H2.02.01.03], Trường ĐHTB đã ban hành kế hoạch rà soát, điều chỉnh CĐR và CTĐT trình độ đại học, cao đẳng theo định kỳ 2 năm 1 lần vào các năm 2020, năm 2022 và năm 2024 [H2.02.01.12], [H2.02.01.13], [H2.02.01.14], [H1.01.01.15], [H2.02.01.15]. Để việc xây dựng CĐR và CTĐT được cụ thể, rõ ràng, mang tính cập nhật và đảm bảo tính khả thi, hiệu quả của CTĐT, Trường ĐHTB đã ban hành quy định sửa đổi, điều chỉnh, cập nhật CĐR và CTĐT [H1.01.01.11], [H1.01.01.13] và hướng dẫn hoàn thiện CTĐT sau chỉnh sửa, rà soát [H2.02.01.07]. Đồng thời, nhà trường cũng ban hành công văn giới thiệu và định hướng triển khai bộ tiêu chí đối sánh chất lượng giáo dục đại học UPM, công văn hướng dẫn xây dựng CĐR và CTĐT [H2.02.01.04], [H2.02.01.05]. Để nâng cao chất lượng CTĐT, xây dựng, chỉnh sửa CĐR và CTĐT đảm bảo yêu cầu, đáp ứng kiểm định chất lượng giáo dục, Trường ĐHTB đã ban hành kế hoạch và mời chuyên gia tập huấn cho toàn thể cán bộ giảng viên, giúp giảng viên nắm bắt rõ hơn về CĐR của CTĐT, ma trận kỹ năng, mối quan hệ giữa CĐR của các học phần với CĐR của CTĐT nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng của Bộ GD&ĐT [H2.02.01.06].

Căn cứ vào Quyết định thành lập các tiểu ban thực hiện sửa đổi, cập nhật CĐR và CTĐT ngành Nông học của nhà trường [H2.02.01.08], [H2.02.01.09], [H2.02.01.10], [H1.01.01.16], Khoa Nông-Lâm tổ chức họp Khoa để phổ biến đến toàn thể GV về kế hoạch rà soát, điều chỉnh bản mô tả CTĐT ngành Nông học [H2.02.01.24], phân công nhiệm vụ tiểu ban rà soát, chỉnh sửa CĐR, CTĐT ngành Nông học [H2.02.01.16], [H2.02.01.17], [H1.01.01.18]. Trong quá trình rà soát, chỉnh sửa CĐR, CTĐT ngành Nông học, Khoa Nông Lâm đã tiến hành xin ý kiến góp ý từ các giảng viên giảng dạy CTĐT ngành Nông học, sinh viên theo học ngành Nông học, cựu sinh viên ngành Nông học, các đơn vị sử dụng lao động để làm cơ sở chỉnh sửa, điều chỉnh CĐR và CTĐT cho phù hợp, đáp ứng mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cho xã hội [H1.01.01.19], [H2.02.01.21]. Mặt khác, Khoa Nông-Lâm tiến hành tổ chức các cuộc hội thảo và tiếp thu ý kiến các bên liên quan [H2.02.01.23], [H2.02.01.24], [H2.02.01.26], các tiểu ban rà soát và bộ môn Nông học quản lý chuyên môn cũng thường xuyên họp để thống nhất chỉnh sửa và hoàn thiện CĐR và CTĐT ngành Nông học [H2.02.01.18], [H2.02.01.20].

Bản mô tả CTĐT ngành Nông học được Nhà trường ban hành năm 2018 và năm 2021 bao gồm các nội dung chính: Mục tiêu đào tạo; CĐR về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm; khối lượng kiến thức toàn khóa; quy trình đào tạo; nội dung chương trình; dự kiến kế hoạch đào tạo; đề cương chi tiết các học phần [H2.02.01.11], [H2.02.01.22]. Đến năm 2022, bản mô tả CTĐT ngành Nông học được chỉnh sửa với nhiều thay đổi mang tính cập nhật, cụ thể, chi tiết hơn và CĐR thể hiện được tính đo lường so với bản mô tả CTĐT năm 2018 và năm 2021 [H1.01.01.20], [H1.01.01.21], [H2.02.01.34]. Bản mô tả CTĐT ngành Nông học năm 2022 bao gồm những thông tin chính: Thông tin tổng quát về CTĐT ngành Nông học; Triết lý giáo dục, tầm nhìn, sứ mạng của CSGD; Mục tiêu và CĐR của CTĐT; Cấu trúc và nội dung CTĐT; Quy trình đào tạo và cách thức, công cụ đánh giá; Mô tả học phần; Đề cương chi tiết học phần. Những thay đổi mang tính cập nhật một cách chi tiết, cụ thể trong bản mô tả CTĐT ngành Nông học năm 2022 giúp cho người học và các bên liên quan có cái nhìn toàn diện hơn về CTĐT [H2.02.01.34].

Nếu bản mô tả CTĐT ngành Nông học năm 2018 và năm 2021 mới chỉ đưa ra CĐR về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm thì bản mô CTĐT năm 2022 và năm 2024 đã xây dựng mối liên hệ giữa các học phần để đạt được CĐR của CTĐT rất cụ thể, rõ ràng, chặt chẽ và logic. 57 học phần thiết kế trong CTĐT ngành Nông học

để đạt được 22 chỉ số PIs nằm trong 9 CĐR đã được đưa vào Ma trận quan hệ giữa mục tiêu và CĐR của CTĐT một cách logic nhằm đảm bảo người học sau khi hoàn thành học tập các học phần sẽ đạt được các chỉ số đánh giá trong mỗi CĐR, từ đó đạt được CĐR của CTĐT ngay sau khi tốt nghiệp. CĐR của CTĐT ngành Nông học năm 2022 cũng được đưa vào ma trận đối sánh với CĐR theo khung trình độ quốc gia Việt Nam nhằm đảm bảo người học sau khi kết thúc CTĐT sẽ đạt được CĐR bậc đại học theo quy định của Bộ GD&ĐT. Điều đặc biệt trong CĐR ngành Nông học năm 2022 là quy định cụ thể cho người học về năng lực ngoại ngữ tương đương bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam, chỉ số này giúp người học sau khi tốt nghiệp dễ dàng xâm nhập vào thị trường việc làm trong bối cảnh hội nhập kinh tế. Mặt khác, CTĐT năm 2022 đã bổ sung thêm học phần Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp 2TC, điều này giúp người học thích ứng, nhạy bén, sáng tạo hơn với tư duy khởi nghiệp ngay từ khi còn đang học tập. [H1.01.01.20], [H1.01.01.21], [H2.02.01.34].

Đến năm 2024, bản mô tả CTĐT ngành Nông học tiếp tục được rà soát, cập nhật, chỉnh sửa về CĐR các học phần, ma trận thể hiện mối quan hệ giữa các học phần với các chỉ số PIs của 9 CĐR trong CTĐT, tăng thời lượng thực hành trong mỗi học phần, điều chỉnh lại thứ tự một số học phần tự chọn, điều chỉnh lại kế hoạch đào tạo ở các học kỳ nhằm giảm tải số tín chỉ cho sinh viên năm thứ nhất. Sơ đồ logic được chỉnh sửa cho phù hợp với kế hoạch đào tạo. Cập nhật cách tính điểm học phần, phương pháp và rubric đánh giá theo hướng dẫn của Trường ĐHTB. Chỉnh sửa hình thức ĐCCT học phần. CTĐT chỉnh sửa năm 2024 và ban hành năm 2025 bổ sung một số nội dung liên quan đến chuyển đổi số trong nông nghiệp, nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu. Việc bổ sung thêm học phần mới và các nội dung mới giúp người học sau khi tốt nghiệp dễ dàng đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động và xu hướng phát triển chung của xã hội [H2.02.01.25], [H2.02.01.32], [H2.02.01.35].

Khoa NL đã thực hiện đối sánh Bản mô tả CTĐT ngành Nông học năm 2018 với bản mô tả CTĐT xây dựng trước, bản mô tả CTĐT ngành Nông học chỉnh sửa năm 2024 với Bản mô tả CTĐT ngành Nông học được ban hành năm 2022 cho thấy: qua các lần rà soát, chỉnh sửa, bản mô tả CTĐT ngành Nông học được chỉnh sửa đầy đủ thông tin theo các quy định của Bộ GD&ĐT và được cập nhật nhiều nội dung mới giúp người học đạt được CĐR sau khi tốt nghiệp [H2.02.01.19], [H2.02.01.32]. Thông qua hội đồng thẩm định sau mỗi lần rà soát, chỉnh sửa [H2.02.01.28], [H2.02.01.29], [H2.02.01.30], bản mô tả CTĐT ngành Nông học được nhà trường ra quyết định ban hành sử dụng [H1.01.01.20], [H1.01.01.21], [H2.02.01.33].

2. Điểm mạnh

- Bản mô tả CTĐT được định kỳ rà soát, điều chỉnh và cập nhật 2 năm 1 lần. Bản mô tả CTĐT ngành Nông học xây dựng năm 2018 được rà soát, chỉnh sửa năm 2020; cập nhật, ban hành mới vào năm 2022 và tiếp tục được rà soát, cập nhật năm 2024.

- Bản mô tả CTĐT ngành Nông học được điều chỉnh dựa trên ý kiến phản hồi của các bên liên quan bao gồm: GV, SV, cựu SV, nhà tuyển dụng,...

- Bản mô tả CTĐT ngành Nông học có đầy đủ thông tin cần thiết, điều này giúp giảng viên và sinh viên có định hướng rõ ràng trong quá trình dạy và học, từ đó giúp người học đạt được CĐR trong CTĐT.

3. Điểm tồn tại

- Các chỉ số đánh giá (PIs) người học được thiết kế trong bản mô tả CTĐT năm 2022 và năm 2024 mặc dù được xây dựng một cách logic và chặt chẽ nhưng hiện nay chưa có khóa sinh viên ra trường nên chưa được đánh giá được liệu người học có đạt được các chỉ số PIs trong CĐR của CTĐT ngành Nông học hay không. Vì vậy Khoa Nông-Lâm cần sát sao với hoạt động đánh giá người học để làm cơ sở cho việc chỉnh sửa CĐR ở các lần tiếp theo.

- Bản mô tả CTĐT ngành Nông học được xây dựng chung cho đào tạo sinh viên Việt Nam và Lưu học sinh Lào. Với những kiến thức lý thuyết đặc thù và ngôn ngữ Tiếng Việt nâng cao thì các em Lưu học sinh Lào gặp nhiều khó khăn khi học các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, đặc biệt là các học phần chính trị như học phần Lịch sử đảng cộng sản Việt Nam, học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh,... Do vậy, trong các lần chỉnh sửa tiếp theo Khoa Nông-Lâm cần có đề xuất với nhà trường về việc thiết kế các học phần tự chọn trong CTĐT để các em Lưu học sinh Lào có thể lựa chọn học thay thế một số học phần chính trị. Từ đó giúp các em dễ dàng đạt được CĐR của học phần và CĐR của CTĐT ngành Nông học.

4. Kế hoạch hành động

- Hàng năm, Khoa Nông-Lâm sẽ chủ động thực hiện việc lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan, sát sao với việc đánh giá người học để làm cơ sở rà soát, điều chỉnh Bản mô tả CTĐT ngành Nông học cho phù hợp với nhu cầu thực tiễn về nguồn nhân lực chất lượng.

5. Tự đánh giá tiêu chí : 5/7

Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Mô tả hiện trạng

CTĐT ngành Nông học được xây dựng và ban hành năm 2018 với đề cương chi tiết học phần bao gồm các thông tin về tên học phần, số tín chỉ, điều kiện tiên quyết, phân bổ thời gian, mục tiêu học phần, mô tả tóm tắt học phần, thông tin giảng viên, nhiệm vụ người học, quy định đánh giá người học, điều kiện dự thi kết thúc học phần, thang điểm đánh giá, tài liệu tham khảo, nội dung chi tiết [H1.01.01.12], [H2.02.01.11].

Năm 2021, căn cứ vào tài liệu quy định về chuẩn CTĐT các trình độ của GDĐH do Cục QLCL, Bộ GDĐT ban hành [H2.02.01.03], Trường ĐHTB đã ban hành kế hoạch rà soát, điều chỉnh CĐR và CTĐT trình độ đại học, cao đẳng [H2.02.01.14], kế hoạch lấy ý kiến phản hồi về CTĐT từ GV, SV, Cựu SV, nhà tuyển dụng,... [H1.01.01.23], [H2.02.02.01], [H2.02.02.02], [H2.02.02.03]. Theo đó đề cương các học phần trong CTĐT ngành Nông học được xây dựng, cập nhật đầy đủ thông tin, được Nhà trường ban hành vào năm 2022 và năm 2025 [H1.01.01.21], [H2.02.01.25], [H2.02.01.34].

Đề cương các học phần trong CTĐT ngành Nông học ban hành năm 2022 đã được Khoa Nông-Lâm rà soát, bổ sung, điều chỉnh, cập nhật chi tiết thông tin về mục tiêu học phần, CTCT của mỗi học phần đều thể hiện rõ CĐR của học phần, mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs), các phương pháp và tiêu chí đánh giá người học để đạt được CĐR của học phần [H1.01.01.21], [H2.02.01.34]. Năm 2024, căn cứ theo kế hoạch nhà trường, CTCT các học phần ngành

Nông học tiếp tục được rà soát, chỉnh sửa về CDR, nội dung, phương pháp đánh giá người học [H2.02.01.15], [H2.02.01.35].

Sự thay đổi khác biệt nhất trong CTCT các học phần chỉnh sửa năm 2022 và năm 2024 so với năm 2018 và năm 2020 là:

(1) Chuẩn đầu ra học phần: Đề cương học phần được xây dựng cụ thể, chi tiết từng CDR và mức độ đạt được cũng như đóng góp cho các PIs của CTĐT được thể hiện rõ. Mỗi CDR của học phần được đưa vào mức đóng góp cho các chỉ số đánh giá của CTĐT ở cấp độ I- hỗ trợ đạt được PLO và ở mức bắt đầu, cấp độ R - hỗ trợ đạt PLO và ở mức nâng cao hơn bắt đầu, cấp độ M - hỗ trợ mạnh mẽ người học ở mức thành thạo hay đạt được PLO, cấp độ A - học phần cốt lõi để đo lường đánh giá mức độ đạt được PLO của người học. Việc đưa CDR của học phần thể hiện sự cam kết mạnh mẽ trong việc hỗ trợ người học đạt được CDR của CTĐT. Mặt khác, việc thiết kế CDR của học phần giúp giảng viên xác định rõ học phần mình giảng dạy là học phần cốt lõi hay học phần bổ trợ, giảng viên cần thiết kế nội dung giảng dạy và học tập ra sao để giúp sinh viên đạt được CDR của CTĐT. Đồng thời, nhìn vào CTCT học phần sinh viên sẽ có định hướng trong việc học tập để đạt được CDR của học phần, từ đó đạt được CDR của CTĐT [H2.02.01.32], [H2.02.01.34], [H2.02.01.35].

(2) Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs): Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định cụ thể trong đề cương chi tiết các học phần [H2.02.01.32], [H2.02.01.34], [H2.02.01.35].

(3) Đánh giá học phần: Điểm đánh giá quá trình, đánh giá giữa kỳ, đánh giá cuối kỳ và các hoạt động đánh giá khác đều được quy định chặt chẽ về phương pháp đánh giá, các tiêu chí đánh giá và trọng số điểm. Từ đó cho thấy kết quả học tập của sinh viên được đánh giá trong suốt quá trình học tập [H2.02.01.32], [H2.02.01.34], [H2.02.01.35].

(4) Nội dung giảng dạy học phần: Mỗi nội dung giảng dạy đều được thiết kế phương pháp giảng dạy và phương pháp học tập, các nội dung giảng dạy đều thể hiện mức độ liên quan với các bài đánh giá và CDR của học phần [H2.02.01.32], [H2.02.01.34], [H2.02.01.35].

Như vậy, việc bổ sung CDR vào học phần, mối liên hệ giữa CDR của học phần với CDR của CTĐT, việc cụ thể hình thức đánh giá người học và sự lồng ghép phương pháp giảng dạy-học tập vào từng nội dung học phần cho thấy CTCT ngành Nông học ban hành năm 2022 đã được chỉnh sửa chi tiết, cụ thể, logic và hợp lý hơn so với CTCT ngành Nông học năm 2020 và năm 2018. Năm 2024, CTCT các học phần cơ bản vẫn giữ nguyên về cấu trúc so với năm 2022, chỉ rà soát và chỉnh sửa về CDR học phần, phương pháp đánh giá, cập nhật tài liệu giảng dạy mới, tăng thời lượng thực hành thực tập và cập nhật kiến thức liên quan đến chuyển đổi số trong nông nghiệp vào một số học phần như Thủy Nông, Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp; cập nhật kiến thức nông nghiệp ứng phó với biến đổi khí hậu vào học phần Cây lương thực, Canh tác học [H2.02.01.32], [H2.02.01.35], [H2.02.02.04], [H2.02.02.05].

2. Điểm mạnh

- Nhà trường ban hành đầy đủ hướng dẫn chỉnh sửa, bổ sung CTCT học phần các ngành đào tạo.

- Đề cương tất cả các học phần ngành Nông học có đầy đủ thông tin theo quy định.

- Đề cương các học phần ngành Nông học được định kỳ rà soát, điều chỉnh theo kế hoạch thời gian của nhà trường vào năm 2018, năm 2020, năm 2022 và năm 2024.

- Năm 2022 và năm 2024, 100% đề cương các học phần của CTĐT ngành Nông học được bổ sung CĐR và ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của CTĐT.

3. Điểm tồn tại

- Khoa Nông-Lâm chưa chủ động lập kế hoạch tự rà soát, điều chỉnh CTCT các học phần theo từng định kỳ để đáp ứng nhu cầu của người học về CĐR của CTĐT.

- CĐR của một số học phần trong khối kiến thức giáo dục đại cương còn xây dựng với mức đóng góp hạn chế, chỉ đóng góp cho 1 đến 2 chỉ số đánh giá (PIs) kết quả thực hiện CĐR của CTĐT ngành Nông học. Như vậy, về mặt logic giữa CĐR của học phần với CĐR theo khung trình độ Quốc gia Việt Nam bậc đại học thì các học phần này chưa thể hiện được rõ CĐR về kỹ năng và CĐR về mức tự chủ và trách nhiệm.

4. Kế hoạch hành động

- Nhà trường cần có chỉ đạo về việc xây dựng CTCT các học phần trong khối kiến thức giáo dục đại cương riêng cho từng ngành đào tạo, các Khoa phụ trách quản lý chuyên môn các học phần đại cương và các học phần cơ sở ngành cần rà soát và góp ý cho từng CĐR trong mỗi ĐCCT học phần. Quan trọng nhất là mỗi giảng viên cần nắm bắt được nhu cầu và năng lực của người học để từ đó xây dựng nội dung giảng dạy, xây dựng CĐR học phần bao quát và bám sát được CĐR của CTĐT đáp ứng khung trình độ Quốc gia Việt Nam.

- Hàng năm, bên cạnh kế hoạch rà soát, điều chỉnh CTCT học phần của Nhà trường ban hành, Khoa NL cần chủ động xây dựng kế hoạch và thực hiện việc rà soát đề cương các học phần ngành Nông học.

5. Tự đánh giá tiêu chí: 4/7

Tiêu chí 2.3. Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

1. Mô tả hiện trạng

Bản mô tả CTĐT ngành Nông học được thể hiện trong CTĐT ngành Nông học ban hành năm 2018, chỉnh sửa năm 2020 và Bản mô tả CTĐT ngành Nông học ban hành vào năm 2022 [H2.02.01.11], [H2.02.01.22], [H2.02.01.34] được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau. Bản mô tả CTĐT ngành Nông học được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Trường, Khoa Nông-Lâm [H2.02.03.09]. Hàng năm, nhà trường đều tổ chức gặp gỡ và đối thoại giữa Hiệu trưởng trường ĐHTB với sinh viên nhằm giải đáp, hỗ trợ thông tin cho sinh viên, nhất là sinh viên khóa mới về CTĐT, kế hoạch thời gian, chương trình giảng dạy và học tập các học phần [H2.02.03.01]. Ngoài ra, Khoa Nông-Lâm cũng tiến hành tổ chức Hội nghị đối thoại giữa lãnh đạo Khoa với sinh viên nhằm đảm bảo thông tin hai chiều về kế hoạch đào tạo sinh viên, CTĐT, CTCT các học phần [H2.02.03.02]. Bên cạnh đó, SV được phát Sổ tay sinh viên, Sổ tay học vụ có Bản mô tả CTĐT [H2.02.03.03], [H2.02.03.07]. Chương trình chi tiết các học phần cũng được công bố công khai với người học bằng nhiều hình thức khác nhau thông qua các quy định của nhà trường về công tác cố vấn học tập, quy định hồ sơ giảng dạy của GV và thông qua các buổi sinh hoạt lớp [H2.02.03.04], [H2.02.03.05], [H2.02.03.06].

Hiệu quả từ chương trình quảng bá, tư vấn tuyển sinh hàng năm của Trường ĐHTB, Khoa Nông-Lâm, ngành Nông học cho thấy người học, thí sinh, phụ huynh học sinh, ... dễ dàng và thuận tiện tiếp cận với Bản mô tả CTĐT ngành Nông học [H2.02.03.10], [H2.02.03.11], [H2.02.03.12], [H2.02.03.13]. Việc cập nhật thông tin tóm tắt về CTĐT, mục tiêu đào tạo, CDR của CTĐT, CTĐT ngành Nông học, vị trí việc làm sau tốt nghiệp,...trên các trang thông tin điện tử và mạng xã hội giúp các bên liên quan có thể tiếp cận CTĐT mọi lúc, mọi nơi. Lượng thí sinh biết đến ngành Nông học, đăng ký xét tuyển và nhập học có xu hướng tăng ở K64 ĐHNH và K65 ĐHNH so với K63 ĐHNH cho thấy việc cập nhật Bản mô tả CTĐT trên các trang điện tử nhà trường và Khoa Nông-Lâm là rất cần thiết. 100% thí sinh nhập học ngành Nông học cho biết các em biết đến ngành từ việc theo dõi trang thông tin điện tử nhà trường và Khoa [H2.02.03.13], [H2.02.03.14]. Các ý kiến của SV tại Hội nghị đối thoại giữa BGH nhà trường, Ban chủ nhiệm Khoa NLN với SV hằng năm, hội nghị tư vấn việc làm cho sinh viên và trong các buổi sinh hoạt lớp cũng thể hiện rõ việc SV dễ dàng tiếp cận Bản mô tả CTĐT và CTCT các học phần ngành Nông học [H2.02.03.01], [H2.02.03.02], [H2.02.03.06], [H2.02.03.08].

2. Điểm mạnh

- Bản mô tả CTĐT và CTCT học phần ngành Nông học được công bố công khai đến các bên liên quan bằng nhiều hình thức khác nhau.

- CTCT các học phần ngành Nông học được thông báo đến người học thông qua các buổi hội thảo, sinh hoạt lớp.

- Hiệu quả từ chương trình quảng bá, tư vấn tuyển sinh cho thấy các bên liên quan dễ dàng và thuận tiện tiếp cận Bản mô tả CTĐT ngành Nông học.

3. Điểm tồn tại

- Thông tin về Bản mô tả CTĐT ngành Nông học chỉ được thực hiện cập nhật theo KH của nhà trường, việc cập nhật thông tin trên cổng thông tin đào tạo của Khoa Nông-Lâm theo định kỳ rà soát, chỉnh sửa CTĐT ngành Nông học còn chưa kịp thời.

- Thông tin về Bản mô tả CTĐT ngành Nông học trên các trang thông tin điện tử nhà trường và các trang mạng xã hội do giới hạn về dung lượng nên mới chỉ giới thiệu được dưới dạng tổng quát.

4. Kế hoạch hành động

- Hàng năm, Khoa Nông-Lâm sẽ lập kế hoạch cụ thể theo từng giai đoạn về việc cập nhật thông tin bản mô tả CTĐT trên trang thông tin điện tử của Khoa để người học và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

- Khoa Nông-Lâm cần lập kế hoạch cụ thể và phối hợp với cố vấn học tập để giới thiệu bản mô tả CTĐT ngành Nông học đến người học ngay sau khi nhập học. Từ đó giúp người học hiểu rõ hơn về ngành nghề học tập và xác định mục tiêu rõ ràng trong việc hoàn thành chương trình học một cách tốt nhất.

5. Tự đánh giá tiêu chí: 4/7

Kết luận chung về Tiêu chuẩn 2

Bản mô tả CTĐT ngành Nông học được rà soát, cập nhật, chỉnh sửa định kỳ 2 năm 1 lần theo kế hoạch thời gian của Nhà trường. Đề cương các học phần được xây dựng chi tiết và theo mẫu chung thống nhất trong toàn trường. Dựa trên ý kiến phản hồi của

các bên liên quan (GV, SV, cựu SV, nhà tuyển dụng,...) và việc tham khảo CTĐT ngành Nông học của các trường trọng điểm trong nước, so với năm 2018 và năm 2020 thì bản mô tả CTĐT ngành Nông học năm 2022 và năm 2024 đã được chỉnh sửa về mục tiêu, CĐR cho phù hợp với nhu cầu thực tiễn và yêu cầu chất lượng nguồn nhân lực trong từng giai đoạn. Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết các học phần ngành Nông học được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau, người học và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

Tuy nhiên, Khoa nông-Lâm cần chủ động trong việc rà soát CTCT học phần ngành Nông học theo từng năm học để có sự điều chỉnh cho phù hợp với năng lực người học. Hằng năm, Khoa Nông-Lâm cũng cần kết hợp với phòng đảm bảo chất lượng đào tạo lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về các nội dung cụ thể của mục tiêu và CĐR của CTĐT để điều chỉnh cho phù hợp với yêu cầu phát triển trong từng giai đoạn. Ngoài ra, Khoa Nông-Lâm cũng cần tiến hành đánh giá mức độ đạt được CĐR của SV khi ra trường để từ đó đưa ra các giải pháp chỉnh sửa CĐR của CTĐT cho phù hợp với đòi hỏi chất lượng nguồn nhân lực từ thực tiễn.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 2:

+ Điểm trung bình tiêu chuẩn: 4,3

+ Số tiêu chí đạt: 3/3

Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Mở đầu

CTDH ngành Nông học là một hệ thống các học phần được cấu trúc hợp lý, trình tự logic và tuân thủ theo các văn bản quy định về xây dựng CTĐT của Nhà trường. CTDH được xây dựng bao gồm các học phần khối kiến thức giáo dục đại cương và khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (các học phần cơ sở ngành, các học phần chuyên ngành) nhằm đáp ứng CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm của người học. Mỗi học phần trong CTDH đảm bảo yêu cầu chặt chẽ về hình thức, mục tiêu, chuẩn kiến thức, kỹ năng của CTĐT ngành Nông học trình độ đại học, đáp ứng linh hoạt nhu cầu và yêu cầu nhân lực của thị trường lao động. Phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra đánh giá người học được sử dụng trong mỗi học phần nhằm đảm bảo đạt các CĐR của từng học phần và CĐR chung của CTĐT. Đồng thời, CTDH của ngành Nông học được định kỳ rà soát, điều chỉnh nhằm đảm bảo tính tích hợp và cập nhật nội dung cho phù hợp với bối cảnh thực tiễn của đất nước và hội nhập quốc tế.

Tiêu chí 3.1. CTDH được thiết kế dựa trên CĐR

1. Mô tả hiện trạng

Thiết kế CTDH là một trong các hoạt động quan trọng nhằm ĐBCL đào tạo. Chính vì vậy CTDH ngành Nông học ban hành năm 2018 [H2.02.01.11] đã được Khoa Nông Lâm thực hiện rà soát, điều chỉnh theo kế hoạch của nhà trường vào năm 2020, năm 2022, năm 2024 [H2.02.01.12], [H2.02.01.14], [H1.01.01.15], [H2.02.01.15], được nghiệm thu và ban hành quyết định đưa vào sử dụng [H1.01.01.21], [H2.02.01.25]. Căn cứ theo Quy định về chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục đại học [H1.01.01.04], [H2.02.01.01], [H2.02.01.02], [H2.02.01.03], Khoa Nông-Lâm tiến hành rà soát, chỉnh sửa CTDH theo kế hoạch của nhà trường [H2.02.01.12], [H2.02.01.14], [H1.01.01.15], [H2.02.01.15]. Dựa trên các yêu cầu CĐR

về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm của người học từ các quy định của Bộ GD, Khoa Nông-Lâm đã tham khảo các CTĐT cùng ngành ở các trường khác và lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan về cấu trúc, nội dung và phương pháp dạy học của CTĐT trong quá trình rà soát, chỉnh sửa CTDH [H2.02.01.21]. Vì vậy, so với CTDH năm 2018 và năm 2020 thì CTDH ngành Nông học được chỉnh sửa năm 2022 và năm 2024 đã thể hiện rõ CĐR của từng học phần và ma trận logic giữa CĐR học phần với CĐR của CTĐT. Dựa trên CĐR của CTĐT, các học phần được thiết kế CĐR một cách cụ thể, rõ ràng và hợp lý. Từ đó, CTDH cũng được thiết kế khoa học, cụ thể và thể hiện được sự cam kết về chất lượng đào tạo hướng đến việc đáp ứng CĐR, được Hội đồng Khoa học Đào tạo nghiệm thu và được Nhà trường công bố năm 2022 và năm 2025 [H1.01.01.21], [H2.02.01.25].

CTDH ngành Nông học chỉnh sửa năm 2022 và năm 2024 được xây dựng đảm bảo sự cân đối giữa lý thuyết và thực hành, giữa khối kiến thức giáo dục đại cương với khối kiến thức bổ trợ và khối kiến thức chuyên ngành [H1.01.01.21], [H2.02.01.25]. Để người học đạt được CĐR khi tốt nghiệp có đầy đủ phẩm chất chính trị, năng lực chuyên môn đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng của nhà tuyển dụng, CTDH ngành Nông học năm 2022 và năm 2024 đã được điều chỉnh theo hướng tăng cường tính chủ động của người học thông qua việc tích hợp giờ dạy lý thuyết với các hoạt động thảo luận và các giờ bài tập theo khung CTĐT quy định. Thời lượng thực hành, thực tập; rèn luyện kỹ năng tự học, tự nghiên cứu; tăng cường tính chủ động, sáng tạo của người học cũng được điều chỉnh cho phù hợp với CĐR của CTĐT đã công bố [H2.02.01.34], [H2.02.01.35].

Trong mô tả học phần năm 2022 và năm 2024, ĐCCT học phần ngành Nông học đều xác định rõ lịch trình và kế hoạch dạy học đối với từng nội dung trong học phần, các học phần được sắp xếp trong khung đào tạo, sơ đồ logic và được đưa vào kế hoạch thời gian đào tạo hàng năm của nhà trường nhằm giúp người học lập kế hoạch học tập cụ thể để đạt được CĐR [H3.03.01.01], [H3.03.01.02], [H3.03.01.03], [H3.03.01.04].

Về phương pháp giảng dạy và phương pháp KTĐG, CTDH ngành Nông học năm 2022 và năm 2024 đã chú trọng thiết kế hoạt động dạy học và xây dựng hệ thống các phương pháp dạy học theo yêu cầu của CĐR. Các nhóm phương pháp thông qua các hoạt động dạy học cụ thể như thảo luận, làm việc nhóm, bài tập cá nhân, thuyết trình... giúp người học tích cực, chủ động, phát triển kỹ năng tìm kiếm thông tin, tạo tư duy phản biện và khả năng thích ứng với tình huống nghề nghiệp sau khi ra trường. Phương pháp KTĐG được tiến hành trong suốt quá trình học tập và khi kết thúc học phần thông qua các rubric thiết kế trong CTCT học phần. Qua đó đánh giá được khả năng nắm bắt kiến thức, sự hình thành và thành thực về kỹ năng, mức độ tự chủ của người học, và từ đó đánh giá được tính hiệu quả trong việc đạt được CĐR của người học [H2.02.01.34], [H2.02.01.35].

2. Điểm mạnh

- CTDH của ngành Nông học được thiết kế phù hợp với CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm của người học. Cấu trúc các học phần trong CTDH đảm bảo tỷ lệ hợp lý giữa các khối kiến thức.

- ĐCCT của từng học phần được xây dựng chi tiết, cụ thể, rõ ràng và phù hợp về nội dung, PP giảng dạy, PP KTĐG người học, giúp người học đạt được CĐR khi tốt nghiệp.

3. Điểm tồn tại

- Sự đóng góp của các bên liên quan trong việc thiết kế và xây dựng CTDH phù hợp với CĐR của CTĐT ngành Nông học chưa nhiều.

- CTDH một số học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành không thuộc phạm trù quản lý chuyên môn của Khoa Nông – Lâm nên khi xây dựng còn hạn chế về khối kiến thức hỗ trợ cho chuyên ngành Nông học.

4. Kế hoạch hành động

- Từ năm học 2024 - 2025, Khoa Nông-Lâm sẽ phối hợp cùng phòng ĐBCL và Thanh tra pháp chế tiếp tục thực hiện khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan (đặc biệt là các đơn vị tuyển dụng) bằng nhiều hình thức để làm cơ sở cập nhật, chỉnh sửa CĐR và CTĐT ngành Nông học.

- Trong lần rà soát, chỉnh sửa CTDH tiếp theo, Khoa Nông-Lâm xây dựng và đề xuất KH hội thảo với thành phần tham gia gồm các giảng viên giảng dạy các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, có hướng đặt hàng xây dựng thêm các nội dung hỗ trợ kiến thức chuyên ngành, làm cơ sở chỉnh sửa CTDH ngành Nông học phù hợp với chuyên ngành đào tạo, đáp ứng nhu cầu người học.

5. Tự đánh giá tiêu chí: 4/7.

Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được CĐR là rõ ràng

1. Mô tả hiện trạng

Các học phần trong CTDH đều có vai trò nhất định trong khối kiến thức, kỹ năng giúp người học đạt được CĐR và thể hiện rõ trong bản mô tả CTĐT ngành Nông học [H2.02.01.11], [H2.02.01.22], [H2.02.01.34], [H2.02.01.35]. Quá trình rà soát, chỉnh sửa CTDH đều có sự tham gia của các giảng viên phụ trách giảng dạy các học phần nhằm đáp ứng yêu cầu về chuyên môn và sự tương thích về nội dung, phù hợp với CĐR của CTĐT [H1.01.01.18]. Đề cương của từng học phần trong CTĐT ngành Nông học năm 2022 và năm 2024 bao gồm phần mục tiêu, CĐR của học phần và mối liên hệ giữa CĐR học phần và CĐR của CTĐT [H2.02.01.34], [H2.02.01.35].

Các học phần trong CTDH năm 2022 và năm 2024 so với năm 2018 và năm 2020 được xây dựng có sự logic và tương thích về nội dung, đi từ các khối kiến thức cơ bản đến khối kiến thức chuyên sâu và thể hiện mức độ đóng góp cụ thể của mỗi học phần trong việc đạt được CĐR của CTĐT. Điều này được thể hiện qua mô tả các học phần, ma trận kỹ năng, mô tả CĐR của CTĐT [H2.02.01.11], [H2.02.01.22], [H2.02.01.34], [H2.02.01.35].

Để đảm bảo đáp ứng CĐR, đề cương chi tiết các học phần trong CTDH ngành Nông học năm 2022 và năm 2024 xác định rõ ràng tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp KTĐG phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo đạt được CĐR. Kết quả học tập của người học được đánh giá trong suốt quá trình học tập thông qua điểm đánh giá thường xuyên, điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận, điểm chuyên cần, điểm bài tập, điểm thi giữa học phần và điểm thi kết thúc học phần. Mỗi loại điểm đều được thiết kế để đánh giá năng lực người học một cách toàn diện hơn, từ đó giúp người học xác định mục tiêu rõ ràng trong việc học tập để hoàn thành tốt các loại điểm đánh giá, từ đó đạt được CĐR của học phần và CĐR của CTĐT [H2.02.01.34], [H2.02.01.35].

Để đảm bảo nội dung các học phần trong CTDH đáp ứng được CĐR và vị trí việc làm của người học, hàng năm Nhà trường định kỳ triển khai kế hoạch khảo sát ý kiến phản hồi của người học và giảng viên về CTĐT, lấy ý kiến góp ý của cựu sinh viên và ý kiến góp ý của nhà tuyển dụng về CTĐT, các nội dung giảng dạy mang tính cập nhật thực tiễn để từ đó làm cơ sở chỉnh sửa CTDH phù hợp với nhu cầu đào tạo từ các bên liên quan [H3.03.02.01], [H3.03.02.02], [H3.03.02.03].

2. Điểm mạnh

- CTDH ngành Nông học được cấu trúc thành từng khối gắn kết giữa khối kiến thức đại cương với khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành.

- CTCT của từng học phần trong CTDH được định kỳ rà soát chỉnh sửa và thể hiện rõ được mục tiêu, nội dung, CĐR, mối liên hệ giữa CĐR học phần với CĐR của CTĐT, điều đó cho thấy sự gắn kết, logic của CTDH và đánh giá được mục tiêu CĐR của CTĐT.

- Các học phần trong CTDH ngành Nông học được xác định rõ tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp KTĐG phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt được CĐR của CTĐT.

3. Điểm tồn tại

- Chưa có nhiều ý kiến đóng góp của các bên liên quan cho đề cương chi tiết của các học phần nhằm đạt được CĐR của CTĐT.

4. Kế hoạch hành động

- Trong các năm học tiếp theo Khoa Nông-Lâm phối hợp với phòng ĐBCL và thanh tra pháp chế chú trọng khảo sát lấy ý kiến góp ý của nhà tuyển dụng và cựu SV về CTDH ngành Nông học làm cơ sở góp phần chỉnh sửa CTCT các học phần trong CTĐT.

5. Tự đánh giá tiêu chí: 4/7.

Tiêu chí 3.3. CTDH có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp

1. Mô tả hiện trạng

CTDH ngành Nông học năm 2022 và năm 2024 với tổng số 136TC được xây dựng từ các học phần có cấu trúc đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa khối kiến thức đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành. CTDH được thiết kế để người học hoàn thành khối kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở ngành trước khi hoàn thành khối kiến thức chuyên ngành trong khung thời gian đào tạo của nhà trường. Sự sắp xếp các học phần trong từng học kỳ mang tính logic, thống nhất giúp người học lĩnh hội kiến thức và hình thành kỹ năng đảm bảo đi từ nền tảng cơ bản đến nâng cao. Các học phần cơ sở ngành và chuyên ngành đều được xây dựng học tập sau khi người học hoàn thành các học phần tiên quyết hoặc học phần học trước nhằm đảm bảo người học lĩnh hội khối kiến thức cơ bản làm nền tảng vững chắc cho khối kiến thức chuyên sâu. Từ đó giúp người học dễ dàng đạt được CĐR sau khi hoàn thành CTĐT ngành Nông học [H2.02.01.34], [H2.02.01.35].

Sự bố trí hợp lý giữa các học phần trong CTDH được thể hiện rõ thông qua ma trận kỹ năng và sơ đồ logic các học phần cũng như khung phân kỳ. Điều đó đảm bảo CTDH ngành Nông học là một khối thống nhất chặt chẽ và có tính tích hợp

[H2.02.01.34], [H2.02.01.35]. Các học phần thuộc khối kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành là tiền đề để người học đến các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất và các đơn vị sử dụng lao động thực tập nghề nghiệp, thực tập chuyên môn cuối khóa và thực tập tốt nghiệp. Từ đó giúp người học tiếp cận nhiều hơn với các cơ hội việc làm và thông qua các đợt thực tế cũng giúp người học bồi dưỡng thêm các kỹ năng mềm, hình thành tư duy sáng tạo và tự khởi nghiệp sau khi tốt nghiệp.

Trong quá trình học tập và rèn luyện, Khoa Nông-Lâm tiến hành tổ chức nhiều hoạt động hội thảo, hội nghị việc làm, tạo cơ hội cho người học tham gia các chương trình dự án để trang bị thêm kiến thức từ thực tế và các kỹ năng mềm. Mặt khác, việc tham gia tìm hiểu nhu cầu nhà tuyển dụng giúp người học sẽ có động cơ phấn đấu học tập và rèn luyện để đạt được CDR của CTĐT cũng như nắm bắt, nhạy bén hơn với các cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp [H3.03.03.01], [H3.03.03.02], [H3.03.03.03].

CTDH ngành Nông học được định kỳ rà soát, cập nhật, chỉnh sửa 2 năm 1 lần. CTDH năm 2024 được cập nhật, chỉnh sửa từ CTDH năm 2022. Qua các lần chỉnh sửa, CTDH ngành Nông học đã được xây dựng có tỷ lệ cân đối giữa các khối kiến thức và hoàn toàn phù hợp với quy định khối lượng kiến thức do BGDĐT quy định với khối lượng chương trình toàn khóa gồm 136 tín chỉ, trong đó kiến thức giáo dục đại cương là 39 tín chỉ, kiến thức giáo dục chuyên nghiệp là 97 tín chỉ. Như vậy, thời lượng của từng khối kiến thức được xây dựng cân đối hài hòa, đảm bảo đáp ứng tiêu chí của CDR, theo đó phần kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành chiếm đến 60% tổng thời lượng của CTĐT, đảm bảo người học tích lũy kiến thức chuyên sâu về chuyên ngành. Ngoài ra, CTĐT còn có các học phần tự chọn, giúp người học lựa chọn được những học phần phù hợp với năng lực học tập để bổ sung thêm kiến thức cần thiết cho công việc sau khi tốt nghiệp [H2.02.01.04], [H2.02.01.05].

Qua các lần chỉnh sửa, cập nhật, CTDH ngành Nông học năm 2022 được điều chỉnh có tham khảo CTĐT ngành Khoa học cây trồng – Học viện Nông nghiệp Việt Nam và CTĐT ngành Nông học – Đại học Nông lâm Thành phố Hồ Chí Minh [H2.02.01.34]. Vì vậy, nhiều học phần mới đã được bổ sung vào CTĐT như Nông nghiệp công nghệ cao, Nông nghiệp Hữu cơ, Thực hành nông nghiệp tốt, Pháp luật nông nghiệp, Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp,... Sự thay đổi này nhằm gắn liền đào tạo với sự phát triển thực tiễn, đáp ứng năng lực tiếp nhận của người học và nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng của nhà tuyển dụng, từ đó đảm bảo việc đáp ứng CDR của CTĐT.

2. Điểm mạnh

- CTDH ngành Nông học có cấu trúc hợp lý và logic giữa các khối kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành, đảm bảo chương trình trở thành một khối thống nhất.

- CTDH ngành Nông học có tính cập nhật, tích hợp, giúp người học tiếp nhận những kiến thức mới, sát với thực tiễn, đảm bảo người học đáp ứng được nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng theo yêu cầu của nhà tuyển dụng.

3. Điểm tồn tại

- CTDH ngành Nông học khi chỉnh sửa chưa so sánh, đối chiếu được với CTĐT tiên tiến của các Trường ĐH trọng điểm trong nước và Quốc tế.

4. Kế hoạch hành động

- Căn cứ vào kế hoạch nhà trường hàng năm, Khoa Nông-Lâm sẽ tiếp tục thực hiện các đợt khảo sát lấy ý của các bên liên quan về CTDH, kết hợp với việc so sánh, đối chiếu CTĐT ngành Nông học với CTĐT tiên tiến trong và ngoài nước để làm cơ sở tiếp tục cập nhật, chỉnh sửa CDR của CTĐT cho phù hợp hơn nữa.

5. Tự đánh giá tiêu chí: 5/7

Kết luận chung về Tiêu chuẩn 3

CTDH ngành Nông học cấu trúc hợp lý, logic và có tính hệ thống, mang tính tích hợp, được thiết kế dựa trên CDR và đáp ứng xu hướng phát triển nông nghiệp từ thực tiễn. CTDH được định kỳ rà soát, cập nhật dựa trên ý kiến đóng góp của các bên liên quan và tham khảo, đối sánh với CTDH của các Trường ĐH khác trong nước. Nội dung của mỗi học phần trong CTDH đều được cập nhật, điều chỉnh đảm bảo các đóng góp cơ bản đến chuyên sâu trong việc giúp người học đạt được CDR. Các học phần chuyên ngành được bổ sung mới giúp CTĐT đảm bảo tính khoa học, thực tiễn và đảm bảo chất lượng đào tạo nguồn nhân lực, đáp ứng nhu cầu xã hội và hội nhập quốc tế.

Mặc dù trong quá trình rà soát, chỉnh sửa CTDH, Khoa Nông-Lâm đã lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan nhưng số lượng các thông tin phản hồi về CTDH còn nhiều hạn chế. Vì vậy, trong các năm học tiếp theo, Nhà trường, Khoa Nông-Lâm và BM tiếp tục thực hiện xây dựng kế hoạch, phối hợp chặt chẽ với các bên liên quan như GV, nhà tuyển dụng, người học và cựu SV trong việc rà soát và điều chỉnh CTDH để ngày càng nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động. Bên cạnh đó, thông tin phản hồi của các bên liên quan sẽ được phân tích, đánh giá nhằm cụ thể hóa khả năng đáp ứng nhu cầu xã hội của CTDH, trên cơ sở đó điều chỉnh CTĐT phù hợp hơn nữa trong các lần chỉnh sửa tiếp theo.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 3:

+ Điểm trung bình tiêu chuẩn: 4,3

+ Số tiêu chí đạt: 3/3

Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Mở đầu:

Hoạt động tổ chức dạy và học là một nhiệm vụ trọng tâm, hiện thực hoá mục tiêu giáo dục, đào tạo và đảm bảo chất lượng của bất kỳ một chương trình đào tạo nào. Trường Đại học Tây Bắc đã áp dụng hướng tiếp cận hiện đại trong giáo dục đại học, đó là lấy người học làm trung tâm, với mục đích giúp người học nâng cao khả năng tự khám phá tri thức, gắn kết kiến thức lý thuyết với thực tế, vận dụng kiến thức vào giải quyết vấn đề, say mê học hỏi, nghiên cứu. Tổ chức, triển khai các hoạt động dạy và học bao gồm: tổ chức và triển khai các phương pháp dạy, học; phương pháp kiểm tra, đánh giá người học; nhằm mục đích giúp người học phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu, phát triển kỹ năng làm việc nhóm, làm việc độc lập. Hướng tiếp cận trong giáo dục tại Trường Đại học Tây Bắc được xây dựng trên cơ sở mục tiêu giáo dục, cụ thể bằng bộ chuẩn đầu ra các hoạt động dạy và học nhằm đáp ứng các chuẩn đầu ra.

Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan

1. Mô tả hiện trạng

Trải qua gần 60 năm xây dựng và trưởng thành, Trường đã có những đóng góp to

lớn vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm an ninh quốc phòng của các tỉnh Tây Bắc.

Năm 2005, Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Tây Bắc giai đoạn 2006 - 2015 và tầm nhìn đến năm 2020 đã được xây dựng và ban hành. Sau đó, năm 2011 kế hoạch này được bổ sung điều chỉnh và thay thế bằng Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Tây Bắc giai đoạn 2011 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2030. Từ đó đến nay, Kế hoạch chiến lược phát triển của Trường luôn đóng vai trò là kim chỉ nam cho mọi hoạt động, đã phát huy hiệu quả, đưa Nhà trường phát triển mạnh mẽ, toàn diện lên một tầm cao mới.

Tuy nhiên, tình hình trong nước và quốc tế, thực tiễn giáo dục đại học và của Nhà trường xuất hiện những đặc điểm, nhân tố mới đòi hỏi phải xem xét, điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Tây Bắc nhằm bảo đảm kế hoạch trở nên phù hợp hơn, thực sự là phương hướng hoạt động của cán bộ, giảng viên, sinh viên, đáp ứng yêu cầu phát triển của Trường trong giai đoạn mới. Vì vậy, Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Tây Bắc giai đoạn 2011 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 được tiến hành chỉnh sửa thành Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Tây Bắc giai đoạn 2018 - 2023 và tầm nhìn đến năm 2030.

Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Tây Bắc giai đoạn 2018 - 2023 và tầm nhìn đến năm 2030 là căn cứ để tổ chức thực hiện mọi hoạt động của Nhà trường, đưa Nhà trường vượt qua những khó khăn hiện tại, tiếp tục phát triển toàn diện, mạnh mẽ và bền vững để đạt được những mục tiêu đề ra.

Mục tiêu giáo dục được tuyên bố chính thức trong Kế hoạch Chiến lược phát triển Trường Đại học Tây Bắc giai đoạn 2018 - 2023 và tầm nhìn đến năm 2030, thông qua triết lý giáo dục đào tạo “*Vững lý thuyết, giỏi thực hành, nhanh vào thực tiễn*” và mục tiêu đào tạo, bồi dưỡng “*Nâng cao và khẳng định chất lượng đào tạo, đáp ứng nhu cầu xã hội; tăng quy mô trên cơ sở mở rộng ngành đào tạo, đa dạng hóa các loại hình dịch vụ, bồi dưỡng phục vụ cộng đồng; tăng cường hợp tác với các đối tác trong nước và quốc tế.*” [H4.04.01.02], [H4.04.01.03], [H4.04.01.04].

Mục tiêu giáo dục của Trường Đại học Tây Bắc là xác định rõ ràng là đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao, toàn diện về chính trị, đạo đức và có đủ năng lực đáp ứng yêu cầu công việc của ngành nghề và xã hội. Nhà trường phổ biến TLGD đến các bên liên quan bằng nhiều hình thức khác nhau như: đăng tải trên website của trường (<https://utb.edu.vn/su-mang-tam-nhin.html>), trên Brochure của Trường, trên các panô, bảng biểu đặt ở những nơi dễ nhìn thấy trong khuôn viên của Trường cho phép toàn thể cán bộ viên chức của Nhà trường và các đơn vị, cá nhân ngoài Trường có quan tâm truy cập [H4.04.01.10], [H4.04.01.012]

Mục tiêu giáo dục được bổ sung, chỉnh sửa theo từng giai đoạn của nhà trường qua việc thành lập ban tổ chức soạn thảo triết lý giáo dục [H4.01.01.01], để ban hành được triết lý giáo dục nhà trường đã tổ chức hội thảo về triết lý giáo dục [H4.01.01.02], [H4.04.01.03]. Kết quả triết lý giáo dục được ban hành tuyên bố chính thức trong Kế hoạch Chiến lược phát triển Trường Đại học Tây Bắc giai đoạn 2023 - 2030 và tầm nhìn đến năm 2045, thông qua triết lý giáo dục đào tạo “*Nâng cao giá trị, Kiến tạo tương lai*” và mục tiêu đào tạo, bồi dưỡng “*Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ, thực chất về chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực; góp phần nâng cao chất lượng và năng suất lao động, thúc đẩy khởi nghiệp sáng tạo, tăng cường năng lực cạnh tranh chi khu vực Tây Bắc và đất nước.*” [H4.04.01.05].

Mục tiêu giáo dục của Trường Đại học Tây Bắc là xác định rõ ràng là đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao, toàn diện về chính trị, đạo đức và có đủ năng lực đáp ứng yêu cầu công việc của ngành nghề và xã hội. Nhà trường phổ biến TLGD đến các bên liên quan bằng nhiều hình thức khác nhau như: đăng tải trên website của trường (<https://utb.edu.vn/su-mang-tam-nhin.html>), trên Brochure của Trường, trên các panô, bảng biểu đặt ở những nơi dễ nhìn thấy trong khuôn viên của Trường cho phép toàn thể cán bộ viên chức của Nhà trường và các đơn vị, cá nhân ngoài Trường có quan tâm truy cập.[H4.04.01.10], [H4.04.01.012].

Trên cơ sở mục tiêu giáo dục của Nhà trường, Khoa Nông Lâm ban hành Kế hoạch Chiến lược phát triển khoa Nông Lâm giai đoạn 2013 – 2023 [H4.01.01.09] và chương trình đào tạo ngành Nông học được xây dựng với mục tiêu chung như sau: “*Đào tạo nguồn nhân lực trình độ đại học có kiến thức và kỹ năng về Nông học; có thái độ lao động nghiêm túc và có đạo đức nghề nghiệp, có sức khỏe; có khả năng hợp tác và quản lý nguồn lực; khả năng thích ứng với công việc đa dạng ở các cơ quan khoa học, quản lý sản xuất, doanh nghiệp hoặc tự tạo lập công việc sản xuất và dịch vụ Nông học nhằm tạo ra các sản phẩm trồng trọt có năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh và hiệu quả kinh tế cao, góp phần bảo vệ môi trường và phát triển nông nghiệp bền vững.*”, Mục tiêu được xây dựng trên sự thảo luận rà soát, chỉnh sửa khung chương trình, các học phần cho ngành Nông học có sự tham gia của cán bộ, giảng viên cơ hữu, các chuyên gia ngành Nông học. Đồng thời, Khoa Nông Lâm cũng thực hiện điều tra thu thập ý kiến đóng góp của nhà tuyển dụng và cựu sinh viên về chương trình đào tạo đặc biệt là các chuẩn đầu ra. Hoạt động này cũng góp phần phổ biến mục tiêu giáo dục của Nhà trường tới các bên liên quan.

Nhà trường và Khoa Nông Lâm đặc biệt chú trọng vào việc phổ biến, giải thích mục tiêu giáo dục cho sinh viên. Sinh viên nhập trường được phát Sổ tay sinh viên và được tổ chức nghiên cứu, học tập tuần sinh hoạt công dân, học sinh sinh viên đầu khóa [H4.04.01.11].

Triết lý giáo dục được giới thiệu tại vị trí trung tâm gần sảnh nhà điều hành với hình ảnh rõ nét, câu chữ rõ ràng đúng tầm mắt. [H4.04.01.12]

2. Điểm mạnh

Mục tiêu giáo dục của Nhà trường và mục tiêu chương trình đào tạo được tuyên bố rõ ràng và phổ biến đầy đủ tới các bên liên quan, thường xuyên và bằng đa dạng các phương tiện và cách thức.

3. Điểm tồn tại

Trong xu thế chung của Trường, Khoa Nông Lâm có mục tiêu giáo dục ngành Nông học cụ thể, rõ ràng nhưng chưa có triết lý giáo dục.

Các ý kiến phản hồi, đóng góp của một số người được tham khảo ý kiến thông qua bảng phỏng vấn còn chưa rõ ràng, cụ thể.

4. Kế hoạch hành động

- Theo định kỳ 2 năm xây dựng triết lý giáo dục với sự tham gia của đông đảo cán bộ, các chuyên gia về Nông học, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng.

- Đổi mới và đa dạng phương pháp thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan.

- Cập nhật ý kiến phản hồi của các bên liên quan vào triết lý, mục tiêu giáo dục của trường

5. Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được CĐR

1. Mô tả hiện trạng

Mục tiêu giáo dục và mục tiêu của chương trình đào tạo được cụ thể hoá qua bộ chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo bao gồm khối kiến thức, kỹ năng và thái độ [H1.01.01.10]. Năm 2020, nhà trường đã ban hành thêm Chuẩn đầu ra chung về Tin học và Ngoại ngữ (áp dụng từ K60) đối với sinh viên hệ đại học chính quy thuộc tất cả các ngành học. Đây là căn cứ quan trọng xây dựng chương trình đào tạo, đề cương học phần, thiết kế hoạt động giảng dạy và thực hiện [H1.01.01.12], [H1.01.01.10]

Chương trình dạy học và hoạt động học tập của mỗi môn học được thiết kế đa dạng, xen kẽ các nội dung lý thuyết, bài tập lớn, thực hành thể hiện trong đề cương chi tiết và kế hoạch bài giảng của từng môn học nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra của CTĐT [H4.04.02.02], [H1.01.01.14].

Hoạt động dạy học của từng học phần được thiết kế và tổ chức thực hiện nhằm đảm bảo các chuẩn đầu ra của học phần và đóng góp chung vào chuẩn đầu ra của cả chương trình đào tạo. Trên cơ sở đề cương chi tiết các môn học, giảng viên xây dựng kế hoạch bài giảng chi tiết theo từng tuần bao gồm nội dung và phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá cụ thể với từng nội dung [H4.04.02.02], [H4.04.02.05]

. Phương pháp giảng dạy được sử dụng đa dạng bao gồm thuyết trình, thảo luận, bài tập lớn, thực hành và nghiên cứu khoa học của sinh viên, theo hướng tiếp cận hiện đại “Người học là trung tâm” nhằm kích thích và phát huy tính tích cực, chủ động của người học: bài tập thực hành, thảo luận, bài tập nhóm.

CHUẨN ĐẦU RA		PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY				
		PP1	PP2	PP3	PP4	PP5
1. Kiến thức cơ bản	CĐR 1 – 3	✓	✓	✓	✓	
2. Kiến thức chuyên môn	CĐR 4 – 10	✓	✓	✓	✓	✓
3. Kỹ năng cứng	CĐR 11 – 15			✓	✓	✓
4. Kỹ năng mềm	CĐR 16 – 19	✓	✓	✓	✓	✓
5. Thái độ	CĐR 20 – 25	✓	✓	✓	✓	✓

Ghi chú: PP1: thuyết trình; PP2: Semina; PP3: Thảo luận nhóm; PP4: Nghiên cứu tình huống (nêu vấn đề); PP5: NCKH (bài tập lớn, tiểu luận, NCKH, khoá luận tốt nghiệp)

Từ năm 2018 (Khóa 58), đề cương chi tiết các môn học đã được cải tiến, thay đổi kết cấu theo hướng giảm số giờ lý thuyết và tăng số giờ bài tập, thực hành, thảo luận

nhằm giúp sinh viên có cơ hội được thực hành, tự học nhiều hơn, khi ra trường giúp sinh viên có thể thích nghi nhanh hơn với công việc và môi trường làm việc trong thực tiễn. Nhiều môn học đều bao gồm các nội dung bài tập/thảo luận, bài tập lớn và thí nghiệm thực hành, chiếm từ 20% tới 50% so với thời lượng lý thuyết [H1.01.01.14].

Để phù hợp với thực tế do dịch bệnh Covid 19 mà nhà trường ban hành kế hoạch cùng quy định học tập trực tuyến ứng phó với dịch nhằm đảm bảo đúng tiến độ và đảm bảo nội dung chương trình [H4.04.02.03]. [H4.04.02.07]. [H4.04.02.08].

Kỹ năng nghề nghiệp của sinh viên được xây dựng và rèn luyện thông qua các nội dung thực hành, thực tập và thực hiện bài tập lớn. Giảng viên thực hiện vai trò hướng dẫn về quy trình, kỹ thuật thao tác và yêu cầu cần đạt được của hoạt động. Hiện tại, Chương trình đào tạo ngành Nông học bao gồm hai đơn vị thực tập nghề nghiệp với tổng số 15 tín chỉ. Mỗi đơn vị thực tập nghề nghiệp, sinh viên có cơ hội tiếp cận thực tế và vận dụng kiến thức của một vài học phần và các đợt thực tập rèn nghề được thực hiện hàng năm theo chương trình đào tạo [H4.04.02.06]. Sau khi thực tập, rèn nghề tại các cơ sở sẽ có nhận xét, ý kiến phản hồi của cơ sở thực tập về ý thức thái độ và nội dung công việc đối với từng sinh viên. Kết thúc các đợt thực tập sinh viên có ý kiến phản hồi về nội dung, hình thức, thời gian của đợt thực tập, rèn nghề [H4.04.02.10].

Năng lực nghiên cứu khoa học của sinh viên, kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm được rèn luyện thông qua nghiên cứu khoa học và làm khóa luận tốt nghiệp và thực tập tại cơ sở. Nghiên cứu khoa học của sinh viên là hoạt động đào tạo thường niên tại Trường Đại học Tây Bắc, sinh viên thực hiện đề tài nghiên cứu theo nhóm trong một năm học [H04.04.02.12]. Khóa luận tốt nghiệp/chuyên đề tốt nghiệp được sinh viên thực hiện độc lập có sự hướng dẫn giám sát của giáo viên trong một học kỳ cuối khóa học [H4.04.02.06].

Đồng thời, nhận thấy tầm quan trọng và tính hệ thống trong nâng cao chất lượng đào tạo được sự đồng ý của Nhà trường, Khoa đã tổ chức các khóa tập huấn đổi mới phương pháp giảng dạy thực hành, thực tập, cử cán bộ tham gia các lớp bồi dưỡng về phương pháp giáo dục đại học, các khóa học tiếng anh, các khóa học với chuyên gia nước ngoài về môi trường học thân thiện [H4.04.02.01], nhằm bồi dưỡng cho giảng viên phương pháp sư phạm, kỹ năng giáo dục đại học, soạn bài giảng, tổ chức hoạt động giảng dạy và đánh giá người học.

Bên cạnh đó, tại các buổi họp Khoa và các buổi sinh hoạt chuyên môn, dự giờ thăm lớp của Bộ môn Nông học tổ chức GV thảo luận, trao đổi sáng kiến kinh nghiệm trong giảng dạy và học tập để đạt được [H4.04.02.05].

Phản hồi của sinh viên là phép đo sự hài lòng của người học đối với chương trình đào tạo, môn học cũng như hoạt động giảng dạy của giáo viên. Hằng năm, phòng QLCL và TTPC khảo sát ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của GV trong đó có khảo sát về hoạt động dạy và học, các PPGD được GV sử dụng trong môn học các tiêu chí cơ bản phản ánh mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra như: mục tiêu môn học, tài liệu và phương pháp học, phương pháp đánh giá, thời lượng và kết quả người học thu được về kiến thức, nhận thức, tư duy và kỹ năng. Kết quả đánh giá giảng viên, môn học, cho thấy sinh viên đánh giá các môn học ở mức tốt (tỷ lệ sinh viên đồng ý và rất đồng ý với mức đánh giá là 89%), giảng viên sử dụng phương pháp giảng dạy đa dạng (88% đồng ý và rất đồng ý) [H02.04.02.26], [H4.04.02.09]

2. Điểm mạnh

Nhà trường ban hành văn bản hướng dẫn GV sử dụng các phương pháp giảng dạy tích cực và triển khai thực hiện. GV khoa Nông Lâm xác định hoạt động dạy học, PPGD đa dạng, phù hợp để đạt được CDR ngành Nông học và thể hiện trong ĐCCT học phần. GV Khoa Nông Lâm tích cực hướng dẫn SV sử dụng các hoạt động học tập phù hợp từ đó giúp NH chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được CDR. Cơ sở vật chất, địa bàn thực tập hiện trường tốt, đáp ứng tốt việc thực hiện hoạt động dạy và học theo thiết kế. GV, SV Khoa Nông Lâm hài lòng với các hoạt động dạy và học, các phương pháp dạy và học được sử dụng trong CTĐT ngành Nông học.

3. Điểm tồn tại

Khảo sát yêu cầu của nhà tuyển dụng đối với sinh viên ra trường, đặc biệt các chuẩn về kỹ năng chưa được thực hiện rộng rãi và toàn diện.

4. Kế hoạch hành động

- Hàng năm tiếp tục đổi mới, hoàn thiện phương pháp dạy và học.
- Tăng cường liên kết với các đơn vị bên ngoài trong hoạt động đào tạo, xúc tiến tổ chức học kỳ tại các cơ sở sản xuất
- Theo định kỳ 2 năm cập nhật CTĐT theo hướng tăng cường kỹ năng theo yêu cầu của thực tiễn sản xuất

5. Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của NH

1. Mô tả hiện trạng

Từ năm 2012, Nhà trường đã chuyển sang vận hành chương trình đào tạo theo tín chỉ. Cùng với đó, chương trình đào tạo các ngành đã được định kỳ rà soát phù hợp với chuẩn đầu ra, trong đó chú trọng tới xây dựng nền tảng cho sinh viên có thể tiếp tục học tập sau khi ra trường theo nhu cầu của cá nhân hoặc yêu cầu của công việc.

Hệ thống đào tạo theo tín chỉ cho phép sinh viên chủ động lập kế hoạch học tập, linh hoạt phù hợp với cá nhân. Bên cạnh đó chương trình đào tạo cung cấp 23 môn học tự chọn (tương ứng 17 tín chỉ trên 135 tín chỉ tối thiểu) [H2.02.01.02]. Công tác rà soát, điều chỉnh CTĐT và đề cương chi tiết các học phần theo hướng tăng khối lượng các tiết thảo luận, thực hành, nhưng không cắt giảm nội dung của môn, khuyến khích và thúc đẩy việc tự học của sinh viên. Đặc biệt trong lần điều chỉnh đề cương chi tiết học phần năm 2018 có nêu rõ phương pháp giảng dạy, phân công nhiệm vụ của giảng viên, của người học, những mục tiêu cần đạt được trong các học phần. Trên cơ sở Khung chương trình đào tạo, các học phần môn học cũng đã được điều chỉnh theo hướng đảm bảo khối lượng kiến thức, đồng thời xây dựng các kỹ năng cho người học. Đề cương học phần môn học đều nêu rõ mục tiêu của môn học, các chuẩn đầu ra đáp ứng CDR chung của Chương trình đào tạo, hoạt động dạy và học cũng được nêu rõ trong tất cả các đề cương học phần môn học, trong đó chú trọng đến sự tham gia chủ động, tích cực của người học. Phương pháp thuyết trình được thay thế một phần bằng các phương pháp khác như nêu vấn đề thảo luận, đặt câu hỏi,... Sự tham gia của người học vào quá trình cũng được đánh giá toàn diện hơn. Bên cạnh số giờ tham gia lớp học, thái độ học tập sự tích cực tham gia thảo luận, tương tác giữa người học và người dạy đều được đánh giá vào kết quả học tập [H4.04.02.01], [H4.04.02.12], [H4.04.03.01], [H4.04.03.10].

Hệ thống bài giảng điện tử giúp người học nhanh chóng tiếp cận và chủ động tìm hiểu về kiến thức cần học [H4.04.03.08]. Tài liệu học tập cũng được bổ sung và cung cấp đầy đủ, phục vụ tốt cho việc tự học của sinh viên. Tất cả các đề cương học phần đã nêu rõ tài liệu học tập và các tài liệu tham khảo gợi ý cho sinh viên [H4.04.03.03], [H4.04.03.04]. Thư viện Nhà trường có đầy đủ các tài liệu yêu cầu của tất cả các học phần [H4.04.03.08].

Nghiên cứu khoa học của sinh viên (SV) được coi là một hoạt động đào tạo thường niên. Sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học có sự hướng dẫn của giảng viên sẽ học được phương pháp xác định vấn đề, giải quyết vấn đề. Đồng thời nghiên cứu khoa học rèn luyện cho sinh viên kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, hình thành khả năng phân tích và tổng hợp, rèn luyện kỹ năng lập kế hoạch [H4.04.02.09]. Hoạt động thực tập nghề nghiệp giúp SV phát triển thái độ và tinh thần làm việc nhóm, tuân thủ quy trình, khả năng quan sát vận dụng kiến thức. Nhà trường và Khoa Nông Lâm đã ký kết thỏa thuận hợp tác với các Công ty, Doanh nghiệp, HTX để SV tham gia thực tập thực tế, tạo cơ hội áp dụng các kiến thức đã học trong Nhà trường vào thực tế cũng như thực nghiệm tại các cơ sở sản xuất [H4.04.03.06]. Ngoài ra, Nhà trường, Khoa cử SV đi thực tập nghề nghiệp 2 ở các cơ sở sản xuất như các HTX Rau An toàn Mộc Châu, Công ty cổ phần giống cây trồng Sơn La, Công ty cổ phần tập đoàn Lộc Trời - Chi nhánh Sơn La, Công ty cổ phần BIGFIVE Việt Nam [H4.04.02.06], [H4.04.03.05], [H4.04.03.06]. Sau khi thực tập, rèn nghề tại các cơ sở sẽ có nhận xét, ý kiến phản hồi của cơ sở thực tập về ý thức thái độ và nội dung công việc đối với từng sinh viên. Kết thúc các đợt thực tập sinh viên có ý kiến phản hồi về nội dung, hình thức, thời gian của đợt thực tập, rèn nghề [H4.04.02.06].

Hàng năm, Nhà trường tổ chức Hội nghị SV NCKH nhằm nâng cao kỹ năng tự nghiên cứu, tự học nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho SV [H4.04.02.12]. Các hoạt động của các CLB SV như: CLB phát triển kỹ năng mềm, CLB tiếng Anh, CLB Phương pháp học tập... góp phần nâng cao khả năng học tập suốt đời cho SV [H4.04.03.09]. Hoạt động học tập đa dạng giúp SV nắm bắt các phương pháp học tập khác nhau để có thể lựa chọn chiến lược phù hợp nhất cho từng nhiệm vụ học tập cụ thể.

Ngoại ngữ là công cụ rất quan trọng trong việc tự học và học tập lâu dài của người học. Chương trình đào tạo thể hiện sự chú trọng đến trang bị Tiếng Anh như một kỹ năng thiết yếu với 13 tín chỉ ở khối học phần ngoại ngữ, công nghệ thông tin,... và 5 tín chỉ tiếng Anh chuyên ngành (tự chọn) [H2.04.03.04].

Hàng năm nhà trường đề có thông báo biên soạn tài liệu giảng dạy, giáo trình giáo dục đại học và đều có kế hoạch, hội đồng nghiệm thu tài liệu giảng dạy, giáo trình giáo dục đại học [H4.04.03.07].

2. Điểm mạnh

- Tất cả ĐC học phần ngành Nông học mô tả rõ việc sử dụng các phương pháp giảng dạy và học tập phù hợp nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm cho SV.

- Tất cả ĐC học phần ngành Nông học mô tả và nhấn mạnh đến hoạt động tự nghiên cứu, tự học nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho SV.

- GV Khoa Nông Lâm sử dụng đa dạng, phù hợp các PPGD để đạt CĐR của học phần và CĐR của CTĐT ngành Nông học nhằm hỗ trợ SV rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời.

3. Điểm tồn tại

Kỹ năng mềm chưa được đưa vào chương trình đào tạo, mới chỉ lồng ghép trong các học phần và thông qua các hoạt động đoàn, hội.

Chưa có phương pháp đo lường và đánh giá sự phát triển kỹ năng và khả năng học tập suốt đời của người học.

4. Kế hoạch hành động

- Hàng năm các tổ chức đoàn thể phối hợp với khoa chuyên môn tăng cường đào tạo kỹ năng mềm cho sinh viên.

- Tăng cường việc đánh giá năng lực tự học, tự nghiên cứu của sinh viên

- Tăng cường đầu tư trang, thiết bị và tăng hỗ trợ kinh phí cho các hoạt động NCKH của sinh viên

- Khảo sát về học tập nâng cao trình độ, thay đổi ngành nghề của sinh viên sau khi ra trường.

5. Tự đánh giá: 4/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 4:

Mục tiêu giáo dục được tuyên bố chính thức trong Kế hoạch Chiến lược phát triển Trường Đại học Tây Bắc giai đoạn 2018 - 2023 và tầm nhìn đến năm 2030, thông qua triết lý giáo dục đào tạo “*Vững lý thuyết, giỏi thực hành, nhanh vào thực tiễn*” và mục tiêu đào tạo, bồi dưỡng “*Nâng cao và khẳng định chất lượng đào tạo, đáp ứng nhu cầu xã hội; tăng quy mô trên cơ sở mở rộng ngành đào tạo, đa dạng hóa các loại hình dịch vụ, bồi dưỡng phục vụ cộng đồng; tăng cường hợp tác với các đối tác trong nước và quốc tế*”. Mục tiêu giáo dục được bổ sung, chỉnh sửa theo từng giai đoạn của nhà trường qua việc thành lập ban tổ chức soạn thảo triết lý giáo dục để ban hành được triết lý giáo dục nhà trường đã tổ chức hội thảo về triết lý giáo dục. Kết quả triết lý giáo dục được ban hành tuyên bố chính thức trong Kế hoạch Chiến lược phát triển Trường Đại học Tây Bắc giai đoạn 2023 - 2030 và tầm nhìn đến năm 2045, thông qua triết lý giáo dục đào tạo “*Nâng cao giá trị, Kiến tạo tương lai*” và mục tiêu đào tạo, bồi dưỡng “*Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ, thực chất về chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực; góp phần nâng cao chất lượng và năng suất lao động, thúc đẩy khởi nghiệp sáng tạo, tăng cường năng lực cạnh tranh chi khu vực Tây Bắc và đất nước*”. Được phổ biến đến các bên liên quan bằng nhiều hình thức khác nhau. GV hiểu rõ về TLGD của Trường và triển khai thực hiện. Kết quả khảo sát ý kiến của GV, SV, cựu SV thể hiện mức độ hài lòng đối với TLGD của Trường. GV Khoa Nông Lâm xác định hoạt động dạy học, PPGD đa dạng, phù hợp để đạt được CĐR, phát triển toàn diện phẩm chất, năng lực người học và thể hiện trong ĐC học phần. GV Khoa Nông Lâm tích cực hướng dẫn SV sử dụng các hoạt động học tập phù hợp từ đó giúp NH chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được CĐR. GV, SV Khoa Nông Lâm hài lòng với các hoạt động dạy và học, các phương pháp dạy và học được sử dụng trong CTĐT ngành Nông học. Tất cả ĐC học phần ngành Nông học mô tả rõ việc sử dụng các phương pháp giảng dạy và học tập phù hợp nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm cho SV; mô tả và nhấn mạnh đến hoạt động tự

nghiên cứu, tự học nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho SV. GV Khoa Nông Lâm sử dụng đa dạng, phù hợp các PPGD để đạt CĐR của học phần và CĐR của CTĐT ngành Nông học nhằm hỗ trợ SV rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời. Kết quả khảo sát ý kiến của SV thể hiện GV Khoa Nông Lâm sử dụng đa dạng các PPGD phù hợp, nhằm hỗ trợ SV rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời.

Trên thực tế, vẫn còn trường hợp SV năm thứ nhất chưa thật sự thích nghi với phương pháp học tập ở bậc đại học. Số lượng các hội nghị, hội thảo về đổi mới, cải tiến phương pháp dạy và học do Khoa Nông Lâm tổ chức chưa nhiều. Nhà trường và Khoa Nông Lâm chưa khảo sát mức độ hiểu biết của các nhà tuyển dụng về TLGD của Trường.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 4:

- + Điểm trung bình tiêu chuẩn: 4,6
- + Số tiêu chí đạt: 3/3

Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Mở đầu

Đánh giá kết quả học tập (KQHT) của người học là một trong những khâu quan trọng của CTĐT, góp phần đánh giá mức độ đạt được của SV so với các tiêu chí, yêu cầu của CĐR. Kết quả đánh giá sẽ ảnh hưởng rất lớn đến việc học tập và nghề nghiệp sau này của người học đồng thời cung cấp cho Trường, Khoa các thông tin giá trị về hiệu quả giảng dạy và các dịch vụ hỗ trợ người học. Việc đánh giá KQHT của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CĐR của CTĐT Nông học, được bắt đầu ngay từ khâu tuyển sinh đầu vào và xuyên suốt quá trình học tập của SV cho tới khi tốt nghiệp. Mục đích của việc kiểm tra đánh giá là nhằm xác định mức độ kiến thức cũng như kỹ năng mà SV cần đạt được so với mục tiêu của CTĐT cũng như mục tiêu của từng học phần trong CTĐT. Việc đánh giá kết quả của SV căn cứ vào CĐR và nội dung của chương trình. Các quy định về đánh giá KQHT của người học theo CTĐT Nông học được công bố công khai cho GV, người học và các bên liên quan trước khi bắt đầu CTĐT. Trước khi bắt đầu các học phần, người học được thông báo về kế hoạch, hình thức và tiêu chí kiểm tra đánh giá sử dụng trong học phần đó. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng và có tính liên tục, đảm bảo độ tin cậy và sự công bằng, phù hợp với đặc thù của từng học phần. Thông tin về kết quả học tập được phản hồi kịp thời giúp người học cải thiện quá trình học tập của bản thân, đáp ứng với mục tiêu đào tạo. Ngoài ra, người học cũng dễ dàng tiếp cận với quy trình khiếu nại về KQHT của mình.

Các quy định về đánh giá kết quả học tập đã được trình bày cụ thể, rõ ràng trong các quy định về đào tạo và kiểm tra đánh giá của Nhà trường và được thông báo công khai tới từng sinh viên.

Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra

1. Mô tả hiện trạng

(1) Quá trình đào tạo cử nhân Nông học đã xác định kế hoạch đánh giá kết quả học tập của người học cụ thể và rõ ràng.

Đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện thường xuyên trong suốt quá trình học tập nhằm xác định năng lực của người học đạt được so với mục tiêu của từng học phần và CĐR của CTĐT, giúp SV cập nhật kịp thời tình hình học tập, từ đó cải thiện để nâng cao kết quả học tập của mình. Đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt CĐR của CTĐT Nông học. Trên cơ sở các quy chế

của Bộ GD&ĐT về quy định đào tạo theo hệ thống tín chỉ: Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/8/2007 do Bộ GD&ĐT ban hành quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (*Chương 3: Kiểm tra và thi học phần; Chương 4: Xét và công nhận tốt nghiệp*) và Thông tư số 57/2012/TT-BGD&ĐT về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế 43 nói trên, Thông tư 08/2021/TT-BGD&ĐT Thông tư ban hành quy chế đào tạo trình độ đại học [H5.05.01.01], [H5.05.01.02], [H5.05.01.03] TBU đã ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ năm 2018, và được sửa đổi vào năm 2021 [H5.05.01.04], [H5.05.01.05] [H5.05.01.06], và tiếp tục được cập nhật, chỉnh sửa vào năm 2024 [H5.05.01.07] trong đó quy định quy trình đánh giá kết quả người học.

(2) Các quy trình/kế hoạch về việc đánh giá kết quả của người học đều được thể hiện cụ thể. Để có căn cứ đánh giá kết quả học tập của người học, từ quy định đánh giá quá trình học tập theo hệ thống tín chỉ của Bộ GD&ĐT, Nhà trường đã xây dựng và ban hành Quy định về quy trình thi, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học [H5.05.01.08], [H5.05.01.09], [H5.05.01.11]. Quy định này thống nhất trong toàn Trường và được cụ thể hóa một phần trong bản mô tả CTĐT, cũng như đề cương học phần của mỗi học phần, phù hợp với CDR của CTĐT [H5.05.01.12]. Theo quyết định số 989/QĐ-ĐHTB ngày 12/9/2022 về việc ban hành CTĐT trình độ đại học, cao đẳng năm 2022 nội dung phần *D. Quy trình đào tạo và cách thức, công cụ đánh giá* đã thể hiện rõ các quy trình đào tạo theo tín chỉ, cách thức đánh giá, công cụ đánh giá học phần và các phương pháp đánh giá, rubric đánh giá phù hợp với từng ngành, từng học phần [H5.05.01.13], và tiếp tục được cập nhật, chỉnh sửa theo Quyết định số 183/QĐ-ĐHTB ngày 28/2/2025 [H5.05.01.14]. SV được biết các quy định về kiểm tra đánh giá để điều chỉnh phương pháp học tập của mình trong quá trình học, các quy định đó được thể hiện rõ trong đề cương chi tiết từng môn học và được thay đổi cho phù hợp với thực tế. Các hình thức kiểm tra đánh giá kết quả người học được phổ biến rộng rãi và công khai trong sổ tay sinh viên, đề cương chi tiết các học phần và được giảng viên viết cụ thể trên slide bài giảng, phổ biến vào tiết học đầu tiên của các học phần [H5.05.01.12], [H5.05.01.13], [H5.05.01.14], [H5.05.01.17].

(3) Các hoạt động/phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp để đo lường được mức độ đạt CDR.

Trong suốt quá trình học tập, người học phải trải qua các khâu đánh giá, bao gồm: đánh giá trong từng kỳ học, từng năm học, thực tập tốt nghiệp đều được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CDR. Để đảm bảo đạt CDR như đã công bố, tại mỗi đề cương chi tiết của học phần đã quy định rõ về quy trình kiểm tra, đánh giá với các hình thức, phương

pháp và nội dung đa dạng, đảm bảo sát với nội dung kiến thức trong học phần mà SV đã được học. Trong CTĐT chuyên ngành Nông học ban hành năm 2018 tiêu chuẩn đánh giá sinh viên thông qua hệ thống điểm học phần gồm điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần với tỷ lệ 50: 50; người học cũng cần đảm bảo các điều kiện cơ bản mới được tham gia dự thi kết thúc học phần [H5.05.01.12]; năm 2022 và 2025, khi ban hành CTĐT trình độ ĐH, CD, nội dung đánh giá học phần thông qua điểm đánh giá quá trình học tập và điểm kiểm tra giữa và cuối học phần tùy vào đặc điểm từng học phần; sinh viên cũng cần đáp ứng các yêu cầu mới được tham gia thi kết thúc học phần. CTĐT ban hành năm 2022, 2025 đã bổ sung PP đánh giá học phần: đánh giá chuyên cần, đánh giá bài tập/thuyết trình/vấn đáp /làm việc nhóm/tiểu luận/sản phẩm/TTTT. Ngoài ra, GV cũng xây dựng và sử dụng các rubric để áp dụng vào khâu kiểm tra đánh giá người học [H5.05.01.13], [H5.05.01.14].

Khi thiết kế ra đề thi các học phần, giảng viên dựa trên cơ sở 6 cấp độ của thang cấp độ tư duy Bloom, các bộ môn chủ động thiết kế câu hỏi từ dễ đến phức tạp tương ứng với 3 cấp độ tư duy (Bậc 1: Nhớ, biết ; Bậc 2: Hiểu, áp dụng; Bậc 3: Phân tích, tổng hợp, đánh giá) đã được trình bày trong mục tiêu của đề cương học phần [H5.05.01.12], [H5.05.01.13], [H5.05.01.14], [H5.05.01.08], [H5.05.01.11]. Với cách thức này, công tác thi, kiểm tra đánh giá được mức độ tích lũy về kiến thức chuyên môn, cũng như kỹ năng thực hành/ thí nghiệm, năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề của người học theo yêu cầu đã được trình bày trong đề cương học phần phát cho sinh viên vào buổi đầu tiên của mỗi học phần. Tổ hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá KQHT của SV như tự luận, vấn đáp, tiểu luận, báo cáo ... được thiết kế phù hợp để có khả năng đo lường mức độ đạt được CĐR.

Một phần rất quan trọng trong việc đánh giá kết quả học tập của SV là phải luôn đảm bảo tính công bằng, minh bạch: các khâu xây dựng rubric đánh giá chi tiết, ra đề, chấm thi, rọc phách, vào điểm luôn được đảm bảo đúng nguyên tắc đã quy định trong Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Trường, hệ thống rubrics trong mỗi đề cương tất cả các học phần, kể cả học phần thực tập tốt nghiệp và khóa luận tốt nghiệp, chi tiết đến 0.25 điểm cho từng nội dung, năng lực chuyên môn và kỹ năng hướng đến tạo chuẩn đầu ra của học phần và theo đó là CTĐT [H5.05.01.12], [H5.05.01.13], [H5.05.01.14]. Việc đánh giá chính xác kết quả của người học so với CĐR của CTĐT đã được quy định cụ thể trong các Quyết định số 1168 (6/11/2019) và số 359 (17/5/2021) – Quyết định về việc ban hành Quy chế thi, kiểm tra, đánh giá và quản lý kết quả học tập trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại Trường ĐHTB [H5.05.01.08], [H5.05.01.11]. Theo đó, các thông tin cụ thể liên quan đến người học như đánh giá kết quả học tập (điều 3), đánh giá học phần (điều 4), điểm đánh giá quá trình (điều 5), thông tin về thi kết thúc học phần,

số lần được dự thi, điều kiện dự thi (điều 6), cách tính điểm đánh giá (điều 7), hoãn thi, phúc khảo bài thi, thi lại (điều 9), trách nhiệm của thí sinh (điều 16), xử lý thí sinh vi phạm quy chế thi (điều 21), hình thức vi phạm và khung xử lý kỉ luật thí sinh vi phạm (điều 22) được thể hiện cụ thể, rõ ràng [H5.05.01.08], [H5.05.01.11]. Hệ thống tiêu chí đánh giá được xây dựng cho từng định hướng lĩnh vực chuyên môn cho sản phẩm thực tập tốt nghiệp và khóa luận tốt nghiệp [H5.05.01.10] được lấy ý kiến của các chuyên gia từ các đơn vị tuyển dụng... Đề thi phải bám sát nội dung, chương trình giảng dạy, đồng thời đạt yêu cầu phân loại được năng lực của người học, phải phát huy khả năng tư duy, sáng tạo của người học và đủ thời gian quy định cho mỗi học phần [H5.05.01.08], [H5.05.01.11]. Trưởng bộ môn là người chịu trách nhiệm trước Khoa và Nhà trường về chất lượng đề thi.

Số đợt thực thực tập nghề nghiệp của sinh viên ngành Nông học là 2 đợt vào các kỳ 5 và 6 (với tổng số tín chỉ là 10) chưa kể đợt thực tập tốt nghiệp. Mỗi đợt thực tập được đánh giá độc lập theo hình thức báo cáo và thực hành kỹ năng tay nghề tại hiện trường thực địa; điều này đảm bảo không chỉ chuẩn kiến thức mà còn chuẩn cả về kỹ năng, thái độ. Quy định đánh giá cụ thể được thể hiện trong các Kế hoạch thực hiện các học phần đó [H5.05.01.12], [H5.05.01.13], [H5.05.01.14].

Khi SV ngành Nông học đã tích lũy từ 90 tín chỉ trở lên, điểm trung bình trung đạt từ 2,0 trở lên, người học đạt điều kiện được làm thực tập tốt nghiệp Nông học. Khi SV hoàn thành tất cả các học phần có liên quan đến chuyên môn cần thiết cho nội dung thực tập tốt nghiệp Nông học, tích lũy đủ các học phần tiên quyết của thực tập tốt nghiệp Nông học và khối kiến thức tích lũy tối thiểu đạt trình độ SV năm thứ tư và điểm trung bình chung tích lũy tính từ đầu khóa học không dưới 2,0 [H5.05.01.10]. Khi thực hiện thực tập thực tập tốt nghiệp Nông học, SV được các giảng viên phụ trách hướng dẫn viết đề cương, thực hiện các nội dung nghiên cứu. SV được bảo vệ đề cương nghiên cứu trước Hội đồng khoa và bộ môn bố trí. Việc đánh giá kết quả nghiên cứu của thực tập chuyên môn cuối khóa được thực hiện đúng theo quy chế của Nhà trường, có phiếu đánh giá cho từng thành viên trong hội đồng, cũng như giảng viên hướng dẫn và phản biện.

Trong quá trình thực hiện chương trình đào tạo, Nhà trường thường xuyên rà soát, điều chỉnh các quy định về đánh giá kết quả học tập cho phù hợp với điều kiện thực tiễn, bám sát chuẩn đầu ra của ngành. Nhà trường đã tiến hành thống kê, lập báo cáo phân tích dữ liệu điểm đánh giá kết quả học tập của sinh viên đại học, cao đẳng hệ chính quy. Trên cơ sở đó, yêu cầu các khoa triển khai và đôn đốc các bộ môn nghiêm túc phân tích kết quả được trình bày trong thông báo đó. Đồng thời yêu cầu các khoa báo cáo, phân tích nguyên nhân và kế hoạch khắc phục của bộ môn đối với các học phần có chênh lệch

trung bình giữa điểm trung bình thành phần và điểm trung bình thi vượt ngưỡng 2,0 điểm [H5.05.01.16]. Bộ môn chuyên môn cũng đã tiến hành thảo luận, tìm ra nguyên nhân và đề xuất kế hoạch khắc phục bám sát các quy chế, quy định hiện hành của Nhà trường [H5.05.01.17].

2. Điểm mạnh

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CDR, được thực hiện theo đúng quy trình, đảm bảo tính nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với phương thức đào tạo, mục tiêu đào tạo và CDR của từng học phần.

Nhà trường đã xây dựng và ban hành các Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần và thông báo, phổ biến đến GV, SV biết để thực hiện.

Các phòng chức năng được phân công trách nhiệm cụ thể để quản lý và đẩy mạnh công tác kiểm tra, đánh giá một cách độc lập việc đánh giá kết quả học tập. Nhà trường đã có sự rà soát, điều chỉnh quy trình thi, kiểm tra đánh giá người học thông qua việc phân tích nguyên nhân và đề xuất các biện pháp khắc phục.

3. Điểm tồn tại

Chưa thực hiện khảo sát ý kiến của SV về các phương pháp kiểm tra đánh giá đối với từng học phần.

4. Kế hoạch hành động

- Nhà trường và Khoa Nông Lâm ban hành văn bản hướng dẫn và thực hiện việc khảo sát lấy ý kiến của sinh viên sau khi kết thúc học phần.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của NH (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới NH

1. Mô tả hiện trạng

Hiện nay việc đánh giá kết quả học tập của người học của TBU được thực hiện theo đúng quy chế đào tạo theo học chế tín chỉ. Vì vậy, các giảng viên giảng dạy các học phần của khoa Nông Lâm đều hiểu rõ Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính

quy theo hệ thống tín chỉ của TBU [H5.05.01.05], [H5.05.01.06], [H5.05.01.07], Quy chế tổ chức thi, kiểm tra đánh giá và quản lý kết quả học tập [H5.05.01.08], [H5.05.01.11], [H5.05.02.01], đăng công khai trên trang web [H5.05.02.04] cũng như trong Sổ tay sinh viên [H5.05.01.17]. Quy định cụ thể về thời gian, hình thức thi/kiểm tra đánh giá, phương pháp, tiêu chí, trọng số đối với đánh giá môn học, yêu cầu về trách nhiệm, nghĩa vụ của người học đều được quy định rõ trong đề cương môn học [H5.05.01.12], [H5.05.01.13], [H5.05.01.14].

- Về thời gian: thời gian tiến hành đánh giá kết quả học tập của người học được phòng BĐCL&TTPC lập kế hoạch cho từng học phần, cho từng kỳ học [H5.05.01.08], [H5.05.01.11]. Kế hoạch chung được thông báo trên website, được gửi tới các khoa, bộ môn, các lớp và các đơn vị liên quan cùng với kế hoạch giảng dạy, học tập trước khi bắt đầu học kỳ. Kế hoạch lịch thi cụ thể được gửi tới các khoa, bộ môn, các lớp sinh viên, từng tài khoản cá nhân của sinh viên trên hệ thống của nhà trường và các đơn vị có liên quan [H5.05.02.04]. Điểm quá trình và điểm cuối kỳ được cập nhật trên cổng thông tin đào tạo [H5.05.02.04] Chính vì vậy, sinh viên (người học) đã được phổ biến đầy đủ, rõ ràng các quy định về kiểm tra/đánh giá kết quả học tập.

Theo Quy định tổ chức thi kết thúc học phần hệ chính qui đào tạo theo học chế tín chỉ tại TBU nêu rõ: các học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết và thực hành, điểm học phần được tổng hợp từ các điểm bộ phận (điểm thi học phần với trọng số bắt buộc là 50%; các điểm bộ phận còn lại với trọng số 50% bao gồm các nội dung: điểm đánh giá thái độ học tập của người học; điểm kiểm tra giữa kỳ, điểm thảo luận, seminar, thuyết trình; điểm trung bình của các bài thực hành). Đối với các học phần thực hành, thí nghiệm, thì điểm học phần là trung bình cộng của các điểm đánh giá từng bài thực hành. Những học phần thí nghiệm, thực hành không tổ chức thi kết thúc học phần, điểm của học phần là điểm trung bình cộng của các bài thực hành trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân [H5.05.01.08], [H5.05.01.11]. Với mỗi bài thực hành đều có các tiêu chí và trọng số cụ thể. Ngoài ra, đánh giá KQHT của học phần thực hành có thể theo hình thức báo cáo. Kết quả của các bài thực hành được người học soạn chi tiết trong bản word và báo cáo bằng các slide. Tất cả những quy định này được cụ thể hóa và thể hiện rõ ràng trong ĐCHP. Trong quy định này cũng nêu rõ cách tính điểm đối với các học phần Thực tế chuyên môn, bao gồm: thực tập nhận thức tại cơ sở sản xuất và nghiên cứu, thực tập kỹ năng, thực tập tốt nghiệp: Báo cáo tổng kết thu hoạch cuối đợt với trọng số bắt buộc là 50%; Các điểm bộ phận còn lại với tổng trọng số là 50% (ít nhất 2 cột điểm bộ phận), có thể bao gồm 02 nội dung: Tinh thần, thái độ nhận thức trong đợt thực

tập và các bài tập nhỏ trong quá trình thực tập. Giảng viên luôn phổ biến mọi quy định về thời gian, phương pháp, tiêu chí đánh giá cho sinh viên ngay từ khi bắt đầu học phần [H5.05.01.12], [H5.05.01.13] [H5.05.01.14], [H5.05.01.08], [H5.05.01.11], [H5.05.02.01].

Để đảm bảo tính khách quan, công bằng, Nhà trường khuyến khích các giảng viên xây dựng hoặc chỉnh sửa ngân hàng đề thi để sử dụng chung cho sinh viên các khóa. Nội dung ngân hàng đề thi phải đáp ứng đòi hỏi của việc kiểm tra đánh giá chính xác, toàn diện và khách quan chất lượng học tập, nghiên cứu của người học; phải bao quát kiến thức của toàn bộ môn học, đánh giá được khả năng lĩnh hội kiến thức và tư duy sáng tạo của người học; phải đảm bảo tính đồng đều về độ khó giữa các đề thi, tương thích với lượng thời gian làm bài; nội dung câu hỏi hải đảm bảo khoa học, chính xác, chặt chẽ, cập nhật kiến thức mới [H5.05.01.08], [H5.05.01.11], [H5.05.02.01].

Để tăng cường ứng dụng CNTT trong đánh giá và quản lý kết quả học tập của người học, Nhà trường còn ban hành Quy định tổ chức thi trên máy tính đối với các học phần phù hợp [H5.05.02.02]. Trong giai đoạn dịch bệnh covid 19, phòng BDCL & TTPC chịu trách nhiệm xây dựng phương án, quy trình, hướng dẫn, kế hoạch thi, ban ra đề, coi thi, chấm thi; xây dựng công cụ hỗ trợ tổ chức thi trực tuyến; kế hoạch tập huấn công tác thi trực tuyến cho GV và SV... Trường đã ban hành hướng dẫn số 799/ĐHTB-BDCL về hướng dẫn thi kết thúc học phần trực tuyến [H5.05.02.05]; tiến hành tập huấn kỹ thuật tổ chức thi và tham gia thi kết thúc học phần trực tuyến cho 266 GV; 788 SV (có danh sách cụ thể) <https://deqa.utb.edu.vn/> [H5.05.02.06].

Nhà trường có quy định rõ ràng về công bố, cập nhật điểm quá trình và điều kiện thi kết thúc học phần, về phản hồi kết quả đánh giá môn học [H5.05.01.08], [H5.05.01.11], [H5.05.02.01]. Theo Quy chế đào tạo, trường Đại học Tây Bắc áp dụng quy định nội bộ về điều kiện dự thi, theo đó SV cần tham gia tối thiểu 80% thời lượng học lý thuyết, tham dự đầy đủ các học phần thực hành. Nhà trường cũng có quy định rõ ràng về công bố, cập nhật điểm quá trình và điều kiện thi. Giảng viên phụ trách học phần trực tiếp ra đề, chấm bài kiểm tra, bài thi giữa học phần và cho điểm đánh giá bộ phận. Giảng viên phải công bố công khai cho người học điểm đánh giá bộ phận, điểm tổng hợp đánh giá quá trình và trực tiếp giải quyết thắc mắc, kiến nghị (nếu có). Các giảng viên giảng dạy ở Bộ môn Nông học thuộc khoa Nông Lâm đều đăng ký hình thức thi cuối kỳ của các môn học của mình phụ trách, nhằm đảm bảo tính khách quan, phù hợp với từng đối

tượng sinh viên của các năm, cũng như phù hợp với tình hình giảng dạy thực tế. Tất cả các hình thức thi này đều được thông báo cho sinh viên biết khi bắt đầu nhập môn.

Các tài liệu/hướng dẫn quy định cụ thể về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan trong các kì thi được công bố công khai tới người học trước mỗi khoá học/kì học/học phần thông qua Website [H5.05.02.04], sổ tay SV [H5.05.01.17], các buổi họp lớp, tuần sinh hoạt công dân đầu khoá học, đầu năm học [H5.05.02.03]. Do vậy, người học được thường xuyên cập nhật, hướng dẫn, giải đáp thắc mắc liên quan đến kiểm tra, đánh giá kết quả học tập.

2. Điểm mạnh

Các quy định về đánh giá KQHT của người học theo CTĐT ngành Nông học được thể hiện rõ ràng và được thông báo công khai tới người học qua nhiều kênh thông tin. Trợ lý Khoa, đội ngũ CVHT phối hợp với Phòng Đào tạo của Trường để thông báo công khai, rõ ràng các thông tin liên quan đến quy định đánh giá kết quả học tập.

- Đội ngũ giảng viên bộ môn Nông học của Khoa Nông Lâm không những có phương pháp kiểm tra/đánh giá KQHT của SV đa dạng, phong phú, mà còn luôn cập nhật, thay đổi để phù hợp với tình hình thực tế, đảm bảo tính khách quan, minh bạch, đảm bảo đánh giá được mức độ đạt được CDR của học phần đối với người học.

3. Điểm tồn tại

- Một số bộ phận nhỏ sinh viên chưa thường xuyên truy cập vào website, tài khoản riêng để cập nhật thông tin về tình hình học tập của bản thân.

- Hệ thống Cổng thông tin đào tạo thường bị quá tải trong trường hợp SV đồng loạt thực hiện đăng kí môn học.

4. Kế hoạch hành động

- Phòng Đào tạo, Phòng BDCL&TTPC, Phòng CTCT&QLNH và Khoa Nông Lâm phổ biến các quy định về kiểm tra đánh giá trên nhiều kênh thông tin.

- Nâng cấp hạ tầng kỹ thuật hoặc phân luồng đăng ký học phần để giảm tải cho cổng thông tin đào tạo.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng

1. Mô tả hiện trạng

Hình thức thi của từng học phần được quy định trong chương trình (đề cương) chi tiết của mỗi học phần đã được Nhà trường phê duyệt [H5.05.01.12], [H5.05.01.13], [H5.05.01.14]. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đảm bảo độ giá trị, tin cậy và công bằng, được thể hiện: một số học phần phải có ngân hàng đề thi được soạn thảo, thiết kế bởi các giảng viên chuyên môn, chịu sự giám sát, phê duyệt của Trưởng bộ môn theo hướng dẫn của Nhà trường. Đối với những học phần chưa có ngân hàng đề thi, giảng viên trực tiếp ra đề, bộ môn duyệt đề và nộp cho phòng Bảo đảm chất lượng và Thanh tra pháp chế. Đề thi phải bám sát nội dung, chương trình giảng dạy, đồng thời phải đảm bảo phân loại được người học [H5.05.01.08], [H5.05.01.11], [H5.05.02.01]. Đề thi kết thúc học phần phải phù hợp với nội dung học phần và với hình thức thi. Hình thức kiểm tra, đánh giá rất đa dạng: bài kiểm tra viết tại lớp, tiểu luận, vấn đáp, bài tập cá nhân, bài tập nhóm,... Việc dùng phối hợp nhiều phương pháp đánh giá trong 1 học phần giúp nhà trường linh hoạt trong tổ chức thi kết thúc học phần, giúp GV/bộ môn đánh giá, so sánh được hiệu quả, ưu nhược điểm của mỗi hình thức thi để hoàn thiện quá trình đánh giá kết quả học tập. Việc giảng viên sử dụng tổ hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học cũng được thể hiện trong đề cương chi tiết các môn học [H5.05.01.12], [H5.05.01.13], [H5.05.01.14]. Mẫu đề thi, mẫu đáp án, hướng dẫn ra đề... được quy định rõ. Tài liệu hướng dẫn được đăng trên website của Phòng BĐCL&TTPC, đề thi có thể ở dạng câu hỏi không sử dụng tài liệu, câu hỏi tự luận được sử dụng tài liệu,... được bộ môn duyệt trước khi đưa vào sử dụng [H5.05.01.08], [H5.05.01.11], [H5.05.02.01]. Hình thức thi được nhà trường yêu cầu rà soát theo năm học giúp GV điều chỉnh và sử dụng linh hoạt các phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học. Cụ thể các bước rà soát, cập nhật hình thức thi, đề thi: trước khi kết thúc học kỳ, phòng BĐCL&TTPC ra thông báo rà soát, cập nhật hình thức thi, đề thi; các bộ môn thực hiện thống kê hình thức thi/đề thi trong đó nêu rõ các thay đổi nếu có và nộp lại cho phòng BĐCL&TTPC. Để tổ chức các kỳ thi học phần, Nhà trường sẽ ban hành kế hoạch tổ chức thi kết thúc học phần, ra quyết định thành lập các Hội đồng thi và Ban thư kí; Ban ra đề với nhiệm vụ cụ thể đã được quy định theo Quyết định số 359/QĐ-ĐHTB (ngày 17/5/2021) [H5.05.01.11], [H5.05.03.01].

Phương pháp đánh giá kết quả học tập đảm bảo độ giá trị, tin cậy và công bằng. Về độ giá trị, điểm học phần được tổng hợp từ điểm đánh giá quá trình và điểm kết thúc học phần; cách thức đánh giá điểm quá trình và điểm kết thúc học phần, tỷ lệ giữa chúng đã được quy định cụ thể của từng loại học phần lý thuyết, thực hành, thí nghiệm và được soạn thảo chi tiết trong đề cương của học phần (chương trình chi tiết) [H5.05.01.12], [H5.05.01.13], [H5.05.01.14]. Hiện nay hầu hết điểm học phần là tổng điểm của điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần nhân với trọng số tương ứng. Trong

đó, điểm đánh giá quá trình do giảng viên trực tiếp giảng dạy đánh giá được tổng hợp từ các điểm đánh giá bộ phận: điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập, điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận, điểm thực hành, điểm chuyên cần, điểm thi giữa học phần, điểm tiểu luận, đồ án môn học; điểm thi kết thúc học phần là bắt buộc trong mọi trường hợp và có trọng số không dưới 50% [H5.05.01.12], [H5.05.01.13], [H5.05.01.14]. Về độ tin cậy, đề thi, đáp án thi cuối kì sau khi được bộ môn phê duyệt để đảm bảo hiệu lực đánh giá được nộp về phòng BDCL&TTPC [H5.05.01.08], [H5.05.01.11], [H5.05.02.01]. Đề thi kết thúc học phần đều được rút ngẫu nhiên từ ngân hàng đề thi được thiết lập sẵn hoặc được giảng viên ra đề, được bộ môn phê duyệt, đảm bảo yêu cầu về CTĐT đặt ra. Việc rút, in sao đề thi, đánh số phách, cắt phách, ghép phách đều được thực hiện bởi phòng BDCL&TTPC. Sau khi làm phách xong phòng BDCL&TTPC có trách nhiệm bảo mật tuyệt đối phần phách, có trách nhiệm giao bài thi và đôn đốc các giảng viên chấm thi, nộp điểm đúng thời hạn [H5.05.01.08], [H5.05.01.11], [H5.05.02.01]. Mỗi đề thi đều có đáp án tương ứng với số điểm chi tiết, hướng dẫn chấm thi cụ thể đánh giá bài thi cuối kỳ để đảm bảo độ tin cậy và sự công bằng đối với người học hạn [H5.05.01.08], [H5.05.01.11]. Để đảm bảo sự công bằng, khách quan trong mỗi kỳ thi, Nhà trường cũng đã có những quy định cụ thể về công tác ra đề, coi thi, chấm thi trong các quy chế hiện hành. Trước mỗi kỳ thi, Nhà trường đều thành lập ban đề thi, ban coi thi, chấm thi dựa trên những quy định cụ thể hạn [H5.05.01.08], [H5.05.01.11]. Sự tin cậy và công bằng còn được đảm bảo trong khâu chấm điểm cuối kì. Mỗi bài thi đều yêu cầu có hai giảng viên cùng chấm để hạn chế tính chủ quan khi đánh giá, giảng viên chấm cần hoàn thiện biên bản chấm thi trước khi tiến hành ghép phách vào điểm thi cuối cùng hạn [H5.05.01.08], [H5.05.01.11]. Bảng điểm mỗi môn học đều phải có ký xác nhận của 02 giảng viên chấm [H5.05.01.11]. Từ năm 2020, nhằm bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ giữa các khâu trong quá trình đánh giá, ứng dụng tối đa công nghệ thông tin, tăng cường tính khách quan, công bằng, chính xác và hiệu quả trong đánh giá và quản lý kết quả học tập, nhà trường cũng đã triển khai công tác thi, kiểm tra đánh giá trên máy tính với một số học phần ở mỗi chương trình đào tạo [H5.05.02.02]. Kết thúc mỗi kỳ học, Nhà trường đã tiến hành tổng hợp dữ liệu, lập báo cáo phân tích dữ liệu điểm đánh giá kết quả học tập của sinh viên đại học, cao đẳng hệ chính quy [H5.05.01.15]. Nhà trường có sử dụng phần mềm Edusoft trong quản lý đào tạo, phòng BDCL&TTPC nhập điểm vào phần mềm [H5.05.02.04]. Điểm quá trình các học phần sẽ được đăng tải công khai đến người học qua tài khoản cá nhân của từng sinh viên.

Trong quá trình triển khai công tác kiểm tra đánh giá, nhằm tăng cường tính nghiêm túc, khách quan, Nhà trường đã có Kế hoạch thanh tra nội bộ theo từng năm học, trong đó có nội dung thanh tra giám sát công tác ra đề, coi thi, chấm thi [H5.05.03.05]. Kết quả

thanh tra đã được lập thành các báo cáo theo từng năm, trong đó chỉ rõ những ưu điểm, tồn tại và đề xuất biện pháp khắc phục những tồn tại đó [H5.05.03.05].

Nhà trường cũng đã quan tâm đến ý kiến của người học, của giảng viên trong quá trình thực hiện chương trình đào tạo. Để hoạt động khảo sát lấy ý kiến của người học, giảng viên, Nhà trường đã ban hành kế hoạch và những quy định cụ thể về hoạt động lấy ý kiến phản hồi của người học và giảng viên về hoạt động dạy học và chương trình đào tạo [H5.05.03.02], [H5.05.03.03], [H5.05.03.04]. Việc đánh giá, kết quả đánh giá của sinh viên được thực hiện trên cổng thông tin đào tạo và phần mềm quản lý đào tạo Edusoft [H5.05.02.09]. Đây là cơ sở quan trọng để giảng viên xem xét, điều chỉnh hoạt động giảng dạy học phần, góp phần cải tiến chất lượng đào tạo.

2. Điểm mạnh

Công tác đánh giá kết quả học tập của SV đã được Khoa và Trường thực hiện theo đúng quy trình; phương pháp kiểm tra đánh giá được đa dạng hoá, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, mục tiêu từng học phần và đảm bảo tương thích với CĐR.

3. Điểm tồn tại

Trường và Khoa chưa tổ chức khảo sát đánh giá việc áp dụng các loại hình thi, kiểm tra đối với từng học phần để có thể phân tích mức độ phù hợp so với đặc thù của ngành học; chưa tổ chức thống kê phân tích định lượng các kết quả thi để đánh giá được mức độ khó dễ của đề thi, từ đó để có hướng điều chỉnh đề thi cho phù hợp.

4. Kế hoạch hành động

- Phòng Đào tạo, Phòng BDCL&TTPC, Phòng CTCT&QLNH và Khoa Nông Lâm phổ biến các quy định về kiểm tra đánh giá trên nhiều kênh thông tin.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để NH cải thiện việc học tập

1. Mô tả hiện trạng

Quy định về phản hồi kết quả đánh giá đến người học được Nhà trường thể hiện rõ trong Quy định tổ chức thi kết thúc học phần hệ chính qui đào tạo theo học chế tín chỉ. Quy định nêu rõ các cách phản hồi kết quả học tập cho người học đối với từng hình thức thi cụ thể. Đối với thi vấn đáp, thi theo bảo vệ chuyên đề, đồ án, khóa luận và các học phần thực hành, thực tập, thực tế, thì ngay sau khi chấm xong, giảng viên công bố

điểm cho SV ngay sau khi thi xong. Các hình thức thi trắc nghiệm khách quan, tự luận, tiểu luận, sau khi nhận bài thi từ phòng BDCL&TTPC, giảng viên tiến hành chấm bài, trả bài thi trong vòng 07 ngày. Phòng BDCL&TTPC lên điểm theo phách trong phần mềm quản lý đào tạo [H5.05.01.08]. Những quy định về phản hồi kết quả đánh giá được công bố công khai, kịp thời đến GV và người học thông qua hệ thống quản lý văn bản Ioffice và trên website của Nhà trường để giảng viên và người học nắm bắt thông tin nhanh chóng, kịp thời.

Phần mềm Edusoft quản lý hệ thống giúp Nhà trường quản lý kết quả học tập của người học chặt chẽ, chính xác, độ tin cậy cao và hỗ trợ người học tra cứu kết quả học tập của mình dễ dàng, nhanh chóng. Các quy định phản hồi về kết quả đánh giá được công bố công khai đúng thời gian quy định đến từng CVHT và SV để thực hiện và kiểm tra giám sát thông qua tài khoản cá nhân của sinh viên trên hệ thống Edusoft của trường [H5.05.04.02]. Trên cơ sở đó, người học tự tin, rút kinh nghiệm, cải thiện việc học tập của mình.

Việc đánh giá và chấm điểm đánh giá quá trình do giảng viên thực hiện trong quá trình giảng dạy học phần. Giảng viên in danh sách lớp học phần từ cổng thông tin đào tạo trên website của trường [H5.05.04.02] để theo dõi quá trình học tập của sinh viên. Việc đánh giá quá trình được thực hiện theo quy định đánh giá KQHT của người học, được thể hiện trong đề cương chi tiết của học phần đã được phê duyệt và thông báo công khai cho sinh viên. GV giảng dạy học phần có trách nhiệm đánh giá quá trình bao gồm điểm chuyên cần, điểm thường xuyên và điểm kiểm tra định kỳ,... Các bài kiểm tra sau khi chấm phải thông báo điểm và trả lại cho sinh viên, sinh viên có thể thắc mắc về điểm nếu thấy không thỏa đáng. SV được phản hồi và GV giải đáp ngay tại buổi trả bài kiểm tra, nếu có điều chỉnh hay không điều chỉnh GV cần thông báo công khai và nói rõ lý do. Sau đó, GV sẽ nộp phiếu điểm đánh giá quá trình theo danh sách SV của học phần cho phòng BDCL&TTPC để quét điểm lên hệ thống Edusoft của trường [H5.05.01.08].

Người học truy cập vào tài khoản cá nhân trong hệ thống quản lý người học của Nhà trường để xem điểm quá trình, điểm thi kết thúc học phần [H5.05.04.02]. Kết quả học tập của người học được lưu giữ đầy đủ, chính xác theo đúng tiến độ học tập của người học trên hệ thống quản lý đào tạo. SV có thể xem điểm của mình trên trang quản lý học tập của từng cá nhân thuộc hệ thống Edusoft. Sau 7 ngày thi kết thúc học phần, người học được biết KQHT. Khi nghỉ ngơi về KQHT, SV có quyền nộp đơn phúc khảo bài thi về Phòng BDCL&TTPC. Phòng BDCL&TTPC tổng hợp danh sách sinh viên phúc khảo bài thi và đề nghị bộ môn, khoa lập danh sách phân công cán bộ chấm phúc khảo bài thi theo quy định và Nhà trường ra quyết định thành lập Ban chấp thi phúc khảo để thực hiện việc chấm thi phúc khảo theo quy định [H5.05.01.08], [H5.05.03.05]. Nếu có sự sai lệch điểm thi thì Phòng BDCL&TTPC dựa vào biên bản và bài thi đã

chăm phúc khảo để điều chỉnh điểm trên phần mềm quản lý hệ thống. Điểm bài phúc khảo sau cùng sẽ được thông báo tới người học để lập kế hoạch học tập phù hợp hơn.

Nhà Trường đã nhận thức rõ tầm quan trọng của việc phản hồi kịp thời kết quả đánh giá kết quả học tập của SV, do đó đã xây dựng hệ thống quản lý đo lường đánh giá chặt chẽ, khoa học, khách quan, chính xác công bằng và phản hồi kịp thời tới người học để nâng cao chất lượng đào tạo giúp sinh viên chủ động trong cả quá trình học tập của mình. Thông tin phản hồi về đánh giá KQHT được SV sử dụng để cải thiện việc học tập.

Với cách thức thông báo điểm thi trên phần mềm hệ thống và sinh viên tự kiểm tra theo tài khoản cá nhân nên luôn được sinh viên phản hồi hài lòng về hình thức thực hiện. Riêng yếu tố thời gian đôi khi do lỗi mạng, phần mềm một số học phần chưa đáp ứng về tiến độ. Từ kết quả khảo sát, đánh giá môn học và đánh giá chất lượng khóa học của Nhà trường cho thấy đa số SV và cựu SV hài lòng với việc thông báo điểm thi kịp thời và cách thức GV cung cấp thông tin phản hồi về bài làm của SV giúp họ điều chỉnh kịp thời các hoạt động học tập để cải thiện chất lượng [H5.05.03.05], [H5.05.04.02], [H5.05.04.03].

2. Điểm mạnh

Việc tổ chức thi, chấm thi, báo điểm và phúc khảo được thực hiện đúng quy định về thời gian, quy trình, người học có thể đăng ký học, cải thiện được kết quả học tập của mình. Kết quả phúc tra đảm bảo công bằng.

3. Điểm tồn tại

Một bộ phận nhỏ SV chưa tích cực trong việc cải thiện kết quả học tập. Trong một số thời điểm, do hạn chế về hạ tầng mạng, việc truy cập xem điểm cũng như thông tin xét tốt nghiệp, cấp bằng trên phần mềm quản lý đào tạo bị tắc nghẽn, gây khó khăn cho công tác quản lý và người học (đặc biệt là SV phải thi lại).

4. Kế hoạch hành động

- Hàng năm khoa Nông Lâm và các cổ vấn học tập theo dõi, khích lệ SV cải thiện kết quả học tập.
- Trường ĐHTB, phòng BDCL&TTPC Nâng cấp hệ thống phần mềm quản lý đào tạo.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 5.5. NH tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập

1. Mô tả hiện trạng

Trong quá trình giảng dạy, giảng viên chủ động ra đề kiểm tra, chấm các bài kiểm tra và đánh giá điểm quá trình cho người học. Điểm đánh giá quá trình sẽ được giảng viên công bố công khai, giảng viên trực tiếp giải đáp các thắc mắc, khiếu nại về điểm đánh giá quá trình. Các quy định, quy trình khiếu nại kết quả học tập trước mỗi khóa học/kỳ học được phổ biến, hướng dẫn rõ ràng cho người học thông qua tuần sinh hoạt công dân [H5.05.02.07], website của Nhà trường và sổ tay SV [H5.05.01.17] [H5.05.04.03]. Quy trình khiếu nại về kết quả học tập đã được Trường Đại học Tây Bắc ban hành quy định hướng dẫn rất rõ ràng [H5.05.01.08]. Do vậy, người học dễ dàng được tiếp cận với quy trình khiếu nại về kết quả học tập.

Trong quá trình học tập, người học được quyền phúc tra khiếu nại KQHT, cụ thể:

- Đối với điểm đánh giá quá trình, SV khiếu nại trực tiếp với GV giảng dạy học phần đó khi GV công bố công khai kết quả học tập, GV giảng dạy học phần trực tiếp giải quyết các ý kiến của người học.

- Đối với kết quả điểm thi kết thúc học phần, sau khi người học thấy điểm thi công bố trên cổng thông tin điện tử không chính xác thì gửi đơn phúc khảo lên Phòng

BĐCL&TTPC đề nghị xem xét lại chậm nhất 1 tuần sau khi công bố điểm. Phòng BĐCL&TTPC có nhiệm vụ tiếp nhận các khiếu nại về kết quả thi của người học. Đơn phúc khảo được lấy theo mẫu tại Phòng hoặc tại website của Phòng BĐCL&TTPC [thi [H5.05.01.08] (<https://p.bdclttpc@utb.edu.vn/>). Phòng BĐCL&TTPC tổng hợp danh sách sinh viên phúc khảo bài thi và đề nghị bộ môn, khoa lập danh sách phân công cán bộ chấm phúc khảo bài thi theo quy định và Nhà trường ra quyết định thành lập Ban chấp thi phúc khảo để thực hiện việc chấm thi phúc khảo theo quy định [H5.05.01.08], [H5.05.03.05]. Việc chấm phúc khảo sẽ do Trưởng bộ môn phân công hai giảng viên khác với GV chấm lần 1 để quy trình đánh giá lại được hoàn toàn khách quan. Kết quả cuối cùng phải do Trưởng bộ môn ký xác nhận mới được công bố. Điểm sau phúc khảo là kết quả cuối cùng của học phần. Nếu có sự sai lệch điểm thi thì Phòng BĐCL&TTPC dựa vào biên bản và bài thi đã chấm phúc khảo để điều chỉnh điểm trên phần mềm quản lý hệ thống. Phòng KT và ĐBCLGD luôn có sổ theo dõi khiếu nại, trả lời kết quả khiếu nại hàng năm [H5.05.03.05].

Đối với KQHT khiếu nại của người học cũng được Nhà trường quản lý chặt chẽ, lưu trữ đầy đủ và chính xác trên phần mềm quản lý hệ thống của Nhà trường. Từ đầu năm nhất, SV được phòng Đào tạo thông báo và cấp phát cuốn sổ tay SV qua đó SV linh hoạt trong việc học tập và kiểm tra đánh giá trong các học kì cùng với những yêu cầu phúc khảo bài thi khi cần thiết [H5.05.01.17]

2. Điểm mạnh

Trường đã có quy định để người học có thể phản ánh các khiếu nại, việc khiếu nại của người học được giải quyết kịp thời. Người học có nhiều kênh để có thể phản ánh các khiếu nại về KQHT, Trường cũng đã ban hành quy trình rõ ràng để giải quyết việc khiếu nại của SV về kết quả học tập.

3. Điểm tồn tại

Việc công bố điểm cuối kỳ cho SV đôi khi còn chậm. Điều này ảnh hưởng đến việc phúc tra điểm và tiến độ học tập của SV.

4. Kế hoạch hành động

- Phòng BDCL&TTPC, khoa Nông Lâm theo dõi, giám sát thúc đẩy để việc chấm và công bố điểm thi KTHP đúng tiến độ theo quy định.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 4/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 5:

Việc đánh giá KQHT người học theo CTĐT ngành Nông học được thực hiện đúng theo quy định của Bộ GDĐT và Nhà trường, phù hợp với CĐR được ban hành và được thông báo rõ ràng và công khai tới người học với các phương pháp đánh giá đa dạng, đảm bảo tính giá trị, độ tin cậy, khách quan và công bằng. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập. Quy trình khiếu nại KQHT của người học được ban hành rõ ràng.

- Các hạn chế cơ bản:

Khoa chưa tổ chức khảo sát đánh giá việc áp dụng các loại hình thi, kiểm tra đối với từng học phần để có thể phân tích mức độ phù hợp so với đặc thù của ngành học; chưa tổ chức thống kê phân tích định lượng các kết quả thi để đánh giá được mức độ khó dễ của đề thi, từ đó để có hướng điều chỉnh đề thi cho phù hợp.

Việc công bố điểm cuối kỳ cho SV đôi khi còn chậm. Khoa Nông Lâm sẽ phối hợp với phòng BDCL&TTPC theo dõi, giám sát công tác kiểm tra đánh giá kết quả học tập để kịp thời điều chỉnh, hoàn thiện quá trình

Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành Nông học, tiêu chuẩn 5 đạt 5/5 tiêu chí, mức điểm trung bình là 4,8/7.

Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Mở đầu

Đội ngũ giảng viên (GV) là lực lượng nòng cốt trong hoạt động đào tạo của Nhà trường. Trong 64 năm xây dựng và phát triển, Nhà trường luôn chú trọng phát triển đội ngũ GV, đảm bảo về số lượng và trình độ chuyên môn để thực hiện tốt công tác đào tạo. Các văn bản chỉ đạo của Bộ Giáo dục và đào tạo, Đảng ủy và Hội đồng trường, các kế hoạch dài hạn, trung hạn, ngắn hạn của Nhà trường đều nhấn mạnh tầm quan trọng của việc phát triển đội ngũ GV từ các khâu quy hoạch, tuyển dụng, bổ nhiệm, đào tạo, bồi dưỡng và khen thưởng nhằm tạo động lực. Hiện nay, đội ngũ GV của Nhà trường đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về trình độ và các tiêu chí khác theo quy định. Cụ thể, đội ngũ GV của Khoa Nông Lâm đảm bảo về số lượng và đáp ứng các yêu cầu cần thiết để triển khai chương trình đào tạo (CTĐT) ngành Bảo vệ thực vật. Các GV ngành Bảo vệ thực vật tích cực tham gia các khóa tập huấn, đào tạo và bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ chuyên môn và nghiệp vụ. Nhà trường chú trọng xác định năng lực của đội ngũ GV và triển khai quản trị dựa trên kết quả công việc của họ. Các chế độ chính sách và khen thưởng đối với đội ngũ GV luôn được đảm bảo, tạo điều kiện thuận lợi để họ phát triển. Công tác quy hoạch và bổ nhiệm GV được thực hiện công khai, minh bạch, nhằm đảm bảo sự công bằng và rõ ràng trong quá trình này. Bên cạnh đó, Nhà trường xác lập và giám sát các loại hình và số lượng hoạt động nghiên cứu của GV, đồng thời đối sánh để cải tiến chất lượng. Điều này giúp nâng cao hiệu quả nghiên cứu và đảm bảo rằng hoạt động giảng dạy luôn cập nhật với những tiến bộ mới nhất trong lĩnh vực.

Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ GV, NCV (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả hiện trạng

Với mục tiêu xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động có cơ cấu hợp lý; nâng cao năng lực, trình độ đội ngũ, đáp ứng được các tiêu chuẩn quy định, đảm bảo nâng cao hiệu quả công tác, Nhà trường và Khoa Nông-Lâm đã có chủ trương xây dựng đề án vị trí việc làm; đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực; tuyển dụng, tinh giản biên chế và xây dựng các chính sách hỗ trợ giảng viên nâng cao năng lực và trình độ chuyên môn. Các chủ trương đó được thể hiện trong Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Tây Bắc giai đoạn 2018-2023 tầm nhìn 2030 [H06.06.01.01]. Nhằm cụ thể hóa chiến lược phát triển đội ngũ, Nhà trường ban hành Kế hoạch chiến lược về công tác tổ chức và phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2018-2023 [H06.06.01.03]; trong Kế hoạch đã đề ra giải pháp, các hoạt động thực hiện, thời gian thực hiện, cách đo chỉ báo phát triển đội ngũ về số lượng và chất lượng rõ ràng. Để đáp ứng với yêu cầu thực tiễn trong tình hình mới, Nhà trường đã xác định tỷ lệ giảng viên, giáo viên, cán bộ nghiên cứu đến năm 2025 đạt 70%, trong đó tỷ lệ giảng viên có trình độ thạc sĩ trở lên đạt 100%, tiến sĩ 35%, phó giáo sư và giáo sư đạt 3% đến 4,5%; số giảng viên được bồi dưỡng phát triển chương trình đào tạo, NCKH đạt 100%; các chỉ tiêu này được thể hiện rõ trong Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Tây Bắc giai đoạn 2023-2030 tầm nhìn 2045 [H06.06.01.04]. Với nỗ lực thực hiện tốt kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên giảng dạy các chương trình đào tạo chuyên ngành, Khoa Nông- Lâm xác định đến năm 2020 đội ngũ cán bộ, giảng viên trong Khoa có ít nhất 10 tiến sĩ và trên 95% thạc sĩ [H06.06.01.02].

Thực hiện công tác quản lý cán bộ, hằng năm Nhà trường và Khoa thực hiện thống kê về thông tin cơ cấu độ tuổi, giới tính, trình độ chuyên môn của giảng viên, cán bộ. Năm học 2019-2020, số lượng giảng viên Khoa Nông-Lâm là 42; về trình độ chuyên môn có 8 tiến sĩ, 34 thạc sĩ; về giới tính có 22 nữ, 20 nam [H06.06.01.05]. Đến tháng 7/2024, số lượng giảng viên, nhân viên thuộc Khoa Nông Lâm là 35 người, trong đó có 35 cán bộ, giảng viên cơ hữu, 17 cán bộ, giảng viên nam, 18 cán bộ, giảng viên nữ, 34,2% giảng viên có trình độ tiến sĩ, còn lại là thạc sĩ (bảng 6.6.1, 6.6.2, 6.6.3))

Bảng 6.1.1. Thống kê số lượng cán bộ, giảng viên và nhân viên thuộc Khoa Nông -Lâm (tháng 7/2024)

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu <i>Trong đó:</i>	17	18	35
I.1	Cán bộ trong biên chế			
I.2	Cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	17	18	35
II	Các cán bộ khác Hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng)	0	0	0
	Tổng số	17	18	35

Bảng 6.1.2. Thống kê, phân loại giảng viên Khoa Nông Lâm (tháng 7/2024)

Số TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
11	Giáo sư, Viện sĩ	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	0	0	0	0	0	0

3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	12	12	0	0	0	0
5	Thạc sĩ	23	23	0	0	0	0
6	Đại học	0	0	0	0	0	0
7	Cao đẳng	0	0	0	0	0	0
8	Trình độ khác	0	0	0	0	0	0
	Tổng số	35	35	0	0	0	0

Bảng 6.1.3. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu Khoa Nông -Lâm theo trình độ, giới tính và độ tuổi (tháng 7/2024)

Số TT	Trình độ / học vị	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (người)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	12	34,2	9	3	0	2	8	2	0
5	Thạc sĩ	23	65,8	8	15	0	9	14	0	0
6	Đại học	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng	35	100	17	18	0	11	22	2	0

Nhà trường đã phân tích nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của đội ngũ để có kế hoạch phát triển đội ngũ phù hợp. Trong chu kỳ đánh giá, Nhà trường đã báo cáo chất lượng đội ngũ viên chức và đăng ký nhu cầu đào tạo giai đoạn 2014-2020 [H06.06.01.06]. Thực hiện chiến lược phát triển đội ngũ, Nhà trường đã xây dựng Đề án vị trí việc làm

để làm căn cứ tuyển dụng, sử dụng lao động hiệu quả [H06.06.01.07] phù hợp quy định chế độ làm việc đối với giảng viên Trường Đại học Tây Bắc và điều kiện thực tiễn [H06.06.01.08]. Dựa trên phân tích đánh giá về đội ngũ cán bộ và kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Nhà trường có kế hoạch đào tạo, phát triển đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên [H06.06.01.09]. Bên cạnh đó Nhà trường xây dựng các kế hoạch tuyển dụng viên chức [H06.06.03.07] và các quy định về hỗ trợ phát triển đội ngũ được cụ thể hóa trong các Quy chế chi tiêu nội bộ và các văn bản điều chỉnh từ năm 2019-2024 [H06.06.01.10]. Nhà trường có chính sách hỗ trợ nghiên cứu sinh 20 triệu đồng trong 1 năm [H06.06.01.11].

Để đạt được các tiêu chí và chỉ tiêu phát triển nguồn nhân lực theo Kế hoạch chiến lược, Nhà trường ban hành kế hoạch và hướng dẫn thực hiện rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ nhiệm kỳ hiện tại 2020-2025; xây dựng quy hoạch cán bộ nhiệm kỳ kế các đơn vị thuộc, trực thuộc, các bộ môn, tổ chuyên môn, ban chuyên môn nhiệm kỳ hiện tại và nhiệm kỳ kế tiếp 2025-2030 [H06.06.01.12]. Công tác rà soát, bổ sung quy hoạch được Nhà trường và các đơn vị triển khai thường xuyên hằng năm và có quyết định phê duyệt danh sách quy hoạch, bổ sung quy hoạch các cấp quản lý, các bộ môn, tổ bộ môn, ban chuyên môn của nhằm đáp ứng tốt các mặt công tác gồm cả đào tạo, nghiên cứu khoa học, kết nối và phục vụ cộng đồng [H06.06.01.12]

Căn cứ danh mục vị trí việc làm, công tác quy hoạch, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ GV và nhân viên, công tác tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức của Trường được thực hiện theo đúng các quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên [H06.06.01.13]. Trong chu kỳ đánh giá, có nhiều giảng viên, cán bộ được tuyển dụng và bổ nhiệm vào các vị trí việc làm nhằm đáp ứng yêu cầu sử dụng lao động của Nhà trường [H06.06.01.14].

2. Điểm mạnh

- Trường Đại học Tây Bắc và Khoa Nông - Lâm luôn chú trọng đến quy hoạch đội ngũ giảng viên nhằm bảo đảm chất lượng đào tạo, NCKH và hoạt động kết nối phục vụ cộng đồng. Nhà trường có những quy định, chính sách cụ thể nhằm phát triển đội ngũ giảng viên.

Nhà trường thường xuyên triển khai rà soát, bổ sung quy hoạch đúng quy trình, bảo đảm tính công khai, minh bạch, dân chủ của tất cả công chức, viên chức, bảo đảm quy hoạch những người có đủ tiêu chuẩn, năng lực và trình độ vào các vị trí quản lý.

3. Điểm tồn tại

Khoa Nông - Lâm chưa có GV đạt học hàm PGS và GS, công tác tuyển dụng giảng viên có học vị theo quy hoạch phát triển đội ngũ của Trường ít.

4. Kế hoạch hành động

- Hằng năm, Nhà trường thực hiện phân tích vị trí việc làm để xây dựng kế hoạch bồi dưỡng giảng viên hằng năm sát với tình hình của đơn vị và nhu cầu của cá nhân từng giảng viên.

- Căn cứ vào điều kiện thực tiễn, Khoa Nông Lâm tiếp tục xây dựng vị trí việc làm, quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên đáp ứng được tình hình phát triển mới của Nhà trường và Khoa Nông Lâm nhằm bảo đảm cho chất lượng đào tạo, NCKH và kết nối phục vụ cộng đồng.

5. Tự đánh giá: 5/7.

Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Hàng năm, Nhà trường thống kê số lượng giảng viên, và người học để có kế hoạch đào tạo bảo đảm chất lượng. Tổng số giảng viên, giáo viên, cán bộ, viên chức và người lao động tính đến 31/12/2023 là 402 người (trong đó, có 05 sĩ quan biệt phái và 01 công chức thuộc biên chế của tỉnh ủy). Về trình độ: Phó Giáo sư - Tiến sĩ: 04; Tiến sĩ: 86; Thạc sĩ: 228; Đại học: 56; Cao đẳng: 08; trình độ khác 20. Theo chức danh nghề nghiệp (vị trí việc làm): 286 giảng viên (chiếm 71,14%); 116 cán bộ hành chính, phục vụ (chiếm 28,86%). Đội ngũ giảng viên chia theo chức danh gồm: 08 giảng viên cao cấp; 115 giảng viên chính; 140 giảng viên; 03 trợ giảng; 20 giáo viên. Tỷ lệ viên chức, người lao động trong Trường là: 179 nam (chiếm 44,5%); 223 nữ (chiếm 55,5%), 57 người thuộc dân tộc thiểu số (chiếm 14,17%); 128 viên chức và người lao động từ 35 tuổi trở xuống (chiếm 31,84%) [H06.06.02.01], [H06.06.03.09]

Tỷ lệ giảng viên trên sinh viên chính quy của Trường tính đến tháng 12/2023 đạt xấp xỉ 1/12 (3374/286) [H06.06.02.01]. Tỷ lệ giảng viên trên sinh viên chính quy của Khoa Nông - Lâm theo các năm (bảng 6.2.1) thấp, đều đáp ứng yêu cầu theo quy định của Bộ GDĐT [H06.06.02.02]

Bảng 6.2.1. Thống kê số lượng giảng viên/người học của Khoa Nông- Lâm theo các năm

STT	Năm học	Số lượng SV	Số lượng GV	Tỷ lệ GV/SV
1	2019-2020	252	37	1/6,8
2	2020-2021	184	37	1/5,0
3	2021-2022	148	36	1/3,1
4	2022-2023	186	36	1/5,2
5	2023-2024	186	35	1/5,3

Nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên và chuyên viên của các đơn vị thuộc và trực thuộc trường đáp ứng tốt hơn các nhiệm vụ được giao, Nhà trường phân tích, đánh giá chất lượng đội ngũ viên chức và đăng ký nhu cầu đào tạo [H06.06.01.06] để có căn cứ xây dựng chiến lược phát triển đội ngũ [H06.06.01.03] và các kế hoạch phát triển đội ngũ [H06.06.01.09]. Để theo dõi, đánh giá giảng viên, cán bộ được cử đi học, nhà trường có chính sách và quy định cụ thể trong công tác quản lý [H06.06.01.08]

Căn cứ các quy định hiện hành của Nhà nước về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập [H06.06.01.13], chiến lược phát triển nguồn nhân lực, danh mục vị trí việc làm, Nhà trường đã ban hành quy định tuyển dụng viên chức có quy định rõ điều kiện, tiêu chuẩn, hồ sơ và ưu tiên trong tuyển dụng [H06.06.01.03] [H06.06.01.07]. Để quản lý người viên chức, người lao

động, Nhà trường lập hồ sơ của từng viên chức và được cập nhật hàng năm [H06.06.02.04]. Phục vụ cho các công tác hoạt động chuyên môn, Khoa Nông Lâm đã xây dựng lý lịch khoa học của từng giảng viên và công khai trên website của Khoa [H06.06.02.05].

Căn cứ các văn bản quy định của Bộ GDĐT, Nhà trường ban hành Quy định về thời gian làm việc định mức giờ dạy đối với GV, trong đó quy định cụ thể về việc GV thực hiện giờ nghỉ vụ theo từng chức danh [H06.06.01.08]. Khối lượng, thời gian làm việc, định mức giờ chuẩn của giảng viên Trường Đại học Tây Bắc được quy định rõ cho những chức danh cụ thể ở bảng 6.2.2.

Bảng 6.2.2. Tổng định mức giờ chuẩn đối với giảng viên trong năm học

Định mức Chức danh	Giảng dạy	Nghiên cứu khoa học	Hoạt động chuyên môn, kết nối và phục vụ cộng đồng	Tổng
Giảng viên cao cấp	270	250	66	586
Giảng viên chính	270	225	91	586
Giảng viên	270	200	116	586
Trợ giảng	135	100	351	586

Vào đầu năm học, Trường Đại học Tây Bắc và Khoa Nông - Lâm có kế hoạch về hoạt động giảng dạy và hoạt động khoa học công nghệ, từng giảng viên đăng ký nhiệm vụ các năm học [H06.06.02.06]. Căn cứ kế hoạch năm học và đăng ký nhiệm vụ của giảng viên, Nhà trường phân công giảng dạy phù hợp chuyên môn cho các giảng viên [[H06.06.02.07]. Khối lượng giảng dạy, NCKH, kết nối và P.V.CĐ của GV được đo lường, giám sát, đánh giá thông qua bảng thống kê khối lượng thực hiện nhiệm vụ của giảng viên vào thời điểm kết thúc năm học, làm căn cứ để tính mức độ hoàn thành nhiệm vụ của giảng viên [H06.06.02.08], [H06.06.02.09]. Sau mỗi của năm học Khoa Nông Lâm tiến hành đánh giá tổng kết việc thực hiện nhiệm vụ năm học [H06.06.02.10]. Nội dung tổng kết đánh giá việc thực hiện khối lượng giảng dạy và NCKH cũng như các hoạt động chuyên môn, nhiệm vụ khác của từng giảng viên và toàn đơn vị. Kết quả nghiên cứu khoa học được lập dữ liệu quản lý và công bố trên website Khoa Nông Lâm để thông tin đến giảng viên, người học và các bên liên quan [H06.06.02.11]. Kết thúc mỗi năm học, Khoa Nông Lâm tổng kết đánh giá các mặt hoạt động trong đó có hoạt động NCKH, KNP.V.CĐ, kết quả thực hiện và dữ liệu được Khoa tổng hợp để làm cơ sở xây dựng kế hoạch hoạt động cho năm học tiếp theo [H06.06.02.12], [H06.06.02.13]. Công tác đánh giá giảng dạy vượt giờ và chi trả cho giảng viên được Nhà trường thực hiện theo từng năm học. Kết thúc mỗi năm học, Nhà trường căn cứ giao nhiệm vụ, số giờ giảng dạy thực hiện của từng giảng viên, quy định về chế độ làm việc của giảng viên và các quy định liên quan, Nhà trường thành lập Hội đồng thanh toán giờ dạy vượt

định mức giờ chuẩn của năm học để rà soát làm căn cứ để Nhà trường chi trả kinh phí theo quy chế chi tiêu nội bộ [H06.06.01.10]. Số giờ NCKH, KNPVCĐ của giảng viên nếu có vượt mức theo quy định sẽ được Nhà trường bảo lưu tính cho hoạt động cho năm sau của giảng viên [H06.06.02.14]

Công tác giám sát, đánh giá giúp các giảng viên, bộ môn và Khoa cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động kết nối phục vụ cộng đồng được Nhà trường triển khai hằng năm. Nhà trường đã ban hành kế hoạch và thực hiện thanh, kiểm tra các hoạt động để theo dõi, đánh giá các hoạt động của giảng viên, công chức, viên chức các đơn vị có những điều chỉnh nhằm thúc đẩy các hoạt động hiệu quả [H06.06.02.15].

2. Điểm mạnh

Tỉ lệ giảng viên trên người học được Nhà trường thực hiện theo đúng quy định hiện hành. Nhà trường đã có quy định về đo lường, giám sát khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên.

Phòng TC-HC là đơn vị quản lý cơ sở dữ liệu thông tin đội ngũ GV và giám sát khối lượng công việc hằng năm của GV trong toàn trường; Khoa Nông Lâm xây dựng CSDL thông tin đội ngũ GV của khoa và giám sát khối lượng công việc của GV hằng năm.

Trên cơ sở giám sát khối lượng công việc đối với đội ngũ giảng viên, Nhà trường và khoa Nông Lâm đã được đo lường, giám sát để cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, kết nối và phục vụ cộng đồng.

3. Điểm tồn tại

Trong những năm gần đây, số lượng sinh viên nhập học giảm dẫn đến sự biến động về khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên có xu hướng giảm. Công tác thống kê dữ liệu về thực hiện hoạt động KNPVCĐ của đội ngũ GV triển khai chưa thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

- Hằng năm, Khoa Nông Lâm tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên và nghiên cứu viên về chuyên môn và ngoại ngữ; Đẩy mạnh các hoạt động quảng bá tuyển sinh, nhằm thu hút và tăng số lượng, chất lượng đầu vào của sinh viên.

- Nhà trường sử dụng người lao động để đảm bảo tỷ lệ giảng viên/người học theo quy định để đảm bảo chất lượng đào tạo; tăng cường công tác giám sát, đánh giá các hoạt động của giảng viên để cải tiến, nâng cao chất lượng.

5. Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV, NCV (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai

1. Mô tả hiện trạng

Phát triển đội ngũ cán bộ là một trong những hoạt động trọng tâm của chiến lược phát triển Nhà trường. Phân đầu trong nhiệm kỳ 2020-2025, đội ngũ Nhà trường có tỷ lệ giảng viên đạt 70%, tỷ lệ giáo sư, phó giáo sư đạt 3%, tỷ lệ giảng viên đạt trình độ ngoại ngữ bậc 4 là 70%, tỷ lệ tiến sĩ 30% [H06.06.03.01]. Trong nhiệm kỳ đánh giá, căn cứ vào các văn bản quy định, hướng dẫn của Nhà nước, của Chính phủ các bộ

[H06.06.03.04] [H06.06.03.05], [H06.06.01.13], Nhà trường đã có các tài liệu, văn bản quy định về tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên để bổ nhiệm, điều chuyển [H06.06.03.02], [H06.06.03.03]. Trong quy định nêu rõ các tiêu chí của giảng viên và trợ giảng về đạo đức nghề nghiệp, về sức khỏe, về trình độ chuyên môn để tuyển dụng, lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên và bổ nhiệm, điều chuyển. Hướng dẫn thực hiện quy trình bổ nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư đã quy định rõ các tiêu chuẩn bao gồm về đạo đức và năng lực học thuật của giảng viên, nghiên cứu viên [H06.06.03.02], [H06.06.03.03]. Các tiêu chí tuyển dụng cụ thể giảng viên được Nhà trường xây dựng thể hiện trên kế hoạch, thông báo tuyển dụng và được công khai ở các thông báo tuyển dụng và đăng trên các phương tiện thông tin đại chúng [H06.06.03.06], [H06.06.03.07].

Thực hiện công tác quản lý bổ nhiệm, miễn nhiệm viên chức quản lý, năm 2019 Nhà trường ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm viên chức quản lý của Trường đại học Tây Bắc [H06.06.03.08]. Nhằm đáp ứng với điều mới, năm 2021 Hội đồng Trường đã tiếp tục ban hành Nghị quyết về việc ban hành quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm viên chức quản lý đơn vị trực thuộc và thuộc trường đại học Tây Bắc [H06.06.03.08]; Trong chu kỳ đánh giá, nhiều giảng viên Khoa Nông Lâm đã được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều chuyển công tác để phù hợp với nhiệm vụ của đơn vị, năng lực và nguyện vọng của cá nhân, các công tác này được phổ biến và thông báo công khai [H06.06.01.14], [H06.06.03.09]. Trong những năm qua, Nhà trường luôn có những chính sách và kế hoạch cụ thể để bồi dưỡng và phát triển năng lực chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ, các chính sách này được cụ thể tại các Quy chế chi tiêu nội bộ [H06.06.01.10]; Quy định quản lý cán bộ, giảng viên được cử đi đào tạo sau đại học; kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng giảng viên, cán bộ và người lao động; Quy định quản lý nghiên cứu sinh; Quyết định chi kinh phí cho nghiên cứu sinh các năm [H06.06.02.03], [H06.06.01.11] [H06.06.01.09], [H06.06.01.03]

Thông qua thực hiện các chính sách, kế hoạch này, đội ngũ giảng viên của Nhà trường nói chung và Khoa Nông Lâm nói riêng từng bước phát triển đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Để hoạt động công tác sử dụng lao động hiệu quả, Nhà trường đã ban hành danh mục vị trí việc làm [H06.06.01.07], Khoa Nông Lâm đã tiến hành xây dựng bảng mô tả vị trí việc làm của đơn vị, của bộ môn và từng giảng viên, đăng ký nhiệm vụ năm học. Khoa đã căn cứ vào bảng mô tả vị trí việc làm, đăng ký nhiệm vụ năm học để thực hiện công tác quản lý chuyên môn, đánh giá hiệu quả thực hiện nhiệm vụ từng năm học của đơn vị và cá nhân [H06.06.03.10].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã có các văn bản quy định về các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên để bổ nhiệm, điều chuyển.

- Nhà trường ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm viên chức giữ chức vụ quản lý thuộc Trường và triển khai thực hiện.

- Các tiêu chí tuyển dụng bổ nhiệm, điều chuyển giảng viên của Nhà trường được phổ biến và thông báo công khai; Bản mô tả vị trí việc làm được Nhà trường xây dựng và ban hành.

3. Điểm tồn tại

Việc xây dựng các kế hoạch phát triển chuyên môn, nghiệp vụ và đội ngũ kế thừa chưa được cụ thể

4. Kế hoạch hành động

- Hằng năm, Phòng TC-HC và Khoa Nông Lâm tham mưu cho Nhà trường triển khai xây dựng các kế hoạch phát triển chuyên môn, nghiệp vụ và đội ngũ kế thừa cho mỗi giai đoạn và năm học.

- Căn cứ vào yêu cầu thực tiễn, Nhà trường tiếp tục thực hiện tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên để bổ nhiệm, điều chuyển hiệu quả, theo đúng quy định

5. Tự đánh giá: 4/7.

Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ GV, NCV được xác định và được đánh giá

1. Mô tả hiện trạng

Hiện nay, Trường Đại học Tây Bắc không có chức danh nghiên cứu viên cho các ngành của Khoa Nông-Lâm, vì vậy nhiệm vụ nghiên cứu khoa học do đội ngũ giảng viên đảm nhận. Năng lực của đội ngũ giảng viên của Nhà trường và Khoa Nông Lâm được xác định và đáp ứng các quy định hiện hành. Căn cứ Luật Giáo dục đại học [H06.06.03.04], Quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập [H06.06.01.13], Thông tư quy định chế độ làm việc đối với giảng viên [H06.06.04.01], Nhà trường ban hành Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên trong các năm học [H06.06.01.08] và các Quy chế đánh giá, phân loại đối với đơn vị, công chức, viên chức và người lao động Trường Đại học Tây Bắc [H06.06.04.02]. Để thực hiện công tác đánh giá giảng viên, mỗi giảng viên sẽ thực hiện viết báo cáo đánh giá kết quả công tác cá nhân về giảng dạy, sáng kiến, bồi dưỡng rèn luyện để Bộ môn và Khoa đánh giá theo 4 mức: hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; hoàn thành tốt nhiệm vụ; hoàn thành nhiệm vụ và không hoàn thành nhiệm vụ. Mỗi cán bộ giảng viên phải thực hiện tự đánh giá theo phiếu đánh giá cán bộ giảng dạy hàng năm [H06.06.02.08]. Cuối mỗi năm học, căn cứ vào các kế hoạch và hướng dẫn của Nhà trường [H06.06.04.03] và Khoa Nông Lâm đã tiến hành họp tổng kết, ghi biên bản đánh giá, phân loại viên chức để trình Nhà trường làm căn cứ đánh giá, phân loại [H06.06.04.04]; Hội đồng đánh giá phân loại viên chức của Nhà trường họp, xét và trình Hiệu trưởng quyết định và thông tin tới các cán bộ viên chức [H06.06.04.05]. Kết quả đánh giá giảng viên cũng như bình xét các danh hiệu thi đua được công bố đến các đơn vị. Thông qua việc đánh giá hàng năm, mỗi giảng viên sẽ nhận thấy năng lực thực hiện nhiệm vụ của mình, từ đó xác định được nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

Để lấy ý kiến phản hồi của người học đối với từng giảng viên, Nhà trường triển khai hệ thống đánh giá của người học hằng kỳ trực tiếp trên phần mềm quản lý đào tạo [H06.06.04.06]. Từ những kết đánh giá, giúp giảng viên có điều chỉnh, trau dồi kiến thức, Nhà trường bồi dưỡng để phát triển đội ngũ và nâng cao chất lượng đào tạo. Bên cạnh đó, Khoa Nông Lâm thường xuyên tổ chức dự giờ đánh giá chuyên môn đối với giảng viên [H06.06.04.07], đây là hoạt động chuyên môn giúp giảng viên nâng cao năng lực lựa chọn và áp dụng các phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá, năng lực ứng dụng và sử dụng công nghệ thông tin trong dạy học; năng lực giám sát và tự đánh giá chất lượng công việc. Kết quả đánh giá GV hằng năm được lưu trữ trong hồ sơ của GV do phòng TC-HC quản lý. Thông qua các hoạt động này, giảng viên Khoa Nông Lâm

đã từng bước nâng cao năng lực của mình, giúp Khoa và Nhà trường thực hiện tốt công tác đào tạo chương trình Bảo vệ thực vật. Lý lịch khoa học của giảng viên Khoa Nông Lâm thường xuyên được cập nhật và công bố trên website đơn vị [H06.06.04.08].

Thực hiện công tác khen thưởng, Nhà trường đã ban hành quy chế thi đua - khen thưởng quy định về hình thức, nội dung phong trào thi đua; đối tượng, tiêu chuẩn, thủ tục, hồ sơ, quy trình xét tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng; hội đồng thi đua - khen thưởng và hội đồng sáng kiến; quỹ thi đua khen thưởng [H06.06.04.09]. Từ 2019-2024, Nhiều giảng viên và cán bộ của Nhà trường và Khoa Nông Lâm đã đạt các thành tích xuất sắc trong công tác được ghi nhận và cấp trên khen thưởng [H06.06.04.10].

2. Điểm mạnh

Năng lực của GV Nhà trường và GV Khoa Nông Lâm được xác định rõ ràng được thể hiện bao gồm: Năng lực NCKH; năng lực xây dựng, thiết kế và thực hiện CTDH; năng lực lựa chọn và áp dụng các phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá phù hợp đáp ứng yêu cầu CDR; năng lực ứng dụng và sử dụng CNTT trong dạy học; năng lực giám sát và tự đánh giá chất lượng công việc; năng lực nghiên cứu và PVCĐ... được đề cập cụ thể trong các văn bản do Nhà trường ban hành đáp ứng các quy định hiện hành.

Hàng năm, Nhà trường và Khoa Nông Lâm thực hiện tốt công tác đánh giá năng lực của giảng viên. Thông qua hoạt động đánh giá năng lực giảng viên, Nhà trường và Khoa có hoạt động thiết thực từng bước phát triển đội ngũ để đáp ứng công tác.

3. Điểm tồn tại

Nhiều giảng viên Khoa Nông Lâm năng lực ngoại ngữ còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

- Nhà trường tiếp tục hỗ trợ, cử giảng viên tham gia các khóa học tiếng Anh; các giảng viên đẩy mạnh hoạt động tự học tiếng Anh.

- Nhà trường tiếp tục hoạt động đánh giá, phân loại và bồi dưỡng giảng viên để nâng cao năng lực đội ngũ để đáp ứng với yêu cầu công việc.

5. Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, NCV được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó

1. Mô tả hiện trạng

Trường Đại học Tây Bắc luôn quan tâm công tác đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao năng lực cho đội ngũ giảng viên, chuyên viên và người lao động. Hoạt động này được thể hiện trong các kế hoạch chiến lược phát triển của Nhà trường [H06.06.01.01], [H06.06.01.04]. Kế hoạch chiến lược về công tác tổ chức và phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2018 - 2030 và tầm nhìn đến năm 2030 của Nhà trường đã đề ra mục tiêu xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động có cơ cấu hợp lý; nâng cao năng lực, trình độ đội ngũ, đáp ứng được các tiêu chuẩn quy định, đảm bảo nâng cao hiệu quả công tác [H06.06.01.03]. Phòng TC-HC là đơn vị có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hiệu trưởng về công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, quản lý đội ngũ cán bộ [H06.06.05.01]. Đầu mỗi năm học, Nhà trường thực hiện công tác khảo sát, đánh giá nhu cầu đào tạo/bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ GV, thông qua hoạt động đăng ký nhiệm vụ năm học, từng giảng viên tại mục đề xuất của cá nhân

đề nghị cầu học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ [H06.06.02.06]. Nhà trường đã xây dựng và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nâng cao năng lực chuyên môn, ngoại ngữ, tin học theo từng giai đoạn để đáp ứng yêu cầu phát triển [H06.06.01.09]. Bên cạnh đó, công tác phát triển nguồn nhân lực được thể hiện rõ trong kế hoạch triển khai nhiệm vụ của từng năm học của Nhà trường và của Khoa Nông - Lâm [H06.06.05.02], [H06.06.05.03]. Để đáp ứng yêu cầu thực hiện đào tạo ngành Bảo vệ thực vật, Khoa Nông Lâm đã thực hiện các thủ tục trình Nhà trường quyết định cử cán bộ đi đào tạo/bồi dưỡng giảng viên. Trong 5 năm qua, nhiều giảng viên Khoa Nông Lâm được cử đào tạo thạc sĩ và tiến sĩ trong và ngoài nước nâng cao trình độ chuyên môn [H06.06.05.04]; nâng cao trình độ tin học, ngoại ngữ [H06.06.05.06]; nâng cao trình độ quản lý và lý luận chính trị [H06.06.05.05]. Ngoài ra Nhà trường còn cử cán bộ, giảng viên tham gia khóa bồi dưỡng kiểm định viên giáo dục đại học, cao đẳng [H06.06.05.07]. Nhà trường có chính sách hỗ trợ giảng viên được cử đi đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ thông qua các Quy chế chi tiêu nội bộ [H06.06.01.10]. Đối với nghiên cứu sinh và thạc sĩ được hỗ trợ 20 triệu đồng/năm đào tạo, được thanh toán dạy vượt giờ không quá 100 giờ chuẩn/năm học; đạt học hàm giáo sư được hỗ trợ 50 triệu đồng, phó giáo sư 25 triệu đồng [H06.06.02.03]. Cuối mỗi năm học, Nhà trường đã có các quyết định hỗ trợ kinh phí cho nghiên cứu sinh [H06.06.01.11].

Nhà trường đã thực hiện công tác giám sát, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của giảng viên. Công tác giám sát, đánh giá được thể hiện rõ trong văn bản của Nhà trường: Quy định quản lý cán bộ, giảng viên được cử đi đào tạo sau đại học; Quy định quản lý nghiên cứu sinh; Quy định cán bộ, giảng viên học Tiếng Anh online [H06.06.02.03]; Quy chế Quản lý Công tác hợp tác quốc tế của Trường Đại học Tây Bắc [H06.06.05.08]. Các văn bản này quy định này rõ các nghiên cứu sinh được Nhà trường cử đi học hằng năm có báo cáo tiến độ gửi Nhà trường; các giảng viên đi học tập, công tác tại nước ngoài, sau khi hoàn thành chuyến đi có báo cáo bằng văn bản gửi Nhà trường, căn cứ báo cáo kết quả học tập của giảng viên được cử đi học, Nhà trường quyết định tiếp nhận giảng viên về công tác [H06.06.05.09]

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã triển khai công tác xác định được nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên. Kế hoạch về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên được Nhà trường xây dựng và triển khai. Để triển khai thực hiện tốt hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ GV, Trường Đại học tây Bắc đã xây dựng dự toán ngân sách và cơ cấu thu chi hằng năm dành cho kế hoạch kinh phí cho công tác này.

Đội ngũ giảng viên tham gia thực hiện chương trình đào tạo ngành Bảo vệ thực vật được đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn.

3. Điểm tồn tại

Số lượng giảng viên được cử đi đào tạo ở nước ngoài còn ít. Chương trình đào tạo, bồi dưỡng có nội dung chuyên sâu cho GV tham gia do Khoa Nông Lâm tổ chức còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

- Nhà trường tăng cường mở rộng hợp tác với các đối tác trong nước và quốc tế để cử giảng viên tham gia tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu.

- Hằng năm, Nhà trường thực hiện công tác khảo sát, đánh giá nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn và nghiệp vụ của đội ngũ giảng viên toàn Trường, trong đó có Khoa Nông Lâm để xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ đáp ứng chương trình đào tạo ngành Bảo vệ thực vật.

5. Tự đánh giá: 4/7.

Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của GV, NCV (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả hiện trạng

Thực hiện các hoạt động giám sát, đánh giá hiệu quả công việc của CB, GV, NV, Phòng TC-HC được giao nhiệm vụ là thường trực Hội đồng đánh giá, phân loại công chức, viên chức và người lao động; các khoa có nhiệm vụ quản lý viên chức và người học thuộc khoa; tổ chức đánh giá viên chức trong khoa và tham gia đánh giá cán bộ quản lý trong Trường [H06.06.05.01].

Căn cứ các văn bản quy định của Nhà nước và Bộ GDĐT, Nhà trường ban hành Quy định về định mức giờ lao động đối với GV, trong đó GV thực hiện giờ nghỉ vụ theo từng chức danh giảng viên cao cấp, giảng viên chính, giảng viên, trợ giảng và thực hiện giờ giảng dạy, NCKH và KNPVCD; giờ miễn giảm do làm công tác quản lý, công tác kiêm nhiệm [H06.06.01.08]. Nhà trường ban hành Quy chế đánh giá, phân loại đối với đơn vị, công chức, viên chức và người lao, quy định cụ thể tiêu chí đánh giá theo các mức và quy trình triển khai đánh giá ở các cấp [H06.06.04.02]. Việc thực hiện đánh giá viên chức và người lao động được thực hiện theo kế hoạch hằng năm [H06.06.04.03] và có hướng dẫn cụ thể [H06.06.06.01].

Quy định về thi đua, khen thưởng của Nhà trường nêu rõ đối tượng, tiêu chuẩn, thủ tục hồ sơ, quy trình đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng [H06.06.04.09]. Nhà trường thành lập các Hội đồng thi đua-khen thưởng và xây dựng quy chế hoạt động giúp Hiệu trưởng thực hiện công tác thi đua-khen thưởng [H06.06.06.02]. Các GV có thành tích xuất sắc trong công tác đều được Nhà trường ghi nhận bằng các hình thức khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng [H06.06.04.10]. Nhằm khuyến khích người lao động, Nhà trường ban hành Quy chế nâng lương trước thời hạn, trong đó quy định các thành tích và điều kiện về thời gian, kết quả công tác để xét nâng lương trước thời hạn [H06.06.06.03]. Để thực hiện công tác thi đua, vào đầu mỗi năm học toàn thể cán bộ, viên chức và người lao động trong Nhà trường thực hiện đăng ký thi đua để làm mục tiêu phấn đấu và là cơ sở xét thi đua cuối mỗi năm học [H06.06.06.04]. Trong kế hoạch năm học của Nhà trường và của Khoa Nông -Lâm luôn có nội dung đánh giá, phân loại CB, VC-NLĐ và bình xét thi đua khen thưởng hằng năm [H06.06.06.05], [H06.06.06.06], [H06.06.06.07].

Căn cứ nhiệm vụ được giao, kết quả thực hiện nhiệm vụ và đối chiếu với các tiêu chuẩn của các quy định trên, định kỳ cuối năm học, Nhà trường ban hành thông báo triển khai đánh giá, phân loại CB, VC-NLĐ và gửi đến các đơn vị để thực hiện [H06.06.06.01]. Khoa Nông Lâm tổ chức họp khoa để phổ biến đến GV thực hiện đúng quy trình từ bước cá nhân tự đánh giá, bộ môn nhận xét đánh giá phân loại, sau đó cấp khoa và cuối cùng cấp Trường theo đúng quy định phân loại công chức, viên chức [H06.06.04.02], [H06.06.04.09], [H06.06.04.04], [H06.06.04.05]. Cuối mỗi năm học, Khoa Nông Lâm thống kê giờ giảng, các hoạt động NCKH và các hoạt động KNPVCD

của GV đã thực hiện trong năm học và đối chiếu với Quy định về định mức giờ dạy đối với GV, Bản mô tả vị trí công việc của GV do Nhà trường ban hành để làm cơ sở đánh giá [H06.06.01.08], [H06.06.03.10], [H06.06.02.02], [H06.06.06.08], [H06.06.01.07]. Sau khi đánh giá, phân loại viên chức năm học ở cấp đơn vị, Nhà trường tiến hành đánh giá, phân loại ở cấp Trường, công khai và gửi kết quả đánh giá về các đơn vị để thông báo đến CC, VC-NLĐ [H06.06.04.05]. Bên cạnh đó, kết quả đánh giá, phân loại GV được lưu trữ trong hồ sơ của GV do phòng TCCB quản lý [H06.06.02.04] và các lý lịch khoa học của giảng viên Khoa Nông Lâm [H06.06.02.05]. Kết quả đánh giá, phân loại năm học được sử dụng làm cơ sở để bình xét thi đua khen thưởng các cấp bao gồm: danh hiệu lao động tiên tiến đối với cá nhân, tập thể, chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, cấp Bộ. Khen thưởng cấp Trường, cấp Tỉnh, cấp Bộ và được Hiệu trưởng công nhận kết quả bình xét thi đua khen thưởng năm học theo thẩm quyền [H06.06.04.10].

Báo cáo kết quả quản trị của đội ngũ GV hằng năm được thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học của Trường và báo cáo Hội nghị viên chức hằng năm của Trường [H06.06.06.09], [H06.06.06.10]. Bên cạnh đó, kết quả quản trị của đội ngũ GV của Khoa Nông Lâm được thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học hằng năm của Khoa [H06.06.02.10], [H06.06.06.10]. Trong giai đoạn 2019-2024, GV của Nhà trường và Khoa Nông Lâm nhận được nhiều hình thức khen thưởng các cấp bao gồm: danh hiệu lao động tiên tiến đối với cá nhân, tập thể, chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, cấp Bộ, Khen thưởng cấp Trường, cấp Tỉnh, cấp Bộ [H06.06.04.10]. Nhà trường triển khai chỉnh sửa quy chế thi đua, khen thưởng căn cứ theo góp ý của các bên liên quan để phù hợp với điều kiện mới [H06.06.06.12]. Ngoài ra, các ý kiến của GV tại Hội nghị viên chức hằng năm của Nhà trường và của Khoa Nông Lâm thể hiện sự hài lòng về việc thi đua khen thưởng và công nhận của Trường và các cấp có thẩm quyền [H06.06.04.04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường ban hành hệ thống văn bản quản trị công việc của CB, VC-NLĐ và triển khai thực hiện.

Nhà trường và Khoa Nông Lâm đã triển khai quản trị theo kết quả công việc của giảng viên tạo động lực hỗ trợ cho đào tạo, có những quy định cụ thể rõ ràng để đánh giá mức độ hoàn thành công việc của giảng viên, tạo động lực để giảng viên cố gắng phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đồng thời giúp công tác quản lý đạt được hiệu quả tốt hơn, giúp thực hiện tốt công tác triển khai đào tạo ngành Bảo vệ thực vật.

Trong kế hoạch năm học của Nhà trường và của các đơn vị luôn có nội dung đánh giá, phân loại CB, VC-NLĐ và bình xét thi đua khen thưởng hằng năm. Kết quả đánh giá, phân loại GV và kết quả thi đua khen thưởng hằng năm được thông báo công khai và lưu trữ trong hồ sơ của GV do phòng TCCB quản lý.

3. Điểm tồn tại

Giảng viên Khoa Nông Lâm được nhận các hình thức khen thưởng cấp cao còn ít do chưa có nhiều chính sách hỗ trợ và khuyến khích.

4. Kế hoạch hành động

- Hằng năm, Khoa Nông Lâm thực hiện công tác nhằm động viên, khuyến khích, hỗ trợ tăng số lượng GV Khoa Nông Lâm được nhận các hình thức khen thưởng cấp cao.

- Nhà trường tiếp tục thực hiện quản trị theo kết quả công việc của giảng viên theo kỳ học, năm học; khen thưởng kịp thời giảng viên có thành tích xuất sắc

5. Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên và nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Kế hoạch chiến lược phát triển hoạt động KHCN giai đoạn 2018-2023 và tầm nhìn đến năm 2030 xác định mục tiêu hoạt động KHCN đóng vai trò nòng cốt trong sự phát triển Nhà trường, gia tăng về chất lượng và số lượng các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, tận dụng triệt để thành tựu của cuộc cách mạng 4.0 nhằm đáp ứng hai yêu cầu: nâng cao chất lượng đào tạo, góp phần phát triển kinh tế xã hội của vùng. Từ đó, tạo lập uy tín vị thế của Nhà trường trong nước và quốc tế. Đến năm 2030 hoạt động KHCN đem lại 30% nguồn thu hợp pháp của Nhà trường [H06.06.07.01]. Kế hoạch chiến lược phát triển Nhà trường giai đoạn 2023 – 2030 và tầm nhìn đến 2045 xác định mục tiêu hoạt động khoa học công nghệ: Năng lực KHCN của nhà giáo, cán bộ, viên chức được nâng cao; hoạt động NCKH của người học được cải thiện; hệ thống quản lý dữ liệu KHCN, hồ sơ năng lực KHCN của Trường được xây dựng; năng lực KHCN phát triển theo định hướng ứng dụng [H06.06.01.04]

Nhà trường ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường, trong đó quy định phòng KHCN&QHQT là đơn vị chức năng tham mưu, giúp việc cho Hiệu trưởng quản lý các lĩnh vực liên quan đến KHCN và HTQT của Trường [H06.06.05.01]. Dựa trên cơ sở các văn bản hướng dẫn có liên quan đến KHCN, các văn bản pháp quy của Chính phủ và của Bộ GDĐT, Bộ KHCN, Nhà trường ban hành Quy định hoạt động KHCN của Trường đã quy cụ thể về: công tác thực hiện nhiệm vụ KHCN các cấp; hoạt động NCKH; quản lý tài chính, tài sản liên quan đến hoạt động KHCN; khen thưởng và xử lý vi phạm trong hoạt động KHCN [H06.06.07.02].

Trong Quy định về chế độ làm việc đối với GV của Nhà trường ban hành có quy định tiết chuẩn NCKH nghĩa vụ cho mỗi chức danh: trợ giảng là 100 giờ/năm; GV hạng III là 200 giờ/năm; GV hạng II là 225 giờ/năm; GV hạng I là 250 giờ/năm. Bên cạnh đó, Nhà trường quy định về loại hình NCKH GV thực hiện cũng như hướng dẫn cách quy đổi các hoạt động NCKH ra giờ chuẩn. Trên cơ sở đó, trong mỗi năm học, GV thực hiện hoạt động KHCN được công nhận và quy đổi tiết chuẩn, bao gồm: chủ trì hoặc tham gia các nhiệm vụ KHCN các cấp; chuyển giao kết quả nghiên cứu, hướng dẫn sinh viên NCKH; tham gia các hội đồng sáng kiến kinh nghiệm, chuyên đề phục vụ NCKH; tham gia các hội đồng đánh giá, nghiệm thu công trình KHCN; tham gia biên soạn giáo án, tài liệu giảng dạy. Ngoài ra, Nhà trường xây dựng định mức nghiên cứu tối đa cho từng loại sản phẩm KHCN là những bài báo công bố kết quả NCKH đăng trên tạp chí hoặc kỷ yếu tại các Hội nghị, Hội thảo khoa học uy tín [H06.06.01.08]. Nhà trường và Khoa Nông Lâm đã thực hiện công tác giám sát, đối sánh hằng năm về số lượng, chất lượng các hoạt động KHCN. Đầu mỗi năm học, Nhà trường ban hành kế hoạch hoặc phương hướng hoạt động KHCN trong đó có đề cập đến các loại hình, số lượng và chất lượng các hoạt động KHCN và thực hiện đối sánh [H06.06.07.02], H06.06.07.03. Căn cứ vào kế hoạch hoặc định hướng hoạt động KHCN của Nhà trường, Khoa Nông Lâm xây dựng kế hoạch từng năm học và đã xác định rõ nội dung hoạt động KHCN, chỉ số và chỉ báo cũng như thời gian thực hiện [H06.06.06.05]. Công tác đánh giá kết quả thực hiện hoạt động KHCN được Nhà trường, Khoa Nông Lâm triển khai sau khi kết thúc

các năm học. Kết quả được phân tích đối sánh giữa các năm học, so với chỉ tiêu đề ra, nguyên nhân không đạt chỉ tiêu và đề xuất các giải pháp cải tiến [H06.06.06.09], [H06.06.02.10]. Kết quả hoạt động KHCN được các giảng viên Khoa Nông Lâm theo dõi, ghi chép trong sổ tay NCK đề có đánh giá mức độ thực hiện so với nhiệm vụ theo quy định và đăng ký [H06.06.07.04].

Hàng năm, phòng KH&QHQT thống kê kết quả hoạt động NCKH của GV toàn trường, Khoa Nông Lâm thông kê hoạt động KHCN của giảng viên trong Khoa. Các kết quả hoạt động KHCN được công bố trên website của đơn vị [H06.06.07.05]. Đây là dữ liệu giúp cho Nhà trường và Khoa Nông Lâm thực hiện quản lý hoạt động KHCN hiệu quả. Bên cạnh đó, kết quả NCKH của GV được sử dụng để đánh giá, phân loại GV hằng năm cũng như bình xét thi đua khen thưởng [H06.06.07.06], [H06.06.04.05]. Kết quả NCKH của GV được lưu trữ trong hồ sơ của GV [H06.06.07.07]. Nhà trường áp dụng nhiều biện pháp cải tiến hoạt động NCKH của GV như: Loại hình và khối lượng NCKH của đội ngũ GV được Trường thường xuyên cải tiến để đáp ứng mục tiêu phát triển; định mức giờ nghĩa vụ của GV và mức quy đổi giờ chuẩn các hoạt động NCKH được điều chỉnh theo hướng tăng cường và khuyến khích các hoạt động NCKH; áp dụng mức thưởng cho công bố trên các tạp chí quốc tế và quốc gia có uy tín, đặc biệt là công bố trên các tạp chí thuộc danh mục ISI, SCOPUS... [H06.06.01.08], [H06.06.07.02]. Từ năm 2019-2024, giảng viên Khoa Nông Lâm thực hiện 40 đề tài NCKH các cấp, trong đó gồm: 11 đề tài cấp Bộ/Tỉnh, 29 đề tài cấp cơ sở. Từ 2019-2023 Giảng viên dạy ngành Bảo vệ thực vật đã đăng tải 86 bài báo trong nước và 16 bài báo trên tạp chí quốc tế, viết bài và tham dự 11 bài tại hội thảo quốc gia và quốc tế [H06.06.07.05]. GV Nhà trường đạt nhiều hình thức khen thưởng các cấp vì đã đạt thành tích trong NCKH [H06.06.04.10].

2. Điểm mạnh

Trường Đại học Tây Bắc đã ban hành đầy đủ văn bản quy định cụ thể về các loại hình và số lượng sản phẩm NCKH mà GV phải thực hiện và triển khai thực hiện.

Hàng năm, phòng KHCN&QHQT thống kê kết quả hoạt động NCKH của GV toàn Trường, Khoa Nông Lâm thông kê kết quả hoạt động KHCN của giảng viên của Khoa. Các kết quả KHCN đối đối sánh với chỉ tiêu trong kế hoạch năm học cũng như đối sánh giữa các năm học với nhau.

Trong giai đoạn 2019-2024, số lượng các bài báo khoa học công bố trên các tạp chí thuộc danh mục ISI, SCOPUS tăng lên rõ ràng. Nhiều GV Nhà trường đạt nhiều hình thức khen thưởng các cấp vì đã đạt thành tích trong NCKH.

3. Điểm tồn tại

Công tác khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan về hoạt động nghiên cứu khoa học của Nhà trường chưa được làm thường xuyên. Số lượng công bố nghiên cứu khoa học trên tạp chí quốc tế uy tín chưa có nhiều.

4. Kế hoạch hành động

- Nhà trường thực hiện công tác khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan theo từng năm học để làm cơ sở xây dựng kế hoạch, thực hiện các hoạt động KHCN đạt kết quả cao; tăng cường hợp tác với đối tác, khuyến khích giảng viên viết bài báo đăng trên tạp chí quốc tế uy tín.

- Ở mỗi năm học, Nhà trường thực hiện công tác giám sát, cải tiến hoạt động nghiên cứu khoa học; khen thưởng kịp thời giảng viên có thành tích xuất sắc.

5. Tự đánh giá: 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 6

Trong chu kỳ đánh giá, Nhà trường đã ban hành Kế hoạch chiến lược phát triển giai đoạn 2018-2023 và tầm nhìn 2030. Để phù hợp với tình hình thực tiễn trong điều kiện mới, Nhà trường đã ban hành Kế hoạch chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2023-2030, với tầm nhìn đến năm 2045. Các kế hoạch này bao gồm nội dung về quy hoạch và phát triển đội ngũ giảng viên (GV). Đồng thời, Nhà trường đã xây dựng Quy hoạch cán bộ quản lý (CBQL) các đơn vị trực thuộc Trường theo từng giai đoạn và được bổ sung thường xuyên. Công tác quy hoạch các chức danh lãnh đạo Trường và CBQL được thực hiện từ cấp bộ môn, đơn vị đến cấp Trường, đảm bảo tính công khai, minh bạch và dân chủ. Quy trình này giúp chọn lựa những người có đủ tiêu chuẩn, năng lực và trình độ vào các vị trí quản lý. Nhà trường cũng ban hành quy định về định mức giờ dạy đối với GV và thực hiện giám sát khối lượng công việc hàng năm. Dựa trên kết quả giám sát này, Nhà trường và Khoa Nông Lâm đánh giá khối lượng công việc của GV và áp dụng các biện pháp cải tiến chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học (NCKH) và phục vụ cộng đồng (PVCĐ). Tỷ lệ GV/sinh viên của chương trình đào tạo ngành Bảo vệ thực vật đáp ứng các yêu cầu hiện hành. Quy trình tuyển dụng cán bộ, viên chức (CB, VC) cũng được Nhà trường ban hành và thông báo đến GV và các bên liên quan qua nhiều hình thức. Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, thôi giữ chức vụ, từ chức và miễn nhiệm đối với viên chức giữ chức vụ quản lý cũng được triển khai một cách minh bạch. Trong giai đoạn 2019-2024, Nhà trường đã tuyển dụng nhiều lao động đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm. Năng lực của GV Nhà trường được xác định qua nhiều yếu tố như năng lực NCKH, thiết kế và thực hiện chương trình đào tạo, lựa chọn và áp dụng phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá phù hợp, ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy, giám sát và tự đánh giá công việc, và phục vụ cộng đồng. Các yếu tố này được cụ thể hóa trong các văn bản do Nhà trường ban hành. Hằng năm, Nhà trường đánh giá và phân loại CB, VC và người lao động, bao gồm cả đánh giá năng lực của đội ngũ GV. Trong giai đoạn 2018-2024, Nhiều giảng viên Khoa Nông Lâm được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ trở lên và được các cấp khen thưởng. Nhà trường đã ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBVC và đã thực hiện tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng giảng viên về chuyên môn, nghiệp vụ, tin học và ngoại ngữ. Để triển khai hiệu quả các hoạt động ĐT, BD và phát triển đội ngũ GV, Nhà trường đã xây dựng dự toán ngân sách và cơ cấu thu chi hàng năm. Nhà trường cũng ban hành hệ thống văn bản quản trị công việc của CB, VC-NLĐ và triển khai thực hiện. GV Khoa Nông Lâm đăng ký thi đua vào đầu năm học, làm cơ sở xét thi đua cuối năm. Kế hoạch năm học của Nhà trường và các đơn vị luôn bao gồm nội dung đánh giá, phân loại CB, VC-NLĐ và bình xét thi đua khen thưởng. Kết quả đánh giá và phân loại GV cũng như thi đua khen thưởng hàng năm được công khai và lưu trữ trong hồ sơ năng lực của GV do phòng Tổ chức Cán bộ quản lý. Nhà trường ban hành đầy đủ văn bản quy định cụ thể về các loại hình và số lượng sản phẩm NCKH mà GV phải thực hiện. Hằng năm, kết quả NCKH của GV được thống kê và đối sánh với chỉ tiêu trong kế hoạch năm học cũng như giữa các năm học. Dựa trên kết quả này, Nhà trường áp dụng nhiều biện pháp cải tiến hoạt động NCKH của GV. Trong giai đoạn 2019-2024, số lượng đề tài NCKH và bài báo khoa học do GV thực hiện tăng lên, đặc biệt là các bài báo công bố trên các tạp chí thuộc danh

mục ISI, SCOPUS. GV Nhà trường đạt nhiều hình thức khen thưởng các cấp nhờ thành tích trong NCKH.

Việc tuyển dụng giảng viên có học hàm, học vị theo quy hoạch phát triển đội ngũ của Trường còn hạn chế do chính sách thu hút chưa cao. Nguồn lực hạn chế khiến các chính sách thu hút giảng viên chưa đạt hiệu quả tối đa. Năng lực ngoại ngữ của giảng viên Khoa Nông Lâm còn yếu. Loại hình nghiên cứu khoa học chưa đa dạng, cần cải thiện để đáp ứng yêu cầu phát triển.

Sự phát triển bền vững của đội ngũ GV là yếu tố then chốt để đảm bảo Nhà trường có thể hoàn thành sứ mệnh giáo dục và đào tạo của mình. Để đạt được điều này, cần có sự cam kết mạnh mẽ từ lãnh đạo Nhà trường, sự hỗ trợ từ các cơ quan quản lý giáo dục và sự đồng lòng của toàn thể cán bộ, giảng viên và nhân viên. Chỉ khi tất cả cùng nhau nỗ lực, Nhà trường mới có thể vượt qua mọi khó khăn và thách thức, tiến tới mục tiêu trở thành một trong những cơ sở giáo dục uy tín.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 6:

+ Điểm trung bình tiêu chuẩn: 4,71

+ Số tiêu chí đạt: 7/7

Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên

Mở đầu

Trường Đại học Tây Bắc luôn chú trọng phát triển đội ngũ nhân viên phục vụ hoạt động đào tạo (ĐT), nghiên cứu khoa học (NCKH) và phục vụ cộng đồng (PVCĐ). Trước hết, Nhà trường luôn chú trọng quy hoạch đội ngũ nhân viên làm việc tại các phòng, ban, thư viện và các trung tâm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác nhằm đáp ứng nhu cầu về ĐT, NCKH và các hoạt động PVCĐ. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định rõ ràng và phổ biến công khai. Trên cơ sở đó, Nhà trường tuyển dụng đội ngũ nhân viên phù hợp để đáp ứng nhu cầu hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ. Năng lực của đội ngũ nhân viên được đánh giá hằng năm. Nhà trường xác định nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên và triển khai các hoạt động để đáp ứng những nhu cầu đó. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên, bao gồm cả khen thưởng và công nhận, được thực hiện nhằm tạo động lực và hỗ trợ cho hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ. Nhà trường còn triển khai nhiều chương trình đào tạo và bồi dưỡng nhằm nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho nhân viên, đảm bảo họ luôn cập nhật kiến thức và kỹ năng mới nhất. Các chương trình này không chỉ giúp nâng cao hiệu suất làm việc mà còn tăng cường khả năng đóng góp vào các hoạt động nghiên cứu và phục vụ cộng đồng của Trường. Việc đánh giá năng lực và kết quả làm việc của nhân viên được thực hiện một cách minh bạch và công bằng, giúp tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp và hiệu quả. Thông qua các biện pháp này, Nhà trường đảm bảo đội ngũ nhân viên không chỉ đáp ứng được các yêu cầu hiện tại mà còn có khả năng phát triển bền vững trong tương lai, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng của Trường.

Tiêu chí 7.1: Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Trong chu kỳ đánh giá, Nhà trường đã phân tích và dự báo nhu cầu về đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Công tác này đã được thể hiện rõ ở Chiến lược phát triển của Nhà trường nhằm quy hoạch đội ngũ nhân viên [H7.07.01.01]. Trên cơ sở Kế hoạch chiến lược phát triển Trường ĐHTB giai đoạn 2018-2023 và tầm nhìn đến năm 2030, Nhà trường đã xây dựng Kế hoạch chiến lược phát triển đội ngũ, hoàn thiện tổ chức bộ máy biên chế giai đoạn 2018-2023 của Trường [H1.01.01.08]. Để phù hợp và đáp ứng với nhiệm vụ trong tình hình mới, Nhà trường đã ban hành Chiến lược phát triển trường đại học tây bắc giai đoạn 2023-2030, tầm nhìn đến 2045 [H1.01.01.07]. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên được thực hiện một cách có hệ thống, từ cấp các đơn vị thuộc và trực thuộc đến cấp Trường, tại mỗi phòng, ban, trung tâm và khoa phải đảm bảo số lượng và chất lượng của nhân viên đáp ứng được nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng [H7.07.01.04], [H7.07.01.09], [H7.07.01.10] [H7.07.01.14], [H7.07.01.15]. Định kỳ hằng năm, Nhà trường tiến hành rà soát, quy hoạch cán bộ của các đơn vị để thực hiện hiệu quả việc phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng nguồn nhân lực hiệu quả [H7.07.01.11], [H7.07.01.12], [H7.07.01.13], [H7.07.01.15].

Các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường đã rà soát thực trạng về đội ngũ nhân viên và gửi kế hoạch nhân sự cho Trường về đội ngũ nhân viên căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị [H7.07.01.03], [H7.07.01.04]. Dựa trên phân tích nhu cầu về quy mô đào tạo và định hướng phát triển của Trường, báo cáo chất lượng đội ngũ viên chức, Nhà trường ra quyết định về việc thành lập Ban xây dựng đề xác định vị trí việc làm và công văn về xây dựng danh mục, bảng mô tả, khung năng lực của từng vị trí việc làm [H7.07.01.23], [H7.07.01.24]. Việc phân tích và dự báo nhu cầu về đội ngũ nhân viên làm việc tại các phòng, ban, trung tâm được thực hiện thông qua họp đơn vị. Các đơn vị thống nhất bản mô tả các vị trí công việc đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Các đơn vị cũng đề xuất các tiêu chí tuyển chọn và xây dựng đề án vị trí việc làm để quy hoạch và tuyển dụng các vị trí nhân viên cho đơn vị đề án, nghị quyết về việc ban hành vị trí việc làm [H7.07.01.24]. Để đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng, Nhà Trường ra Nghị Quyết về việc ban hành danh mục vị trí việc làm, bản mô tả vị trí việc làm, khung năng lực của từng vị trí việc làm của nhân viên các phòng ban trung tâm. Trong Đề án vị trí việc làm của Nhà trường ban hành thể hiện rõ năng lực của đội ngũ NV [H7.07.01.28], [H7.07.01.05]. Bên cạnh đó, năng lực của NV được thể hiện rõ trong bản Mô tả công việc. Ngoài ra nhà trường còn ban hành các quyết định phê duyệt danh sách ban kết nối và phục vụ cộng đồng, quy chế hoạt động của ban kết nối và phục vụ cộng đồng, Quyết định thành lập ban kết nối phục vụ cộng đồng [H7.07.01.22]. Tương tự, đối với các phòng chức

năng, số lượng nhân viên của các đơn vị khác cũng được quy hoạch và tuyển chọn để đáp ứng được các nhu cầu trên. Để thực hiện tốt công tác KNPVCĐ, Nhà trường đã ban hành Kế hoạch chiến lược phát triển hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng giai đoạn 2018 - 2023 và tầm nhìn đến năm 2030 [H7.07.01.19]. Nhằm thực hiện Kế hoạch chiến lược KNPVCĐ, Nhà trường đã thành lập Ban KNPVCĐ và có quy chế cụ thể của Ban KNPVCĐ [H7.07.01.22], [H7.07.01.20], [H7.07.01.21]. Để hỗ trợ quá trình học tập của người học một cách thuận lợi nhất, Nhà trường cũng có các quyết định đội ngũ cố vấn học tập, giáo viên chủ nhiệm và trợ lý khoa [H7.07.01.02].

Cùng với đội ngũ cán bộ hỗ trợ, các giảng viên giảng dạy tại Khoa, người học còn được hỗ trợ tài liệu, thông tin thông qua đội ngũ nhân viên kỹ thuật của Phòng TC-HC, phòng ĐT, phòng KT-TC, phòng QTCSCV, phòng CTCT&QLNH, Phòng BDCL&TTPC, phòng KHCN&HTQT, [H7.07.01.16], [H7.07.01.17].

Khoa Nông Lâm có 01 nhân viên văn phòng kiêm trợ lý khoa làm việc thường xuyên tại Khoa. Bên cạnh đó, Khoa cũng có các giảng viên kiêm nhiệm công tác cố vấn học tập, phụ trách nghiên cứu khoa học, phụ trách công tác sinh viên, Bí thư Liên chi đoàn,... [H7.07.01.03].

Trên cơ sở Kế hoạch chiến lược phát triển Trường, Nhà trường đã có chính sách thu hút, tuyển dụng phát triển đội ngũ nhân viên làm việc tại trung tâm TTTV, trung tâm TH - TN, trung tâm tin học và ngoại ngữ, trung tâm NCKH và Chuyển giao công nghệ và các dịch vụ hỗ trợ khác, được thể hiện trong các văn bản: Quy định/quy trình tuyển dụng của Nhà trường, quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế tổ chức hoạt động của Nhà trường [H7.07.01.07], [H7.07.01.08], [H7.07.01.18]*. Nhà trường thực hiện chế độ BD hiện vật hằng năm, chế độ phụ cấp 20%, thực hiện chế độ bồi dưỡng bằng hiện vật đối với cán bộ, viên chức làm việc trong môi trường có yếu tố độc hại [H7.07.01.06].

Trường Đại học Tây Bắc đã thực hiện rất tốt công tác lưu trữ và quản lý hồ sơ nhân sự thông qua phần mềm quản lý và cổng thông tin điện tử của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đồng thời thống kê, cập nhật danh sách đội ngũ nhân viên hỗ trợ hằng năm theo chu kỳ đánh giá. Hệ thống này giúp lưu trữ đầy đủ thông tin về họ tên, vị trí việc làm, trình độ chuyên môn, bằng cấp, chứng chỉ, thâm niên công tác và các thành tích đạt được của từng nhân viên tại các bộ phận như thư viện, phòng thí nghiệm, công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ. Đặc biệt, việc theo dõi các khóa đào tạo, bồi dưỡng mà nhân viên tham gia giúp nhà trường đánh giá chính xác năng lực, định hướng phát triển và có kế hoạch quy hoạch nhân sự phù hợp. Nhờ ứng dụng công nghệ trong quản lý, nhà trường có thể dễ dàng tra cứu, đánh giá hiệu suất làm việc, từ đó đưa ra các quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm, luân chuyển, đào tạo và khen thưởng một cách minh bạch, khoa học. Việc cập nhật dữ liệu thường xuyên không chỉ giúp tối ưu hóa công tác quản lý nhân sự mà còn đảm bảo đội ngũ nhân viên hỗ trợ luôn đáp ứng tốt yêu cầu phát triển, góp phần nâng cao [H7.07.01.16], [H7.07.01.17]. Đội ngũ nhân viên của nhà trường đủ về số lượng và đảm bảo trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phục vụ hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của trường và của CTĐT.

Là một trường đại học vùng, Đại học Tây Bắc có sứ mệnh quan trọng trong việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho khu vực, đặc biệt là hỗ trợ sinh viên dân tộc thiểu số trong quá trình học tập và nghiên cứu. Vì vậy, đánh giá và phản hồi của các bên liên quan, nhất là thông qua các cuộc khảo sát và đối thoại với sinh viên, không chỉ giúp nhà trường xác định mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên hỗ trợ, mà còn là cơ sở để nâng cao chất lượng dịch vụ, đảm bảo mọi sinh viên, đặc biệt là sinh viên dân tộc thiểu số, đều nhận được sự hỗ trợ tốt nhất. Những ý kiến thu thập được giúp nhà trường nhận diện điểm mạnh của đội ngũ nhân viên để tiếp tục phát huy, đồng thời xác định các khó khăn và hạn chế trong việc hỗ trợ sinh viên, từ đó có giải pháp cải thiện kịp thời. Đặc biệt, đối với sinh viên dân tộc thiểu số - những em có thể gặp rào cản về ngôn ngữ, kỹ năng học tập và tiếp cận công nghệ - việc khảo sát phản hồi giúp đánh giá tính phù hợp của các dịch vụ hỗ trợ, từ đó điều chỉnh, nâng cao chất lượng phục vụ, đào tạo nhân viên có kỹ năng tư vấn, hướng dẫn phù hợp với đối tượng sinh viên đặc thù. Việc này không chỉ giúp nâng cao hiệu quả học tập và sự hài lòng của sinh viên, mà còn góp phần thực hiện sứ mệnh giáo dục vùng, thu hẹp khoảng cách tiếp cận tri thức và tạo điều kiện phát triển. Việc lấy ý kiến đánh giá được thực hiện định kỳ [H7.07.01.25*], [H7.07.01.27].

Trường Đại học Tây Bắc đã phân tích và dự báo nhu cầu về đội ngũ giảng viên trong kế hoạch tuyển dụng, kết luận công tác cán bộ và kết luận các cuộc họp về công tác nhân sự, nhằm đảm bảo đội ngũ nhân viên đáp ứng tốt yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Trong kế hoạch tuyển dụng, bảng phân tích này đóng vai trò quan trọng trong việc xác định số lượng, vị trí cần bổ sung và tiêu chuẩn tuyển dụng cho từng bộ phận như thư viện, phòng thí nghiệm, công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ. Việc này giúp nhà trường không chỉ đáp ứng nhu cầu hiện tại mà còn có chiến lược dài hạn trong phát triển đội ngũ nhân sự [H7.07.01.29]. Ngoài ra hằng năm có báo cáo kết quả thực hiện và kế hoạch hằng năm của các phòng ban trung tâm, Nhà trường để phân tích dự báo về nhu cầu đào tạo của đội ngũ nhân viên [H7.07.01.26]. Nhìn chung trong 05 năm qua, đội ngũ nhân viên hỗ trợ của CTĐT, Trường luôn đảm bảo yêu cầu công việc, đáp ứng được nhu cầu cho các hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Trong 5 năm qua, nhân viên hỗ trợ của Trường được đánh giá là hoàn thành tốt công việc được phân công.

2. Điểm mạnh

- Nhà trường có quy hoạch đội ngũ nhân viên tương đối tốt đáp ứng mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ và phù hợp với điều kiện phát triển của Nhà trường;
- Nhà trường có kế hoạch tuyển dụng và bồi dưỡng, phát triển đội ngũ CBVC, NV theo từng năm, từng giai đoạn rõ ràng, cụ thể.
- Nhà trường triển khai để các đơn vị đề xuất nhu cầu đội ngũ nhân viên phục vụ hoạt động đào tạo, NCKH, PVCD và trên cơ sở đó xây dựng quy hoạch đội ngũ nhân viên.
- Nhà trường áp dụng nhiều chính sách thu hút đội ngũ nhân viên về làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác.

3. Điểm tồn tại

- Công tác khảo sát ý kiến của các bên liên quan về mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên chưa được làm thường xuyên và cho toàn bộ các đơn vị phục vụ.

4. Kế hoạch hành động

- Hằng năm, Nhà trường tiến hành khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan về hoạt động hỗ trợ của đội ngũ nhân viên nhằm có những biện pháp cải tiến kịp thời, hiệu quả.

- Nhà trường rà soát vị trí việc làm và trên cơ sở đó thực hiện công tác quy hoạch, bố trí đội ngũ nhân viên hợp lý phục vụ cho các mặt công tác.

5. Tự đánh giá: Đạt mức: 5/7.

Tiêu chí 7.2: Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Mô tả

Căn cứ các quy định hiện hành của Chính phủ về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức và các quy định của Bộ GDĐT, Nhà trường xây dựng, ban hành Nghị quyết về việc ban hành quy định tuyển dụng CB, viên chức, trong đó yêu cầu cụ thể về tiêu chuẩn, tiêu chí tuyển dụng [H7.07.02.01], [H7.07.02.05]. Các tiêu chí tuyển dụng NV bao gồm: Trình độ, chuyên môn nghiệp vụ, sức khỏe, ngoại ngữ tin học và phẩm chất đạo đức. Bên cạnh đó, các tiêu chí tiêu chuẩn của NV được thể hiện trong Đề án vị trí việc làm [H7.07.02.04], [H7.07.02.09]. Nhà trường ban hành Quy trình tuyển dụng CB, VC, NLĐ cho phù hợp với yêu cầu phát triển của Nhà trường và quy định hiện hành của Nhà nước [H7.07.02.05].

Để có thể tuyển đúng Nhà trường đã xây dựng đề án vị trí việc làm và bản mô tả vị trí công việc của các nhân viên từ đó xác định số lượng cũng như tiêu chí tuyển dụng, điều chuyển nhân viên [H7.07.02.09], [H7.07.02.10], [H7.07.02.11].

Khi có nhu cầu tuyển dụng nhân viên cho các đơn vị, Trường đã tiến hành thông báo về việc xây dựng kế hoạch tuyển dụng, sau đó thông báo rộng rãi về điều kiện tuyển dụng trên website của Trường và các phương tiện thông tin đại chúng [H7.07.02.06] [H7.07.02.07]. Thông báo tuyển dụng có thông tin rõ vị trí, số lượng, mô tả công việc tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, tuyển dụng viên chức và khối giảng dạy [H7.07.02.07]. Hồ sơ tuyển dụng của các ứng viên được gửi đến bộ phận tổ chức cán bộ của Trường để thành lập các hội đồng tuyển dụng theo quy định [H7.07.02.08]. Kết quả trúng tuyển của các ứng viên được thông báo rộng rãi trên website của Trường [H7.07.02.13].

Đối với cán bộ chủ chốt thuộc Trường, Nhà trường ra Nghị quyết về việc ban hành quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm viên chức quản lý đơn vị trực thuộc và thuộc trường Đại học Tây Bắc [H7.07.02.12]. Nhà trường ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm viên chức giữ chức vụ quản lý thuộc Trường ĐHTB đến các đơn vị để thực hiện và thông báo, phổ biến đến đội ngũ GV biết để thực hiện [H7.07.02.02]. Bên cạnh đó, Quy định về quy trình tuyển dụng CB, VC;

Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm viên chức giữ chức vụ quản lý thuộc trường được BGH phổ biến tại các cuộc họp giao ban của trường. Ngoài ra, quy chế tổ chức hoạt động của hội đồng trường, quy chế tổ chức và hoạt động của trường ĐHTB, quy định về chức năng nhiệm vụ của các đơn vị thuộc trường ĐHTB và quy chế tổ chức hoạt động của bộ môn quy định rõ các tiêu chí điều kiện bổ nhiệm từng vị trí chức danh [H7.07.02.02]. Để có cơ sở tuyển dụng đội ngũ CB, GV, NV, Nhà trường triển khai xây dựng, rà soát đề án vị trí việc làm và tiếp thu ý kiến của các đơn vị trong quá trình thực hiện, trên cơ sở đó ban hành Đề án vị trí việc làm Trường ĐHTB [H7.07.02.10], [H7.07.02.11]. Nhà trường ban hành nhiều quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên các trung tâm, phòng ban. Phòng TH-HC có lưu trữ hồ sơ của đội ngũ nhân viên, các hợp đồng lao động của các phòng ban, trung tâm [H7.07.02.03]*. Trong quá trình tuyển dụng, điều chuyển nhân viên từ năm 2019 – 2024, Nhà trường chưa nhận được các khiếu nại, khiếu kiện liên quan đến tuyển dụng và điều chuyển nhân viên.

2. Điểm mạnh

- Nhà trường ban hành quy trình tuyển dụng CB, VC; Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm viên chức giữ chức vụ quản lý thuộc trường.
- Nhà trường phổ biến Quy trình tuyển dụng CB, VC của nhà trường ban hành; Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm viên chức giữ chức vụ quản lý thuộc trường đến CB, GV, NV bằng nhiều hình thức khác nhau.
- Nhà trường triển khai lấy ý kiến góp ý của các đơn vị và GV, NV về các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên.

3. Điểm tồn tại

- Do hạn chế về nguồn lực nên các chính sách của Nhà trường thu hút đội ngũ nhân viên có năng lực và kinh nghiệm làm việc chưa phát huy tối đa hiệu quả.

4. Kế hoạch hành động

- Nhà trường bổ sung các chính sách thu hút, tuyển dụng NV có năng lực và kinh nghiệm làm việc nhằm phục vụ tốt hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD.
- Hằng năm, Nhà trường rà soát lại đội ngũ nhân viên để đánh giá và bổ nhiệm lại nhân viên.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 7.3: Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá.

1. Mô tả hiện trạng

Trường Đại học Tây Bắc rất coi trọng công tác đánh giá và phân loại đội ngũ viên chức, coi đây là yếu tố cốt lõi để nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Các văn bản quy định về quy trình, phương pháp và công cụ

đánh giá được xây dựng rõ ràng, chi tiết và được cập nhật hàng năm, đảm bảo tính khách quan, minh bạch và phù hợp với thực tiễn. Hệ thống quy chế xếp loại, đánh giá này giúp nhà trường đo lường hiệu suất làm việc, trình độ chuyên môn và khả năng đáp ứng nhu cầu đào tạo, đồng thời đóng vai trò quan trọng trong quy hoạch, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ viên chức. Nhờ đó, đội ngũ viên chức không ngừng được nâng cao năng lực, thích ứng với yêu cầu đổi mới giáo dục, góp phần thực hiện hiệu quả sứ mệnh của một trường đại học vùng, phục vụ tốt nhất cho sinh viên, đặc biệt là sinh viên dân tộc thiểu số. Để năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và đánh giá, Nhà trường xây dựng danh mục vị trí việc làm, mô tả chuẩn chức danh từng vị trí trình hội đồng Trường phê duyệt và Hiệu trưởng ký ban hành [H7.07.03.01] [H7.07.03.02]. Trong Đề án vị trí việc làm của Nhà trường ban hành thể hiện rõ năng lực của đội ngũ NV. Bên cạnh đó, năng lực của NV được thể hiện rõ trong bản Mô tả công việc [H7.07.03.03], [H7.07.03.02]. Để đáp ứng yêu cầu trong điều kiện mới, Nhà trường đã ban hành Nghị quyết về việc phê duyệt đề án vị trí việc làm của trường đại học Tây Bắc [H7.07.03.04]. Ngoài ra Nhà trường xây dựng và ban hành các văn bản quy định về tiêu chuẩn năng lực của đội ngũ VCQL, GV, NV. Để đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên, Nhà trường ban hành hệ thống văn bản hướng dẫn quy trình, tiêu chí đánh giá hiệu quả công việc của GV-VC-NLĐ bao gồm: Quy định về giờ dạy; Quy chế đánh giá phân loại CB,VC, NLĐ; Quy định về thi đua khen thưởng, Quy chế nâng lương trước thời hạn [H7.07.03.05], [H7.07.03.07]. Đối với nhân viên, tiêu chí đánh giá trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, đạo đức, trách nhiệm, kết quả thực hiện nhiệm vụ như: học tập và bồi dưỡng nâng cao trình độ, tư tưởng chính trị, kết quả công việc được quy định trong Quy chế đánh giá phân loại CB, VC, NLĐ [H7.07.03.06]. Định kỳ cuối năm học, Nhà trường ban hành thông báo triển khai đánh giá, phân loại viên chức và người lao động và gửi đến các đơn vị triển khai công khai, dân chủ, minh bạch [H7.07.03.08]. Lãnh đạo các đơn vị tổ chức họp đơn vị để phổ biến đến VC, NLĐ thực hiện đúng quy trình từ bước:

- Cá nhân tự đánh giá (theo mẫu của nhà trường)
- Trình bày báo cáo tự đánh giá tại cuộc họp của đơn vị để mọi người đóng góp ý kiến.
- Đơn vị thông qua phân loại xét thi đua.
- Họp đơn vị thông qua kết quả và trình Nhà trường, Hội đồng thi đua khen thưởng đánh giá.
- Hội đồng thi đua khen thưởng Nhà trường ra quyết định phân loại, xét danh hiệu thi đua.
- Các cá nhân phản hồi về kết quả thi đua (nếu có).
- Nhà trường chuẩn y danh sách phân loại thi đua, khen thưởng và gửi kết quả đánh giá về các đơn vị để thông báo đến VC – NLĐ [H7.07.03.9]. Kết quả đánh giá phân loại năm học được lưu trữ trong hồ sơ của GV do phòng TC-HC quản lý [H7.07.03.12]. Trong giai đoạn 2019-2023, tất cả NV của nhà trường đều đạt mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, 100% đội ngũ này đều đáp ứng tiêu chuẩn năng lực yêu cầu về vị trí việc làm.

Ngoài ra, việc đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên còn được Trường thực hiện thông qua việc lấy ý kiến phản hồi của SV [H7.07.03.10]. Các ý kiến phản hồi của người học về đội ngũ nhân viên được phòng chức năng thống kê và báo cáo với Ban Giám hiệu và trưởng các đơn vị để có kế hoạch cải tiến kịp thời hoạt động của nhân viên. Việc đánh giá nhân viên còn được thực hiện thông qua hội nghị của Hiệu trưởng với trưởng phó các đơn vị thuộc Trường, Đoàn thanh niên và đại diện SV [H7.07.03.11].

2. Điểm mạnh

Nhà trường ban hành hệ thống văn bản đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên, trong đó thể hiện rõ tiêu chí đánh giá chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, đạo đức, trách nhiệm, kết quả thực hiện nhiệm vụ

Hàng năm, nhà trường triển khai đánh giá năng lực của đội ngũ NV về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, mức độ hoàn thành công việc và sự hài lòng của các bên liên quan.

3. Điểm tồn tại

Các ý kiến đánh giá từ đồng nghiệp đối với đội ngũ nhân viên chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

- Nhà trường chủ động triển khai hoạt động đánh giá định kỳ hằng năm của đồng nghiệp đối với đội ngũ nhân viên.
- Hằng năm, Nhà trường rà soát và tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản đánh giá năng lực đội ngũ nhân viên và lấy ý kiến của các bên liên quan trong việc đánh giá phân loại nhân viên.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7.

Tiêu chí 7.4: Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường luôn quan tâm đến công tác ĐT, BD, phát triển đội ngũ VC-NLĐ thể hiện trong Kế hoạch chiến lược về công tác tổ chức và phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2018-2030 và tầm nhìn đến năm 2030 [H1.01.01.08]. Để xác định nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn của VC-NLĐ các cấp, Nhà trường triển khai thông báo đến các đơn vị rà soát, thống kê đội ngũ VCQL, VC thuộc diện quy hoạch. Các đơn vị phổ biến để nhân viên đăng kí nhu cầu ĐT, BD và gửi về phòng TC – HC để tổng hợp [H7.07.04.03]. Nhằm đóng góp ý kiến với Bộ GD&ĐT về chương trình, nội dung và phương thức tổ chức bồi dưỡng viên chức, Nhà trường đã triển khai thực hiện khảo sát nội dung chương trình bồi dưỡng theo vị trí việc làm của giảng viên [H7.07.04.04]. Trong giai đoạn 2019 – 2023, nhu cầu ĐT, BD của đội ngũ nhà trường tập trung ở các nội dung về chuyên môn nghiệp vụ, ngoại ngữ, tin học và lý luận chính trị. Việc xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên luôn được nhà trường quan tâm thực hiện một cách có tổ chức và kế hoạch. Hằng năm nhu cầu đào tạo và phát triển đội ngũ cán bộ hỗ trợ được xác định một cách có hệ thống từ các khoa, phòng chức năng đến Nhà trường. Căn cứ trên nhu cầu

của nhân viên, Đơn vị xây dựng triển khai các kế hoạch thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên [H7.07.04.02], [H7.07.04.05], [H7.07.04.06], [H7.07.04.07], [H7.07.04.08], [H7.07.04.9], [H7.07.04.10], [H7.07.04.18], [H7.07.04.19], [H7.07.04.20]. Nhà trường có chính sách rõ ràng để khuyến khích nhân viên tham gia đào tạo và phát triển, tạo điều kiện cho đội ngũ nhân viên được đi học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ và hỗ trợ về kinh phí, tạo điều kiện về thời gian theo quy chế của Trường [H7.07.04.13], [H7.07.04.14], [H7.07.04.17].

Bên cạnh đó, Nhà trường đã mở các lớp bồi dưỡng ngắn hạn như: các lớp học ngoại ngữ, hay hội thảo liên quan đến các phát triển các nguồn lực của Nhà trường hoặc cử viên chức tham gia chương trình bồi dưỡng lãnh đạo quản lý cấp phòng và tương đương. Nhà trường thành lập đoàn cán bộ, giảng viên dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên cao cấp (Hạng I) giảng viên chính (Hạng II) năm 2023... Các hoạt động đào tạo và phát triển chuyên môn được phòng TC-HC lên kế hoạch và thực hiện đến từng đơn vị trong Nhà trường. Trên cơ sở các kế hoạch đã đề ra, Đơn vị, Nhà trường sắp xếp và cử cán bộ tham gia hợp lý, phù hợp trình độ chuyên môn, vị trí công việc và thời gian làm việc [H7.07.04.11], [H7.07.04.15], [H7.07.04.16].

Sau khi nhà trường xác định các cán bộ tham gia hoạt động học tập, tập huấn nhà trường ra quyết định cử các chuyên viên phòng ban, trung tâm đi học tập và tập huấn [H7.07.04.21]. Để đảm bảo chất lượng cũng như thực hiện quyền lợi và nghĩa vụ của nghiên cứu sinh tham gia học tập và nghiên cứu nhà trường đã ra quy định quản lý nghiên cứu sinh [H7.07.04.12].

Kết quả hoạt động ĐT, BD đội ngũ nhân viên của nhà trường được giám sát, đánh giá và thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học hằng năm của trường và báo cáo hội nghị viên chức hằng năm của đơn vị và trường [H7.07.04.23]. Trên cơ sở giám sát, đánh giá kết quả hoạt động ĐT, BD đội ngũ GV, Nhà trường và các đơn vị áp dụng các biện pháp đẩy mạnh hoạt động ĐT, BD NV và thể hiện trong kế hoạch năm học của Trường và của đơn vị [H7.07.04.01]. Nhà trường có báo cáo thực hiện chiến lược về công tác tổ chức và phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2018-2023 và tầm nhìn đến năm 2030 [H7.07.04.22]

Trong giai đoạn 2019-2024, có NV của Nhà trường đạt học nhiều lượt NV được tham gia các khóa ĐT, BD chuyên môn, nghiệp vụ [H7.07.04.23]. Kết quả khảo sát ý kiến đội ngũ NV thể hiện 100% sự hài lòng về hoạt động ĐT, BD của Nhà trường đã được thể hiện tại báo cáo tổng kết năm học [H7.07.04.23]

2. Điểm mạnh

- Thực hiện triển khai khảo sát nhu cầu về ĐT/BD, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ VC – NLD
- Nhà trường có kế hoạch triển khai và thực hiện việc ĐT/BD nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên.

3. Điểm tồn tại

- Số lượng nhân viên tham gia ĐT/BĐ để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ ở các nước phát triển chưa nhiều

4. Kế hoạch hành động

- Nhà trường xây dựng chính sách động viên, khuyến khích, hỗ trợ vật chất, tạo điều kiện thuận lợi để nhân viên tích cực tham gia các khóa ĐT/BĐ ở nước ngoài.
- Hằng năm Nhà trường rà soát lại kế hoạch và phân bổ ngân sách cho các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng; thường xuyên cử nhân viên tham gia các khóa tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ

5. Tự đánh giá: Đạt mức 4/7.

Tiêu chí 7.5: Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường đã ra nghị quyết về việc ban hành danh mục vị trí việc làm của trường đại học Tây Bắc, đồng thời xây dựng danh mục, bảng mô tả và khung năng lực của từng vị trí việc làm trình Hội đồng Trường phê duyệt và Hiệu trưởng ký ban hành [H7.07.05.13], [H7.07.05.01], [H7.07.05.02]. Trong Đề án vị trí việc làm của Nhà trường ban hành thể hiện rõ năng lực của đội ngũ NV. Bên cạnh đó, năng lực của NV được thể hiện rõ trong bản Mô tả công việc. Nhà trường ban hành các quy chế đánh giá, phân loại đối với đơn vị, công chức, viên chức và người lao động trường Đại học Tây Bắc, Kế hoạch chấm điểm các tiêu chí thi đua năm học 2022-2023 và kế hoạch đánh giá, phân loại công chức, viên chức người lao động năm học hằng năm [H7.07.05.03], [H7.07.05.04], [H7.07.05.05], [H7.07.05.06],[H7.07.05.07].

Để triển khai giám sát, đánh giá hiệu quả công việc của CB, GV, NV được thực hiện nghiêm túc thông qua trường các đơn vị và bộ phận thanh tra theo các văn bản quy định của Nhà trường. Căn cứ các văn bản quy định của Bộ GDĐT, Nhà trường ban hành các văn bản quản trị theo kết quả công việc của GV-VC-NLĐ bao gồm: Quy định về định mức giờ dạy đối với GV; Quy định về thời gian làm việc của viên chức hành chính; Quy chế đánh giá phân loại VC, NLĐ; Quy định về thi đua khen thưởng; Quy chế nâng lương trước thời hạn [H7.07.05.03], [H7.07.05.04], [H7.07.05.05], [H7.07.05.08], [H7.07.05.09], [H7.07.05.11].

Đầu mỗi năm học, toàn thể VC-NLĐ của Nhà trường thực hiện đăng ký thi đua là cơ sở xét thi đua cuối năm học. Trong kế hoạch năm học của nhà trường và của các đơn vị có nội dung đánh giá, phân loại VC – NLĐ và bình xét thi đua khen thưởng hằng năm [H7.07.05.13], [H7.07.05.14].

Hằng năm, đội ngũ NV thực hiện bản đăng ký kế hoạch năm học và được Nhà trường, lãnh đạo các đơn vị sử dụng để giám sát, đánh giá, phân loại NV [H7.07.05.14].

Căn cứ nhiệm vụ được giao, kết quả thực hiện nhiệm vụ và đối chiếu với các tiêu chuẩn của các quy định trên, định kỳ cuối năm học, Nhà trường ban hành thông báo triển khai kế hoạch đánh giá, phân loại VC-NLĐ và gửi đến các đơn vị để thực hiện [H7.07.05.07]. Các đơn vị tổ chức họp toàn thể VC-NLĐ để phổ biến và yêu cầu thực hiện đúng quy trình từ bước cá nhân tự đánh giá, BM nhận xét đánh giá phân loại, sau đó đơn vị và cuối cùng cấp Trường. Sau khi đánh giá, phân loại viên chức năm học ở cấp đơn vị, Nhà trường tiến hành đánh giá, phân loại ở cấp Trường, công khai và gửi kết quả đánh giá về các đơn vị để thông báo đến VC-NLĐ [H7.07.05.10]. Bên cạnh đó, kết quả đánh giá, phân loại NV được lưu trữ trong hồ sơ của đội ngũ NV do phòng TC-HC quản lý [H7.07.05.10]. Trong quá trình xây dựng quy định xét thi đua khen thưởng, tất cả các NV đều được tham gia góp ý và được các đơn vị tổng hợp, gửi phòng TCCB tiếp thu, tham khảo [H7.07.05.20]. Kết quả đánh giá, phân loại năm học được sử dụng làm cơ sở để bình xét thi đua khen thưởng các cấp bao gồm: danh hiệu lao động tiên tiến đối với cá nhân, tập thể, chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, cấp Bộ; khen thưởng cấp Trường, cấp Tỉnh, cấp Bộ và được Hiệu trưởng công nhận kết quả bình xét thi đua khen thưởng năm học theo thẩm quyền [H7.07.05.19]. Báo cáo kết quả quản trị của đội ngũ NV hằng năm được thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học của Trường [H7.07.05.16].

Bên cạnh đó, kết quả quản trị của đội ngũ NV được thể hiện trong báo cáo tổng kết hoạt động KHCN, báo cáo hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng hằng năm [H7.07.05.15], [H7.07.05.17], [H7.07.05.18].

Trong giai đoạn 2019 – 2023, Nhân viên của nhà trường nhận được các hình thức khen thưởng thường xuyên và đột xuất của các cấp như: cấp trường, cấp tỉnh, cấp bộ. Hằng năm, Nhà trường, đơn vị triển khai khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan hoạt động của trường thông qua hội nghị viên chức của đơn vị, trường. Kết quả ý kiến của nhân viên thể hiện sự hài lòng về thi đua khen thưởng và công nhận của trường và các cấp có thẩm quyền [H7.07.05.21].

2. Điểm mạnh

- Nhà trường quy định về khối lượng công việc cụ thể đối với nhân viên và quy định về việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên, trong đó có cả các quy định về khen thưởng và công nhận.
- Nhà trường triển khai việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên dựa trên quy định về khối lượng công việc cụ thể đã xác định và phân công.
- Kết quả đánh giá, phân loại nhân viên và kết quả thi đua khen thưởng hằng năm được thông báo công khai và lưu trữ trong hồ sơ năng lực của đội ngũ nhân viên do phòng TC- HC quản lý

3. Điểm tồn tại

- Kết quả khảo sát ý kiến của nhân viên về sự hài lòng về việc thi đua khen thưởng và công nhận của trường và các cấp có thẩm quyền được thực hiện chưa nhiều.

- Số lượng nhân viên được nhận các hình thức khen thưởng cấp cao còn hạn chế

4. Kế hoạch hành động

- Hằng năm, Nhà trường thực hiện công tác khảo sát đối với nhân viên về việc quản trị theo kết quả công việc đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận của trường và các cấp có thẩm quyền. Nhà trường và lãnh đạo các đơn vị có hình thức khuyến khích, hỗ trợ tăng số lượng nhân viên được khen thưởng.
- Hằng năm, các đơn vị thực hiện công tác rà soát lại hoạt động theo dõi, giám sát hiệu quả hoạt động của nhân viên để đảm bảo tính khách quan, công bằng trong đánh giá nhân viên.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 7

Trường Đại học Tây Bắc đã triển khai một loạt các biện pháp để các đơn vị có thể đề xuất nhu cầu về đội ngũ nhân. Trên cơ sở các đề xuất này, Nhà trường xây dựng quy hoạch đội ngũ nhân viên phù hợp để phục vụ cho các hoạt động của Trường và từng đơn vị. Nhà trường áp dụng nhiều chính sách để thu hút nhân viên làm việc tại các vị trí công việc khác nhau. Hiện tại, đội ngũ nhân viên của Nhà trường đủ về số lượng và đảm bảo trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để phục vụ các hoạt động của Trường cũng như của các chương trình đào tạo ngành Nông học. Kết quả khảo sát ý kiến của giảng viên (GV) và sinh viên (SV) cho thấy sự hài lòng về đội ngũ nhân viên của Trường. Nhà trường đã ban hành quy trình tuyển dụng công chức và viên chức, quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, thôi giữ chức vụ, từ chức, và miễn nhiệm viên chức giữ chức vụ quản lý. Những quy trình này được phổ biến đến giảng viên và nhân viên bằng nhiều hình thức khác nhau. Trong chu kỳ đánh giá, Nhà trường đã bổ nhiệm và điều chuyển nhiều nhân viên để đảm bảo hiệu quả hoạt động của các đơn vị. Nhà trường cũng ban hành một hệ thống văn bản đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên, trong đó nêu rõ các tiêu chí đánh giá về chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, đạo đức, trách nhiệm, và kết quả thực hiện nhiệm vụ. Hằng năm, Nhà trường triển khai đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên, bao gồm năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, mức độ hoàn thành công việc và sự hài lòng của các bên liên quan. Dựa trên nhu cầu đào tạo và bồi dưỡng của giảng viên và nhân viên, Nhà trường đã rà soát, điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch đào tạo và bồi dưỡng cán bộ viên chức cho giai đoạn 2020-2025 và quy hoạch giai đoạn 2025-2030. Nhiều hoạt động đào tạo và bồi dưỡng đã được triển khai nhằm tạo điều kiện cho nhân viên phát triển trình độ chuyên môn và nghiệp vụ, phục vụ tốt các hoạt động. Kết quả khảo sát ý kiến của đội ngũ nhân viên thể hiện sự hài lòng về các hoạt động đào tạo và bồi dưỡng của Nhà trường. Nhà trường cũng đã quy định rõ về khối lượng công việc cụ thể đối với nhân viên và đưa ra các quy định về việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên. Các quy định này bao gồm cả việc khen thưởng và công nhận. Trên cơ sở đó, Nhà trường triển khai việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên dựa trên các quy định về khối lượng công việc cụ thể đã xác định và phân công. Hằng năm, Nhà trường ban hành thông báo triển khai

đánh giá và phân loại viên chức, người lao động (VC-NLĐ) và gửi đến các đơn vị để thực hiện. Kết quả đánh giá và phân loại nhân viên, cùng với kết quả thi đua khen thưởng hàng năm, được thông báo công khai và lưu trữ trong hồ sơ năng lực của đội ngũ nhân viên do phòng tổ chức cán bộ (TCCB) quản lý. Nhà trường còn thực hiện khảo sát ý kiến của nhân viên về việc thi đua khen thưởng và công nhận từ các cấp có thẩm quyền. Kết quả khảo sát cho thấy nhân viên hài lòng về quá trình thi đua khen thưởng và công nhận của Nhà trường và các cấp có thẩm quyền. Những nỗ lực này giúp tạo động lực và hỗ trợ cho các hoạt động của Trường, đồng thời đảm bảo đội ngũ nhân viên luôn phát triển về cả số lượng và chất lượng. Nhà trường không chỉ tập trung vào việc đáp ứng các nhu cầu hiện tại mà còn hướng đến phát triển bền vững trong tương lai. Các biện pháp này bao gồm việc xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, tạo điều kiện cho nhân viên phát triển và đóng góp tích cực vào các hoạt động của Trường. Nhà trường luôn khuyến khích và hỗ trợ đội ngũ nhân viên nâng cao trình độ, đồng thời tạo ra các cơ hội học tập và phát triển nghề nghiệp thông qua các khóa đào tạo và bồi dưỡng chuyên sâu. Nhờ vào những chính sách và biện pháp cụ thể, Nhà trường đã và đang xây dựng một đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp, nhiệt tình và có năng lực, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng của Trường. Việc liên tục đánh giá và cải thiện các chính sách này giúp Nhà trường duy trì và phát triển một môi trường làm việc hiệu quả, đáp ứng các yêu cầu ngày càng cao của yêu cầu trong tình hình mới.

Do hạn chế về nguồn lực, khiến các chính sách thu hút nhân viên có năng lực và kinh nghiệm của Nhà trường chưa phát huy tối đa hiệu quả. Việc triển khai công tác đánh giá đội ngũ nhân viên từ các bên liên quan chưa được làm thường xuyên.

Tự đánh giá theo 5 tiêu chí của tiêu chuẩn này, CTĐT ngành Nông học đạt yêu cầu 5/5 tiêu chí, mức điểm trung bình là 4,8/7.

Tiêu chuẩn 8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Mở đầu:

Trường ĐHTB lấy việc nâng cao chất lượng đào tạo và lợi ích của người học làm mục tiêu, lấy năng lực và tiền đề của người học khi ra trường làm thước đo, luôn phấn đấu tạo ra những động lực để người học tự hào về nơi họ đã tu dưỡng và rèn luyện. Đây là một trong những nhân tố quan trọng góp phần thực hiện sứ mạng của Trường, đồng thời đảm bảo cho Trường ngày càng phát triển bền vững.

Người học chính là trung tâm của quá trình đào tạo. Chất lượng người học sẽ quyết định sự phát triển đi lên trong lĩnh vực đào tạo, NCKH của khoa Nông Lâm.

Theo xu thế chung của cả nước, Trường Đại học Tây Bắc đã chuyển đổi từ hình thức đào tạo theo niên chế sang hình thức đào tạo theo tín chỉ từ nhiều năm nay. Hình thức đào tạo này là thể hiện rõ ưu điểm là giúp người học tăng cường ý thức trách nhiệm đối với việc đào tạo của bản thân mình, là thực hiện dân chủ hóa trong giáo dục: người học tham gia vào tất cả các khâu trong tiến trình đào tạo, từ việc cơ cấu môn học dựa trên hệ thống tự chọn, đến việc quy hoạch lộ trình thực hiện tiến trình đào tạo đó tùy theo điều kiện và năng lực về tài chính về quỹ thời gian để giúp người học có thể chủ động trong quá trình học tập. Để tạo điều kiện cho sinh viên các ngành học trong đó có

Lâm sinh, Nhà trường, khoa đã tạo môi trường và điều kiện thuận lợi nhất nhằm hỗ trợ, giúp đỡ người học thành lập và phát triển đội ngũ cộng tác viên của các câu lạc bộ; định kỳ tổ chức các buổi gặp gỡ, giao lưu giữa sinh viên với các doanh nghiệp, nhà tuyển dụng,...

Chất lượng người học và hoạt động hỗ trợ người học là điều kiện cơ bản nâng cao chất lượng đào tạo và khẳng định uy tín của ngành Nông học, khoa Nông Lâm cũng như Nhà trường trong đào tạo, NCKH về lĩnh vực Nông học.

Các sinh viên đã và đang phát huy truyền thống của ngành, Khoa và Nhà trường giúp góp phần đưa nhà trường trở thành một trường đại học có chất lượng cao trong khu vực và hội nhập quốc tế.

Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật

1. Mô tả hiện trạng

Công tác tuyển sinh của nhà trường luôn bám sát các công văn, thông tư chỉ đạo tuyển sinh hàng năm của Bộ Giáo dục và đào tạo [H8.08.01.01].

Trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Nhà trường nhiệm kỳ 2015-2020 và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Nhà trường nhiệm kỳ 2020-2025, Kế hoạch chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2018-2023 và Quy hoạch phát triển Trường giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn 2030 luôn quan tâm và đề ra nhiều biện pháp cụ thể nhằm đẩy mạnh công tác tuyển sinh của Nhà trường [H4.04.01.01], [H4.04.01.02]. Bên cạnh đó, công tác tuyển sinh của Nhà trường luôn được thể hiện rõ trong nghị quyết hội đồng trường hằng năm [H8.08.01.02]. Theo quy chế tổ chức và hoạt động của Nhà trường, phòng ĐT có chức năng tham mưu Hiệu trưởng, Nhà trường về tuyển sinh đại học [H8.08.01.02].

Hằng năm, Nhà trường thành lập Hội đồng tuyển sinh bao gồm: Chủ tịch Hội đồng là Hiệu trưởng điều hành và thực hiện các công tác liên quan đến công tác tuyển sinh trong mỗi năm của Nhà trường, Phó hiệu trưởng là Phó Chủ tịch Hội đồng, các thành viên của Hội đồng là trưởng các Khoa, phòng ban trong Trường [H8.08.01.03], [H8.08.01.04] bên cạnh đó khoa Nông Lâm ban hành kế hoạch hỗ trợ quảng bá tuyển sinh [H8.08.01.08]. Bộ môn Nông học cũng lập kế hoạch và thực hiện quảng bá tuyển sinh trong đó có ngành Nông học [H8.08.01.08]. Căn cứ các văn bản quy định của Bộ GDĐT, Phòng ĐT biên soạn các văn bản dự thảo về công tác tuyển sinh như: Đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh, đề án tuyển sinh, thông báo tuyển sinh, kế hoạch tuyển sinh thông qua cuộc họp của Hội đồng tuyển sinh tổ chức để thống nhất và trên cơ sở đó, Hiệu trưởng ký ban hành [H8.08.01.06]. Nhà trường công bố công khai các chính sách tuyển sinh như: khối thi, chỉ tiêu, chế độ ưu tiên, ưu tiên tuyển thẳng của Trường theo quy định của Bộ GDĐT [H8.08.01.01], [H8.08.01.03], [H8.08.01.07]. Tất cả tiêu chí tuyển sinh của từng CTĐT như: Mã ngành tuyển sinh, ngành đào tạo, chuyên ngành đào tạo, chỉ tiêu dự kiến, tổ hợp môn xét tuyển, thông tin về khoa và ngành đào tạo, hình thức thi tuyển và xét tuyển đều được trình bày và phân tích trong Đề án tuyển sinh hằng năm, đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh, các tờ rơi, cuốn thông tin tuyển sinh của Nhà trường, Khoa Nông Lâm, Bộ môn Nông học, [H8.08.01.03], [H8.08.01.07], [H8.08.01.11], [H8.08.01.12], [H8.08.01.13]. Hằng năm, Nhà trường cử cán bộ tham gia Ngày hội tư vấn hướng nghiệp và Ngày hội tư vấn tuyển sinh hằng năm do các huyện trong tỉnh Sơn La tổ chức [H8.08.01.16].

Nhà trường tổ chức các đoàn tư vấn tuyển sinh về các trường trung học phổ thông để giới thiệu và tư vấn cho học sinh về các ngành nghề và thông tin tuyển sinh của Trường, in ấn các tờ rơi tuyển sinh hoặc các cuốn thông tin tuyển sinh để chuyển đến cho học sinh và các đối tượng cần tham khảo [H8.08.01.20], [H8.08.01.07]. Thông tin tuyển sinh cũng được đăng tải trên trang thông tin điện tử (website) của Nhà trường tại địa chỉ <http://ttn.edu.vn/tuyen-sinh> [H8.08.01.08]. Bên cạnh đó, đề án tuyển sinh của Nhà trường được công khai trên website của Trường và website của Bộ GDĐT [H8.08.01.08]. Ngoài ra, thí sinh và phụ huynh có thể liên hệ trực tuyến, đường dây nóng để biết thông tin chi tiết [H8.08.01.15]. Đối với Khoa Nông Lâm, bên cạnh các hình thức truyền thông của Nhà trường về chính sách tuyển sinh, Ban chủ nhiệm Khoa thông báo chỉ tiêu và các hình thức xét tuyển của Khoa đến các giảng viên và cựu SV chia sẻ thông tin qua Zalo, facebook [H8.08.01.17]. Đối với Ngành Nông học, bên cạnh các hình thức truyền thông của Nhà trường, Khoa về chính sách tuyển sinh, ngành Nông học thông báo chỉ tiêu và các hình thức xét tuyển của Ngành Nông học đến các giảng viên và cựu SV chia sẻ thông tin qua Zalo, facebook [H8.08.01.18].

Hàng năm, Nhà trường căn cứ các văn bản hướng dẫn xác định chỉ tiêu của Bộ GDĐT để xác định các điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo và kịp thời cập nhật chính sách tuyển sinh đúng theo quy định của Bộ GDĐT [H8.08.01.01]. Bên cạnh đó, căn cứ báo cáo kết quả khảo sát tình hình việc làm của cựu SV tốt nghiệp, tổng hợp phân tích và dự báo nhu cầu nhân lực hàng năm, hội đồng tuyển sinh của trường tổ chức họp, thảo luận để xây dựng các tiêu chí thi tuyển, xét tuyển dựa trên quy định của Bộ GDĐT và trên thực tế yêu cầu của các ngành học trong trường nhằm thu hút và tuyển chọn được những thí sinh chất lượng [H8.08.01.21], [H8.08.01.22].

Tại các cuộc họp giao ban định kỳ, BGH Nhà trường luôn quán triệt và yêu cầu các đơn vị, GV, NV có trách nhiệm và tích cực tham gia công tác tuyển sinh của Trường [H5.05.04.03]. Đồng thời, tại cuộc họp của các đơn vị, lãnh đạo đơn vị quán triệt và yêu cầu đội ngũ GV, NV tích cực tham gia công tác tuyển sinh của Trường [H1.01.01.20]. Trong mỗi năm, sau khi kết thúc thời gian tuyển sinh theo quy định, Nhà trường thực hiện việc báo cáo với Bộ GDĐT để làm căn cứ cho thực hiện, rút kinh nghiệm và triển khai các công tác tuyển sinh cho năm tiếp theo [H8.08.01.09]. Ngoài ra, Hội đồng tuyển sinh tổ chức họp phân tích, nhận định tình hình tuyển sinh và nhập học của Nhà trường và trên cả nước, phân tích xu hướng, cơ hội và thách thức để tìm ra những điểm đạt và chưa đạt theo mục tiêu đã đề ra, tiếp thu ý kiến của các đơn vị, bộ phận, cá nhân tham gia công tác tuyển sinh để rút kinh nghiệm, cải tiến các tiêu chí tuyển, vùng tuyển, công tác truyền thông [H8.08.01.22].

Hàng năm Phòng CTCT & QLNH cũng lập kế hoạch khảo sát và khảo sát việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp, qua đó để xác định nhu cầu thị trường lao động từ đó góp phần xây dựng đề án tuyển sinh sát với thực tế hơn [H8.08.01.05].

2. Điểm mạnh

Hàng năm, Nhà trường thành lập Hội đồng tuyển sinh để chỉ đạo, triển khai công tác tuyển sinh các ngành đào tạo trong toàn Trường.

Đề án tuyển sinh của Nhà trường được xây dựng dựa trên các văn bản quy định của Bộ GDĐT, kết quả khảo sát tình hình việc làm của cựu SV tốt nghiệp, tổng hợp phân tích và dự báo nhu cầu nhân lực hàng năm, ý kiến góp ý của các bên liên quan về công tác tuyển sinh của năm học trước và cơ sở dữ liệu, thống kê kết quả tuyển sinh.

Nhà trường thường xuyên và kịp thời cập nhật chính sách tuyển sinh theo các văn bản hướng dẫn của Bộ GDĐT.

Nhà trường công bố công khai chính sách và quy định tuyển sinh đến các bên liên quan bằng nhiều hình thức khác nhau.

Hàng năm, sau khi kết thúc thời gian tuyển sinh theo quy định, Nhà trường thực hiện việc báo cáo kết quả công tác tuyển sinh với Bộ GDĐT và họp Hội đồng tuyển sinh để tổng kết, rút kinh nghiệm nhằm cải tiến công tác tuyển sinh của năm tiếp theo.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù chính sách tuyển sinh đã được quảng bá, công khai trên nhiều kênh thông tin khác nhau. Nhưng phương thức quảng bá vẫn chưa đạt được kết quả như mong muốn, chưa tạo được sức thu hút của các ngành nghề liên quan đến lĩnh vực Nông học đối với thí sinh và xã hội.

4. Kế hoạch hành động

- Hàng năm vận dụng linh hoạt chính sách tuyển sinh, phương thức quảng bá; nhằm tuyển được đủ về số lượng và đảm bảo chất lượng đầu vào.

- Xây dựng và triển khai cơ chế phối hợp, chia sẻ lợi ích giữa các bên liên quan trong công tác tuyển sinh.

5. Tự đánh giá: 4/7

Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH được xác định rõ ràng và được đánh giá

1. Mô tả hiện trạng

Phòng Đào tạo là đơn vị chủ trì xây dựng tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học. Các cuộc họp Hội đồng tuyển sinh là diễn đàn để các bên liên quan góp ý cho các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn [H8.08.01.02], trên cơ sở đó, Nhà trường xây dựng Đề án tuyển sinh hàng năm dựa trên các quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo về tuyển sinh hàng năm [H8.08.01.02]. Trong đó đã xác định rõ các tiêu chí, phương pháp tuyển sinh rõ ràng để phục vụ cho công tác tuyển sinh. Đối với ngành Nông học, đối tượng tuyển sinh là các thí sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương, có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành, Nhà trường tuyển sinh trên phạm vi cả nước, tuyển sinh theo phương thức xét tuyển (dựa trên kết quả thi PTTH, kết quả học tập ở trường phổ thông) với nhiều tổ hợp môn xét tuyển rất đa dạng, tạo điều kiện thuận lợi cho người học đăng ký xét tuyển.

Trong xu thế chung hiện nay, công tác tuyển sinh của các trường đại học đều gặp nhiều khó khăn do số lượng các trường đại học lớn, mặt khác nhu cầu học đại học cũng giảm do các đối tượng đã tốt nghiệp phổ thông có xu hướng đi làm tại các khu công nghiệp, nhà máy... để có thu nhập ngay. Công tác tuyển sinh của Trường Đại học Tây Bắc nói chung, ngành Nông học nói riêng còn gặp nhiều khó khăn, số lượng đăng ký tuyển sinh và trúng tuyển, nhập học có xu hướng giảm dần theo các năm [H8.08.01.03]. Từ những năm gần đây (2022, 2023), Nhà trường đã tích cực thay đổi, đa dạng hóa các hình thức quảng bá tuyển sinh, thu hút sự tham gia tích cực của nhiều đơn vị trong trường (phòng, ban, khoa) trong công tác quảng bá tuyển sinh. Kết quả đã có những chuyển biến tích cực và rõ rệt: các thí sinh được tư vấn kỹ càng hơn để lựa chọn ngành học, số lượng thí sinh đăng ký xét tuyển tăng rõ rệt.

Sau khi hội đồng tuyển sinh họp xét tuyển [H8.08.02.01], những thí sinh trúng tuyển sẽ có thông báo trúng tuyển gửi đến các thí sinh và công bố trên trang tuyển sinh của nhà trường [H8.08.02.02]. Sau đó nhà trường sẽ gửi quyết định công nhận danh sách trúng tuyển đại học đến từng thí sinh trúng tuyển và công bố trên trang tuyển sinh nhà trường [H8.08.02.03]. Sau đó nhà trường có thông báo nhập học, phân lớp học đối với các thí sinh trúng tuyển [H8.08.02.03], [H8.08.02.04].

Hàng năm Nhà trường đều tổ chức Hội nghị tổng kết và định hướng công tác tuyển sinh với sự tham gia của các bên liên quan [H8.08.01.10]. Nội dung kết luận Hội nghị cho thấy: tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học đã được rà soát và điều chỉnh hàng năm, trên cơ sở góp ý của các bên liên quan [H8.08.01.22]. Theo đó, đã lược bỏ/bổ sung một số khối thi đối với một số ngành đặc thù, khó tuyển; và quy định số lượng chỉ tiêu tuyển sinh xét học bạ so với tổng chỉ tiêu ngành [H8.08.02.01].

2. Điểm mạnh

Hàng năm, Nhà trường xây dựng đề án tuyển sinh đúng theo quy định, trong đó có tiêu chí và phương pháp tuyển sinh, tuyển chọn NH rõ ràng.

Tiêu chí và phương pháp tuyển sinh, tuyển chọn NH được rà soát, đánh giá hàng năm để nâng cao hiệu quả công tác tuyển sinh của năm tiếp theo.

Nhà trường có nhiều cải tiến trong công tác tuyển sinh và kết quả tuyển sinh của Trường tăng lên qua từng năm.

Trong giai đoạn 2018-2023, công tác tuyển sinh của Nhà trường luôn đúng theo quy định của Bộ GDĐT.

3. Điểm tồn tại

Do xu hướng chung của xã hội và thiếu cơ chế đặc thù của ngành nghề nên số lượng thí sinh tuyển được vào ngành Nông học giảm theo từng năm. Mặt khác, việc tuyển sinh đầu vào chú trọng số lượng hơn chất lượng ảnh hưởng đến việc dạy và học, gây khó khăn cho việc nâng cao chất lượng đầu ra của sinh viên.

4. Kế hoạch hành động

- Hàng năm thường xuyên đánh giá và cập nhật hệ thống tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học.

- Dự kiến và giải quyết tốt các thách thức làm sai lệch quy trình xác định tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học

5. Tự đánh giá: 4/7

Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của NH

1. Mô tả hiện trạng

Quá trình học tập, rèn luyện cũng như khối lượng học tập và kết quả đạt được của Quá trình học tập, rèn luyện cũng như khối lượng học tập và kết quả đạt được của người học trong hệ thống đào tạo theo tín chỉ tại Trường Đại học Tây Bắc được quản lý và giám sát có hệ thống chặt chẽ và logic với nhiều quy định và các biện pháp phù hợp. Thể hiện cụ thể trên các đơn vị tổ chức có liên quan đến hoạt động trên như sau:

Phòng Đào tạo là đơn vị quản lý thống nhất trong toàn Trường về hệ thống CTĐT, hoạt động tổ chức đào tạo và kết quả của người học. Toàn thể cán bộ của Phòng Đào tạo

đã được Trường phân công nhiệm vụ cụ thể như: phụ trách các vấn đề như tuyển sinh đại học, tiếp đón SV nhập học, tổ chức lớp học, lịch học, quản lý điểm, các thủ tục cấp bằng điểm và bằng đại học cho SV tốt nghiệp và các nhiệm vụ có liên quan đến đào tạo [H8.08.03.01].

Phòng BDCL&TTPC Tham mưu, giúp Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Bắc quản lý và tổ chức thực hiện nhiệm vụ về công tác tổ chức triển khai, quản lý công tác thi và đánh giá kết quả học tập của người học; tổ chức thực hiện các hoạt động liên quan đến công tác khảo thí và đảm bảo chất lượng giáo dục đào tạo; quản lý và tổ chức thực hiện nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra... [H8.08.03.01], [H8.08.03.02].

Phòng CTCT &QLNH được Nhà trường giao nhiệm vụ quản lý thống nhất toàn trường về chế độ chính sách, hoạt động rèn luyện; khen thưởng, kỷ luật của sinh viên, tư vấn, giới thiệu việc làm cho sinh viên. Được lãnh đạo phòng phân công nhiệm vụ cụ thể như: phụ trách về điểm rèn luyện, quản lý khen thưởng kỷ luật của sinh viên...[H8.08.03.02].

Ngoài hệ thống quản lý là các phòng ban chức năng, mỗi lớp sinh viên được phân công 1 cố vấn học tập (*Cố vấn học tập vừa là cán bộ giảng dạy, vừa là cố vấn theo dõi hướng dẫn chỉ đạo lớp do mình phụ trách cụ thể như: Nắm vững tình hình học tập, rèn luyện; hướng dẫn bán cán sự lớp trong việc tổ chức học tập, rèn luyện, sinh hoạt, thực hiện nội quy quy chế, chế độ chính sách đối với HSSV trong lớp.....*) [H8.08.03.03] để theo dõi và giám sát quá trình học tập của người học. Hàng tháng, cố vấn học tập sẽ họp với lớp thông báo các tình hình chung để lắng nghe, giúp đỡ sinh viên giải quyết các vấn đề học tập và các hoạt động khác của lớp. Để công tác cố vấn học tập theo đúng trình tự, quy định, đạt hiệu quả cao, Nhà trường đã ban hành Quy định về công tác CVHT trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ [H8.08.03.03].

Đối với ngành Nông học, khối lượng học tập người học sẽ phải hoàn thành là 150 tín chỉ (áp dụng đối với sinh viên từ K56 trở về trước), 136 tín chỉ (đối với K57 trở đi) [H5.05.01.13], [H5.05.01.14] với thời gian hoàn thành đúng thời hạn 1 chương trình đào tạo ngành Nông học là 4 năm (tối đa là 6 năm). Kết quả học tập cuối cùng của một học phần trong chương trình học được đánh giá theo 2 loại thang điểm đó là thang điểm 10, thang điểm 4. Các học phần được đánh giá là đạt nếu điểm tổng kết học phần tính theo thang điểm 10 đạt từ điểm 4, thang điểm 4 đạt từ điểm 1. Trong trường hợp sinh viên không đạt (bị điểm F) được quyền thi lại 1 lần và nếu vẫn được điểm F phải đăng ký học lại học phần đó. Sinh viên được trường công nhận tốt nghiệp khi có điểm trung bình chung tích lũy đạt 2.0 trở lên theo thang điểm 4. Những quy định về đánh giá kết quả học tập được nhà trường xây dựng, ban hành bằng các quy định cụ thể [H5.05.02.01].

Chương trình đào tạo theo hệ thống tín chỉ của ngành Nông học có sự phân bổ hợp lý khối lượng học tập, đảm bảo người học có học lực trung bình hoàn thành CTĐT đúng thời hạn được thể hiện trong kế hoạch phân bổ các môn học trong từng học kỳ [H5.05.01.14]. Khối lượng học tập mỗi học kỳ đối với ngành Nông học không vượt quá 20 tín chỉ nhưng không được ít hơn 14 tín chỉ (trừ học kỳ cuối) theo đúng quy định của Trường Đại học Tây Bắc.

Nhà trường cũng đã ban hành văn bản quy định rõ Quy trình đánh giá điểm rèn luyện [H8.08.03.04]. Cuối mỗi học kỳ, sinh viên phải tự đánh giá bản thân, bản đánh giá này phản ánh kết quả học tập và rèn luyện của sinh viên và đưa ra tập thể lớp đánh giá [H8.08.03.04], Sau khi điểm rèn luyện được hội đồng xét công nhận, Nhà trường

ban hành quyết định công nhận kết quả rèn luyện của sinh viên theo từng học kỳ và toàn khóa học [H8.08.03.05].

Nhà trường còn có cơ sở dữ liệu theo dõi sự tiến bộ của người học như thống kê từng năm về chậm tiến độ, thôi học, tốt nghiệp của sinh viên [H8.08.03.05]. Phương pháp giám sát, công cụ giám sát thông qua kế hoạch học tập, thời khóa biểu, lịch kiểm tra và thi của từng cá nhân sinh viên, kết quả được đăng tải trên trang điện tử của Nhà trường và gửi vào tài khoản cá nhân của từng SV [H8.08.03.06], [H8.08.03.07]. Nhờ phương pháp giám sát này mà sinh viên có thể dễ dàng truy cập tài khoản trực tuyến của họ để có được thông tin cần thiết, chủ động thực hiện tiến độ học tập cho mỗi kỳ học cũng như cả chương trình, phù hợp với năng lực và điều kiện học tập của bản thân [H8.08.03.08].

2. Điểm mạnh

Nhà trường phân công nhiệm vụ rõ ràng cho các đơn vị và đội ngũ CVHT tham gia triển khai hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của NH.

Nhà trường quán triệt, yêu cầu các đơn vị, Khoa Nông Lâm và đội ngũ CVHT của Khoa nghiêm túc triển khai các hoạt động giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của NH ngành Nông học.

Phòng ĐT, phòng CTCT & QLNH sử dụng phần mềm quản lý ĐT để giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của NH.

Dữ liệu về KQHT, kết quả rèn luyện và sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, khối lượng học tập của NH được cập nhật dữ liệu theo từng học kỳ.

Kết quả khảo sát ý kiến của GV, SV thể hiện sự hài lòng về các hoạt động giám sát người học của Trường.

3. Điểm tồn tại

Phần mềm chuyên dụng chưa đáp ứng kịp thời các yêu cầu của đổi mới trong quản lý đào tạo.

4. Kế hoạch hành động

- Tiếp tục đầu tư, nâng cấp đường truyền internet và hoàn thiện phần mềm chuyên dụng để lưu trữ kết quả học tập và hoạt động đào tạo

5. Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học

1. Mô tả hiện trạng

Trường Đại học Tây Bắc nói chung, Khoa Nông Lâm nói riêng đã huy động toàn bộ hệ thống chính trị vào cuộc, từ Đảng ủy; Chi ủy; các phòng ban chức năng, công đoàn Trường, công đoàn Khoa, các cán bộ, Giảng viên theo quy chế tổ chức hoạt động của trường Đại học Tây Bắc năm 2013 và có chỉnh sửa bổ sung năm 2020 [H8.08.03.01] [H8.08.03.02]. Phân công nhiệm vụ cho các đơn vị như sau:

Phòng Đào tạo quản lý thống nhất trong toàn Trường về hệ thống CTĐT, hoạt động tổ chức đào tạo và kết quả học tập của sinh viên, từ khâu lập kế hoạch học tập, tổ

chức lớp học, lịch học, quản lý điểm, các thủ tục cấp bằng điểm và bằng đại học cho SV tốt nghiệp... [H8.08.03.02].

Phòng CTCT & QLNH quản lý thống nhất toàn trường về chế độ chính sách, hoạt động rèn luyện; khen thưởng, kỷ luật của sinh viên; quản lý HSSV nội trú: thực hiện công tác bảo vệ nội bộ trong HSSV; Hỗ trợ giải quyết các thủ tục hành chính theo chức năng nhiệm vụ cho HSSV: các thủ tục vay vốn; cấp lại thẻ sinh viên...; Tiếp nhận, quản lý và thực hiện các chế độ chính sách của HSSV: như chính sách trợ cấp xã hội. Đồng thời tổ chức tư vấn việc làm cho sinh viên, kết nối và phục vụ cộng đồng [H8.08.03.02].

Phòng BDCL&TTPC thu thập ý kiến của sinh viên và chương trình học, đề thi, tổ chức các kỳ thi trong các khâu coi thi, chấm thi, công bố điểm thi, phúc khảo điểm thi...để tham mưu cho Lãnh đạo trường chỉnh sửa chương trình học phù hợp với người học và đồng thời hỗ trợ người học khi có vấn đề thắc mắc về điểm học của các học phần, giúp người học yên tâm học tập [H8.08.03.02]

Giao nhiệm vụ cho cố vấn học tập [H8.08.03.03], trợ lý Khoa chịu trách nhiệm tư vấn, hỗ trợ học tập cho người học, theo dõi toàn bộ kết quả học tập, rèn luyện, khen thưởng, kỷ luật của người học để kịp thời tham mưu cho Lãnh đạo Khoa (quản lý sinh viên) có hướng tháo gỡ các khó khăn (tìm hiểu những nguyên nhân hay tâm tư nguyện vọng của người học) để người học có tác phong học tập tốt hơn;

Hệ thống Đoàn thanh niên, Hội sinh viên, các Câu lạc Bộ tổ đội nhóm [H8.08.04.02] là nơi tổ chức các hoạt động ngoại khóa ý nghĩa nhằm giúp sinh viên phát huy hết sở trường của bản thân, nâng cao kỹ năng sinh hoạt tập thể mang lại cho người học niềm vui, giải trí giúp cho việc học tập tốt hơn trong quá trình đào tạo theo hệ thống tín chỉ. Các cá nhân đoàn thể trên luôn khuyến khích, tạo điều kiện và tư vấn cho SV tham gia các hoạt động nhằm cải thiện việc học tập của người học bằng các hoạt động văn, thể, mỹ lành mạnh, bổ ích như: các hoạt động thể dục thể thao (bóng đá, kéo co, cầu lông....) [H8.08.04.08], các cuộc thi văn nghệ ... [H8.08.03.09], thành lập các câu lạc bộ hội nhóm để sinh viên tham gia và phát huy năng lực của mình [H8.08.04.03]. Bên cạnh các hoạt động của nhà trường thì khoa Nông lâm cũng thành lập ban phong trào, thể dục thể thao, văn nghệ của khoa để tổ chức cho các em hoạt động, tạo hứng thú trong học tập [H8.08.04.03], đối với sinh viên Lào hàng năm khoa đều tổ chức tết Butimay cho các em để phần nào động viên, chia sẻ các em khi năm mới không được ở cùng gia đình người thân [H8.08.04.14]. Bộ môn nông học cũng tổ chức giải bóng đá, các cuộc thi tìm hiểu về nông nghiệp để các em hiểu rõ ngành nghề và tạo sự say mê trong công việc [H8.08.03.16]. Hàng năm, các tổ chức đoàn hội cũng đã tiến hành tổng kết các hoạt động, sự tham gia của người học trong các hoạt động ngoại khóa, cuộc thi... [H8.08.04.05], [H8.08.04.06], [H8.08.04.07]. Để đánh giá và tổng kết, khen thưởng các cá nhân tham gia tích cực các hoạt động thì nhà trường thành lập các hội đồng thi đua khen thưởng để tạo động lực cho người học cố gắng tích cực [H8.08.04.01].

Để tạo điều kiện giúp đỡ sinh viên có việc làm sau khi ra trường, hàng năm, Nhà trường cũng đã phối hợp với các cơ quan, doanh nghiệp để tổ chức ngày hội tư vấn việc làm cho sinh viên giúp các em có cơ hội tiếp xúc với các nhà sử dụng lao động, tăng cơ hội có việc làm ngay sau khi tốt nghiệp [H8.08.04.10]. Khoa Nông Lâm cũng tổ chức ngày hội tư vấn việc làm cho sinh viên giúp các em có cơ hội tiếp xúc với các nhà sử dụng lao động, tăng cơ hội có việc làm ngay sau khi tốt nghiệp [H8.08.04.11] và tham quan trực tuyến với các cơ sở, nhà máy có nhu cầu tuyển dụng lao động như nhà máy Ajinomoto [H8.08.04.13], Sinh viên ngành Nông học được tổ chức thực hành, thực tập

trực tiếp tại các đơn vị trong và ngoài tỉnh, giúp người học nắm bắt được các vấn đề trong thực tiễn sản xuất tại địa phương [H4.04.03.12]. Đồng thời, các đơn vị tuyển dụng lao động khi có nhu cầu tuyển dụng, Nhà trường, khoa sẽ thông báo rộng rãi thông tin tuyển dụng trên website, facebook để người học nắm được [H8.08.04.23].

Nhà trường thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với các đối tượng chính sách theo quy định như chi trả chế độ hỗ trợ học tập, chi phí học tập, trợ cấp xã hội [H8.08.04.19] [H8.08.04.22]. Bên cạnh đó để giảm bớt khó khăn cho các đối tượng chính sách nhà trường thực hiện đúng đủ và động viên các em trong học tập bằng việc miễn giảm học phí [H8.08.04.16]. Đồng thời khen thưởng, cấp học bổng, trao giải thưởng đối với người học có thành tích học tập, NCKH tốt theo đúng quy định khen thưởng với mục đích khuyến khích SV nâng cao hơn nữa kết quả học tập, rèn luyện của mình [H8.08.04.17]. Ngoài ra, Nhà trường cũng tăng cường việc kết nối, đề xuất sinh viên tham gia xét các học bổng khuyến khích từ các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp ngoài trường giúp người học thêm động lực phấn đấu, giảm bớt khó khăn để cải thiện việc học tập [H8.08.04.18].

Hàng năm, nhà trường cũng tiến hành xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện khảo sát tình hình có việc làm của sinh viên sau khi ra trường. Nhà trường cũng đã có kế hoạch khảo sát việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp [H8.08.04.20], đồng thời tiến hành khảo sát bằng mẫu phiếu thiết kế sẵn. Kết quả khảo sát cho thấy hầu hết sinh viên cho rằng chương trình đào tạo của Nhà trường là hữu ích, giúp cho sinh viên chủ động lựa chọn học phần, xây dựng kế hoạch học tập, phát triển năng lực bản thân. Tuy nhiên vẫn còn một bộ phận sinh viên cho rằng cần tăng cường thời gian thực hành thực tập, giảm thời lượng lý thuyết [H8.08.04.21]. Trên cơ sở đó Nhà trường cũng đã có các biện pháp cụ thể nhằm nâng cao chất lượng của người học sau khi tốt nghiệp. Hàng năm thông qua việc đưa sinh viên đi thực tập, rèn nghề tại các cơ quan, doanh nghiệp, sau khi kết thúc qua nhận xét của các cơ sở thực tập và phản hồi của sinh viên Nhà trường cũng đã thực hiện điều chỉnh kế hoạch thực tập rèn nghề đảm bảo tăng thời gian thực tế của sinh viên, đặc biệt là với ngành Nông học [H8.08.04.21]. Thời gian thực tập chuyên môn cuối khóa cũng điều chỉnh tăng từ 3 tháng lên 6 tháng (từ tháng 8 đến tháng 01 năm sau).

2. Điểm mạnh

Nhà trường phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị triển khai các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học tập của NH.

Nhà trường giao nhiệm vụ cho phòng CTCT & QLNH, các khoa chịu trách nhiệm tư vấn việc làm cho NH của Trường và của khoa.

Hàng năm, Nhà trường và các đơn vị xây dựng kế hoạch năm học, trong đó có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập của NH và triển khai thực hiện.

Các đơn vị và Khoa Nông Lâm chủ động xây dựng kế hoạch cụ thể và triển khai các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập của NH.

Bộ môn Nông học chủ động xây dựng kế hoạch cụ thể và triển khai các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập của NH.

Trong giai đoạn 2018-2023, Nhà trường, các đơn vị và Khoa Nông Lâm, bộ môn Nông học tổ chức nhiều hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập của NH.

Kết quả khảo sát SV, SV tốt nghiệp thể hiện sự hài lòng về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm của Nhà trường.

3. Điểm tồn tại

Các hoạt động ngoại khóa do đoàn thanh niên, hội sinh viên tổ chức chưa thu hút được đông đảo người học tham gia, mới chỉ tập trung ở đối tượng sinh viên giữ chức vụ trong lớp như ban cán sự lớp, Đoàn, Hội.

4. Kế hoạch hành động

- CVHT; Trợ lý khoa; Ban chấp hành Liên chi đoàn, chi hội sinh viên cần động viên tất cả sinh viên trong khoa tham gia vào các hoạt động ngoại khóa do đoàn, hội tổ chức

5. Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân NH

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường có các hệ thống Đoàn thanh niên, Hội sinh viên, các Câu lạc Bộ tổ đội nhóm [H8.08.04.02] là nơi tổ chức các hoạt động ngoại khóa ý nghĩa nhằm giúp sinh viên phát huy hết sở trường của bản thân, nâng cao kỹ năng sinh hoạt tập thể mang lại cho người học niềm vui, giải trí giúp cho việc học tập tốt hơn trong quá trình đào tạo theo hệ thống tín chỉ. Các cá nhân đoàn thể trên luôn khuyến khích, tạo điều kiện và tư vấn cho SV tham gia các hoạt động nhằm cải thiện đời sống tinh thần của người học bằng các hoạt động văn, thể, mỹ lành mạnh, bổ ích. Nhà trường, Khoa Nông Lâm thường xuyên tổ chức các hoạt động ngoại khóa để tạo môi trường lôi cuốn những SV yêu ngành nghề, yêu khoa học, gắn kết tình cảm giữa thầy và trò, giữa các SV của các chi đoàn với nhau.

Trường Đại học Tây Bắc đặt tại Thành phố Sơn La với tổng diện tích mặt bằng theo quy hoạch là 95 ha, có hệ thống nhà làm việc, ký túc xá, phòng học, thư viện khang trang, được Nhà nước trang bị các thiết bị, phương tiện hiện đại phục vụ giảng dạy và học tập. Nhà trường luôn chú trọng đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ giảng dạy, học tập và nghiên cứu của giảng viên cán bộ và sinh viên. Hiện tại, cơ sở đào tạo và thực hành của Nhà trường có tổng diện tích 35 ha. Hệ thống công trình phục vụ hoạt động giảng dạy bao gồm: 120 phòng học (mỗi phòng sức chứa khoảng 70 -100 sinh viên); 01 phòng học ngoại ngữ; 12 phòng học tin học, với 400 đầu máy tính; 28 phòng thực hành thực tập chuyên môn, 04 hội trường với sức chứa 200 - 1.000 người. Hệ thống nhà lưới thực hành, thí nghiệm trên 3.000 m². Tất cả các phòng học, phòng thực hành đều được trang bị đầy đủ các thiết bị hiện đại. Để phục vụ tốt nhu cầu của bạn đọc, Trung tâm Thông tin thư viện của trường được xây dựng với diện tích trên 6.000 m². Trong đó, diện tích phòng đọc hơn 2000 m², với trên 600 chỗ ngồi. Thư viện điện tử có 150 máy tính, có kết nối mạng internet. Thư viện có trên 5.200 đầu sách với hơn 130.000 bản; 131 đầu báo, tạp chí chuyên ngành. Bên cạnh các công trình phục vụ dạy và học, Nhà trường còn đặc biệt quan tâm đến đời sống, sinh hoạt của sinh viên. Đầu tư xây dựng các sân thể thao, khu vui chơi giải trí và phòng ở, ký túc xá (480 phòng ở cho

khoảng 3.000 sinh viên), nhà ăn (sức chứa 2.000 người) với diện tích các công trình trên 26.000m². Với khuôn viên rộng rãi, thoáng mát, nhiều cây xanh, trường có bộ phận riêng làm nhiệm vụ vệ sinh, chăm sóc cây xanh, cảnh quan môi trường của toàn trường đảm bảo luôn được sạch sẽ, tạo sự thoải mái cho người học. Để thuận tiện cho người học, Nhà trường đã bố trí sơ đồ các phòng ban khu vực hiệu bộ, giảng đường, các phòng/khoa, hội trường, thư viện, khu thực hành, thực tập, ký túc xá [H8.08.05.04]. Để xây dựng môi trường học tập, làm việc thân thiện, Nhà trường đã bố trí các bảng/biển phổ biến nội quy, quy tắc ứng xử ở nơi có nhiều người qua lại, dễ quan sát [H8.08.05.01], [H8.08.05.02].

Trường cũng rất quan tâm đến vấn đề chăm sóc sức khỏe cho sinh viên cụ thể như: Trạm y tế là đơn vị thực hiện nhiệm vụ khám sức khỏe tổng thể cho tất cả sinh viên mới nhập học, cho sinh viên Lào đang theo học tại trường, hàng ngày (kể cả ngày lễ tết, thứ 7 và chủ nhật) đều có cán bộ của Trạm làm việc và túc trực phục vụ nhu cầu khám chữa bệnh của người học. Đồng thời, vào đầu năm học, Nhà trường triển khai công tác tham gia bảo hiểm y tế tới toàn thể học sinh sinh viên, xây dựng dữ liệu y tế học đường [H8.08.05.07].

Ngoài ra, công tác phòng chống cháy nổ trong nhà trường được đặt lên hàng đầu. Nhà trường đã thành lập Ban chỉ đạo, Đội phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ [H8.08.05.05] đồng thời tiến hành các buổi tập huấn phòng cháy chữa cháy cho cả cán bộ và sinh viên theo định kỳ, trang bị thiết bị phòng cháy, chữa cháy Đảm bảo các điều kiện phòng cháy, chữa cháy trong quá trình tổ chức hoạt động, giảng dạy và học tập [H8.08.05.05]. Việc phòng cháy chữa cháy được tổ chức kiểm tra thường xuyên và có biên bản báo cáo định kỳ [H8.08.05.06].

Cơ sở nhà trường nằm trên khu vực giao nhau giữa 2 phường và 1 xã nên việc an toàn học đường, an toàn cho người học được nhà trường quan tâm [H8.08.05.8].

Bên cạnh đó để môi trường học tập luôn xanh – sạch – đẹp thì nhà trường, công đoàn, đoàn thanh niên thường xuyên tổ chức các ngày lao động xanh.... [H8.08.05.19].

Để môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân NH thì những ý kiến phản hồi của người học sẽ giúp cơ sở hoàn thiện hơn [H8.08.05.10].cùng với các cuộc thi về thầy cô trong mắt em sẽ để các em có những chia sẻ nhưng tình cảm trân trọng hơn đối với những thầy cô, người lao động [H8.08.05.11].

2. Điểm mạnh

Nhà trường luôn quan tâm, chú trọng xây dựng môi trường tâm lý, xã hội, môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái, để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập, nghiên cứu và phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị thực hiện.

Cảnh quan sư phạm của Nhà trường sạch sẽ, bảo đảm vệ sinh, an toàn, tạo sự thuận lợi cho tất cả GV, NV, SV và khách đến làm việc, công tác tại Trường.

Kết quả khảo sát kiến của GV, SV thể hiện sự hài lòng đối với môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan trong trường.

3. Điểm tồn tại

Một số cơ sở hạ tầng phục vụ cho đào tạo và NCKH đã xuống cấp hoặc đang sửa chữa nên thiếu đồng bộ. Hệ thống phòng cháy, chữa cháy còn chưa được trang bị đầy đủ, các khu giảng đường chưa được cung cấp internet.

4. Kế hoạch hành động

- Xây dựng và triển khai kế hoạch sửa chữa, mua thêm thiết bị để đồng bộ và hiện đại hóa CSVC.
- Xây dựng phương án lắp đặt mạng internet đến từng khu giảng đường

5. Tự đánh giá: 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 8:

Hàng năm, Nhà trường thành lập Hội đồng tuyển sinh để chỉ đạo, triển khai công tác tuyển sinh các ngành đào tạo trong toàn Trường. Đề án tuyển sinh của Nhà trường được xây dựng dựa trên các văn bản quy định của Bộ GDĐT, kết quả khảo sát tình hình việc làm của cựu SV tốt nghiệp, tổng hợp phân tích và dự báo nhu cầu nhân lực hằng năm, ý kiến góp ý của các bên liên quan về công tác tuyển sinh của năm học trước và cơ sở dữ liệu, thống kê kết quả tuyển sinh. Nhà trường xây dựng đề án tuyển sinh đúng theo quy định, trong đó có tiêu chí và phương pháp tuyển sinh, tuyển chọn NH rõ ràng. Tiêu chí và phương pháp tuyển sinh, tuyển chọn NH được rà soát, đánh giá định kỳ sau mỗi năm tuyển sinh để nâng cao hiệu quả công tác tuyển sinh của năm tiếp theo. Nhà trường thường xuyên và kịp thời cập nhật chính sách tuyển sinh theo các văn bản hướng dẫn của Bộ GDĐT. Nhà trường công bố công khai chính sách và quy định tuyển sinh đến các bên liên quan bằng nhiều hình thức khác nhau. Hàng năm, sau khi kết thúc thời gian tuyển sinh theo quy định, Nhà trường thực hiện việc báo cáo kết quả công tác tuyển sinh với Bộ GDĐT và họp Hội đồng tuyển sinh để tổng kết, rút kinh nghiệm nhằm cải tiến công tác tuyển sinh của năm tiếp theo. Nhà trường có nhiều cải tiến trong công tác tuyển sinh và kết quả tuyển sinh của Trường tăng lên qua từng năm. Trong giai đoạn 2018-2023, công tác tuyển sinh của Nhà trường luôn đúng theo quy định của Bộ GDĐT. Nhà trường phân công nhiệm vụ rõ ràng và yêu cầu các đơn vị, đội ngũ CVHT tham gia triển khai hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của NH. Phòng ĐT, phòng CTCT & QLNH sử dụng phần mềm quản lý ĐT để giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của NH. Dữ liệu về KQHT, kết quả rèn luyện và sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, khối lượng học tập của NH được cập nhật dữ liệu theo từng học kỳ. Kết quả khảo sát ý kiến của GV, SV thể hiện sự hài lòng về các hoạt động giám sát người học của Trường. Nhà trường phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị triển khai các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học tập của NH. Bên cạnh đó, Nhà trường giao nhiệm vụ cho phòng CTCT & QLNH, các khoa chịu trách nhiệm tư vấn việc làm cho NH của Trường và của khoa. Nhà trường và các đơn vị xây dựng kế hoạch năm học, trong đó có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập của NH và triển khai thực hiện. Trong giai đoạn 2018-2023, Nhà trường, các đơn vị và Khoa Nông Lâm tổ chức nhiều hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập của NH. Kết quả khảo sát SV, SV đã tốt nghiệp thể hiện sự hài lòng về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm của Nhà trường. Nhà trường luôn quan tâm, chú trọng xây dựng môi trường tâm lý, xã hội, môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái, để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu và phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị thực hiện. Cảnh quan sư phạm của Nhà trường sạch sẽ, bảo đảm vệ sinh, an toàn, tạo sự thuận lợi cho tất cả GV-VC-NLĐ, SV

và khách đến làm việc, công tác tại Trường. Kết quả khảo sát ý kiến của GV, SV thể hiện sự hài lòng đối với môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan trong trường.

Tuy nhiên, GV Nhà trường và Khoa Nông Lâm tham gia truyền thông về tuyển sinh của Trường nhưng chưa phát huy tối đa hiệu quả. Ngưỡng bảo đảm chất lượng đào tạo ngành Nông học của Nhà trường chưa được xếp vào các trường đại học có ngưỡng bảo đảm chất lượng đào tạo cao trên toàn quốc. Một số biên bản họp định kỳ của CVHT Khoa Nông Lâm chưa thể hiện rõ nội dung giám sát KQHT, kết quả rèn luyện và sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, khối lượng học tập của NH. Một số hoạt động ngoại khóa do Khoa Nông Lâm tổ chức chưa thu hút tất cả SV tham gia. Số lượng khảo sát ý kiến các bên liên quan bên ngoài về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan trong trường chưa được nhiều.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 8:

+ Điểm trung bình tiêu chuẩn: 4,6

+ Số tiêu chí đạt: 5/5

Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Cơ sở vật chất và trang thiết bị là các điều kiện thiết yếu để triển khai hoạt động DT, NCKH và PVCĐ theo sứ mạng đã xác định và đạt được tầm nhìn trong tương lai. Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng của Nhà trường có đầy đủ và được các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Bên cạnh đó, thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Bảo đảm đủ phòng thí nghiệm, thực hành, hệ thống nhà lưới, nhà kính với trang thiết bị hiện đại. Hệ thống CNTT (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Nhà trường xác định các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng của Nhà trường đầy đủ với các trang thiết bị phù hợp cùng với thư viện có các nguồn học liệu phù hợp được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

Ngoài ra, Nhà trường và Khoa Nông Lâm luôn đảm bảo các tiêu chuẩn về không gian sống, môi trường xanh, sạch đảm bảo sức khỏe, an toàn cho sinh viên ngành Lâm sinh.

Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với c**Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị**

Mở đầu:

Cơ sở vật chất và trang thiết bị là các điều kiện thiết yếu để triển khai hoạt động DT, NCKH và PVCĐ theo sứ mạng đã xác định và đạt được tầm nhìn trong tương lai. Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng của Nhà trường có đầy đủ và được các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Bên cạnh đó, thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Bảo đảm đủ phòng thí nghiệm, thực hành, hệ thống nhà lưới, nhà kính với trang thiết bị hiện đại. Hệ thống CNTT (bao gồm cả hạ tầng cho học

tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Nhà trường xác định các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng của Nhà trường đầy đủ với các trang thiết bị phù hợp cùng với thư viện có các nguồn học liệu phù hợp được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

Ngoài ra, Nhà trường và Khoa Nông Lâm luôn đảm bảo các tiêu chuẩn về không gian sống, môi trường xanh, sạch đảm bảo sức khỏe, an toàn cho sinh viên ngành Lâm sinh.

Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả hiện trạng

Trường Đại học Tây Bắc đáp ứng đầy đủ không gian làm việc cho cán bộ, giảng viên và nhân viên; không gian học tập và sinh hoạt cho sinh viên theo qui định. Các tòa nhà hiện có được xây dựng trên diện tích 79,9 ha [H9.09.01.04], bao gồm: 01 tòa nhà làm việc 7 tầng với tổng số 45 phòng làm việc; 04 tòa nhà giảng đường A, B, C, D với 131 phòng học, 22 phòng thực hành, thí nghiệm; 01 Hội trường lớn với 886 chỗ ngồi, 04 hội trường nhỏ (A1, A2, D, B5) với 200 chỗ ngồi/1 hội trường; KTX gồm 08 tòa nhà gồm 476 phòng được xây dựng độc lập trong khuôn viên có diện tích 4,3ha [H9.09.01.19]. Hệ thống máy tính, trang thiết bị, tài liệu phục vụ đào tạo và NCKH luôn được Trường chú trọng đầu tư, trong giai đoạn từ 2012 đến nay Trường đã chi kinh phí gần 60 tỷ đồng mua sắm mới trang thiết bị hiện đại để đáp ứng yêu cầu đào tạo, phát triển CTĐT và bồi dưỡng trực tuyến, hợp tác quốc tế, đổi mới phương pháp giảng dạy (các hệ thống thiết bị thí nghiệm, phòng học trực tuyến, máy chiếu gần, bàn ghế đơn, bảng tương tác thông minh, thiết bị công nghệ thông tin, thư viện trường) [H9.09.01.05].

49 phòng làm việc hành chính của lãnh đạo Nhà trường, các đơn vị thuộc và trực thuộc với diện tích 3053,5 m²; khu giảng đường có 148 phòng học với diện tích 9437 m²; khu nhà kính, nhà lưới phục vụ thực hành, thực nghiệm của khối ngành Nông- lâm 4428 m²; thư viện có diện tích 5885 m²; 5 hội trường với diện tích 4828 m²; 6 khu thể thao ngoài trời có diện tích 7000 m²; 7 khu ký túc xá với 484 phòng với tổng diện tích 3872 m²; diện tích nhà ăn 1522 m² [H9.09.01.19]. Các phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng được sơ đồ hóa một cách khoa học [H9.09.01.04]. Hằng năm, Nhà trường đều có kế hoạch, biên bản kiểm tra danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị; lập sổ theo dõi tình trạng hoạt động, sử dụng trang thiết bị phục vụ công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng [H9.09.01.09], [H9.09.01.05],

[H9.09.01.06]; báo cáo tổng kết công tác kiểm tra tài sản [H9.09.01.07]. Để đáp ứng với nhu cầu đào tạo, Nhà trường thường xuyên lập kế hoạch mua sắm tài sản mới; ưu tiên đầu tư kinh phí nâng cấp sửa chữa cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo [H9.09.01.11]; [H9.09.01.14]. Để đáp ứng yêu cầu đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo, khai thác hiệu quả cơ sở vật chất, căn cứ vào định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo do BGDDT ban hành [H9.09.01.01]. Nhà trường đã xây dựng chiến lược sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất và nguồn lực tài chính [H9.09.01.02], [H9.09.01.15]. Căn cứ vào dự toán ngân sách hằng năm của Nhà trường, Bộ Giáo dục và Đào tạo giao dự toán kinh phí Nhà trường phục vụ đào tạo và NCKH [H9.09.01.16].

Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng có đầy đủ trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu phục vụ. Các giảng đường đều có hệ thống quạt thông gió, bàn ghế học tập, bảng, hệ thống điện chiếu sáng đảm bảo cho giảng dạy; văn phòng khoa có đủ trang thiết bị như tủ đựng tài liệu, hệ thống máy tính, máy in kết nối mạng, bàn, ghế làm việc; hệ thống điện chiếu sáng, điều hòa, quạt phù hợp; phòng họp của Khoa đầy đủ bàn, ghế họp, các trang thiết bị đảm bảo tốt [H9.09.01.05], [H9.09.01.19].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng phù hợp và bảo đảm tỉ lệ diện tích/NH theo quy định để hỗ trợ các hoạt động đào tạo phục vụ CTĐT ngành Nông học theo quy định hiện hành.

Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng có đầy đủ trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu phục vụ CTĐT ngành Nông học.

3. Điểm tồn tại

Một số phòng học tuy đã được cải tạo, nâng cấp nhưng vẫn chưa đáp ứng tiêu chuẩn của phòng học hiện đại.

Một số trường hợp trang thiết bị hỏng đôi khi chưa được sửa chữa kịp thời (như: máy chiếu, máy tính, điều hòa, máy in).

4. Kế hoạch hành động

- Nhà trường rà soát, đầu tư kinh phí để cải tạo, nâng cấp các phòng học đáp ứng tiêu chuẩn của phòng học hiện đại.

- Phòng QTCSVC, khoa Nông Lâm thường xuyên kiểm tra các loại máy móc, trang thiết bị trên giảng đường và cả phòng làm việc của các bộ phận chức năng.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 9.2. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường xác định Thư viện là một trong những yếu tố quan trọng trong việc nâng cao chất lượng dạy và học. Với quan điểm trên, Trung tâm thông tin Thư viện được bố trí ở khu vực trung tâm trong khuôn viên nhà trường, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho GV và sinh viên tiếp cận. Tổng thể khu nhà Trung tâm thông tin thư viện được bố trí từ tầng 1 đến tầng 3. Tầng 1 gồm 3 phòng của Ban giám đốc trung tâm, 01 phòng làm thẻ bạn đọc và khu vực để tài liệu; tầng 2 bố trí phòng đọc khá rộng rãi cho cán bộ giảng viên và sinh viên, trong đó có 1 phòng đọc mở và 01 phòng đọc đóng; tầng 3 bố trí 01 phòng đa phương tiện, 02 phòng internet, 01 phòng hội thảo và 01 khu vực đọc sách quý hiếm [H9.09.02.04]. Thư viện được trang bị tương đối đầy đủ các thiết bị đáp ứng nhu cầu công tác chuyên môn và phục vụ như: Máy tính, máy in, máy scan, photocopy, máy đọc mã vạch và các số lượng các đầu sách phục vụ nhu cầu bạn đọc.

Để phục vụ công tác đào tạo của Nhà trường nói chung, ngành Nông học nói riêng, Thư viện đã xây dựng được quy trình kiểm soát hoạt động thư viện và quy trình mua sắm, bổ sung các nguồn tài liệu đáp ứng với mục tiêu đào tạo và NCKH của nhà trường. Thư viện đã bổ sung được nguồn tài liệu đáp ứng nhu cầu đào tạo chuyên ngành. Hàng năm, Thư viện trường không ngừng bổ sung các nguồn tài liệu đáp ứng quá trình phát triển của ngành [H9.09.02.02], [H9.09.02.04], [H9.09.02.05].

Các phòng làm việc và phòng đọc được trang bị đầy đủ tiện nghi cho các cán bộ làm việc, người học như: 01 hệ thống phần mềm tra cứu trực tuyến OPAC và quản lý tin tức; 01 hệ thống phần mềm quản lý tài liệu số; phần mềm ILIB tra cứu thông tin; 180 bộ máy tính cây để bàn và 01 máy tính xách tay; các phòng được lắp thiết bị điều hòa (18 cái) cùng với trang bị thêm nhiều quạt vào mùa hè nhằm đáp ứng tốt nhất không gian đọc phục vụ học tập và nghiên cứu cho cán bộ giảng viên và người học. Có 178 giá đựng tài liệu, 18 tủ đựng tài liệu các loại. Các giá sách được kê theo đúng chủng loại sách, báo, tạp chí, luận văn tham khảo...và được sắp xếp một cách hợp lý, khoa học. Trong các phòng đọc đóng bố trí 74 bàn đọc các loại, 266 ghế đọc sinh viên. Ngoài ra thư viện còn được trang bị các máy in, máy quét, camera, máy khử từ, máy đọc mã vạch, máy in mã vạch, máy kiểm tra kho vv... [H9.09.02.03], [H9.09.02.06].

Giáo trình và tài liệu học tập có vai trò quan trọng trong đào tạo sinh viên. Ngoài giáo trình, tài liệu tham khảo phục vụ đào tạo chung cho các ngành của Trường, tính đến năm 2024, giáo trình, tài liệu tham khảo ngành Nông học [H9.09.02.04].

Công tác hướng dẫn đọc giả sử dụng nguồn học liệu, quy chế hoạt động của Thư viện cũng được phổ biến tới toàn thể cán bộ, giảng viên và người đọc thông qua các quyết định, nội quy được dán ngay tại các phòng đọc mà người đọc có thể dễ dàng nhìn thấy được. Ngoài ra, còn có các cán bộ chuyên trách tại phòng đọc có thể trực tiếp hướng dẫn người đọc tra cứu học liệu thực hiện theo đúng quy định chung do Thư viện đề ra. Thư viện luôn tạo điều kiện tốt nhất về thời gian cho sinh viên và giáo viên, thư viện mở cửa cho mượn và trả từ 7h30 đến 18h30 từ thứ 2 đến thứ 6 [H9.09.02.07]. Đối với SV, vào các kỳ/tuần sinh hoạt công dân - HSSV đầu khóa, Nhà trường đã bố trí một thời lượng nhất định để cho cán bộ giới thiệu về Thư viện và hướng dẫn chi tiết cho SV khóa mới cách sử dụng nguồn tin và khai thác dữ liệu tại Thư viện [H5.05.02.07]. Ngoài ra, tất cả các đối tượng quan tâm đều có thể tìm hiểu trực tiếp thông qua quầy hỏi đáp tại các khu vực phục vụ của Thư viện hoặc mục hỏi đáp trên Cổng thông tin Thư viện; đồng thời trên giao diện màn hình (Desktop) của tất cả các máy tính công cộng ở Thư viện đều thường trực tin mục Hướng dẫn sử dụng và khai thác nguồn học liệu [H9.09.02.06]. Cổng thông tin điện tử cho phép người sử dụng tiếp cận các thông tin cơ bản về những tài liệu hiện có trong thư viện. Người dùng có thể chọn lựa nhiều phương án để tìm kiếm tài liệu theo yêu cầu của mình, có thể tìm theo tác giả, nhan đề, chủ đề [<http://thuvien.utb.edu.vn>].

Với đội ngũ giảng viên có trình độ chuyên môn cao ngoài việc đáp ứng nhu cầu học tập và giảng dạy thì việc học tập, nghiên cứu khoa học cũng rất được chú trọng. Từ đó, những bài báo, ấn phẩm được đăng trên các Tạp chí chuyên ngành chính là kết quả minh chứng cho việc phấn đấu, tự trau dồi kiến thức cá nhân của đội ngũ giảng viên. Các bài báo đăng trên Tạp chí trong nước và các bài báo, ấn phẩm, báo cáo khoa học chuyên ngành nhằm phục vụ tốt cho công tác bổ sung nguồn học liệu phong phú cho người học [H9.09.02.08].

Trong chiến lược phát triển cơ sở vật chất của Nhà trường, ưu tiên hàng đầu sẽ dành cho các tài liệu điện tử. Bên cạnh đó, sinh viên còn có thể dùng chung tài liệu toàn văn từ các CSDL Thư viện mua quyền truy cập như: Thư viện có ký kết hợp tác, trao đổi và chia sẻ nguồn tin điện tử với Thư viện; kết nối thư viện số với các thư viện khác tạo điều kiện cho bạn đọc khai thác cơ sở dữ liệu dùng chung.

Ngoài ra, phần mềm quản lý Thư viện cho phép SV và GV tự theo dõi, quản lý lịch sử sử dụng của mình thông qua tài khoản cá nhân.

Nhìn chung, Thư viện cung cấp đủ tài liệu học tập chính cho người học. Tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài được cập nhật bổ sung (định kỳ hoặc đột xuất) theo quy trình. Hàng năm, Thư viện đều có dự trù kinh phí bổ sung, việc bổ sung có sự

phối hợp giữa Thư viện với khoa, được rà soát, đảm bảo đáp ứng chương trình đào tạo và NCKH. Kinh phí bổ sung và nguồn tài liệu đều tăng qua các năm [H9.09.02.05].

Để theo dõi nhu cầu sử dụng và khả năng đáp ứng, Thư viện khảo sát mỗi năm/lần. Việc khảo sát được lên kế hoạch, kết quả được tổng hợp và có biện pháp khắc phục hạn chế nhằm đáp ứng ngày một tốt hơn nhu cầu của bạn đọc [H9.09.02.09].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đầu tư nâng cấp thư viện, bố trí đủ phòng đọc, phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của CTĐT ngành Nông học.

Thư viện có nội quy và triển khai thực hiện, đồng thời hướng dẫn SV tại Tuần sinh hoạt công dân.

Thư viện có đủ học liệu (tài liệu bắt buộc) bao gồm giáo trình, tài liệu, sách tham khảo... phù hợp để hỗ trợ các hoạt động ĐT và NCKH của các CTĐT nói chung và đối với CTĐT ngành Nông học.

Hệ thống quản lý thư viện đảm bảo thuận lợi cho giảng viên, sinh viên tra cứu tài liệu phục vụ giảng dạy, học tập và nghiên cứu.

Đã có sự liên kết khai thác thông tin với thư viện của các trường đại học khác.

3. Điểm tồn tại

Số lượng người học đến Trung tâm Thông tin thư viện vẫn còn hạn chế.

Số lượng tài liệu điện tử tại thư viện chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

- Thực hiện công tác quảng bá, khuyến khích người học đến Thư viện tìm kiếm nguồn học liệu phong phú.

- Bổ sung đầu giáo trình và tài liệu tham khảo điện tử tại thư viện

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả hiện trạng

Để nâng cao chất lượng dạy và học, gắn liền giữa lý thuyết và thực hành tại trường, TBU đã đầu tư xây dựng Trung tâm Thực hành – Thí nghiệm, phòng máy tính đạt các yêu cầu của Bộ GDĐT nhằm hình thành kỹ năng và năng lực nghề nghiệp cho sinh viên, đáp ứng chuẩn đầu ra của việc đào tạo sinh viên các ngành, cũng như việc đào tạo sinh viên ngành Nông học.

Trường Đại học Tây Bắc luôn quan tâm đến công tác đầu tư thiết bị thí nghiệm, thực hành hiện đại phục vụ cho việc học tập và giảng dạy, gắn liền với thực tế nhằm nâng cao năng lực nghiên cứu của GV trong công tác NCKH, CGCN và kỹ năng thực hành, kỹ năng sử dụng cho SV khi ra Trường. Trung tâm Thực hành - Thí nghiệm với 22 phòng thí nghiệm cho các bộ môn Vật lý, Hóa học, Sinh học, Nông – Lâm – Y. Trường còn có 01 phòng bảo tồn đa dạng sinh học phục vụ cho CTĐT CTSP Sinh học; 02 phòng học nhạc, 02 phòng học vẽ, 01 phòng học múa phục vụ cho các CTĐT Giáo dục Tiểu học, Giáo dục Mầm non, 10 phòng thực hành máy tính phục vụ thực hành Ngoại ngữ và Tin học, 01 Trường thực hành phục vụ công tác TTSP cho SV [H9.09.03.01], [H9.09.03.02]. Trong đó có 5 phòng thí nghiệm liên quan trực tiếp đến đào tạo ngành Nông học gồm: phòng Thực vật, phòng Đa dạng sinh học-trồng trọt; phòng Công nghệ sinh học, phòng Di truyền vi sinh vật và phòng Bảo vệ thực vật¹. Ngoài đội ngũ nhân viên phục vụ các phòng thí nghiệm, các giảng viên giảng dạy chuyên ngành Nông học và Nông học đã trực tiếp tham gia hướng dẫn sinh viên thực hành, thực tập và nghiên cứu nghiên cứu khoa học tại các phòng thực hành [H9.09.03.01]. Các phòng thí nghiệm phục vụ đào tạo các học phần chuyên ngành Nông học được bố trí hợp lý ở 2 tòa nhà C và D, có sơ đồ tại các tòa nhà, biển hiệu trước cửa phòng học, mỗi phòng có diện tích từ 60m² đến 90 m² và được sắp xếp theo tiêu chuẩn về phòng thí nghiệm, thực hành nên luôn đáp ứng được nhu cầu đào tạo, NCKH của sinh viên và giảng viên [H9.09.03.01]. Các phòng thí nghiệm thực hành của khoa Nông Lâm đều được trang bị hệ thống trang thiết bị đầy đủ để phục vụ đào tạo và NCKH. Đảm bảo quá trình học tập của sinh viên theo đúng tài liệu thực hành, thực tập và thúc đẩy quá trình học tập, NCKH của sinh viên cũng như cán bộ, giảng viên trong Khoa, Trường [H9.09.03.02].

Nội quy phòng chống cháy nổ và nội quy thực hành trong các phòng thí nghiệm đều được Trung tâm Thực hành thí nghiệm học dán bảng biểu rõ ràng, đặt ở nơi sinh viên, cán bộ có thể dễ dàng nhận thấy và thực hiện theo đúng mọi quy định trong đó [H9.09.03.04]. Nhà trường luôn quan tâm đến công năng sử dụng các phòng thí nghiệm, thực hành và có những chuyển đổi thích hợp nhằm phục vụ công tác học tập, giảng dạy, NCKH cho cán bộ, giảng viên và sinh viên tốt hơn, hiệu quả hơn. Để làm được điều đó, tại các phòng thí nghiệm, thực hành luôn có các sổ hướng dẫn sử dụng các trang thiết bị, máy móc trong phòng thí nghiệm [H9.09.03.03]. Các phòng thực hành đều có nhật ký sử dụng các trang thiết bị, máy móc [H9.09.03.05]. Hằng năm, cán bộ phụ trách phòng thí nghiệm có báo cáo tổng kết tình hình sử dụng các trang thiết bị xác định thời gian hoạt động và tần suất hoạt động [H9.09.03.06]

Trang thiết bị trong phòng thực hành thí nghiệm được cập nhật, bảo dưỡng để đáp ứng nhu cầu đào tạo, nghiên cứu của CTĐT và người sử dụng. Hàng năm, Nhà trường có kế hoạch kiểm kê tài sản và lập kế hoạch sửa chữa, mua mới tài sản công,

trong đó có trang thiết bị, dụng cụ phòng thí nghiệm [H9.09.01.08], [H9.09.03.08]. Nhà trường kịp thời sửa chữa, bảo dưỡng trang thiết bị và mua sắm dụng cụ, vật tư, hóa chất phục vụ thực hành, thực tập nhằm thúc đẩy các hoạt động đào tạo và nghiên cứu một cách tốt nhất [H9.09.03.07], [H9.09.03.08].

Các hoạt động quản lý, sử dụng và bảo dưỡng máy móc, trang thiết bị trong phòng thực hành được thực hiện theo Quy định quản lý, sử dụng tài sản công được Nhà trường ban hành từ năm 2019 [H9.09.03.09].

Nhà trường và khoa luôn thực hiện theo kế hoạch khảo sát của nhà trường lấy ý kiến phản hồi của cán bộ, giảng viên, người học về mức độ đáp ứng của hệ thống phòng thí nghiệm, thực hành và các trang thiết bị, máy móc thực hành thông qua phiếu khảo sát [H9.09.01.10]. Trên cơ sở phản hồi của người học, Khoa và Nhà trường tiếp thu ý kiến để tiếp tục cải nâng cấp trang thiết bị trong việc đáp ứng hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

2. Điểm mạnh

Hệ thống phòng thí nghiệm, thực hành được xây dựng và bố trí đảm bảo yêu cầu về diện tích, ánh sáng theo tiêu chuẩn quy định; hệ thống trang thiết bị thực hành, thí nghiệm cơ bản đáp ứng được cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

Công tác tổ chức quản lý các hoạt động thí nghiệm, thực hành, thực tập đã được thường xuyên cải tiến hoàn thiện để khai thác hiệu quả các trang thiết bị thí nghiệm đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo.

Nhà trường đã có kế hoạch và dự án đầu tư cho hệ thống CSVC, trang thiết bị, dụng cụ thí nghiệm phục vụ đào tạo sinh viên.

3. Điểm tồn tại

Việc khai thác tiềm năng của một số trang thiết bị hiện đại phục vụ cho mục đích đào tạo và nghiên cứu của GV và SV còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

- Trường và khoa cần có kế hoạch giúp GV và SV khai thác có hiệu quả các trang thiết bị hiện đại để phục vụ cho các CTĐT

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 9.4. Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả hiện trạng

Trường Đại học Tây Bắc có hệ thống CNTT (bao gồm hệ thống máy tính, phần cứng, phần mềm, hệ thống mạng Internet, trang thông tin điện tử...) phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Nhà trường thành lập Bộ phận Công nghệ thông tin nhằm quản lý và bảo trì các thiết bị máy chủ, thiết bị mạng và đường truyền kết nối liên thông mạng nội bộ nhằm đảm bảo hệ thống mạng của Nhà trường và Khoa hoạt động liên tục [H9.09.04.01], [H9.09.04.05], [H9.09.04.06].

Cơ sở vật chất của Nhà trường về hạ tầng CNTT đã được đầu tư thông qua các dự án giáo dục đại học 2, bao gồm hệ thống máy tính, phần cứng, phần mềm, hệ thống mạng Internet, trang thông tin điện tử, phòng đa năng... phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu của Khoa cũng như của Nhà trường. Về hạ tầng mạng, Nhà trường hiện đang sử dụng mạng VNPT để cung cấp dịch vụ internet cho tất cả các phòng máy, phòng Lab, nhà làm việc, hội trường và phủ sóng Wifi toàn trường; cung cấp các dịch vụ như website, thư viện điện tử hay các dịch vụ tiện ích khác phục vụ cho mọi mặt trong hoạt động đào tạo và NCKH. Hiện nay, Nhà trường có 10 máy chủ đang hoạt động, trong đó 3 máy ở phòng Công nghệ thông tin, 3 máy ở phòng máy chủ, 01 máy ở Trung tâm Thông tin thư viện; kết nối Internet qua 7 đường truyền FTTH với tốc độ 210 Mb/s; có 12 phòng máy tính phục vụ giảng dạy; có 2 phòng Internet và 1 phòng đa phương tiện tại Trung tâm Thông tin thư viện; tổng số máy tính trong toàn trường là 884, trong đó có 45 máy mới và 839 máy cũ có niên hạn sử dụng quá 5 năm; riêng tại Trung tâm Thông tin thư viện của Nhà trường được lắp đặt 117 bộ máy vi tính, Khoa Nông lâm 19 máy, Trung tâm thực hành thí nghiệm 42 máy, các phòng máy tính phục vụ giảng dạy tin học cho sinh viên toàn trường do bộ môn Tin học quản lý 512 máy [H9.09.04.07], [H9.09.01.05].

Bên cạnh đó, hằng năm Nhà trường đều có kế hoạch bổ sung các thiết bị lưu trữ dữ liệu, kinh phí bảo trì, bảo dưỡng máy móc và đường truyền Internet [H9.09.01.11], [H9.09.01.12], [H9.09.01.13].

Nhà trường sử dụng các phần mềm máy tính có bản quyền để phục vụ cho công tác giảng dạy, NCKH và quản lý đó là các phần mềm như phần mềm quản lý hành chính (VNPTIOFICE), phần mềm tra cứu trực tuyến và quản lý tin tức (OPAC); 01 hệ thống phần mềm quản lý tài liệu số; phần mềm tra cứu thông tin (ILIB); phần mềm quản lý đào tạo; các phần mềm sử dụng cho chuyên ngành Nông học khác vv.. [H9.09.04.01].

Hệ thống phần cứng, phần mềm được duy trì thường xuyên và sẵn sàng để GV và SV có thể sử dụng trong quá trình đào tạo. Nhân viên phòng máy tính thường xuyên duy trì dọn vệ sinh, bảo trì máy tính, cài đặt phần mềm đáp ứng yêu cầu của giáo viên thực hành, đảm bảo gần như 100% máy tính hoạt động bình thường [H9.09.04.03]. Hệ thống máy chủ nội bộ với hơn 300 nút mạng làm việc liên tục, hiệu quả. CB, GV được

sử dụng Internet miễn phí tại các khu vực các nhà làm việc, giảng đường , hội trường, KTX, thư viện.

Nhà trường đã trang bị cho Khoa khá đầy đủ máy tính, máy in để phục vụ công tác đào tạo, đáp ứng nhu cầu làm việc, giảng dạy, nghiên cứu và học tập của GV, sinh viên. Số máy tính để phục vụ cho nhu cầu NCKH của GV và phục vụ công tác điều hành quản lý chung tại Trường được giao cho phòng QTCSVC phụ trách, trang web của Khoa dùng để phục vụ cho việc đăng bài, hỗ trợ các công việc liên quan đến hoạt động chuyên môn của khoa cùng với máy tính để bàn, máy in. Sự đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật của hệ thống công nghệ thông tin giúp GV và sinh viên dễ dàng truy cập vào các trang học thuật khi làm việc tại trường.

Để thúc đẩy ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giai đoạn hiện nay, Nhà trường đã thành lập Ban chỉ đạo ứng dụng công nghệ thông tin và các đơn vị chuyên trách về công nghệ thông tin thúc đẩy các hoạt động nâng cao chất lượng quản lý, đào tạo; đã bố trí các cán bộ chuyên trách phụ trách hệ thống mạng và cán bộ chuyên trách phần mềm với trình độ chuyên môn nghiệp vụ tốt giúp hệ thống hoạt động ổn định và ngày càng tốt hơn [H9.09.04.05], [H9.09.04.06].

Những năm gần đây, nhiều hạng mục trang bị hệ thống máy tính phục vụ cho đào tạo và NCKH của Nhà trường được đầu tư bằng các nguồn vốn như Chương trình mục tiêu quốc gia, nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản. Hàng năm, nhà trường luôn kiểm tra kịp thời, sửa chữa bổ sung thiết bị công nghệ thông tin và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và truy cập [H9.09.04.07]. Căn cứ báo cáo kiểm kê tài sản, Nhà trường thống nhất bổ sung hoặc thanh lý thiết bị công nghệ thông tin như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng đầu tư kinh phí cho công tác duy tu bảo dưỡng hệ thống CNTT trong toàn trường nhằm đảm bảo hoạt động CNTT không bị gián đoạn.

Nhằm đánh giá, nâng cao chất lượng phục vụ của hệ thống công nghệ thông tin trong việc hỗ trợ công tác đào tạo, nghiên cứu để từ đó khắc phục tối đa những hạn chế còn mắc phải, Nhà trường đã và đang duy trì tổ chức khảo sát định kỳ hàng năm lấy ý kiến của cán bộ GV về cơ sở vật chất trong đó có hệ thống công nghệ thông tin. Trong một đợt khảo sát, lấy ý kiến của cán bộ GV bằng phiếu khảo sát về mức độ hài lòng đối với cơ sở vật chất [H9.09.04.04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường quan tâm đầu tư hệ thống CNTT bao gồm hệ thống máy tính, phần cứng, phần mềm, hệ thống mạng Internet, trang thông tin điện tử... phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

Hằng năm, Nhà trường luôn rà soát hệ thống CNTT để kịp thời sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng và cập nhật để hỗ trợ các hoạt động ĐT và NCKH.

3. Điểm tồn tại

Máy tính tại một số văn phòng làm việc đã sử dụng nhiều năm, cấu hình không cao, thiếu đồng bộ. Tốc độ đường truyền internet còn chậm, tính ổn định không cao. Phần mềm quản lý đào tạo sử dụng đã lâu chưa được cập nhật.

4. Kế hoạch hành động

- Nâng cấp hệ thống máy tính trong toàn trường.
- Nâng cấp hệ thống thiết bị kết nối internet để nâng cao hiệu quả sử dụng cơ sở hạ tầng của Nhà trường.
- Đầu tư mới hoặc nâng cấp phần mềm quản lý đào tạo

5. Tự đánh giá: Đạt mức 4/7

Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật

1. Mô tả hiện trạng

Bên cạnh việc chú trọng đầu tư chất lượng dạy - học, Trường Đại học Tây Bắc cũng rất quan tâm đến việc xây dựng môi trường lành mạnh, thúc đẩy phát triển sức khỏe và an toàn cho SV. Cảnh quan và môi trường học tập, làm việc được Nhà trường quan tâm, đầu tư nâng cấp thường xuyên, xen kẽ giữa các khu giảng đường, nhà làm việc, phòng thí nghiệm, thư viện là những khuôn viên được trồng cây xanh, tạo nên một khuôn viên học tập lý tưởng cho người học.

Trường luôn quan tâm xây dựng chính sách bảo vệ an toàn, sức khỏe và vệ sinh môi trường tại khu làm việc cũng như KTX sinh viên. Nhà trường đã ban hành các nội quy hoạt động [H9.09.05.01]. Để đảm bảo an toàn cho các hoạt động thực hành, thí nghiệm, Trường đã xây dựng văn bản quy định an toàn trong phòng thực hành, thí nghiệm. Trong văn bản này quy định rõ các quy tắc an toàn khi làm việc với các chất độc, dễ cháy, dễ nổ tại các phòng thực hành, thí nghiệm và cách sơ cứu khi bị chấn thương hoặc ngộ độc [H9.09.05.02]. Tại các phòng thực hành, thí nghiệm đều trang bị các tủ thuốc sơ cứu. Tại các nhà làm việc có *Nội quy cơ quan* dán ở sảnh tầng 1, cổng KTX có bảng *Nội quy KTX*, tại các giảng đường, hội trường có *Quy định sử dụng hội trường, giảng đường* dán ở các lối vào. Các quy định, nội quy về an ninh, an toàn được phổ biến, quán triệt tới toàn thể CB, GV, nhân viên và SV [H9.09.05.02], [H9.09.05.03], [H9.09.05.04]. Các vấn đề trật tự, trị an, các nội quy, quy định của Nhà trường được

truyền đạt đến sinh viên thông qua việc trao đổi giữa lãnh đạo các phòng ban với sinh viên trong tuần sinh hoạt chính trị đầu khóa hàng năm [H5.05.02.07].

Để đảm bảo an toàn cho cán bộ, giảng viên và sinh viên, Nhà trường chú trọng đến công tác phòng chống cháy nổ như thành lập Ban chỉ đạo PCCC; thành lập Ban kiểm tra PCCC; thành lập các đội thi PCCC để nâng cao kỹ năng PCCC cho các thành viên. Đội Phòng cháy chữa cháy, cứu nạn cứu hộ có phương án hoạt động và trang thiết bị theo quy định [H9.09.05.05]. Trường phối hợp với Cảnh sát PCCC tập huấn cho CB, GV và SV về kiến thức, pháp luật PCCC thường xuyên tự kiểm tra, phát hiện và khắc phục ngay những sơ hở, thiếu sót về PCCC tại cơ sở. Trong những năm qua, không có sự cố mất an toàn về người và tài sản do cháy nổ [H9.09.05.05].

Các phòng học của Khoa tại khu giảng đường nhà A, và khu phòng làm việc của Khoa luôn được giữ gìn sạch sẽ, thoáng mát với đầy đủ ánh sáng và được bố trí một cách khoa học, điều này đã tạo điều kiện thuận lợi và an toàn cho người học trong thời gian học tập tại Khoa cũng như khách đến làm việc.

Công tác vệ sinh môi trường được Nhà trường chú trọng. Nhà trường đã hợp đồng thuê công ty vệ sinh môi trường thu gom và vận chuyển rác thải đảm bảo môi trường sống và hoạt động của giảng viên và sinh viên xanh, sạch đẹp. Ngoài ra Nhà trường còn phát động phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, phong trào phòng chống ma túy học đường; hằng năm có ký kết giao ước thi đua bảo vệ an ninh tổ quốc và phòng chống ma túy, tổng kết rút kinh nghiệm. Công tác giáo dục kỹ năng sống cho sinh viên cũng được nhà trường triển khai hằng năm, giúp sinh viên nâng cao kiến thức và kỹ năng sống, giúp họ trưởng thành hơn trong học tập và cuộc sống.

Đảm bảo môi trường sức khỏe học đường là yếu tố quan trọng, Trường có một Trạm y tế ở nhà KTX 2 với chức năng chẩn đoán và xử lý kịp thời những trường hợp cơ bản, để chuyển đi các tuyến trên kịp thời nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn cho cán bộ GV và người học. Nhà trường thường xuyên tổ chức khám bệnh cho sinh viên ngay đầu năm học sớm phát hiện các vấn đề sức khỏe cho sinh viên để có kế hoạch chữa trị kịp thời [H9.09.05.06]. Nhà ăn, căng tin của Nhà trường đã thực hiện đầy đủ các tiêu chuẩn đảm bảo an toàn thực phẩm, chế độ dinh dưỡng phục vụ thường xuyên cho CB, GV và người học.

Năm 2019, trước diễn biến phức tạp của dịch Covid-19, Nhà trường đã kịp thời thành lập Ban phòng chống dịch Covid-19 của Trường, ra các thông báo và triển khai kịp thời đến cán bộ. Nhà trường đã kịp thời lên kế hoạch phòng chống dịch, tổ chức phun khử khuẩn lớp học; tổ chức triển khai tới toàn thể cán bộ, giảng viên và sinh viên thực hiện nghiêm công tác phòng chống dịch theo nguyên tắc 5K; lập kế hoạch, tổ chức cách ly thành công cho hơn 500 sinh viên Lào tại khu ký túc xá Trường Đại học Tây

Bắc.

Công tác bảo vệ và đảm bảo an toàn cho CBVC và HSSV được nhà Trường xác định rõ và có các chủ trương đề ra các biện pháp bảo vệ an toàn cho tài sản của cơ quan cũng như an ninh trong khu vực. Phòng bảo vệ nay chuyển thành tổ bảo vệ trực thuộc phòng Hành chính tổng hợp được thành lập với nhiệm vụ làm công tác bảo vệ trật tự, an ninh trong Nhà trường và hoạt động theo quy chế công tác rõ ràng, được đầu tư những trang thiết bị phù hợp theo yêu cầu công việc. Tổ Bảo vệ gồm 15 CB, phân công trực 24/24h trong tất cả các ngày, kể cả ngày lễ, Tết để bảo đảm an toàn về người và tài sản cho CB, GV, SV. Chức năng, nhiệm vụ của tổ Bảo vệ được quy định tại Quy chế tổ chức hoạt động Trường. Hàng năm, tổ Bảo vệ xây dựng và triển khai kế hoạch công tác an ninh trật tự trong Trường. Trường có kế hoạch và thường xuyên phối hợp với Công an Phường Quyết Tâm, Công an PA83 của Tỉnh nhằm đảm bảo vấn đề trật tự an ninh, an toàn trường học [H9.09.05.07].

Nhà trường đã có những ưu tiên nhất định dành cho người khuyết tật. Hàng năm, tuần lễ sinh hoạt công dân đầu khóa, Nhà trường triển khai Sổ tay sinh viên và các chính sách miễn giảm học phí, học bổng khuyến khích cho người khuyết tật [H5.05.02.07].

Bên cạnh đó, Nhà trường còn tiến hành khảo sát, thu thập thông tin về sức khỏe học đường phản hồi về chất lượng công tác bảo vệ an toàn, sức khỏe và môi trường sinh viên [H9.09.05.08].

2. Điểm mạnh

Nhà trường luôn quan tâm đến việc bảo đảm môi trường, sức khỏe và an toàn cho cán bộ giảng viên, sinh viên. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn dựa trên các cơ sở quy chuẩn của các Bộ, ngành liên quan được Nhà trường đáp ứng và có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

Công tác đảm bảo an toàn lao động, phòng chống cháy nổ đều được thực hiện theo đúng quy định của Nhà nước, trong nhiều năm không xảy ra tai nạn lao động hoặc cháy nổ tại trường cũng như tại Khoa Nông - Lâm.

3. Điểm tồn tại

Việc hỗ trợ cho SV khuyết tật mới chỉ dừng lại ở sự bố trí các phòng học ở tầng 1, bước đầu có hệ thống đường dành riêng cho người khuyết tật. Một số khu giảng đường cao tầng chưa có nhiều công trình phục vụ nhu cầu của người khuyết tật.

4. Kế hoạch hành động

- Nhà trường có kế hoạch sử dụng kinh phí thoả đáng để đầu tư các công trình phục vụ nhu cầu của người khuyết tật.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 4/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 9:

Nhà trường có đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng phù hợp và bảo đảm tỉ lệ diện tích/NH theo quy định để hỗ trợ các hoạt động đào tạo phục vụ CTĐT ngành Nông học. Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng có đầy đủ trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu phục vụ CTĐT ngành Nông học. Phòng thí nghiệm, thực hành luôn được coi trọng đầu tư trang thiết bị để đáp ứng yêu cầu của công tác đào tạo và NCKH. Nhà trường chú trọng đầu tư nâng cấp, cải tạo CSVC và cơ sở hạ tầng đáp ứng nhu cầu hoạt động đào tạo và nghiên cứu phục vụ CTĐT ngành Nông học. Thư viện của nhà trường có đủ diện tích, được trang bị và đầu tư tương đối hiện đại. Thư viện có nội quy và triển khai thực hiện, đồng thời hướng dẫn SV năm thứ nhất tại Tuần sinh hoạt công dân. Thư viện có đủ học liệu (tài liệu bắt buộc) bao gồm giáo trình, tài liệu, sách tham khảo... phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu của các CTĐT nói chung và đối với CTĐT ngành Nông học. Cơ sở hạ tầng và hệ thống CNTT đáp ứng được nhu cầu học tập, giảng dạy, NCKH, quản lý và các công tác khác. Các chính sách và quy định về bảo vệ an toàn, sức khỏe và môi trường được xây dựng, triển khai và được quan tâm thích đáng đáp ứng tốt nhu cầu của CB, GV và SV.

Mặc dù, một số phòng học tuy đã được cải tạo, nâng cấp nhưng vẫn chưa đáp ứng tiêu chuẩn của phòng học hiện đại. Số lượng tài liệu điện tử tại Thư viện chưa nhiều. Việc khai thác tiềm năng của một số trang thiết bị hiện đại phục vụ cho mục đích đào tạo và nghiên cứu của GV và SV còn hạn chế. Chưa có nhiều công trình phục vụ nhu cầu của người khuyết tật.

Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành Nông học Tiêu chuẩn 9 đạt 5/5 tiêu chí

Trong đó có:

- + Tiêu chí 1,2,3,5 đạt 5/7.
- + Tiêu chí 4 đạt điểm 4/7.

Tiêu chuẩn 10:

Nâng cao chất lượng dạy và học thông qua việc thực hiện các giải pháp về Đào tạo (ĐT), Nghiên cứu khoa học (NCKH) và Kết nối phục vụ cộng đồng (KNPVCD) đã và đang được Nhà trường, Khoa Nông Lâm triển khai thực hiện. Đối với hoạt động phát triển Chương trình đào tạo (CTĐT), các thông tin phản hồi của các bên liên quan là căn cứ để Khoa, Bộ môn thiết kế và phát triển CTDH. Nhà trường đã ban hành Quy trình thiết kế và phát triển CTDH, quy trình này được rà soát, đánh giá và cải tiến định kỳ.

Đồng thời, quá trình giảng dạy và học tập được rà soát và đánh giá thường xuyên để bảo đảm tính tương thích và phù hợp với Chuẩn đầu ra (CĐR). Bên cạnh đó, các kết quả NCKH của giảng viên trong Khoa đã được sử dụng để cải thiện chất lượng dạy và học. Cùng với đó, chất lượng của các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác) cũng được đánh giá và cải thiện. Ngoài ra, cơ chế thu thập nguồn thông tin phản hồi của các bên có liên quan đến chất lượng đào tạo được xây dựng có tính hệ thống, được đánh giá thường xuyên và cải tiến cho phù hợp với điều kiện thực tế.

Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học.

1. Mô tả hiện trạng

Chương trình đào tạo của ngành Nông học được Phòng Đào tạo đại học tham mưu để Ban Giám hiệu ban hành hệ thống văn bản liên quan đến lĩnh vực đào tạo gồm: thiết kế, phát triển, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và trình Hiệu trưởng ban hành [H2.02.01.08], [H2.02.01.09], [H2.02.01.04], [H10.10.01.01], [H10.10.01.02], [H10.10.01.03], [H4.04.02.27], [H11.11.05.05]. Bên cạnh đó, Nhà trường phân công phòng QLCL là đơn vị chủ trì, phối hợp với các Khoa thực hiện khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan, trong đó có nội dung khảo sát về CTĐT [H2.02.01.08], [H2.02.01.09], [H2.02.01.04], [H10.10.01.01], [H11.11.05.05]. Ngoài ra, Khoa Nông Lâm, Bộ môn Nông học có trách nhiệm thu thập thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực khi thiết kế CTDH ngành Nông học và phối hợp với phòng QLCL để khảo sát ý kiến của các bên liên quan về CTĐT [H2.02.01.08], [H11.11.05.05].

Bộ môn Nông học đã dựa trên các quy định về đào tạo trình độ đại học của Bộ GDĐT về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu năng lực của người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành CTĐT trình độ đại học, đề xuất với Nhà trường ban hành Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT, ĐC học phần của Nhà trường ban hành năm 2018, 2020; 2021 [H1.01.01.04], [H1.01.01.13], [H1.01.01.15], [H2.02.01.03], [H2.02.02.03], [H3.03.03.05], [H10.01.02.01], Trong Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CTĐT của Nhà trường ban hành có quy định phải thu thập thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực khi thiết kế CTDH và phản hồi từ các bên liên quan về CTDH khi rà soát, điều chỉnh CTDH [H10.01.01.01], [H10.01.01.02], [H10.01.01.03]. Ngoài ra, trong quá trình thực hiện CTĐT, phòng QLCL phối hợp cùng Bộ môn Nông học, Khoa Nông Lâm để khảo sát ý kiến của SV trước khi tốt nghiệp về chất lượng CTĐT ngành Nông học và kết quả khảo sát được sử dụng trong quá trình soát, điều chỉnh CTDH ngành Nông học [H1.01.01.16], [H1.01.01.17], [H1.01.01.18], [H1.01.01.19]. Bên cạnh đó, Bộ môn cùng Ban chủ nhiệm Khoa Nông Lâm thu thập thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực liên quan đến ngành Nông học trong các hội nghị, hội thảo do Trường và Khoa Nông Lâm tổ chức [H1.01.01.16], [H1.01.01.18]. Trên cơ sở đó, Bộ môn đã cùng Khoa Nông Lâm tổng hợp báo cáo nhu cầu của các bên liên quan về CTDH ngành Nông học và sử dụng trong quá trình rà soát, điều chỉnh CTDH ngành Nông học cùng với kết quả khảo sát ý kiến

của các bên liên quan làm cơ sở để điều chỉnh, ban hành CTDH vào năm 2022 [H1.01.01.15], [H1.01.01.16], [H1.01.01.17], [H1.01.01.13],

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã ban hành quy định về khảo sát ý kiến các bên liên quan với việc phân công cụ thể trách nhiệm cho các đơn vị thực hiện, trong đó có nội dung khảo sát về CTDH ngành Nông học.

Phòng QLCL phối hợp Khoa Nông Lâm để khảo sát ý kiến của GV, SV, cựu SV, các nhà tuyển dụng về CTDH ngành Nông học.

Khoa Nông Lâm triển khai thu thập thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực liên quan đến ngành Nông học.

Khoa Nông Lâm sử dụng thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực liên quan đến ngành Nông học và kết quả khảo sát ý kiến các bên liên quan về CTDH để điều chỉnh và ban hành CTDH ngành Nông học năm 2022.

3. Điểm tồn tại

Số lượng cơ quan sử dụng lao động là cựu sinh viên và cựu SV góp ý về CTDH ngành Nông học chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2023-2024, Nhà trường và Khoa Nông Lâm theo định kỳ tổ chức các cuộc khảo sát, lấy ý kiến góp ý của nhà tuyển dụng và cựu SV về CTDH ngành Nông học.

5. Tự đánh giá Đạt mức 4/7

Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả hiện trạng

Trong Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT, ĐC học phần của Nhà trường ban hành có quy trình thiết kế và phát triển CTDH với các bước thực hiện cụ thể theo Thông tư quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành CTĐT trình độ đại học [H1.01.02.01], [H1.01.02.03], [H1.01.01.15], [H1.01.01.17], [H1.01.01.18], [H1.01.02.03], [H1.01.02.10]. Nhà trường phân công phòng ĐT là đơn vị chủ trì và phối hợp với Bộ môn Nông học, Khoa Nông Lâm rà soát quy trình thiết kế và quy trình đánh giá CTDH của Trường [H1.01.03.01] [H1.01.03.02] [H1.01.03.03] [H1.01.03.04] [H1.01.03.05] [H1.01.03.06], [H1.01.03.07]. Nhà trường gửi Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT, ĐC học phần của Nhà trường ban hành đến các Khoa để thực hiện trong quá trình xây dựng, rà soát, điều chỉnh CTDH [H1.01.02.10], [H1.01.02.06].

Năm 2022, Nhà trường ban hành công văn số 298/CV-ĐHTB về việc hướng dẫn xây dựng CĐR và CTDH các học phần của Nhà trường đã ban hành trước đó [H1.01.01.11], [H1.01.01.13]. Khoa Nông Lâm tổ chức họp với các bộ môn để tiếp thu ý kiến góp ý về việc thiết kế và phát triển CTDH [H1.01.01.14], [H1.01.01.15], [H1.01.01.16] [H1.01.01.17]. Trên cơ sở tiếp thu ý kiến của các Khoa và kết quả khảo sát ý kiến của GV về quy trình thiết kế và phát triển CTDH, phòng ĐT tham mưu để

BGH Nhà trường điều chỉnh thiết kế và phát triển CTDH trong Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CDR, CTĐT, ĐC học phần của Nhà trường [H1.01.02.01], [H1.01.02.02], [H1.01.01.03].

Trên cơ sở tham mưu của phòng ĐT, năm 2020, Hiệu trưởng Nhà trường ký ban hành Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CDR, CTĐT, ĐC học phần, trong đó có các biểu mẫu hướng dẫn xây dựng CTDH trên cơ sở tham khảo các CTĐT cùng ngành của các trường đại học trong nước và quốc tế khi điều chỉnh CTDH [H1.01.01.11], [H1.01.01.12]. Nhà trường gửi thông báo và biểu mẫu hướng dẫn xây dựng, rà soát, cập nhật CDR, CTĐT, ĐC học phần, đến các Khoa để thực hiện và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Trường, niêm yết trong Sổ tay GV, Sổ tay học tập [H1.01.01.19], [H1.01.01.20]. Trên cơ sở đó, Khoa Nông Lâm triển khai rà soát, điều chỉnh CTDH ngành Nông học trong đó có tham khảo ý kiến của các bên liên quan và tham khảo các CTĐT cùng ngành của các trường đại học trong nước [H1.01.01.14], [H1.01.01.15], [H1.01.01.16], [H1.01.01.17].

2. Điểm mạnh

Trong thông báo xây dựng, rà soát, cập nhật CDR, CTĐT, ĐC học phần của Nhà trường ban hành có nội dung thiết kế và phát triển CTDH với các bước thực hiện cụ thể.

Năm 2022, Phòng ĐT triển khai rà soát thiết kế và phát triển CTDH trong Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CDR, CTĐT, ĐC học phần của Nhà trường ban hành.

Dựa trên tiếp thu ý kiến của các Khoa và kết quả khảo sát ý kiến của GV về quy trình thiết kế và phát triển CTDH, Nhà trường ban hành Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CDR, CTĐT, ĐC học phần, trong đó có quy trình thiết kế và phát triển CTDH đã được điều chỉnh.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa triển khai khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan bên ngoài trường về quy trình thiết kế và phát triển CTDH.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2023-2024, thông qua các hội nghị, hội thảo về công tác đào tạo, Nhà trường triển khai ý kiến phản hồi của các bên liên quan bên ngoài trường về quy trình thiết kế và phát triển CTDH.

5. Tự đánh giá Đạt mức 4/7

Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra.

1. Mô tả hiện trạng

Theo Quy chế đào tạo trình độ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ [H5.05.01.01], [H5.05.01.02], [H5.05.01.03] Nhà trường đã ban hành quy định về việc rà soát, đánh giá kết quả học tập của người học năm 2018 [H5.05.01.04], năm 2021 [H5.05.01.05], [H5.05.01.06], [H5.05.01.08], [H5.05.01.09], [H5.05.01.10], [H5.05.01.11], [H5.05.01.12] và năm 2024 [H5.05.01.07], các phương pháp dạy và học của GV, phương pháp đánh giá KQHT của NH trong CTĐT để bảo đảm sự tương thích với CDR. Theo quy chế tổ chức và hoạt động của Nhà trường ban hành, Nhà trường

phân công trách nhiệm cụ thể cho các Khoa trong việc rà soát, đánh giá thường xuyên quá trình dạy học; việc ĐGKQ hoạt động của NH, các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá KQHT của NH trong CTĐT để bảo đảm sự tương thích với CĐR đã ban hành [H5.05.01.08], [H5.05.01.09], [H5.05.01.10], [H5.05.01.11], [H5.05.01.12]. Bên cạnh đó, phòng Thanh tra Pháp chế được giao nhiệm vụ kiểm tra, giám sát việc thực hiện của phòng ĐT, phòng QLCL và các Khoa trong việc thực hiện quá trình dạy học; đánh giá kết quả hoạt động của NH, các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá KQHT của NH trong CTĐT để bảo đảm sự tương thích với CĐR [H5.05.01.08], [H5.05.01.09], [H5.05.01.10], [H5.05.01.11], [H5.05.01.12].

Tại các cuộc họp giao ban của Khoa Nông Lâm, BCN Khoa thường xuyên quán triệt, nhắc nhở GV thực hiện tốt việc dạy học, đánh giá kết quả hoạt động của NH, sử dụng các phương pháp dạy và học tích cực nhằm phát triển phẩm chất và năng lực người học, phương pháp đánh giá KQHT của NH để bảo đảm sự tương thích với CĐR đã ban hành [BIÊN BẢN HỌP KHOA]. Trên cơ sở đó, GV Khoa Nông Lâm sử dụng các phương pháp dạy và học phù hợp, phương pháp đánh giá KQHT của NH để bảo đảm sự tương thích với CĐR môn học đã được xác định trong ĐC học phần [BIÊN BẢN HỌP KHOA]. Bên cạnh đó, trong từng học kỳ, BCN Khoa yêu cầu các bộ môn tổ chức dự giờ của GV nhằm kịp thời góp ý GV về phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá KQHT của NH để bảo đảm sự tương thích với CĐR [H10.10.03.02]. Ngoài ra, GV Khoa Nông Lâm thực hiện đối sánh phổ điểm KTĐG NH do Phòng QLCL cung cấp so với CĐR học phần đã xác định [BIÊN BẢN HỌP KHOA]. Cuối mỗi học kỳ và mỗi năm học, BCN Khoa Nông Lâm triển khai để bộ môn tổ chức họp tổng kết, đánh giá quá trình dạy học; đánh giá kết quả hoạt động của NH, các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá KQHT của NH trong CTDH ngành Nông học để bảo đảm sự tương thích với CĐR đã ban hành, đồng thời rút kinh nghiệm để triển khai tốt trong học kỳ tiếp theo [BIÊN BẢN HỌP KHOA]. Việc rà soát, đánh giá thường xuyên quá trình dạy học; việc đánh giá kết quả hoạt động của NH, các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá KQHT của NH trong CTĐT để bảo đảm sự tương thích với CĐR được thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học của Nhà trường, của phòng ĐT, phòng QLCL, phòng Thanh tra Pháp chế, Khoa Nông Lâm [H10.10.02.02]. Ngoài ra, Nhà trường và Khoa Nông Lâm tổ chức các hội thảo tổng kết hoạt động NCKH để các chủ nhiệm đề tài và các GV trong Khoa chia sẻ về các nghiên cứu đổi mới PPDH, KTĐG KQHT của NH vận dụng vào giảng dạy các chuyên ngành [BIÊN BẢN HỘI THẢO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG KHCN CÁC NĂM CỦA KHOA].

Hàng năm, phòng QLCL khảo sát ý kiến phản hồi của NH sau khi kết thúc môn học với những tiêu chí rất cụ thể để đánh giá GV, cụ thể gồm những nội dung như: Tác phong sư phạm, nội dung giảng dạy, tổ chức hoạt động giảng dạy, KTĐG [H10.10.03.01]. Với những SV năm cuối, Bộ môn và Khoa Nông Lâm tổ chức khảo sát ý kiến đánh giá chất lượng đào tạo của cơ sở giáo dục trước khi tốt nghiệp tại Trường. Kết quả khảo sát ý kiến phản hồi từ NH của CTĐT ngành Nông học thể hiện sự hài lòng đối với phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá KQHT của NH [BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT]. Ngoài ra, ý kiến của SV ngành Nông học tại Hội nghị Đối thoại SV với BCN

Khoa Nông Lâm và Bộ môn Nông học, tại các buổi sinh hoạt lớp thể hiện sự hài lòng đối với phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá KQHT của NH **[BIÊN BẢN HỌP BCN KHOA VỚI LỚP SINH VIÊN NĂM CUỐI CÁC KHÓA]**

2. Điểm mạnh

Trong các văn bản về hoạt động ĐT, KTĐG KQHT của NH có quy định về việc rà soát, đánh giá thường xuyên quá trình dạy học; việc đánh giá kết quả hoạt động của NH, các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá KQHT của NH trong CTĐT để bảo đảm sự tương thích với CĐR.

Nhà trường phân công trách nhiệm cụ thể cho phòng ĐT, phòng QLCL, phòng Thanh tra Pháp chế, khoa Nông Lâm trong việc rà soát, đánh giá thường xuyên quá trình dạy học; việc đánh giá kết quả hoạt động của NH, các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá KQHT của NH trong CTĐT để bảo đảm sự tương thích với CĐR.

Từng học kỳ và cuối mỗi năm học, khoa Nông Lâm họp tổng kết, đánh giá quá trình dạy học; đánh giá kết quả hoạt động của NH, các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá KQHT của NH trong CTĐT ngành Nông học để bảo đảm sự tương thích với CĐR đã ban hành, đồng thời rút kinh nghiệm để triển khai tốt trong học kỳ tiếp theo.

Kết quả khảo sát ý kiến phản hồi từ NH của CTĐT ngành Nông học thể hiện sự hài lòng về phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá KQHT của NH.

3. Điểm tồn tại

Số lượng hội nghị, hội thảo về đổi mới phương pháp giảng dạy, học tập, KTĐG KQHT của NH do Khoa Nông Lâm tổ chức chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2023-2024, Khoa Nông Lâm xây dựng kế hoạch và hằng năm tổ chức hội nghị, hội thảo về đổi mới phương pháp giảng dạy, học tập, KTĐG KQHT của NH.

5. Tự đánh giá Đạt mức 4/7

Tiêu chí 10.4. Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học.

1. Mô tả hiện trạng

Trường Đại học Tây Bắc đã ban hành Quy chế hoạt động KHCN của Trường và các văn bản liên quan đến hoạt động NCKH như: Quy định về định mức chi thực hiện nhiệm vụ KHCN cấp Trường; Chính sách bảo hộ tài sản trí tuệ; Quy định tiêu chí xét duyệt và nghiệm thu đề tài; Hướng dẫn lập dự toán và quyết toán đề tài NCKH cấp Trường, cấp Bộ, cấp Tỉnh và đề tài NCKH của SV; Chế độ viết báo, tạp chí các quy định về chế độ cho hội nghị, hội thảo, các bài NCKH, quy định về giờ chuẩn trong NCKH; Quy định về tiếp nhận tài trợ **[H10.10.04.01]**. Các văn bản quy định hoạt động KHCN được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Trường, niêm yết trong Sổ tay NCKH, Sổ tay GV và gửi đến các đơn vị để triển khai thực hiện **[H10.10.04.01]**. Hằng năm, Phòng KH&QHQT triển khai đầy đủ các nội dung hoạt động NCKH của GV từ khâu xét duyệt đề tài, triển khai thực hiện, nghiệm thu đánh giá, triển khai ứng dụng và kế hoạch tài chính, **[H10.10.04.01]**, **[H10.10.04.03]**. Nhà trường gửi các thông báo hướng dẫn đăng ký đề tài cấp Bộ, cấp Tỉnh, Nasfosted tới tất cả các Khoa và trên cơ sở đó, Khoa Nông Lâm triển khai đề GV, các nhóm nghiên cứu đề xuất các đề tài, dự án nghiên cứu phù

hợp với chuyên môn và lĩnh vực quan tâm [H10.10.04.04]. Hàng năm, phòng KH&QHQT tham mưu BGH Nhà trường ban hành quyết định thành lập các Hội đồng xét duyệt ĐC và trình Hiệu trưởng phê duyệt danh mục đề tài cấp cơ sở và cơ sở trọng điểm [H10.10.04.02]. Phòng KHTC có trách nhiệm tham mưu, thảo luận phương án, phân bổ kinh phí và sau đó trình Hiệu trưởng phê duyệt. Phòng KH&QHQT chủ động triển khai đến các đơn vị và cá nhân thông qua các thông báo, quyết định các đề tài, dự án được phê duyệt và ký kết hợp đồng KHCN [[H10.10.04.02]]. Khi đến hạn nghiệm thu theo hợp đồng, các Bộ môn đề xuất thành lập Hội đồng nghiệm thu đề tài khoa học cấp cơ sở và Cơ sở trọng điểm [H10.10.04.02]. Thành viên của Hội đồng gồm 7 người, trong đó 5 cán bộ của Khoa và Bộ môn đánh giá về chuyên môn, 2 chuyên viên của phòng KH&QHQT và phòng KHTC để góp ý về hình thức báo cáo và thủ tục thanh toán sau nghiệm thu đề tài, [H10.10.04.02], [H10.10.04.05]. Hàng năm, phòng KH&QHQT tổ chức các buổi xét duyệt đề tài, theo dõi triển khai và hướng dẫn hồ sơ nghiệm thu và quyết toán [H10.10.04.02], [H10.10.04.05]. Đối với Khoa Nông Lâm, trong giai đoạn 2018-2023, GV, SV của Khoa thực hiện 59 đề tài NCKH các cấp, trong đó có 05 đề tài cấp Nhà nước; 18 đề tài cấp Bộ/Tỉnh, 35 đề tài cấp Trường. Giảng viên dạy ngành Nông học đã đăng tải 72 bài báo trong nước và 12 bài báo trên tạp chí quốc tế, viết bài và tham dự 6 bài tại hội thảo quốc tế, 57 bài trên hội thảo trong nước/trường. GV Nhà trường đạt nhiều hình thức khen thưởng các cấp vì đã đạt thành tích trong NCKH, [H10.10.03.04], [H10.10.04.06].

Nhà trường và BCN Khoa Nông Lâm thường xuyên phổ biến, động viên, khuyến khích GV có các đề tài NCKH tăng cường áp dụng vào giảng dạy các học phần, chuyên đề trong CTĐT ngành Nông học. Kết quả nghiên cứu đã được đăng tải trên các tạp chí chuyên ngành có uy tín trong và ngoài nước trong đó nhiều kết quả nghiên cứu được ứng dụng thực tế [H10.10.04.06].

Theo quy định về công tác NCKH, các đề tài NCKH trước khi nghiệm thu phải tổ chức các buổi sinh hoạt học thuật ở Bộ môn để GV thực hiện các đề tài NCKH được chia sẻ kết quả nghiên cứu với các GV khác [H10.10.03.03]. Kết quả nghiên cứu được áp dụng trong giảng dạy CTĐT ngành Nông học [H10.10.04.06]. Bên cạnh đó, trong sinh hoạt của các Bộ môn thường xuyên trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm nhằm cải tiến việc dạy và học [H10.10.03.01], [H10.10.03.03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường và Khoa Nông Lâm luôn quan tâm, chú trọng triển khai hoạt động NCKH của GV và ứng dụng kết quả đề tài NCKH liên quan đến dạy và học vào giảng dạy CTĐT ngành Nông học.

Trong giai đoạn 2018-2023, GV và SV Khoa Nông Lâm đã thực hiện và tham gia thực hiện 59 đề tài NCKH các cấp, nhiều đề tài NCKH có liên quan và phục vụ dạy học ngành Nông học.

Hàng năm, Khoa Nông Lâm thường xuyên tổ chức các buổi sinh hoạt học thuật để GV thực hiện các đề tài NCKH hoặc các sáng kiến trong giảng dạy, KTĐG KQHT của NH báo cáo, chia sẻ kinh nghiệm để áp dụng kết quả NCKH, sáng kiến kinh nghiệm trong giảng dạy CTĐT ngành Nông học.

3. Điểm tồn tại

Số lượng đề tài NCKH do GV và sinh viên Khoa Nông Lâm thực hiện chưa tương xứng với tiềm năng.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2023-2024, Nhà trường tăng chế độ khen thưởng và Khoa Nông Lâm tạo điều kiện thuận lợi, hỗ trợ, động viên và khuyến khích GV thực hiện nhiều đề tài NCKH các cấp.

5. Tự đánh giá Đạt mức 4/7

Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thực hành, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường đã phân công phòng chức năng là đơn vị chủ trì và phối hợp với các đơn vị khảo sát ý kiến các bên liên quan về hoạt động của Trường. Phòng QLCL tham mưu Hiệu trưởng Nhà trường ban hành Quy định khảo sát ý kiến của các bên liên quan và gửi đến các đơn vị để thực hiện, đồng thời thông báo, phổ biến đến GV, SV biết để thực hiện. Hằng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch khảo sát ý kiến của các bên liên quan về hoạt động của Trường, trong đó có khảo sát ý kiến của GV, SV về đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác như: khảo sát về mức độ đáp ứng của trung tâm phục vụ học sinh, SV, GV và NV; Dịch vụ khám chữa bệnh (Bệnh viện, trạm y tế) cho SV, GV và NV; Mức độ đáp ứng tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm (Nhà ăn) phục vụ SV, GV và NV; Mức độ đáp ứng tiêu chuẩn của khu vui chơi thể thao phục vụ SV, GV và NV (nhà thi đấu đa năng, sân bóng đá, bóng chuyền, sân tennis...); Chất lượng chỗ ở trong KTX cho SV, GV và NV... [PHIẾU KHẢO SÁT Ý KIẾN CỦA GIÁNG VIÊN VỀ MỨC ĐỘ ĐÁP ỨNG CỦA CƠ SỞ HẠ TẦNG, CSVC ĐỐI VỚI NHU CẦU ĐÀO TẠO, NCKH VÀ PHỤC VỤ CỘNG ĐỒNG [H07.07.03.08], [H07.07.03.09- MINH CHỨNG CỦA TRƯỜNG]. Kết quả khảo sát ý kiến của GV, SV được phòng QLCL báo cáo BGH Nhà trường và gửi đến các đơn vị để cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác của Trường [H07.07.04.09- MINH CHỨNG CỦA TRƯỜNG].

Dựa trên kết quả khảo sát ý kiến của GV, SV về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác, Nhà trường và các đơn vị xác định biện pháp cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác. Tại các cuộc họp giao ban của Trường, BGH Nhà trường yêu cầu Trưởng đơn vị có trách nhiệm phổ biến triển khai và thực hiện kế hoạch đến các GV, VC-NLĐ trong đơn vị, báo cáo tiến trình thực hiện việc cải tiến chất lượng trong các cuộc họp giao ban hàng tháng của nhà trường [BIÊN BẢN HỌP GIAO BAN CỦA NHÀ TRƯỜNG]. Hệ thống phần mềm quản lý ĐT để giám sát các hoạt động được thường xuyên cải tiến nhằm phục vụ tốt cho quá trình quản lý, phục vụ và hỗ trợ NH [BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG PHẦN MỀM EDUSOFT CỦA PHÒNG ĐÀO TẠO]. Bên cạnh đó, để giảm thiểu thủ tục hành chính

và phục vụ NH tốt hơn, phòng CTSV cải tiến quy trình hỗ trợ SV. Nội quy, quy chế hoạt động và phần mềm của Thư viện được cải tiến để đáp ứng nhu cầu của bạn đọc [H10.10.06.03]. Định kỳ hằng năm, Nhà trường tổ chức đối thoại trực tiếp giữa Hiệu trưởng, lãnh đạo các đơn vị ĐT và phục vụ của Nhà trường với SV, cung cấp và giải thích các thông tin ĐT, lắng nghe và chia sẻ với NH các vấn đề được quan tâm [H10.10.06.05]. Hằng năm, phòng CTSV phối hợp với các Khoa tổ chức hướng dẫn thực hiện công việc, nâng cao năng lực của đội ngũ CVHT [**CÁC VĂN BẢN HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH HÀNG NĂM (EMAIL TRIỂN KHAI CÔNG VIỆC)**]. Nhà trường tăng cường bố trí các không gian học tập, tự học, tự nghiên cứu bằng việc xây dựng và mở cửa phòng tự học dành cho SV [H10.10.05.08].

Trong giai đoạn 2018-2023, Nhà trường đầu tư xây dựng mới 01 Hội trường lớn với số tiền đầu tư: Kết quả khảo sát ý kiến của GV, SV thể hiện mức độ hài lòng đối với chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác của Nhà trường [H10.10.05.08]. Ngoài ra, các ý kiến của GV tại Hội nghị VC hằng năm và ý kiến của SV tại Hội nghị Đối thoại SV cấp Trường hằng năm thể hiện sự hài lòng đối với chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác của Nhà trường [H10.10.06.05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường ban hành Quy định khảo sát ý kiến của các bên liên quan và phân công phòng QLCL là đơn vị chủ trì và phối hợp với các đơn vị khảo sát ý kiến các bên liên quan về hoạt động của Trường.

Hằng năm, phòng QLCL phối hợp với các đơn vị khảo sát ý kiến các bên liên quan về hoạt động của Trường, trong đó có khảo sát ý kiến của GV, SV về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác của Trường.

Kết quả khảo sát ý kiến của GV, SV về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác được Nhà trường và các đơn vị sử dụng để xác định các nội dung, biện pháp cải tiến chất lượng.

Trong giai đoạn 2018-2023, Nhà trường triển khai nhiều hoạt động cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác của Trường.

3. Điểm tồn tại

Số lượng cá nhân tham gia khảo sát đo lường sự hài lòng của người dân đối với giáo dục công của Trường chưa được thực hiện.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2023-2024, Phòng QLCL đa dạng hình thức khảo sát đo lường sự hài lòng của người dân đối với giáo dục công của Trường.

5. Tự đánh giá Đạt mức 4/7

Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả hiện trạng

Năm 2019, Nhà trường ban hành quy định khảo sát lấy ý kiến phản hồi của NH, GV, VC và các bên liên quan và năm 2021, Nhà trường ban hành Quy định khảo sát ý kiến của các bên liên quan phục vụ công tác bảo đảm chất lượng của Trường ĐHTB, gửi đến các đơn vị để thực hiện, đồng thời thông báo, phổ biến đến GV, SV biết để thực hiện [H9.09.01.14 – H9.01.16 CỦA NHÀ TRƯỜNG]. Trong Quy định khảo sát ý kiến của các bên liên quan của Nhà trường ban hành phân công trách nhiệm cụ thể cho phòng QLCL là đơn vị thực hiện chuyên trách trong hoạt động khảo sát các bên liên quan hoàn thiện hệ thống thu thập thông tin, xây dựng cơ sở dữ liệu phản hồi từ các bên liên quan; Thực hiện báo cáo định kì và báo cáo tổng kết theo yêu cầu của Ban giám hiệu. Các đơn vị trong nhà trường có trách nhiệm phối hợp với phòng QLCL khảo sát ý kiến của các bên liên quan đối với hoạt động của nhà Trường [H10.10.06.09].

Hàng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch bảo đảm chất lượng với nhiều hoạt động như đào tạo, NCKH-HTQT, kết nối và PVCĐ trong đó có hoạt động khảo sát ý kiến các bên liên quan về hoạt động của Trường (giảng dạy, tình hình việc làm sau tốt nghiệp của cựu SV, chất lượng ĐT, mức độ đáp ứng của CSVC...) [H10.10.06.09]. Bên cạnh đó, Nhà trường định kì triển khai khảo sát đo lường sự hài lòng của người dân đối với giáo dục của Trường nhằm rà soát, điều chỉnh, cải tiến nâng cao chất lượng phục vụ bảo đảm sự hài lòng của người dân đối với chất lượng giáo dục [H10.10.06.09]. Kết quả khảo sát ý kiến các bên liên quan về hoạt động của Trường được phòng QLCL báo cáo BGH Nhà trường và gửi đến các đơn vị để thực hiện cải tiến chất lượng [H10.10.06.09].

Khoa Nông Lâm tổ chức họp để tiếp thu ý kiến góp ý về cơ chế phản hồi của các bên liên quan trong Quy định khảo sát ý kiến của các bên liên quan do Nhà trường ban hành. Trên cơ sở tiếp thu ý kiến của các Khoa về cơ chế phản hồi của các bên liên quan trong Quy định khảo sát ý kiến của các bên liên quan do Nhà trường ban hành, phòng QLCL tham mưu BGH Nhà trường điều chỉnh cơ chế phản hồi của các bên liên quan trong Quy định khảo sát ý kiến của các bên liên quan của Nhà trường ban hành [H10.10.06.09].

Trên cơ sở tham mưu của phòng QLCL, năm 2020, Hiệu trưởng Nhà trường ký ban hành Quy định khảo sát ý kiến của các bên liên quan, trong đó có cơ chế phản hồi của các bên liên quan đã được điều chỉnh với việc bổ sung nội dung phòng QLCL giám sát việc các đơn vị sử dụng kết quả phản hồi của các bên liên quan để xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng và triển khai cải tiến chất lượng hoạt động dựa trên kết quả phản hồi của các bên liên quan [H10.10.06.09]. Quy định khảo sát ý kiến của các bên liên quan do Nhà trường ban hành được thể hiện trong Sổ tay Bảo đảm chất lượng và gửi đến các đơn vị để thực hiện [H09.09.02.16 NHÀ TRƯỜNG].

2. Điểm mạnh

Trong Quy định khảo sát ý kiến của các bên liên quan của Nhà trường ban hành phân công trách nhiệm cụ thể cho phòng QLCL và các đơn vị phối hợp khảo sát ý kiến của các bên liên quan đối với hoạt động của Trường và hàng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch khảo sát ý kiến các bên liên quan về hoạt động của Trường.

Phòng QLCL phối hợp các đơn vị triển khai khảo sát ý kiến các bên liên quan về hoạt động của Trường và gửi kết quả khảo sát ý kiến các bên liên quan đến các đơn vị để thực hiện cải tiến chất lượng.

Phòng QLCL triển khai rà soát Quy định khảo sát ý kiến của các bên liên quan của Nhà trường ban hành và dựa trên cơ sở tiếp thu ý kiến của các Khoa về cơ chế phản hồi của các bên liên quan trong Quy định khảo sát ý kiến của các bên liên quan do Nhà trường ban hành, Hiệu trưởng Nhà trường ban hành Quy định khảo sát ý kiến của các bên liên quan, trong đó có cơ chế phản hồi của các bên liên quan đã được điều chỉnh.

Nhà trường và các đơn vị chú trọng sử dụng ý kiến phản hồi của các bên liên quan trong quá trình xây dựng kế hoạch hoạt động của Trường và của đơn vị.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa triển khai khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan bên ngoài trường về cơ chế phản hồi của các bên liên quan.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2023-2024, thông qua các hội nghị, hội thảo về công tác ĐT và NCKH, Nhà trường triển khai ý kiến phản hồi của các bên liên quan bên ngoài trường về cơ chế phản hồi của các bên liên quan.

5. Tự đánh giá : Đạt mức 4/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 10

Nhà trường ban hành quy định về khảo sát ý kiến các bên liên quan với việc phân công cụ thể trách nhiệm cho các đơn vị thực hiện, trong đó có nội dung khảo sát về CTDH ngành Nông học, phòng QLCL phối hợp Khoa Nông Lâm để khảo sát ý kiến của GV, SV, cựu SV, các nhà tuyển dụng về CTDH ngành Nông học và triển khai thu thập thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực liên quan đến ngành Nông học. Trên cơ sở đó, Khoa Nông Lâm sử dụng thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực liên quan đến ngành Nông học và kết quả khảo sát ý kiến các bên liên quan về CTDH để điều chỉnh phù hợp với CĐR. Trong Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT, ĐC học phần của Nhà trường ban hành có quy trình thiết kế và phát triển CTDH với các bước thực hiện cụ thể. Năm 2019, Phòng ĐT triển khai rà soát quy trình thiết kế và phát triển CTDH trong Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT, ĐC học phần của Nhà trường ban hành. Dựa trên tiếp thu ý kiến của các Khoa và kết quả khảo sát ý kiến của GV về quy trình thiết kế và phát triển CTDH, Nhà trường ban hành Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT, ĐC học phần, trong đó có quy trình thiết kế và phát triển CTDH đã được điều chỉnh. Trong các văn bản về hoạt động ĐT, KTĐG KQHT của NH có quy định về việc rà soát, đánh giá thường xuyên quá trình dạy học; việc đánh giá kết quả hoạt động của NH, các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá KQHT của NH trong CTĐT để bảo đảm sự tương thích với CĐR. Nhà trường phân công trách nhiệm cụ thể cho phòng ĐT, phòng QLCL, phòng Thanh tra Pháp chế, Khoa Nông Lâm trong việc rà soát, đánh giá thường xuyên quá trình dạy học; việc đánh giá kết quả hoạt động của NH, các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá KQHT của NH trong CTĐT để bảo đảm sự tương thích với CĐR. Từng học kỳ và cuối mỗi năm học, Khoa Nông Lâm họp

tổng kết, đánh giá quá trình dạy học; đánh giá kết quả hoạt động của NH, các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá KQHT của NH trong CTDH ngành Nông học để bảo đảm sự tương thích với CĐR đã ban hành, đồng thời rút kinh nghiệm để triển khai tốt trong học kỳ tiếp theo. Kết quả khảo sát ý kiến phản hồi từ NH của CTĐT ngành Nông học thể hiện sự hài lòng đối với phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá KQHT của NH. Nhà trường và Khoa Nông Lâm luôn quan tâm, chú trọng triển khai hoạt động NCKH của GV và ứng dụng kết quả đề tài NCKH liên quan đến dạy và học vào giảng dạy CTDH ngành Nông học. Trong giai đoạn 2018-2023, GV và SV Khoa Nông Lâm đã thực hiện 59 đề tài NCKH các cấp, trong đó có nhiều đề tài NCKH phục vụ cho hoạt động dạy học các chuyên ngành trong Khoa Nông Lâm. Hằng năm, Khoa Nông Lâm thường xuyên tổ chức các buổi sinh hoạt học thuật để GV thực hiện các đề tài NCKH báo cáo, chia sẻ kinh nghiệm để áp dụng kết quả NCKH, sáng kiến kinh nghiệm trong giảng dạy CTĐT ngành Nông học. Nhà trường ban hành Quy định khảo sát ý kiến của các bên liên quan và phân công phòng QLCL là đơn vị chủ trì và phối hợp với các đơn vị khảo sát ý kiến các bên liên quan về hoạt động của Trường. Hằng năm, phòng QLCL phối hợp với các đơn vị khảo sát ý kiến các bên liên quan về hoạt động của Trường, trong đó có khảo sát ý kiến của GV, SV về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác của Trường. Kết quả khảo sát ý kiến của GV, SV về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác của Trường được Nhà trường và các đơn vị sử dụng để xác định các nội dung, biện pháp cải tiến chất lượng. Trong giai đoạn 2018-2023, Nhà trường triển khai nhiều hoạt động cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác của Trường. Trong Quy định khảo sát ý kiến của các bên liên quan của Nhà trường ban hành phân công trách nhiệm cụ thể cho phòng QLCL và các đơn vị phối hợp khảo sát ý kiến của các bên liên quan đối với hoạt động của Trường và hằng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch khảo sát ý kiến các bên liên quan về hoạt động của Trường. Phòng QLCL phối hợp các đơn vị triển khai khảo sát ý kiến các bên liên quan về hoạt động của Trường và gửi kết quả khảo sát ý kiến các bên liên quan đến các đơn vị để thực hiện cải tiến chất lượng. Năm 2020, phòng QLCL triển khai rà soát Quy định khảo sát ý kiến của các bên liên quan của Nhà trường ban hành và dựa trên cơ sở tiếp thu ý kiến của các Khoa về cơ chế phản hồi của các bên liên quan trong Quy định khảo sát ý kiến của các bên liên quan do Nhà trường ban hành, Hiệu trưởng Nhà trường ban hành Quy định khảo sát ý kiến của các bên liên quan, trong đó có cơ chế phản hồi của các bên liên quan đã được điều chỉnh. Trong năm 2020, Nhà trường và các đơn vị chú trọng sử dụng ý kiến phản hồi của các bên liên quan trong quá trình xây dựng kế hoạch hoạt động của Trường và của đơn vị.

Tuy nhiên, số lượng nhà tuyển dụng và cựu SV góp ý về CTDH ngành Nông học chưa nhiều. Nhà trường chưa triển khai khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan bên ngoài trường về quy trình thiết kế và phát triển CTDH. Số lượng hội nghị, hội thảo về đổi mới giảng dạy, học tập, KTĐG KQHT của NH do Khoa Nông Lâm tổ chức chưa nhiều. Số lượng đề tài NCKH do GV Khoa Nông Lâm thực hiện chưa tương xứng với

tiềm năng. Số lượng cá nhân tham gia khảo sát đo lường sự hài lòng của người dân đối với giáo dục công của Trường chưa nhiều. Nhà trường chưa triển khai khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan bên ngoài trường về cơ chế phản hồi của các bên liên quan.

Tự đánh giá theo 6 tiêu chí của tiêu chuẩn này, CTĐT ngành Nông học đạt yêu cầu 6/6 tiêu chí, mức điểm trung bình là 4,0/7 điểm.

Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra

Mở đầu: Đối với mỗi CTĐT, kết quả đầu ra chính là công cụ để đánh giá chất lượng đào tạo của CTĐT của ngành học. Kết quả đầu ra của CTĐT được cụ thể hóa bằng tỉ lệ SV thôi học, tỉ lệ SVTN, thời gian tốt nghiệp trung bình, tỉ lệ SV có việc làm sau khi tốt nghiệp, hoạt động NCKH của SV và ý kiến phản hồi từ các bên liên quan về CTĐT, chất lượng đào tạo, CSVC và hệ thống phục vụ học tập cũng như nghiên cứu. Do đó, hàng năm Nhà trường, Khoa đều tiến hành xác lập, giám sát, đối sánh, tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp trung bình, tỷ lệ SV có việc làm sau tốt nghiệp, loại hình và khối lượng NCKH của người học cũng như khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan. Những dữ liệu thu được chính là nguồn thông tin cần thiết nhằm điều chỉnh và phát triển CTĐT theo hướng nâng cao chất lượng và cải tiến chương trình.

Tiêu chí 11.1: Tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Tỷ lệ tốt nghiệp và thôi học là hai yếu tố quan trọng trong mối tương quan với chất lượng sản phẩm đầu ra của các ngành đào tạo Trường Đại học Tây Bắc. Chính vì vậy, Nhà trường luôn quan tâm và theo dõi sát sao để kịp thời đưa ra các biện pháp điều chỉnh, cải tiến nâng cao chất lượng đào tạo của ngành Nông học nói riêng và các ngành đào tạo khác nói chung. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được phân công, Phòng ĐT, CTCT & QLNH cùng với Khoa Nông Lâm được Nhà trường giao nhiệm vụ thực hiện theo dõi, giám sát, cập nhật danh sách, tỉ lệ thôi học của SV, tỉ lệ tốt nghiệp của SV [H11.11.01.01] đồng thời Nhà trường cũng đã ban hành quy trình và các quy định liên quan đến việc xét thôi học, xét tốt nghiệp của SV. Khi nhập học SV đều được phổ biến các quy chế, quy định đào tạo; kế hoạch đào tạo; các quy định về quy trình xét thôi học, các quy định, quy trình về công nhận tốt nghiệp và các quy định khác có liên quan đến SV trong “Tuần sinh hoạt công dân - HSSV” được tổ chức ở đầu học kì [H11.11.01.02],[H11.11.01.03],[H11.11.01.04],[H11.11.01.05] và mỗi tân SV được cấp một mã số SV và tài khoản truy cập hệ thống, được quản lý mọi thông tin quá trình đào tạo trên hệ thống phần mềm của Nhà trường như thông tin về CTĐT, đăng kí học phần, tra cứu điểm, số tín chỉ tích lũy đều được hướng dẫn rõ ràng [H11.11.01.06].

Về tỉ lệ tốt nghiệp của sinh viên: Việc xét và công nhận tốt nghiệp được Hội đồng xét tốt nghiệp căn cứ vào các điều kiện công nhận tốt nghiệp lập danh sách các SV đủ điều kiện tốt nghiệp đề nghị Hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp [H11.11.01.09]. Đối với SV chưa tốt nghiệp, CVHT sẽ có kế hoạch học tập cụ thể với từng SV để đảm bảo tiến độ ra trường. Số liệu thống kê về tỷ lệ tốt nghiệp SV ngành Nông học thể hiện qua bảng 11.1.1;

Bảng 11.1.1: Tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp ngành Nông học giai đoạn 2019-2024

TT	Năm nhập học	Tổng số NH nhập học (NH)	Tổng Số SV tốt nghiệp		Số sinh viên tốt nghiệp sau					
			Số lượng (sv)	Tỉ lệ (%)	3,5 năm		4 năm		> 4 năm	
					Số lượng (sv)	Tỉ lệ (%)	Số lượng (sv)	Tỉ lệ (%)	Số lượng (sv)	Tỉ lệ (%)
1	2016 (K57)	12	7	58,3			7	58,3		
2	2017 (K58)	10	7	70,0			6	60	1	10
3	2018 (K59)	14	8	57,1	8	57,1				
4	2019 (K60)	9	8	88,9			7	77,8	1	11,1
5	2020 (K61)	3	3	100			3	100		

Tổng		48	33		8		23		2	
------	--	----	----	--	---	--	----	--	---	--

Nguồn: [H11.11.01.07], [H11.11.01.08][H11.11.01.09]

Theo kết quả thống kê bảng 11.1 cho thấy: Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp trung bình qua các khóa đạt từ 57,1% - 100%, trong đó tỷ lệ sinh viên K61ĐHNH tốt nghiệp năm 2024 đạt 100%, còn lại năm 2021,2023 tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp đạt trên 70% . Tỉ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn (3,5-4 năm) ngành Nông học khá cao (31SVTN/48NH nhập học) đạt 64,5% và sinh viên tốt nghiệp quá hạn (2SVTN/48NH nhập học) đạt 4,17%

Về việc thôi học của SV: Sau mỗi học kỳ, căn cứ vào quy chế đào tạo, quy chế công tác học sinh sinh viên và nguyện vọng cá nhân của SV bảo lưu kết quả học tập hoặc thôi học, Khoa tiến hành họp với các CVHT sau đó gửi tờ trình lên Nhà trường để ra quyết định bảo lưu hoặc thôi học cho SV[H11.11.01.10], [H11.11.01.11]. Số liệu thống kê về tỉ lệ thôi học ngành Nông học được thể hiện qua bảng 11.1.2:

Bảng 11.1.2: Tỉ lệ sinh viên thôi học ngành Nông học giai đoạn 2019-2024

<i>Khóa</i>	<i>Tổng số NH nhập học</i>	<i>Số NH thôi học</i>		<i>Số người học thôi học khi đang học</i>				
		<i>SL</i>	<i>T: L (%)</i>	<i>Năm 1</i>	<i>Năm 2</i>	<i>Năm 3</i>	<i>Năm 4</i>	<i>> 4 năm</i>
<i>2016-2020 (K57)</i>	<i>12</i>	<i>4</i>	<i>33,3</i>					<i>4</i>
<i>2017-2021 (K58)</i>	<i>10</i>	<i>2</i>	<i>20,0</i>				<i>2</i>	
<i>2018-2022 (K59)</i>	<i>14</i>	<i>6</i>	<i>42,9</i>				<i>6</i>	

2019-2023 (K60)	9	1	11,1		1			
2020-2024 (K61)	3	0	0					
<i>Tổng</i>	48	13			1		8	4

Nguồn tổng hợp [H11.11.01.07], [H11.11.01.08], [H11.11.01.11]

Bên cạnh tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp khá cao thì tỉ lệ SV ngành Nông học thôi học trong giai đoạn năm 2019-2024 cũng chiếm một tỉ lệ không nhỏ (13/48) chiếm 27,1 %. Trong đó số SV thôi học ở năm thứ tư và trên năm thứ tư là chủ yếu.

Nhà trường, Khoa luôn giám sát tiến độ học tập của sinh viên thông qua hệ thống cố vấn học tập. Các nhiệm vụ, trách nhiệm, quyền lợi của CVHT được thể hiện chi tiết trong sổ tay công tác cố vấn học tập [H11.11.01.12]. Khoa đã giao cho đội ngũ cố vấn học tập giám sát chặt chẽ nắm bắt tình hình học tập và rèn luyện của SV để tư vấn, cảnh báo các SV có nguy cơ thôi học; cảnh báo chậm tiến độ học tập và phải báo cáo để Khoa và Nhà trường nắm rõ lí do và hướng giải quyết [H11.11.01.13]. Sau mỗi kỳ học, Ban chủ nhiệm Khoa điều họp với các cố vấn học tập để đánh giá, phân tích nguyên nhân các trường hợp SV chậm tốt nghiệp, thôi học để đưa ra các biện pháp nhằm giảm tỉ lệ thôi học và tăng tỉ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn. Nguyên nhân SV thôi học, chậm tốt nghiệp chủ yếu là do học phần không đạt, điểm trung bình chung tích lũy không đạt, thiếu chứng chỉ GDQP, giáo dục thể chất, giáo dục; hoàn cảnh khó khăn; chuyển ngành học..v.v. [H11.11.01.14]. Ngoài ra Nhà Trường, Khoa cũng thường xuyên tổ chức các hội nghị đối thoại giữa SV và Nhà trường để nắm bắt những khó khăn trong học tập và sinh hoạt của SV đặc biệt trong Hội nghị về công tác hỗ trợ người học, Khoa Nông Lâm đã có báo cáo tham luận về tình hình thôi học, bỏ học của sinh viên . Báo cáo chỉ ra những nguyên nhân và giải pháp nhằm hạn chế tình trạng sinh viên thôi học trong Nhà trường [H11.11.01.15].

Để nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo, Bộ môn Nông học, Khoa Nông Lâm đã có sự đối sánh tỉ lệ sinh viên thôi học, tốt nghiệp giữa các năm, giữa các CTĐT do Bộ môn Nông học, Khoa Nông Lâm quản lí. Kết quả đối sánh được thể hiện qua bảng 11.1.3

Bảng 11.1.3: Đối sánh tỉ lệ sinh viên thôi học, tốt nghiệp của các ngành khác trong Khoa Nông Lâm

Khóa	T:L sv tốt nghiệp (%)		T: L sv thôi học (%)	
	NH	BVTV	NH	BVTV
2016-2020 (K57)	58,3	60	33,3	40
2017-2021 (K58)	70,0	100	20,0	0
2018-2022 (K59)	57,1	50	42,9	16,7
2019-2023 (K60)	88,9	-	11,1	-
2020-2024 (K61)	100	-	0	-
TB	74,86	70	21,46	18,9

Kết quả được thể hiện trong bảng 11.1.3 cho thấy: Ngành Nông học có tỉ lệ SV tốt nghiệp và thôi học đều cao so với ngành BVTV.

Việc thực hiện đối sánh tỉ lệ SV tốt nghiệp giữa các ngành đào tạo là cơ sở để Bộ môn, Khoa, Trường tìm ra các nguyên nhân và có các giải pháp thích hợp nhằm nâng cao tỉ lệ tốt nghiệp đúng hạn cũng như thu hẹp sự khác biệt về tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học giữa các ngành đào tạo của Khoa, Trường. Căn cứ vào kết quả đối sánh cũng như việc trao đổi, thảo luận tại các cuộc họp, Khoa, Bộ môn đánh giá hiệu quả về các biện pháp đã và đang thực hiện như: Nhà trường đã cấp cho CVHT tài khoản truy cập phần mềm quản lý đào tạo để chủ động theo dõi tình hình học tập của SV; tăng cường vai trò của CVHT trong quản lý học tập và rèn luyện của SV ..v.v [H11.11.01.16]

2. Điểm mạnh

- Nhà trường có bộ phận chuyên trách giám sát chặt chẽ về thôi học, tốt nghiệp của SV, có đầy đủ các văn bản thực hiện và các công cụ giám sát được chú trọng
- Nhà trường đã ứng dụng phần mềm CNTT trong quản lý và giám sát KQHT của SV, thông qua đó có thể theo dõi, giám sát đôn đốc kịp thời người học hoàn thành CTĐT.

- Khoa và hệ thống CVHT đã hỗ trợ người học kịp thời khắc phục những khó khăn để NH tốt nghiệp đúng hạn

3. Điểm tồn tại

- SV thôi học chiếm tỉ lệ tương đối cao
- Việc thực hiện đối sánh mới chỉ tiến hành ở cấp độ Bộ môn. Chưa thực hiện đối sánh tỉ lệ SV thôi học, tốt nghiệp với SV cùng ngành của các trường ĐH khác trong nước.

4. Kế hoạch hành động

- Tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống quản lý học tập và hệ thống CVHT, Nhà trường thường xuyên tổ chức các buổi tọa đàm, ngoại khóa tìm hiểu, hướng dẫn sinh viên các khóa mới về phương pháp học tập ở đại học, phát triển kỹ năng nghề nghiệp.
- Từ năm học 2024 - 2025, Nhà trường, Khoa NL tiếp tục thực hiện việc đối sánh tỷ lệ SV thôi học, tốt nghiệp ngành Nông học với các trường khác để có những biện pháp cải tiến chất lượng phù hợp hơn. Bên cạnh đó, Khoa tiếp tục giám sát chặt chẽ tình hình học tập của SV, tìm hiểu nguyên nhân thôi học của SV để có những tư vấn, định hướng tốt hơn cho SV khi nhập học.

5. Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 11.2: Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Thời gian tốt nghiệp trung bình của các khóa học được xác lập trong kế hoạch đào tạo của từng CTĐT thực hiện quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo tín chỉ. Thời gian của một khóa đào tạo là thời gian cần thiết cho những SV bình thường hoàn thành chương trình học tập của mình để được cấp bằng tốt nghiệp. Theo quy định của BGD & ĐT và căn cứ vào quy chế đào tạo tín chỉ của Trường ĐH Tây Bắc, thời gian đào tạo trung bình của trình độ đại học ngành Nông học được xác lập là 3,5-4 năm, thời gian tối đa là không vượt quá 2 lần thời gian thiết kế CTĐT[H11.11.02.01],[H11.11.01.02],[H11.11.01.04]. Nhà trường giao nhiệm vụ cho phòng Đào tạo, phòng CTCT&QLNH, phòng ĐBCL & TTPC kết hợp với Khoa Nông Lâm là những đơn vị chuyên trách theo dõi, giám sát thời gian tốt nghiệp của sinh

viên.[H11.11.01.01]. CTĐT cũng như quá trình tích lũy học phần, tín chỉ, kế hoạch học tập và điều kiện tốt nghiệp được quy định rõ ràng trong các văn bản quy định của Trường, sổ tay học vụ SV được phổ biến chi tiết trong “Tuần sinh hoạt công dân – HSSV”; buổi gặp mặt đầu kỳ giữa CVHT với lớp thực hiện ở đầu kỳ học đầu tiên [H11.11.01.05];[H11.11.02.02]; [H11.11.02.03] đồng thời dữ liệu về tiến độ, kết quả học tập của sinh viên được giám sát trên hệ thống phần mềm quản lý đào tạo, qua đó sẽ thấy được tình trạng học tập đang ở mức bình thường hay cảnh báo học tập để có các giải pháp hỗ trợ người học ra trường đúng hạn [H11.11.01.06]. Sau mỗi học kì, Khoa và các phòng chức năng rà soát các sinh viên đủ điều kiện xét tốt nghiệp sẽ đề nghị Nhà trường ra quyết định công nhận tốt nghiệp .[H11.11.01.09]. Thống kê thời gian tốt nghiệp của SV ngành Nông học qua các khóa được thể hiện ở bảng 11.2.1

Bảng 11.2.1: Thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành Nông học

Khóa	Tổng số NH	Số SVT N	Số lượng SVTN				TGTN Trung bình
			3,5 năm	4 năm	4,5 năm	5 năm	
2016-2020 (K57)	12	7		7			4,0
2017-2021 (K58)	10	7		6		1	4,14
2018-2022 (K59)	14	8	8				3,5
2019-2023 (K60)	9	8		7		1	4,13
2020-2-24 (K61)	3	3		3			4,0
Tổng/TB	48		8	23		2	3,95

Nguồn: [H11.11.01.07],[H11.11.01.08],[H11.11.01.09]

Qua bảng số liệu cho thấy, thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành Nông học là trong chu kỳ đánh giá (2019-2024) là 3,95 năm đúng như thời gian thiết kế CTĐT

ngành Nông học (3,5-4 năm) tuy nhiên khóa 2017-2021, 2019-2023 có thời gian tốt nghiệp của SV quá hạn (kéo dài 4,13 -4,14 năm) và không có sinh viên tốt nghiệp trước thời hạn

Cuối mỗi học kì Nhà trường đều thống kê, công nhận kết quả học tập, xếp hạng học lực và danh sách cảnh báo học tập của các sinh viên. Các kết quả đó thể hiện rõ về điểm tích lũy, tín chỉ được tích lũy, học lực, mức độ cảnh báo..v.v [H11.11.02.04]. Dựa vào đó Khoa giao CVHT để tìm hiểu, nắm bắt nguyên nhân sinh viên đang chậm tiến độ học tập, tốt nghiệp muộn so với thời gian thiết kế của CTĐT và đề xuất các giải pháp hỗ trợ giúp SV tốt nghiệp đúng hạn. Khoa nhấn mạnh vai trò của các CVHT cũng rất quan trọng trong việc rút ngắn thời gian tốt nghiệp trung bình của SV. CVHT sẽ là cầu nối để thông báo cho SV về thời gian tốt nghiệp trung bình cũng như đôn đốc SV chủ động hoàn thành CTĐT [H11.11.01.12]. Qua quá trình tìm hiểu nguyên nhân cho thấy nguyên nhân sinh viên bị chậm tiến độ là do sinh viên bị nợ học phần điểm F, hoàn cảnh kinh tế khó khăn, SV xin hoãn xét tốt nghiệp để học cải thiện nâng bằng; một số SV đi thực tập sinh tại Israel chưa đủ điều kiện xét TN... v.v.[H11.11.01.14]. Để giải quyết vấn đề trên Nhà trường, Khoa áp dụng nhiều biện pháp tạo điều kiện cho SV ngành Nông học rút ngắn thời gian tốt nghiệp như: Tổ chức học kì phụ để SV cải thiện điểm các học phần và trả nợ các học phần [H11.11.02.05], chỉ đạo đội ngũ CVHT rà soát tiến độ học tập của từng sinh viên trong lớp, tư vấn định hướng cho SV đăng ký TC phù hợp và định hướng kế hoạch cho từng SV, đặc biệt là những SV bị cảnh báo học tập để có thể tốt nghiệp trong thời hạn tối đa được phép của CTĐT [H11.11.02.06]. Ngoài ra Khoa cũng đã ban hành các kế hoạch hỗ trợ Lưu HS Lào nhằm giúp các em đạt được kết quả học tập tốt [H11.11.02.07] Sau khi tư vấn, các trường hợp SV này sẽ được tổng hợp và ghi nhận vào nhật ký tư vấn hỗ trợ NH rút ngắn thời gian tốt nghiệp [H11.11.02.08]. Sau đó, căn cứ KQHT từng khóa, Khoa đã tổ chức họp tổng kết rút kinh nghiệm để đánh giá hiệu quả các biện pháp hỗ trợ NH nhằm rút ngắn thời gian tốt nghiệp. [H11.11.02.09]

Cùng với việc giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình các khóa đào tạo của ngành Nông học, Bộ môn Nông học, Khoa NL cũng thực hiện việc đối sánh dữ liệu với ngành BVTV do BM quản lý

Bảng 11.2.2: Đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình của các ngành khác trong Khoa Nông Lâm từ năm 2019-2024

Ngành ĐT	2016-2020	2017-2021	2018-2022	2019-2023	2020-2024	TB

NH	4,0	4,14	3,5	4,13	6	3,95
BVTV	4,0	4,0	3,5	-	-	3,83

Nguồn: [H11.11.02.08].

Thời gian tốt nghiệp trung bình của NH ở 2 ngành dao động từ 3,83 - 3,95 năm (tốt nghiệp đúng hạn). Trong đó thời gian tốt nghiệp trung bình giữa các khóa của ngành Nông học thấp hơn so với ngành BVTV, và qua trong giai đoạn đánh giá thời gian TNTB của ngành NH là 3,95 năm và ngành BVTV là 3,83 năm. Như vậy cho thấy thiết kế thời gian CTĐT hoàn toàn phù hợp với người học.

Quá trình đối sánh dữ liệu này giúp cho Khoa NL có những phân tích nhận định chính xác hơn về thời gian tốt nghiệp trung bình của các ngành khác nhau. Từ đó Bộ môn, Khoa triển khai các biện pháp hỗ trợ SV nâng cao tỉ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn và góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của toàn Khoa. [H11.11.02.10].

2. Điểm mạnh:

Trường đã có các bộ phận chuyên trách, có các quy định và quy trình giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình của SV do đó thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành Nông học được xác lập và giám sát

Nhà trường, Khoa, CVHT luôn quan tâm kịp thời hỗ trợ và có những giải pháp hợp lý tạo điều kiện để SV hoàn thành CTĐT đúng hạn.

3. Điểm tồn tại

Báo cáo thống kê đối sánh về thời gian tốt nghiệp TB mới thực hiện ở cấp độ Bộ môn, chưa có báo cáo thống kê, đối sánh, dự đoán xu thế thời gian tốt nghiệp trung bình của ngành Nông học Trường ĐH Tây Bắc với các trường khác

4. Kế hoạch hành động

Tiếp tục duy trì công tác theo dõi, giám sát chặt chẽ thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành Nông học. Phát huy vai trò của CVHT trong việc theo dõi và hỗ trợ SV hoàn thành CTĐT và các điều kiện chuẩn đầu ra.

Thống kê và đối sánh được thời gian tốt nghiệp trung bình của SV học cùng ngành Nông học ở các Trường khác, tiến hành tổng kết, đánh giá hiệu quả các giải pháp hỗ trợ NH tốt nghiệp trong thời gian quy định.

5. Tự đánh giá: Đạt (mức 5/7)

Tiêu chí 11.3 : Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Tỷ lệ người học có việc làm sau tốt nghiệp qua các năm được xác lập làm căn cứ để đánh giá về chất lượng sinh viên tốt nghiệp, sự phù hợp của CTĐT với yêu cầu các vị trí công việc mà sinh viên đảm nhận sau khi tốt nghiệp ở nhiều môi trường làm việc khác nhau. Đây cũng là một trong những mục tiêu của Khoa và Trường đặt ra trong CTĐT.

Nhận thức được sự cần thiết của vấn đề này, Nhà trường đã giao nhiệm vụ cho Phòng CTCT & QLNH phối hợp với Khoa NL thực hiện việc khảo sát tình hình việc làm của SV sau tốt nghiệp. Việc khảo sát được thực hiện theo đúng quy trình và các văn bản quy định về việc khảo sát tình hình việc làm của SV tốt nghiệp của Trường ĐHTB. Quy trình về khảo sát lấy ý kiến phản hồi của SV tốt nghiệp được nhà trường ban hành rất cụ thể, rõ ràng.[H11.11.01.01],[H11.11.03.01]. Việc xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác khảo sát tình hình việc làm của SV sau tốt nghiệp được tiến hành vào các thời điểm 6- 12 tháng sau tốt nghiệp. Khoa NL phối hợp cử CBGV liên hệ trực tiếp với cựu SV của Khoa bằng nhiều hình thức khác nhau như: Gọi điện thoại, gửi email, sử dụng mạng xã hội để thu thập các thông tin về việc làm của cựu SV [H11.11.03.02]. Dữ liệu khảo sát việc làm của SV tốt nghiệp được tổng hợp và phân tích trong các báo cáo kết quả khảo sát tình hình việc làm của SV tốt nghiệp và được công khai trong trên website trường [H11.11.03.04].

Trên cơ sở dữ liệu khảo sát việc làm, các kết quả khảo sát việc làm được thống kê, tổng hợp qua bảng 11.3.1

Bảng 11.3.1: Tình hình việc làm của cựu sinh viên ngành Nông học

Năm khảo sát	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	TB
1. Số SV TN	SV	36	8	8	10	
2. Số SV phản hồi KS	SV	30	8	5	4	

3.T:L SVTN có việc làm/tổng số SV phản hồi	%	100	100	100	100	100
4.T:L SVTN có việc làm/tổng số SVTN	%	83,3	100	62,5	40	71,5
5.Tình trạng việc làm						
5.1.Đúng ngành đào tạo	%	26,7	50,0	0	0	38,4
5.2.Liên quan đến ngành đào tạo	%	3,33	-	100	25,0	42,8
5.3.Không liên quan đến ngành đào tạo	%	70,0	50,0	0	75,0	65,0
5.4.Tiếp tục học	%	-	-	-	-	-
5.5. Chưa có việc làm	%	-	-	-	-	-

Nguồn [H11.11.03.03]

Dữ liệu cho thấy tỷ lệ SVTN có việc làm so với tổng SV tốt nghiệp phản hồi KS đạt 100%. Ngoài tỷ lệ SV có việc làm nói chung, tỷ lệ SV làm việc đúng với chuyên ngành cũng thể hiện chất lượng của CTĐT. Khoa NL luôn quan tâm đến vấn đề SV được làm việc đúng với chuyên ngành đã theo học. Qua số liệu thống kê cho thấy, tỷ lệ SV có việc làm đúng với chuyên ngành đào tạo đạt 38,4% và liên quan đến ngành đào tạo đạt 42,8% đồng thời tỉ lệ sinh viên có việc làm không liên quan đến ngành đào tạo chiếm 65,0 % . Vì vậy cần phải có những giải pháp giúp người học tăng cơ hội tìm kiếm việc làm đúng hoặc liên quan đến ngành đào tạo.

Để nhận định tốt hơn tình hình việc làm của SV sau khi tốt nghiệp. Khoa Nông Lâm dựa trên báo cáo tổng kết về tình hình việc làm của SV sau tốt nghiệp của Phòng CTCT &QLNH tiến hành đối sánh tình hình việc làm của SV ngành Nông học qua các khóa và đối với SV ngành đào tạo khác trong Khoa. Kết quả đối sánh giữa các CTĐT như sau:

Bảng 11.3.2: Tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp giữa các CTĐT trong

Khoa Nông Lâm năm 2019-2022

Chỉ tiêu	CTĐT	Năm tốt nghiệp				TB
		2019	2020	2021	2022	
T:L SVTN có việc làm/tổng số SVTN (%)	NH	83,3	100	62,5	40	71,45
	BVTV	75,0	66,67	100	100	85,42
	Lâm sinh	76,27	36,36	83,33	45,45	68,35
	QLTN&MT	86,46	14,29	45,45	25,0	28,25
	Chăn nuôi	80	87,5	100	100	91,9
T:L SVTN có việc làm/tổng số SV phản hồi (%)	NH	100	100	100	100	100
	BVTV	100	66,67	100	100	91,67
	Lâm sinh	100	88,89	100	71,43	90,08
	QLTN&MT	100	81,82	100	85,71	91,88
	Chăn nuôi	100	87,5	100	100	96,88

Nguồn: [H11.11.03.03],[H11.11.03.13]

Kết quả cho tỉ lệ SV tốt nghiệp ngành Nông học có việc làm tương đối cao so với các ngành đào tạo khác. Trong đó T:L SVTN có việc làm/tổng số SVTN đạt 71,45% và T:L SVTN có việc làm/tổng số SV phản hồi đạt 100%.

Nhằm nâng cao công tác hỗ trợ việc làm cho sinh viên tốt nghiệp, Khoa tổ chức họp các GV, CVHT để thảo luận, phân tích nguyên nhân người học chưa có việc làm và việc làm không liên quan đến ngành đào tạo, từ đó đề xuất các giải pháp tăng khả năng tìm kiếm việc làm sau tốt nghiệp của SV ngành Nông học. Các nghiệp vụ tìm hiểu, phân tích nguyên nhân SV tốt nghiệp chưa có việc làm được Khoa Nông Lâm thực hiện theo đúng quy trình từ việc lập hồ sơ sinh viên chưa có việc làm; trao đổi thông tin với SV chưa có việc làm để tìm hiểu và phân tích nguyên nhân đến việc đánh giá và hỗ trợ định hướng, tư vấn nghề nghiệp cho người học để có được việc làm. Các nguyên nhân chủ

yếu: các kỹ năng mềm (thuyết trình, lập kế hoạch, giao tiếp,...) của SV còn hạn chế, một số SV kỹ năng thực tế chưa cao hoặc công việc không phù hợp...v.v.[H11.11.03.05], [H11.11.03.06]. Trên cơ sở đó, Nhà trường và Khoa đã có các giải pháp như tổ chức các hoạt động tư vấn về học tập, rèn luyện, hướng nghiệp, chia sẻ về khởi nghiệp cho SV, kỹ năng mềm, ngày hội việc làm nhằm định hướng nghề nghiệp, nâng cao tỷ lệ có việc làm cho SV sau tốt nghiệp. Những hoạt động đó đã được Khoa phối hợp với Nhà trường và các doanh nghiệp tổ chức hàng năm [H11.11.03.07], [H11.11.03.08]. Bên cạnh đó, Nhà trường còn thành lập Ban liên lạc cựu học sinh, sinh viên, học viên nhằm tạo điều kiện cho SV có cơ hội giao lưu, học hỏi và trao đổi chuyên môn, tìm kiếm việc làm với các cựu SV khóa trước nhằm tìm kiếm cơ hội việc làm cho bản thân [H11.11.03.09]. Đồng thời Nhà trường, Khoa phối hợp với các đối tác để gửi thông tin về cơ hội việc làm tới SV trên website, fanpage ngành [H11.11.03.10]

Ngoài ra, Nhà trường và Khoa đã tiến hành trao đổi, làm việc, khảo sát các đơn vị sử dụng lao động về chương trình đào tạo cũng như cơ hội tìm kiếm việc làm cho sinh viên.[H11.11.03.11]. Kết quả này đã giúp Khoa có cơ sở để rà soát và cải tiến CTĐT nhằm đáp ứng nhu cầu của các nhà tuyển dụng đồng thời đẩy mạnh việc gắn kết đơn vị sử dụng lao động ở tất cả các khâu trong quá trình đào tạo và tìm kiếm việc làm. Đây chính là cầu nối, cơ hội để SV tốt nghiệp tiếp cận nhanh với các thông tin tuyển dụng lao động phù hợp với ngành đào tạo. [H11.11.03.12]

2. Điểm mạnh

Nhà trường có bộ phận chuyên trách theo dõi, liên hệ với sinh viên tốt nghiệp. Có quy trình khảo sát, thống kê, lưu trữ danh sách SV tốt nghiệp có việc làm. Hoạt động khảo sát tỷ lệ SV có việc làm sau tốt nghiệp được thực hiện một cách khoa học, chính xác làm căn cứ để cải tiến chất lượng đào tạo.

3. Điểm tồn tại

- Đã tổ chức thực hiện đối sánh tỉ lệ NH tốt nghiệp có việc làm giữa các CTĐT trong Khoa với cùng hình thức đào tạo. Tuy nhiên chưa thực hiện được đối sánh cùng ngành đào tạo trong nước/quốc tế về tỉ lệ có việc làm của NH tốt nghiệp; báo cáo đánh giá, dự đoán xu thế về việc làm trong tương lai
- Người học sau khi tốt nghiệp ngành Nông học đều có việc làm tuy nhiên tỉ lệ có việc làm đúng hoặc liên quan đến ngành đào tạo chưa cao.

4. Kế hoạch hành động

- Tăng cường việc hợp tác trong đào tạo với các Trường ĐH trong và ngoài nước có cùng chuyên ngành đào tạo để có sự đối sánh sâu rộng các kết quả đào tạo, tình hình việc làm của cựu NH nhằm cải tiến nâng cao chất lượng đào tạo của Khoa, Nhà trường
- Đẩy mạnh các hoạt động tổ chức giao lưu, hợp tác giữa các doanh nghiệp với Nhà trường và Khoa giúp SV có cơ hội tiếp xúc thực tế, nâng cao kỹ năng nghề, tìm hiểu yêu cầu từ các doanh nghiệp để ra trường thích ứng nhanh với yêu cầu công việc.
- Nhà trường, Khoa cần xây dựng giải pháp hữu hiệu hơn để nâng cao tỉ lệ SV có việc làm đúng ngành đào tạo.

5. Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 11.4: Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Bên cạnh hoạt động dạy và học, NCKH là một trong những nhiệm vụ trọng tâm cơ bản và quan trọng trong trường Đại học, nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, góp phần thúc đẩy sự phát triển khoa học công nghệ và kinh tế - xã hội của đất nước. Hoạt động NCKH là trang bị cho SV các kiến thức, kỹ năng nghiên cứu cần thiết để hỗ trợ cho hoạt động học tập. Với những ý nghĩa quan trọng trên, Trường ĐHTB luôn quan tâm và chú trọng công tác NCKH của SV. Điều này đã được thể hiện rõ trong kế hoạch chiến lược phát triển Trường và kế hoạch chiến lược phát triển KHCN [H11.11.04.02]. Căn cứ các văn bản quy định về hoạt động NCKH của SV trong cơ sở GD ĐH của Bộ GDĐT và kế hoạch chiến lược công tác khoa học, Nhà trường ban hành Quy định về hoạt động KHCN trong đó có các thông tin liên quan đến hoạt động NCKH của SV được thể hiện rõ quy định thực hiện đề tài NCKH SV [H11.11.04.01],[H11.11.04.03]. Trên cơ sở đó, hàng năm Nhà trường xây dựng kế hoạch KHCN trong thể hiện các loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của người học .[H11.11.04.04],[H11.11.04.05]

Phòng KHCN & HTQT được nhà trường giao nhiệm vụ theo dõi, giám sát hoạt động khoa học công nghệ. Hội đồng khoa học cấp Khoa có trách nhiệm tổ chức xét duyệt đề xuất, kiểm tra tiến độ và nghiệm thu các đề tài ở cấp khoa [H11.11.01.01].. Việc theo dõi, giám sát các hoạt động NCKH của SV được thực hiện theo quy định về hoạt động KHCN của Trường. Việc tổ chức thực hiện các đề tài NCKH của SV từ khi thông báo nhận đề xuất, xét duyệt, phê duyệt, thực hiện đến nghiệm thu, công nhận kết quả được hướng dẫn và tổ chức triển khai đầy đủ, chi tiết theo đúng quy trình, quy định quản lý các hoạt động khoa học và công nghệ. Để đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo và NCKH, SV ngành Nông học luôn được khuyến khích tham gia NCKH ngay

từ năm thứ hai với sự hướng dẫn của giảng viên với trình độ chuyên môn cao, giàu kinh nghiệm. Sau khi có thông báo của Trường về đăng ký nhiệm vụ NCKH, Khoa thông báo đến SV và hướng dẫn SV đăng ký NCKH theo đúng quy định. Sau khi SV đăng ký đề tài, Hội đồng khoa xét duyệt đề xuất và thuyết minh đề tài NCKH để lựa chọn và định hướng, tư vấn cho SV hướng nghiên cứu phù hợp, có tính ứng dụng cao và cử GV tham gia hướng dẫn đề tài SV. Khoa gửi biên bản về phòng KHCN & HTQT để trình Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng xét chọn đề tài NCKH của SV. Trên cơ sở biên bản của Hội đồng, Phòng KHCN & HTQT trình Hiệu trưởng quyết định giao nhiệm vụ thực hiện đề tài cho SV [H11.11.04.06],[H11.11.04.07]. Trong quá trình thực hiện,, Phòng KHCN & HTQT phối hợp với Khoa tiến hành kiểm tra tiến độ thực hiện đề tài của SV và thành lập Hội đồng nghiệm thu tổ chức đánh giá sản phẩm nghiên cứu của NH. Kết quả nghiên cứu của SV được hội đồng nghiệm thu đánh giá cao, phù hợp với khả năng của SV và xu thế phát triển của ngành. Điều đó đã thể hiện chất lượng của các đề tài NCKH SV và cho thấy SV đã đầu tư kiến thức, thời gian nghiên cứu một cách thực sự có hiệu [H11.11.04.08], [H11.11.04.09], [H11.11.04.10], [H11.11.04.11].

Trong quá trình thực hiện NCKH, SV được Nhà trường hỗ trợ kinh phí. Khoản chi phí hỗ trợ cho NCKH của SV hàng năm là một trong các chính sách khuyến khích việc tham gia các hoạt động NCKH của SV. Kinh phí dành cho các hoạt động nghiên cứu NCKH này được đã được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường. Đối với SV thực hiện nhiệm vụ NCKH mức hỗ trợ kinh phí tăng từ 500.000 - 1,500.000đồng/đề tài, ngoài ra còn có các khoản hỗ trợ hoạt động NCKH khác.Theo đó, nguồn thu - chi cho NCKH chủ yếu từ nguồn thu sự nghiệp của trường. Hoạt động thu-chi tài chính được thực hiện theo đúng quy định. Dữ liệu về nguồn thu/ chi tài chính cho hoạt động KHCN của SV được phòng KHCN & HTQT lưu trữ, tổng hợp [H11.11.04.12].

Hàng năm, Phòng KHCN & HTQT tiến hành rà soát, thống kê loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của SV. Theo số liệu thống kê, từ năm 2019-2024, có 6 đề tài NCKH của SV ngành Nông học được thực hiện với sự tham gia của 15 SV. Bởi vì số lượng sinh viên ngành Nông học nhập học đầu vào thấp dẫn đến số lượng SV tham gia đề tài NCKH còn hạn chế.

Bảng 11.4: Thống kê sinh viên ngành Nông học tham gia NCKH

Năm học	Số lượng đề tài SV	Số SV tham gia thực hiện đề tài SV	Số SV tham gia viết bài báo khoa học
2019-2020	1	2	-
2020-2021	2	6	-

2021-2022	1	4	-
2022-2023	1	2	-
2023-2024	1	1	-
Tổng	6	15	-

Nguồn [H11.11.04.07], [H11.11.04.10],[H11.11.04.11].

Để nhận định tốt hơn về hoạt động NCKH của SV, Khoa Nông Lâm đã thực hiện việc đối sánh các hoạt động NCKH của NH giữa các CTĐT trong cùng Khoa. Trên cơ sở kết quả đó, Khoa sẽ biện pháp điều chỉnh hoạt động NCKH của SV cho phù hợp với năng lực của SV và xu thế phát triển ngành, xã hội. Kết quả NCKH của SV ngành Nông học được thực hiện đối sánh hàng năm với các ngành đào tạo khác của Khoa cho thấy SV ngành Nông học có tỉ lệ SV tham gia NCKH tương đối cao với SV của các ngành đào tạo khác trong Khoa [H11.11.04.15]. Điều này đòi hỏi Khoa cần đề xuất các giải pháp dài hạn để nâng cao tỉ lệ SV NCKH và chất lượng NCKH của SV hơn nữa. Ngoài ra Nhà trường cũng đã thực hiện đối sánh NCKH của NH giữa các năm và với các CSGD khác. Báo cáo đã phân tích và đưa ra kế hoạch cải tiến nhằm nâng cao số lượng và chất lượng hoạt động NCKH của SV [H11.11.04.16]

Hàng năm, Nhà trường tổ chức hội nghị NCKH SV nhằm tổng kết, đánh giá những kết quả đạt được và đề ra phương hướng nhiệm vụ NCKH, đề xuất các biện pháp cải tiến chất lượng các hoạt động NCKH của SV phù hợp với bối cảnh, mục tiêu, sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường; với xu thế phát triển của thời đại và phù hợp với khả năng của NH; đồng thời tuyên dương khen thưởng các tập thể/cá nhân có nhiều thành tích trong hoạt động KHCN [H11.11.04.13], [H11.11.04.14].

2. Điểm mạnh

- Trường đã có quy định cụ thể về công tác NCKH của người học; hỗ trợ kinh phí cho công tác NCKH của người học
- Các đề tài NCKH của SV có tính ứng dụng thực tiễn cao và phù hợp với thực tiễn và được hướng dẫn bởi các GV có trình độ chuyên môn cao và nhiều kinh nghiệm trong giảng dạy và nghiên cứu.

3. Điểm tồn tại:

- Số lượng đề tài và tỷ lệ SV tham gia NCKH chưa nhiều, kinh phí cho đề tài còn thấp, chưa có các công bố khoa học của SV trên các tạp chí có uy tín trong nước.
- Chưa có báo cáo đối sánh với các Trường khác cùng chuyên ngành đào tạo.

4. Kế hoạch hành động

- Khoa NL tiếp tục đẩy mạnh hoạt động NCKH trong SV. Bên cạnh nguồn kinh phí từ Nhà trường, Khoa sẽ kêu gọi các nguồn hỗ trợ tài chính cho các đề tài SV từ doanh nghiệp. Đề xuất các chính sách phù hợp nhằm thúc đẩy hoạt động NCKH trong SV
- Cần mở rộng quan hệ hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước có đào tạo ngành Nông học để thực hiện đối sánh nhằm cải tiến nâng cao số lượng và chất lượng các sản phẩm NCKH của SV.

5. Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 11.5: Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Mức độ hài lòng của tất cả các đối tượng có liên quan là thước đo quan trọng cho chất lượng đào tạo. Vì thế, cần phải có một hệ thống để thu thập và đo lường mức độ hài lòng của các bên liên quan. Thông tin thu thập được cần phải được phân tích và sử dụng cho việc cải tiến CTĐT, cải tiến hệ thống thực hiện chất lượng và đảm bảo chất lượng. Vì vậy, Nhà trường đã ban hành quy định, quy trình lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan bao gồm các quy trình, công cụ và tiêu chí đo lường về mức độ hài lòng của các bên liên quan được sử dụng để nâng cao chất lượng đào tạo [H11.11.05.02]. Nhà trường đã giao cho Phòng ĐBCL&TTPC với các chức năng nhiệm vụ cụ thể liên quan đến công tác quản lý, tổ chức, theo dõi giám sát các hoạt động khảo thí và ĐBCLGD. Đồng thời, các phòng ban, trung tâm và các Khoa cùng phối hợp thực hiện nhiệm vụ thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan theo các nội dung thuộc đơn vị phụ trách.[H11.11.05.01].

Trên cơ sở đó hàng năm Nhà trường, Khoa xây dựng kế hoạch thực hiện các cuộc khảo sát lấy ý kiến phản hồi đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan. Các hoạt động khảo sát bao gồm: Hoạt động khảo sát lấy ý kiến phản hồi của NH về hoạt động giảng dạy của GV; Lấy ý kiến phản hồi của NH và GV về CTĐT; Lấy ý kiến phản hồi của cán bộ GV và NH về chất lượng dịch vụ hỗ trợ của các phòng, ban, trung tâm thuộc Trường...v,v. Trong kế hoạch khảo sát thể hiện rất mục đích, nội dung, công cụ và mẫu phiếu khảo sát. [H11.11.05.03], [H11.11.05.04],[H11.11.05.05].

Các ý kiến phản hồi của các bên liên quan được Phòng ĐBCL & TTPC, Phòng Đào tạo, Trung Tâm TTTV, Khoa Nông Lâm thu thập, tổng hợp, phân tích dự liệu và xây dựng báo cáo. Các báo cáo khảo sát đã được phân tích đầy đủ mức độ hài lòng của các bên liên quan. Cụ thể:

Phòng ĐBCL&TTPC thực hiện khảo sát lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên sau khi kết thúc học phần trong mỗi học kỳ. Phiếu khảo sát được thiết kế với 7 nội dung với 21 tiêu chuẩn về: chuẩn bị giảng dạy, học liệu phục vụ giảng dạy, trách nhiệm của GV; khả năng giảng dạy, chấm điểm quá trình, năng lực của GV, tác phong sư phạm. Kết quả đánh giá hoạt động giảng dạy trong 21 tiêu chuẩn giữa các giảng viên của các Khoa, các ngành không có sự khác biệt lớn. Trong đó, Khoa Nông Lâm đứng vị trí thứ hai về có ý kiến phản hồi tốt nhất, các tiêu chuẩn giảng viên đạt được tương đối đều. [H11.11.05.06]

Đối với việc lấy ý kiến khảo sát về CTĐT của phòng Đào tạo: Đa số SV đánh giá CTĐT có mục tiêu rõ ràng, sinh viên được phổ biến các quy chế và CTĐT từ khi bắt đầu học, CTĐT có khối lượng và cấu trúc hợp lý, nội dung phù hợp. [H11.11.05.06]

Nhà trường cũng tiến hành khảo sát lấy ý kiến phản hồi của người học về chất lượng dịch vụ hỗ trợ của các phòng, ban, trung tâm thuộc Trường nhằm mục đích cải tiến và nâng cao chất lượng phục vụ của Nhà trường như Trung tâm Thông tin thư viện thực hiện khảo sát về dịch vụ thư viện và hệ thống CNTT. Kết quả cho thấy: phần lớn đánh giá hài lòng về sự phục vụ của cán bộ thư viện, cơ sở vật chất và không gian của thư viện đáp ứng tốt với nhu cầu của NH trong việc tìm kiếm và đọc tài liệu, hệ thống CNTT trong hỗ trợ đào tạo. Đối với hoạt động thực hành thực tập, kết quả khảo sát về mức độ hài lòng của NH cho thấy phần lớn NH hài lòng với thái độ tinh thần trách nhiệm phục vụ thực hành thí nghiệm của chuyên viên và phòng thực hành đã đáp ứng tương đối đầy đủ về trang thiết bị phục vụ dạy và học, đảm bảo an toàn, đầy đủ bảng nội quy và hướng dẫn trang thiết bị [H11.11.05.06].

Thực hiện kế hoạch nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, Khoa NL đã tiến hành khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan (SV, cựu SV, GV, CB, NLĐ..) về mức độ đáp ứng của CDR, CTĐT ngành Nông học với nhu cầu xã hội. Các ý kiến phản hồi của các bên liên quan có ý nghĩa rất quan trọng trong việc điều chỉnh CTĐT ngành Nông học cho phù hợp. Kết quả khảo sát cho thấy: hầu hết các ý kiến của CBGV, SV, cựu SV, nhà sử dụng lao động, nhà khoa học, nhà quản lý đều hài lòng với CDR và CTĐT của ngành, tuy nhiên để cũng cần có sự thay đổi cho phù hợp với xu thế thời đại, đây cũng là một thực tế mà Nhà trường, Khoa đang ngày càng quan tâm để điều chỉnh, bổ sung trong CTĐT. [H11.11.05.07]

Ngoài việc khảo sát ý kiến của các bên liên quan, Nhà trường còn thường xuyên tổ chức các buổi giao lưu, đối thoại, gặp mặt để trực tiếp lắng nghe ý kiến của người học và cán bộ, GV trong Trường. Cụ thể, hoạt động giao lưu giữa Lãnh đạo Nhà trường với đại biểu SV, học viên được tổ chức thường niên với những nội dung đối thoại bám sát với nhu cầu được trao đổi của người học như: Công tác đào tạo, công tác NCKH, công tác học sinh-SV, cơ sở vật chất phục vụ học tập, sinh hoạt của SV [H11.11.05.08]

Sau khi thực hiện lấy ý kiến phản hồi, Nhà trường sẽ tổng hợp các báo cáo kết quả lấy ý kiến phản hồi, tổ chức các hội nghị tổng kết công tác, thực hiện việc phân tích, đánh giá kết quả, trong đó có việc so sánh với kết quả khảo sát mức độ hài lòng của những lần khảo sát trước đó. Các kết quả khảo sát của các bên liên quan được ghi nhận, đối sánh làm cơ sở cho việc lập kế hoạch cải tiến chất lượng đào tạo, nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích như ban hành các kế hoạch về điều chỉnh CĐR, CTĐT, nâng cao hệ thống cơ sở vật chất của Trường, chú trọng đầu tư phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của giảng viên và người học [H11.11.05.03], [H11.11.05.09]

Trong quá trình cải tiến chất lượng CTĐT, Khoa Nông Lâm đã căn cứ vào kết quả khảo sát mức độ hài lòng và đối sánh để làm căn cứ lập kế hoạch điều chỉnh, cải tiến nâng cao chất lượng CTĐT. Khoa đã có những lần điều chỉnh lớn về CĐR, CTĐT vào năm 2018 và năm 2022, 2024. CTĐT và CĐR đã được thay đổi cho phù hợp với năng lực của SV và xu thế phát triển của ngành, xã hội. CTĐT được điều chỉnh theo hướng giảm số tín chỉ một số học phần, lược bỏ hoặc thêm vào một số học phần nhằm nâng cao kỹ năng cũng như khả năng vận dụng vào thực tiễn hoạt động cho SV, phù hợp với nhu cầu nguồn nhân lực ngành Nông học hiện nay. [H11.11.01.04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có các quy định về quy trình/ phương pháp, công cụ và tiêu chí đo lường sự hài lòng của các bên liên quan. Trường đã thực hiện đầy đủ các loại hình khảo sát đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng đội ngũ GV, chất lượng SV sau tốt nghiệp, về CTĐT...

3. Điểm tồn tại

Trong quá trình khảo sát mức độ hài lòng làm căn cứ cho việc cải tiến chất lượng, Nhà trường chưa thực hiện khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan chưa được thực hiện thường xuyên.

Các báo cáo tổng hợp ý kiến phản hồi của các bên liên quan còn hạn chế, chưa kịp thời và đầy đủ

4. Kế hoạch hành động

- Cần thực hiện khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan thường xuyên hơn và kịp thời hoàn thiện các báo cáo khảo sát sau khi nhận được kết quả phản hồi của các bên liên quan

- Nhà trường xây dựng kế hoạch, thực hiện đối sánh kết quả khảo sát mức hài lòng các bên liên quan với các CSGD ĐH ngoài trường nhằm cải tiến nâng cao chất lượng đội ngũ, chất lượng SV và CTĐT ngành Nông học

5. Tự đánh giá: Đạt 4/7

Kết luận tiêu chuẩn 11

Tỉ lệ tốt nghiệp, thời học của người học được Nhà trường xác lập, giám sát chặt chẽ, có các quy định cụ thể và sử dụng phần mềm quản lý hỗ trợ. Nhà trường có hệ thống quản lý và hỗ trợ SV. Trường, Khoa luôn nắm được tiến độ học tập của SV thông qua Trợ lý đào tạo, Cố vấn học tập nhằm đưa ra nhiều biện pháp hỗ trợ người học để đảm bảo tiến độ học tập, giúp nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp, rút ngắn thời gian tốt nghiệp trung bình. như là phê duyệt các môn học chuyển đổi, học thay thế (với những SV bị chậm tiến trình do bảo lưu kết quả học tập), mở học kỳ phụ . Qua kết quả thống kê cho thấy tỷ lệ tốt nghiệp của người học tương đối cao và thời gian tốt nghiệp trung bình đảm bảo thời gian thiết kế CTĐT.Nhà trường, Bên cạnh đó tỷ lệ SV tốt nghiệp ngành NH sớm có việc làm sau khi tốt nghiệp là tương đối cao, đáp ứng được yêu cầu của xã hội. Các quy định liên quan đến NCKH SV được ban hành đầy đủ. Học tập nghiên cứu song hành và bổ trợ cho nhau , chính vì vậy trong thời gian học tập có nhiều nhóm SV đăng ký tham gia hoạt động NCKH cấp Trường với nhiều ý tưởng phù hợp với với bối cảnh, mục tiêu, sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường; với xu thế phát triển của thời đại và phù hợp với khả năng của NH. Nhà trường có hệ thống thu thập thông tin phản hồi và đã triển khai công tác lấy ý kiến phản hồi từ người học, CB, GV, nhà tuyển dụng. Mức độ hài lòng của người học, cựu người học, giảng viên, nhà tuyển dụng đối với CTĐT ngành NH được Nhà trường, Khoa xác lập rõ ràng, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng CTĐT của ngành. Bên cạnh những điểm mạnh, vẫn còn những tồn tại, đó là: Tỉ lệ thời học còn tương đối cao , số lượng hoạt động NCKH chưa nhiều. Chưa thực hiện việc đối sánh tỷ lệ NH tốt nghiệp, tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp, kết quả khảo sát mức hài lòng các bên liên quan được đối sánh với các CSGD ĐH ngoài trường .

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 11:

+Điểm trung bình tiêu chuẩn: 4,8

+Số tiêu chí đạt: 5/5

PHẦN III. KẾT LUẬN

Để thực hiện sứ mạng của Trường Đại học Tây Bắc - sứ mạng của một cơ sở giáo dục đại học đa ngành, đào tạo nguồn nhân lực, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, thực hiện các dịch vụ phục vụ phát triển bền vững kinh tế - xã hội, hội nhập quốc tế của khu vực Tây Bắc và đất nước. Do đó, việc đánh giá CTĐT là tất yếu, nhằm không ngừng cải tiến chất lượng đào tạo trên cơ sở đổi mới chương trình, nội dung giáo dục, phương pháp dạy học và tạo điều kiện tốt nhất cho NH có được cơ hội và môi trường học tập tốt; nâng cao hiệu quả giáo dục và tham gia kiểm định chất lượng định kỳ. Trường Đại học Tây Bắc đã tiến hành công tác tự đánh giá một cách nghiêm túc, đúng quy định, đảm bảo kết quả đánh giá là chính xác, phù hợp với báo cáo tự đánh giá của Trường. Báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Nông học trình độ đại học đã được toàn thể giảng viên trong Khoa Nông - Lâm góp ý với tinh thần trách nhiệm cao. Thông qua hoạt động tự đánh giá, Khoa và Nhà trường đã nhận diện được các điểm mạnh cũng như những điểm còn tồn tại trong quản lý và đào tạo của Khoa để từ đó lập các kế hoạch hành động để tiếp tục nâng cao hiệu quả của các mặt đã làm được và khắc phục, cải tiến những mặt còn hạn chế, tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo và NCKH đáp ứng yêu cầu của thực tiễn.

Căn cứ vào việc tự đánh giá thực trạng về hoạt động đào tạo của CTĐT ngành Nông học, thông qua việc đánh giá các tiêu chí, dựa vào các mốc chuẩn tối thiểu để đánh giá đạt tiêu chí do Bộ GD&ĐT ban hành, Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành Nông học - Trường Đại học Tây Bắc đã đánh giá mức tiêu chuẩn kiểm định chất lượng CTĐT của ngành Nông học là đạt yêu cầu chất lượng.

1. Tóm tắt những điểm mạnh và những điểm cần phát huy của CTĐT

Mục tiêu CTĐT ngành Nông học của Khoa Nông Lâm được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của trường, đáp ứng được cơ bản các nhu cầu của xã hội. Nhà trường và Khoa đã công bố rộng rãi mục tiêu CTĐT cho cán bộ, nhân viên, sinh viên và xã hội cùng được biết để phấn đấu hoàn thành mục tiêu đào tạo

Chuẩn đầu ra của CTĐT ngành Nông học được xác định rõ ràng cả về mặt kiến thức, kỹ năng của người học sau khi hoàn thành CTĐT. CDR được xây dựng nghiêm túc, bài bản, đảm bảo quy định của Bộ GD&ĐT, và đáp ứng các yêu cầu thực tiễn của xã hội, được định kỳ rà soát.

Bản mô tả CTĐT ngành Nông học được xây dựng bài bản trên cơ sở các văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và Trường Đại học Tây Bắc, thể hiện đầy đủ thông tin và được tích hợp những nội dung mới nhất liên quan. Qua bản mô tả này, người học, nhà tuyển dụng và xã hội hiểu được lộ trình dự kiến toàn bộ khóa học cũng như phương pháp đánh giá nhằm đạt được CDR của ngành

Đề cương các học phần có đầy đủ các thông tin và được định kỳ bổ sung/điều chỉnh/cập nhật. Trong quá trình biên soạn, cập nhật đề cương đã có sự tham gia của các bên liên quan. Mọi thông tin liên quan đến học phần, cấu trúc, nội dung, phương pháp kiểm tra đánh giá ... của học phần đều được cung cấp đầy đủ để sinh viên đưa ra lựa chọn hợp lý cho lộ trình, kế hoạch học tập của bản thân theo từng học kỳ, từng năm và trong toàn khóa.

Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết các học phần được công bố công khai bằng rất nhiều hình thức khác nhau, được công bố trực tiếp định kỳ đến các bên trong các hội

thảo, đặc biệt được công bố công khai trên website để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận..

Chương trình dạy học của ngành Nông học được thiết kế phù hợp với CĐR của ngành. Cấu trúc các học phần trong chương trình dạy học đảm bảo tỷ lệ hợp lý giữa các khối kiến thức. Các đề cương chi tiết của từng học phần trong các khối kiến thức đều thể hiện tính gắn kết, liên mạch giúp chương trình dạy học trở thành một khối thống nhất.

Các học phần trong khung CTĐT ngành Nông học được cấu trúc thành từng khối gắn kết giữa các kiến thức cơ bản, kiến thức cơ sở ngành và kiến thức ngành. Nội dung đề cương chi tiết của từng học phần trong chương trình dạy học thể hiện rõ mục tiêu, yêu cầu của học phần, thể hiện được phương pháp dạy học và phương pháp kiểm tra, đánh giá phù hợp và thể hiện được sự gắn kết của học phần với các học phần trong các khối kiến thức khác đảm bảo quá trình dạy - học và đánh giá. Tất cả các môn học đều góp phần đạt được CĐR CTĐT và được lấy ý kiến của các bên liên quan.

CTĐT ngành Nông học được rà soát và xây dựng theo định kỳ 2 năm/lần và CTĐT ngành Nông học năm 2022 đã được rà soát thực hiện cơ bản đầy đủ theo Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015. Các học phần trong CTĐT được thiết kế gắn kết và liên mạch giữa các khối kiến thức, việc bố trí các môn học theo thứ tự trong CTĐT hợp lý, logic.

Mục tiêu giáo dục của Nhà trường và mục tiêu chương trình đào tạo được tuyên bố rõ ràng và phổ biến đầy đủ tới các bên liên quan, thường xuyên và bằng đa dạng các phương tiện và cách thức

Toàn bộ đề cương môn học học phần đều có định hướng tới CĐR. Hoạt động dạy học được xây dựng chi tiết cho từng môn học. Đội ngũ giảng viên được tập huấn nâng cao nghiệp vụ và kỹ năng giảng dạy. Cơ sở vật chất, địa bàn thực tập hiện trường tốt, đáp ứng tốt việc thực hiện hoạt động dạy và học theo thiết kế.

Nhà trường đã có nhiều nỗ lực trong việc cải thiện cơ sở vật chất, tạo môi trường học tập thuận lợi cho người học để nâng cao chất lượng dạy và học, thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nhằm nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CĐR, được thực hiện theo đúng quy trình, đảm bảo tính nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với phương thức đào tạo, mục tiêu đào tạo và CĐR của từng học phần. Các phòng chức năng được phân công trách nhiệm cụ thể để quản lý và đẩy mạnh công tác kiểm tra, đánh giá một cách độc lập việc đánh giá kết quả học tập. Nhà trường đã có sự rà soát, điều chỉnh quy trình thi, kiểm tra đánh giá người học thông qua việc phân tích nguyên nhân và đề xuất các biện pháp khắc phục.

Các quy định về đánh giá KQHT của người học theo CTĐT ngành Nông học là rõ ràng và được thông báo công khai tới người học. Trợ lý Khoa, đội ngũ CVHT phối hợp với Phòng Đào tạo của Trường để thông báo công khai, rõ ràng các thông tin liên quan đến quy định đánh giá kết quả học tập nên kết quả học tập được chuyển đến SV trực tiếp trong thời gian ngắn nhất

Phương pháp kiểm tra đánh giá được thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng, phù hợp với hình thức đào tạo, mục tiêu từng học phần và đảm bảo chất lượng

Việc tổ chức thi, chấm thi, báo điểm và phúc khảo được thực hiện đúng quy định về thời gian, quy trình, người học có thể đăng ký học, cải thiện được kết quả học tập của mình. Kết quả phúc tra đảm bảo công bằng.

Trường Đại học Tây Bắc và Khoa Nông Lâm luôn chú trọng đến quy hoạch đội ngũ giảng viên nhằm bảo đảm chất lượng đào tạo, NCKH và hoạt động kết nối phục vụ cộng đồng. Nhà trường có những quy định, chính sách cụ thể nhằm phát triển đội ngũ giảng viên. Trong 5 năm qua, đội ngũ giảng viên Khoa Nông Lâm không ngừng phát triển.

Tỉ lệ giảng viên/người học được Nhà trường thực hiện theo đúng quy định hiện hành. Nhà trường đã có quy định về đo lường, giám sát khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên. Khối lượng công việc của đội ngũ GV, NCV được đo lường, giám sát để cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, kết nối và phục vụ cộng đồng.

Nhà trường đã triển khai công tác xác định được nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên. Kế hoạch về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên được Nhà trường xây dựng. Đội ngũ giảng viên tham gia thực hiện chương trình đào tạo ngành Nông học được đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn.

Nhà trường đã có văn bản quy định cụ thể về các loại hình và số lượng sản phẩm NCKH mà giảng viên phải thực hiện. Nhà trường và Khoa Nông Lâm đã thực hiện tốt công tác giám sát, đối sánh và đề ra các cải tiến hoạt động nghiên cứu khoa học

Trường Đại học Tây Bắc đã thực hiện tốt quy hoạch đội ngũ nhân viên tại các phòng, ban, trung tâm và Khoa Nông Lâm đủ về số lượng, bảo đảm về chất lượng để đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Nhà trường đã có những tiêu chí, tiêu chuẩn quy định rõ ràng trong công tác tuyển dụng đội ngũ nhân viên. Các quy định tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định. Các thông tin tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được Nhà trường phổ biến công khai.

Đã huy động được cả hệ thống chính trị của Nhà trường quan tâm đến công tác tuyển sinh; đã thành lập một ban chuyên trách công tác xúc tiến tuyển sinh để khâu nối các đơn vị, các khoa chuyên môn trong trường cùng tham gia các hoạt động thu hút thí sinh. Bởi vậy, công tác tuyển sinh được đầu tư đầy đủ nguồn lực để nghiên cứu, ban hành và thực hiện chính sách tuyển sinh phù hợp với bối cảnh thị trường hiện nay.

2. Tóm tắt những điểm tồn tại và những vấn đề cần cải tiến chất lượng của CTĐT

Việc lấy ý kiến nhận xét về mục tiêu của CTĐT của cựu người học và nhà tuyển dụng nhằm bổ sung, hoàn chỉnh mục tiêu CTĐT đạt hiệu quả chưa cao do số lượng khảo sát chưa đủ lớn và chưa thực hiện được một cách rộng rãi trên nhiều đối tượng, nhiều vùng miền khác nhau.

Số lượng nhà tuyển dụng và các bên liên quan trả lời ý kiến phản hồi về CĐR của CTĐT ngành Nông học chưa nhiều.

Việc rà soát, điều chỉnh CĐR của CTĐT đã được thực hiện nhiều lần nhưng chưa được thường xuyên (*ít nhất 2 năm một lần*), và việc lấy ý kiến phản hồi của người học

sau tốt nghiệp, giảng viên, các nhà Khoa học là chuyên gia đầu ngành và các nhà tuyển dụng lao động để góp ý cho CDR chưa được rộng khắp.

Bản mô tả CTĐT ngành Nông học mặc dù được rà soát, điều chỉnh vào năm 2020 nhưng mới chỉ được kết luận đưa vào sử dụng tại cuộc họp hội đồng khoa học và đào tạo về CTĐT mà chưa được ban hành Quyết định.

Kế hoạch rà soát CTCT được thực hiện theo KH của nhà trường ban hành, Khoa Nông Lâm cần chủ động lập kế hoạch tự rà soát, điều chỉnh CTCT các học phần theo từng năm học để đáp ứng nhu cầu của người học về CDR của CTĐT.

Thông tin về Bản mô tả CTĐT ngành Nông học chỉ được thực hiện cập nhật theo KH của nhà trường, việc cập nhật thông tin trên cổng thông tin đào tạo của Khoa Nông-Lâm theo định kỳ rà soát, chỉnh sửa CTĐT ngành Nông học còn chưa kịp thời.

Sự đóng góp của các bên liên quan trong việc thiết kế và xây dựng CTDH phù hợp với CDR của CTĐT ngành Nông học chưa nhiều.

Chưa có nhiều ý kiến đóng góp của các bên liên quan cho đề cương chi tiết của các học phần nhằm đạt được CDR của CTĐT.

CTDH ngành Nông học khi chỉnh sửa chưa so sánh, đối chiếu được với CTĐT tiên tiến của các Trường ĐH trọng điểm trong nước và Quốc tế.

Trong xu thế chung của Trường, Khoa Nông Lâm có mục tiêu giáo dục ngành Nông học cụ thể, rõ ràng nhưng chưa có triết lý giáo dục.

Các ý kiến phản hồi, đóng góp của một số người được tham khảo ý kiến thông qua bảng phỏng vấn còn chưa rõ ràng, cụ thể.

Khảo sát yêu cầu của nhà tuyển dụng đối với sinh viên ra trường, đặc biệt các chuẩn về kỹ năng chưa được thực hiện rộng rãi và toàn diện.

Kỹ năng mềm chưa được đưa vào chương trình đào tạo, mới chỉ lồng ghép trong các học phần và thông qua các hoạt động đoàn, hội.

Chưa có phương pháp đo lường và đánh giá sự phát triển kỹ năng và khả năng học tập suốt đời của người học.

Số lượng các phương pháp KTĐG hiện đại được GV xác định trong ĐCCT học phần chưa nhiều.

Một số bộ phận nhỏ sinh viên chưa thường xuyên truy cập vào website, tài khoản riêng để cập nhật thông tin về tình hình học tập của bản thân.

Trường và Khoa chưa tổ chức khảo sát đánh giá việc áp dụng các loại hình thi, kiểm tra đối với từng học phần để có thể phân tích mức độ phù hợp so với đặc thù của ngành học; chưa tổ chức thống kê phân tích định lượng các kết quả thi để đánh giá được mức độ khó dễ của đề thi, từ đó để có hướng điều chỉnh đề thi cho phù hợp.

Một bộ phận nhỏ SV chưa tích cực trong việc cải thiện kết quả học tập. Trong một số thời điểm, do hạn chế về hạ tầng mạng, việc truy cập xem điểm cũng như thông tin xét tốt nghiệp, cấp bằng trên phần mềm quản lý đào tạo bị tắc nghẽn, gây khó khăn cho công tác quản lý và người học (đặc biệt là SV phải thi lại).

Việc công bố điểm cuối kỳ cho SV đôi khi còn chậm. Điều này ảnh hưởng đến việc phúc tra điểm và tiến độ học tập của SV.

Khoa Nông - Lâm chưa có GV đạt học hàm PGS và GS, công tác tuyển dụng giảng viên có học vị theo quy hoạch phát triển đội ngũ của Trường ít.

Trong những năm gần đây, số lượng sinh viên nhập học giảm dẫn đến sự biến động về khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên có xu hướng giảm. Công tác thống kê dữ liệu về thực hiện hoạt động KNPVCD của đội ngũ GV triển khai chưa thường xuyên.

Việc xây dựng các kế hoạch phát triển chuyên môn, nghiệp vụ và đội ngũ kế thừa chưa được cụ thể

Nhiều giảng viên Khoa Nông Lâm năng lực ngoại ngữ còn hạn chế.

Số lượng giảng viên được cử đi đào tạo ở nước ngoài còn ít. Chương trình đào tạo, bồi dưỡng có nội dung chuyên sâu cho GV tham gia do Khoa Nông Lâm tổ chức còn hạn chế.

Giảng viên Khoa Nông Lâm được nhận các hình thức khen thưởng cấp cao còn ít do chưa có nhiều chính sách hỗ trợ và khuyến khích.

Công tác khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan về hoạt động nghiên cứu khoa học của Nhà trường chưa được làm thường xuyên. Số lượng công bố nghiên cứu khoa học trên tạp chí quốc tế uy tín chưa có nhiều.

Công tác khảo sát ý kiến của các bên liên quan về mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên chưa được làm thường xuyên và cho toàn bộ các đơn vị phục vụ.

Do hạn chế về nguồn lực nên các chính sách của Nhà trường thu hút đội ngũ nhân viên có năng lực và kinh nghiệm làm việc chưa phát huy tối đa hiệu quả.

Các ý kiến đánh giá từ đồng nghiệp đối với đội ngũ nhân viên chưa nhiều

Số lượng nhân viên tham gia ĐT/BĐ để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ ở các nước phát triển chưa nhiều

Kết quả khảo sát ý kiến của nhân viên về sự hài lòng về việc thi đua khen thưởng và công nhận của trường và các cấp có thẩm quyền được thực hiện chưa nhiều.

Số lượng nhân viên được nhận các hình thức khen thưởng cấp cao còn hạn chế

Mặc dù chính sách tuyển sinh đã được quảng bá, công khai trên nhiều kênh thông tin khác nhau. Nhưng phương thức quảng bá vẫn chưa đạt được kết quả như mong muốn, chưa tạo được sức thu hút của các ngành nghề liên quan đến lĩnh vực Nông học đối với thí sinh và xã hội.

Do xu hướng chung của xã hội và thiếu cơ chế đặc thù của ngành nghề nên số lượng thí sinh tuyển được vào ngành Nông học giảm theo từng năm. Mặt khác, việc tuyển sinh đầu vào chú trọng số lượng hơn chất lượng ảnh hưởng đến việc dạy và học, gây khó khăn cho việc nâng cao chất lượng đầu ra của sinh viên.

Phần mềm chuyên dụng chưa đáp ứng kịp thời các yêu cầu của đổi mới trong quản lý đào tạo.

Các hoạt động ngoại khóa do đoàn thanh niên, hội sinh viên tổ chức chưa thu hút được đông đảo người học tham gia, mới chỉ tập trung ở đối tượng sinh viên giữ chức vụ trong lớp như ban cán sự lớp, Đoàn, Hội.

Một số cơ sở hạ tầng phục vụ cho đào tạo và NCKH đã xuống cấp hoặc đang sửa chữa nên thiếu đồng bộ. Hệ thống phòng cháy, chữa cháy còn chưa được trang bị đầy

đủ, các khu giảng đường chưa được cung cấp internet.

Số lượng người học đến Trung tâm Thông tin thư viện vẫn còn hạn chế.

Số lượng tài liệu điện tử tại thư viện chưa nhiều

Việc khai thác tiềm năng của một số trang thiết bị hiện đại phục vụ cho mục đích đào tạo và nghiên cứu của GV và SV còn hạn chế.

Máy tính tại một số văn phòng làm việc đã sử dụng nhiều năm, cấu hình không cao, thiếu đồng bộ. Tốc độ đường truyền internet còn chậm, tính ổn định không cao.

Phần mềm quản lý đào tạo sử dụng đã lâu chưa được cập nhật.

Việc hỗ trợ cho SV khuyết tật mới chỉ dừng lại ở sự bố trí các phòng học ở tầng 1, bước đầu có hệ thống đường dành riêng cho người khuyết tật. Một số khu giảng đường cao tầng chưa có nhiều công trình phục vụ nhu cầu của người khuyết tật.

Số lượng cơ quan sử dụng lao động là cựu sinh viên và cựu SV góp ý về CTDH ngành Nông học chưa nhiều.

Nhà trường chưa triển khai khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan bên ngoài trường về quy trình thiết kế và phát triển CTDH.

Số lượng hội nghị, hội thảo về đổi mới phương pháp giảng dạy, học tập, KTĐG KQHT của NH do Khoa Nông Lâm tổ chức chưa nhiều.

Số lượng đề tài NCKH do GV và sinh viên Khoa Nông Lâm thực hiện chưa tương xứng với tiềm năng.

Số lượng cá nhân tham gia khảo sát đo lường sự hài lòng của người dân đối với giáo dục công của Trường chưa được thực hiện.

Nhà trường chưa triển khai khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan bên ngoài trường về cơ chế phản hồi của các bên liên quan.

SV thôi học chiếm tỉ lệ tương đối cao

Chưa thực hiện đối sánh tỉ lệ SV thôi học, tốt nghiệp với SV cùng ngành của các trường ĐH khác trong nước.

Chưa có báo cáo thống kê, đối sánh, dự đoán xu thế thời gian tốt nghiệp trung bình của ngành Nông học Trường ĐH Tây Bắc với các trường khác

Việc đối sánh về tỉ lệ SV có việc làm sau tốt nghiệp với các trường đại học trong nước có cùng chuyên ngành đào tạo chưa được thực hiện. Chưa có những báo cáo đánh giá về tình hình việc làm của SV sau tốt nghiệp theo từng giai đoạn và dự đoán xu thế về việc làm trong tương lai.

Tỉ lệ người học sau khi tốt nghiệp đều có việc làm tuy nhiên tỉ lệ có việc làm đúng hoặc liên quan đến ngành còn thấp

Nhà trường, Khoa chưa xây dựng, ban hành nhật kí tư vấn, hỗ trợ NH có việc làm. Mọi hoạt động tư vấn, hỗ trợ cho NH có việc làm mới chỉ thực hiện trên các nền tảng mạng xã hội hoặc liên lạc trực tiếp.

Số lượng đề tài và tỷ lệ SV tham gia NCKH chưa nhiều, kinh phí cho đề tài còn thấp, chưa có các công bố khoa học của SV trên các tạp chí có uy tín trong nước.

Chưa có báo cáo đối sánh với các Trường khác cùng chuyên ngành đào tạo.

Trong quá trình khảo sát mức độ hài lòng làm căn cứ cho việc cải tiến chất lượng, Nhà trường chưa thực hiện đối sánh kết quả khảo sát mức hài lòng các bên liên quan với các CSGD ĐH ngoài trường

Một số khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan chưa được thực hiện thường xuyên.

3. Tóm tắt các kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT

Việc lấy ý kiến phản hồi của người học sau tốt nghiệp, giảng viên, các nhà Khoa học là chuyên gia đầu ngành và các nhà tuyển dụng lao động để góp ý cho CĐR chưa được thường xuyên, rộng khắp.

Các tài liệu tham khảo trong đề cương chi tiết học phần mặc dù đáp ứng được nội dung chuyên môn tuy nhiên có nhiều học phần tài liệu tham khảo chưa được cập nhật.

Mặc dù mỗi lần điều chỉnh, cập nhật đề cương chi tiết học phần đều được lấy ý kiến của các bên liên quan, tuy nhiên việc lấy ý kiến này vẫn chưa được rộng khắp đến nhiều nơi và bao phủ được trong cả nước

Việc tổ chức hội thảo để công bố đến các bên liên quan mặc dù được làm định kỳ tuy nhiên vẫn còn chưa được rộng rãi đến nhiều nhà khoa học, nhà tuyển dụng và các bên liên quan khác.

Chưa có các môn thực hành kỹ năng mềm liên quan với nghề thường xuyên tiếp cận sau khi ra trường như giao tiếp với cộng đồng người dân, đồng bào dân tộc thiểu số. Quá trình thu thập các thông tin về việc rà soát, xây dựng CĐR, CTĐT còn gặp nhiều bất cập, chưa đáp ứng kịp thời do sự phản hồi của các cựu sinh viên và nhà tuyển dụng còn chậm.

Việc lấy ý kiến đóng góp của nhà tuyển dụng, của cựu người học cho CTĐT còn nhiều hạn chế như: Một số ý kiến mang tính chất chung chung, các ý kiến chưa được lấy rộng đến các bên liên quan.

Việc lấy ý kiến đóng góp mới chỉ được thực hiện trong việc rà soát CTĐT chưa được thực hiện đối với từng học phần.

Trong xu thế chung của Trường, Khoa Nông Lâm có mục tiêu giáo dục ngành Nông học cụ thể, rõ ràng nhưng chưa có triết lý giáo dục.

Kỹ năng mềm chưa được đưa vào chương trình đào tạo, mới chỉ lồng ghép trong các học phần và thông qua các hoạt động đoàn, hội.

Một bộ phận nhỏ SV chưa tích cực trong việc cải thiện kết quả học tập. Trong một số thời điểm, do hạn chế về hạ tầng mạng, việc truy cập xem điểm cũng như thông tin xét tốt nghiệp, cấp bằng trên phần mềm quản lý đào tạo bị tắc nghẽn, gây khó khăn cho công tác quản lý và người học (đặc biệt là SV phải thi lại).

Trong những năm gần đây, số lượng sinh viên nhập học giảm dẫn đến sự biến động về khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên và nghiên cứu viên có xu hướng giảm. Chưa có giảng viên có học hàm GS, số lượng giảng viên có học hàm PGS còn ít

Công tác khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan về hoạt động nghiên cứu khoa học của Nhà trường chưa được làm thường xuyên. Số lượng công bố nghiên cứu khoa học trên tạp chí quốc tế uy tín chưa có nhiều.

4. Tổng hợp kết quả TĐG CTĐT (phụ lục 6a và phụ lục 6b)

4.1 Phụ lục 6a: bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá chương trình đào tạo

Tên cơ sở giáo dục: **Trường Đại học Tây Bắc**

Mã: UTB

Tên CTĐT: **Nông học**

Mã CTĐT: 7620109

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
<i>Tiêu chuẩn 1</i>								4,33	3	100
Tiêu chí 1.1				4						
Tiêu chí 1.2				4						
Tiêu chí 1.3					5					
<i>Tiêu chuẩn 2</i>								4,33	3	100
Tiêu chí 2.1					5					
Tiêu chí 2.2				4						
Tiêu chí 2.3				4						
<i>Tiêu chuẩn 3</i>								4,33	3	100
Tiêu chí 3.1				4						
Tiêu chí 3.2				4						
Tiêu chí 3.3					5					
<i>Tiêu chuẩn 4</i>								4,66	3	100
Tiêu chí 4.1					5					
Tiêu chí 4.2					5					

Tiêu chí 4.3				4						
<i>Tiêu chuẩn 5</i>								5,00	5	100
Tiêu chí 5.1					5					
Tiêu chí 5.2					5					
Tiêu chí 5.3					5					
Tiêu chí 5.4					5					
Tiêu chí 5.5					5					
<i>Tiêu chuẩn 6</i>								4,71	7	100
Tiêu chí 6.1					5					
Tiêu chí 6.2					5					
Tiêu chí 6.3				4						
Tiêu chí 6.4					5					
Tiêu chí 6.5				4						
Tiêu chí 6.6					5					
Tiêu chí 6.7					5					
<i>Tiêu chuẩn 7</i>								4,80	5	100
Tiêu chí 7.1					5					
Tiêu chí 7.2					5					
Tiêu chí 7.3					5					
Tiêu chí 7.4				4						
Tiêu chí 7.5					5					
<i>Tiêu chuẩn 8</i>								4,60	5	100
Tiêu chí 8.1				4						
Tiêu chí 8.2				4						

Tiêu chí 8.3					5					
Tiêu chí 8.4					5					
Tiêu chí 8.5					5					
<i>Tiêu chuẩn 9</i>								4,80	5	100
Tiêu chí 9.1					5					
Tiêu chí 9.2					5					
Tiêu chí 9.3					5					
Tiêu chí 9.4				4						
Tiêu chí 9.5					5			4,00	6	100
<i>Tiêu chuẩn 10</i>										
Tiêu chí 10.1				4						
Tiêu chí 10.2				4						
Tiêu chí 10.3				4						
Tiêu chí 10.4				4						
Tiêu chí 10.5				4						
Tiêu chí 10.6				4				4,80	5	100
<i>Tiêu chuẩn 11</i>										
Tiêu chí 11.1					5					
Tiêu chí 11.2					5					
Tiêu chí 11.3					5					
Tiêu chí 11.4					5					
Tiêu chí 11.5				4						
Đánh giá chung CTĐT								4,58	50	100,00

*** Ghi chú:**

- Ghi bằng số nguyên mức đánh giá cho từng tiêu chí.
- Mức đánh giá chung của tiêu chuẩn và CTĐT là trung bình số học mức đánh giá của các tiêu chí, tính đến 2 số thập phân sau dấu phẩy.

4.2 Phụ lục 6b: Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá chương trình đào tạo

Tên cơ sở giáo dục: **Trường Đại học Tây Bắc**

Mã: UTB

Tên CTĐT: **Nông học**

Mã CTĐT: 7620109

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả đánh giá		Tổng hợp theo tiêu chuẩn	
	Đạt	Chưa đạt	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
<i>Tiêu chuẩn 1</i>			3	100
Tiêu chí 1.1	Đ			
Tiêu chí 1.2	Đ			
Tiêu chí 1.3	Đ			
<i>Tiêu chuẩn 2</i>			3	100
Tiêu chí 2.1	Đ			
Tiêu chí 2.2	Đ			
Tiêu chí 2.3	Đ			
<i>Tiêu chuẩn 3</i>			3	100
Tiêu chí 3.1	Đ			
Tiêu chí 3.2	Đ			
Tiêu chí 3.3	Đ			
<i>Tiêu chuẩn 4</i>			3	100
Tiêu chí 4.1	Đ			
Tiêu chí 4.2	Đ			

Tiêu chí 4.3	Đ			
<i>Tiêu chuẩn 5</i>			5	100
Tiêu chí 5.1	Đ			
Tiêu chí 5.2	Đ			
Tiêu chí 5.3	Đ			
Tiêu chí 5.4	Đ			
Tiêu chí 5.5	Đ			
<i>Tiêu chuẩn 6</i>			7	100
Tiêu chí 6.1	Đ			
Tiêu chí 6.2	Đ			
Tiêu chí 6.3	Đ			
Tiêu chí 6.4	Đ			
Tiêu chí 6.5	Đ			
Tiêu chí 6.6	Đ			
Tiêu chí 6.7	Đ			
<i>Tiêu chuẩn 7</i>			5	100
Tiêu chí 7.1	Đ			
Tiêu chí 7.2	Đ			
Tiêu chí 7.3	Đ			
Tiêu chí 7.4	Đ			
Tiêu chí 7.5	Đ			

Tiêu chuẩn 8			5	100
Tiêu chí 8.1	Đ			
Tiêu chí 8.2	Đ			
Tiêu chí 8.3	Đ			
Tiêu chí 8.4	Đ			
Tiêu chí 8.5	Đ			
Tiêu chuẩn 9			5	100
Tiêu chí 9.1	Đ			
Tiêu chí 9.2	Đ			
Tiêu chí 9.3	Đ			
Tiêu chí 9.4	Đ			
Tiêu chí 9.5	Đ			
Tiêu chuẩn 10			6	100
Tiêu chí 10.1	Đ			
Tiêu chí 10.2	Đ			
Tiêu chí 10.3	Đ			
Tiêu chí 10.4	Đ			
Tiêu chí 10.5	Đ			
Tiêu chí 10.6	Đ			
Tiêu chuẩn 11			5	100
Tiêu chí 11.1	Đ			
Tiêu chí 11.2	Đ			
Tiêu chí 11.3	Đ			
Tiêu chí 11.4	Đ			
Tiêu chí 11.5	Đ			
Đánh giá chung CTĐT: Đ			50	100%

*** Ghi chú:**

- Ghi mức đánh giá: Đ: Đạt; C: Chưa đạt;
- Tỷ lệ số tiêu chí tính đến 2 số thập phân sau dấu phẩy

Sơn La, ngày 23... tháng 12 năm 2024

KT. HIỆU TRƯỞNG



**PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TS. ĐỖ HỒNG ĐỨC**

PHẦN IV. PHỤ LỤC

1. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT (Phụ lục 7)

Phụ lục 7. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng chương trình đào tạo

CƠ SỞ DỮ LIỆU KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày.... /7/2024

I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập)

Tiếng Việt: Trường Đại học Tây Bắc

Tiếng Anh: Tay Bac University

2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục

Tiếng Việt: UTB

Tiếng Anh: Tay Bac University

3. Tên trước đây (nếu có):

4. Cơ quan quản lý trực tiếp: Bộ Giáo dục và Đào tạo

5. Địa chỉ: Tổ 2, phường Quyết Tâm, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

6. Thông tin liên hệ:

Điện thoại: 842123751700

E-mail: contact@utb.edu.vn

Website: <https://utb.edu.vn/>

7. Năm thành lập cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập): Quyết định số 39/2001/QĐ-TTg ngày 23/03/2001 của Thủ tướng Chính phủ

8. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I:

9. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I:

10. Loại hình cơ sở giáo dục:

Công lập ☒ Bán công ☐ Dân lập ☐ Tư thục ☐

11. Loại hình khác (đề nghị ghi rõ): Không

II. Thông tin chung về cơ sở giáo dục thực hiện chương trình đào tạo

12. Tên Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT (theo Quyết định thành lập)

Tiếng Việt: Khoa Nông Lâm

Tiếng Anh: Faculty of Agriculture and Forestry

13. Tên viết tắt của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT:

Tiếng Việt: KNL.

Tiếng Anh: FAF.

14. Tên trước đây (nếu có)

Tiếng Việt:

Tiếng Anh:

15. Mã CTĐT: 7620112

16. Tên trước đây của CTĐT (nếu có): không

17. Địa chỉ của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT: Nhà D, Trường Đại học Tây Bắc, Phường Quyết Tâm, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

18. Số điện thoại liên hệ: 02123751700; Email: k.nonglam@utb.edu.vn

Website: <https://faf.utb.edu.vn>

19. Năm thành lập Khoa/Bộ môn (theo Quyết định thành lập): Quyết định số 415/QĐ-ĐHTB-TCCB ngày 14/8/2008

20. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của CTĐT): 2005.

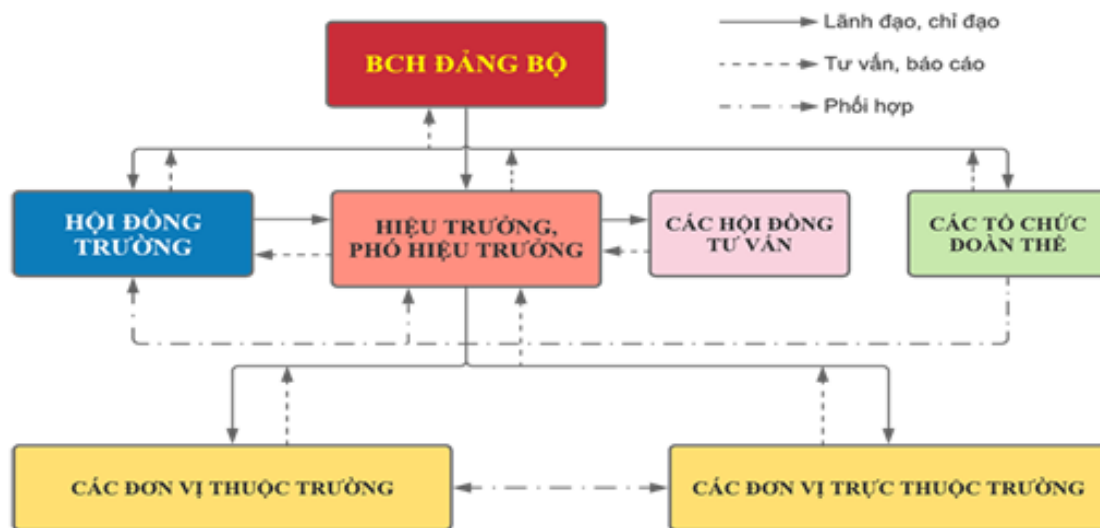
21. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT): 2009.

III. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

22. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của đơn vị thực hiện CTĐT (nêu tóm tắt các giai đoạn phát triển, tổng số ngành, chương trình, ... quan hệ hợp tác, thành tích nổi bật).

23. Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT (vẽ sơ đồ riêng).

- Cơ cấu tổ chức của cơ sở giáo dục:



- Cơ cấu tổ chức của đơn vị thực hiện CTĐT:

24. Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT.

(*Riêng Ban lãnh đạo đơn vị thực hiện CTĐT ghi đầy đủ cả cấp trưởng, phó, còn lại các bộ phận khác chỉ ghi cấp trưởng*).

T T	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
	Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục					
	Đảng bộ Trường ĐHTB	Nguyễn Thị Lan Anh	TS	1981	0912714472	lananhnt@utb.edu.vn
	Hội đồng Trường ĐHTB	Nguyễn Tú Anh				
1	Ban Giám hiệu	Đỗ Hồng Đức	1967	TS, Phó Hiệu trưởng phụ phụ trách Trường	0982143838	ducdh@utb.edu.vn
2	Ban Giám hiệu	Hoàng Ngọc Anh	1967	TS, Phó Hiệu trưởng	0912655243	hoangngocanh@utb.edu.vn
	Đơn vị thực hiện CTĐT					

I.	Lãnh đạo chủ chốt của đơn vị					
1.	Ban chủ nhiệm Khoa	Vũ Quang Giảng	1968	TS, Trưởng Khoa	0915 059 618	vugiangdhtb@utb.edu.vn
2	Ban chủ nhiệm Khoa	Nguyễn Văn Khoa	1981	TS, Phó Trưởng Khoa	0914 568 062	nguyenvankhoa@utb.edu.vn
3	Ban chủ nhiệm Khoa	Hoàng Văn Thanh	1975	TS, Phó Trưởng Khoa	0987415634	hoangthanhtbu@utb.edu.vn
II.	Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn, Hội					
1.	Chi bộ khoa Nông Lâm	Vũ Quang Giảng	1968	TS, Bí Thư	0915059618	vugiangdhtb@utb.edu.vn
2	Công Đoàn Khoa Nông Lâm	Đoàn Thị Thùy Linh	1981	Ths. CTCĐ	0913056730	doanthuylinh133@utb.edu.vn
3	Đoàn TNCS HCM Khoa Nông Lâm	Nguyễn Hoàng Phương	1984	Ths. Bí thư ĐTN	0977396357	nguyenphuong@utb.edu.vn
III.	Các phòng, ban					
1	Phòng Đào tạo	Vũ Việt Hùng	PGS. TS			

2	Phòng Tổ chức – Hành chính	Vũ Mạnh Cường	TS	1979	0917000345	cuongvm@utb.edu.vn
3	Phòng Bảo đảm chất lượng và Thanh tra pháp chế	Nguyễn Duy Hiếu	TS	1983	0972782203	hieund@utb.edu.vn
4	Phòng Công tác chính trị - Quản lý người học	Dương Văn Mạnh	TS	1977	0912711650	manhdv@utb.edu.vn
5	Phòng Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế	Nguyễn Thị Lan Anh	TS	1981	0912714472	lananhnt@utb.edu.vn
6	Phòng Kế toán – Tài chính	Đoàn Thanh Hải	TS	1982	0774379299	doanthanhhaikt@utb.edu.vn
7	Phòng Quản trị Cơ sở vật chất	Hà Văn Niệm	ThS	1981	0868668838	niemha82@utb.edu.vn
8	Ban Quản lý Khu nội trú	Vũ Tiến Thuận	ThS	1986	0977320210	thuanvt@utb.edu.vn
9	Trung tâm Thông tin – Thư viện	Trần Anh Dũng	ThS	1967	0977314167	dungta@utb.edu.vn

10	Trung tâm Thực hành – Thí nghiệm	Vì Xuân Thủy	TS	1984	0983484171	xuanthuy @utb.edu.vn
11	Trung tâm Nghiên cứu văn hóa các dân tộc Tây Bắc	Lường Hoài Thanh	TS	1981	0989883078	hoaitanhtbt @utb.edu.vn
12	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh	Dương Xuân Lượng	TS	1977	0966733334	luongqpan @utb.edu.vn
13	Trung tâm Nghiên cứu khoa học và Chuyển giao công nghệ	Phạm Đức Viễn	TS	1977	0917518688	vienpd @utb.edu.vn
14	Trạm Y tế	Tạ Văn Phương	ThS	1990	0919866838	phuongtv @utb.edu.vn
IV.	Các bộ môn					
1.	Bộ môn Nông học	Bùi Thị Sửu	1984	ThS, Trưởng bộ môn	0949.268.44 8	buithisuu@utb.ed u.vn
2	Bộ môn Chăn nuôi - Thú y	Đặng Thị Thúy Yên	1985	ThS, Trưởng bộ môn	0988268525	<u>yen.tbac@utb.edu</u> <u>.vn</u>
3	Bộ môn Lâm nghiệp	Nguyễn Thị	1983	TS, Trưởng bộ môn	0977778046	ngocntb@utb.edu .vn

		Bích Ngọc				
4	Bộ môn QLTN&MT	Vũ Đức Toàn	1974	TS, Trưởng bộ môn	0915771984	vudcutoan@utb.edu.vn

(Kéo dài Bảng biểu theo quy mô của đơn vị thực hiện CTĐT)

25. Các ngành/chuyên ngành đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT:

26. Số lượng chuyên ngành đào tạo tiến sĩ: 0.

27. Số lượng chuyên ngành đào tạo thạc sĩ: 0.

28. Số lượng ngành đào tạo đại học: 06 ngành.

29. Số lượng ngành đào tạo cao đẳng: 0.

30. Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác (đề nghị nêu rõ):

(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu các ngành, chuyên ngành đào tạo theo bậc học để cung cấp thông tin cho mục 27).

31. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

	Có	Không
Chính quy	☒	☐
Không chính quy	☒	☐
Từ xa	☐	☐
Liên kết đào tạo với nước ngoài	☐	☐
Liên kết đào tạo trong nước	☐	☐

Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình):

32. Tổng số các ngành đào tạo: 06 ngành trình độ đại học

IV. Cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

33. Thống kê số lượng cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên của đơn vị thực hiện CTĐT

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Đội ngũ cơ hữu <i>Trong đó:</i>			
I.1	Đội ngũ trong biên chế	22	15	37

I.2	Đội ngũ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	22	15	37
II	Các đối tượng khác Hợp đồng ngắn hạn (dưới 01 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng)	0	0	0
	Tổng số	22	15	37

(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu về đội ngũ của đơn vị, bao gồm cả cơ hữu và hợp đồng ngắn hạn. Từ cơ sở dữ liệu lấy ra các thông tin trên).

34. Thống kê, phân loại giảng viên

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	Giảng viên cơ hữu (GV)			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	0	0	0	0	0	0
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	13	12	0	1	0	0
5	Thạc sĩ	24	23	0	01	0	0
6	Đại học	0	0	0	0	0	0
7	Cao đẳng	0	0	0	0	0	0
8	Trình độ khác	0	0	0	0	0	0
	Tổng số	37	35	0	2	0	0

(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những giảng viên vừa có học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)

Tổng số giảng viên cơ hữu = Cột (3) - cột (7) - cột (8) = 37 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 36/37

35. Quy đổi số lượng giảng viên của đơn vị thực hiện CTĐT theo quy định hiện hành của Bộ GDĐT (nếu đơn vị có giảng viên có trình độ TSKH nhưng không có học hàm thì tính ngang với Phó Giáo sư theo thứ tự như cột 3 trong Bảng 35).

Số liệu Bảng 35 được lấy từ Bảng 35 nhân với hệ số quy đổi (*Ví dụ đối với cơ sở giáo dục đại học, học viện: áp dụng Thông tư số 06/2018/TT-BGDĐT ngày 28/02/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT*).

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	0
1	Giáo sư, Viện sĩ	5,0	0	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	3,0	0	0	0	0	0	0	0
3	Tiến sĩ khoa học	3,0	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	2	13	12	0	1	0	0	26
5	Thạc sĩ	1	24	23	0	1	0	0	24
6	Đại học	0,3	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng			35	0	0,6	0	0	

Cách tính: Cột 10 = cột 3*(cột 5 + cột 6 + 0,3*cột 7 + 0,2*cột 8 + 0,2*cột 9)

36. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người):

TT	Trình độ/học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	-	0	0	0	0	0	0	0

TT	Trình độ/học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
2	Phó Giáo sư	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Tiến sĩ khoa học	0	-	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	13	35	10	3	0	3	8	2	0
5	Thạc sĩ	24	65	12	12	0	18	6	0	0
6	Đại học	0	-	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng	37	100	22	15	0	31	14	2	0

36.1. Tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 40 tuổi

36.2. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 13/37.

36.3. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 24/37

37. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	20	100
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	80	0
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	0	0
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	0	0

5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)	0	0
	Tổng	100	100

V. Người học (chỉ tính số lượng người học của chương trình đào tạo)

38. Người học bao gồm học sinh, sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh

Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số người học trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/thang điểm	Điểm trung bình của sinh viên được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
2019-2020				9	18/30		4
2020-2021				3	18/30		1
2021-2022				9	18/30		
2022-2023				4	18/30		1
2023-2024				14	18/30		6

39. Thống kê, phân loại số lượng người học theo học CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy.

Đơn vị: người

Các tiêu chí	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
1. Nghiên cứu sinh					
2. Học viên cao học					
3. Sinh viên đại học					
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy	9	12	21	25	30

Các tiêu chí	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
4. Sinh viên cao đẳng Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
5. Học sinh TCCN Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
6. Khác ...					

40. Số sinh viên quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

	Năm học				
	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
Số lượng (người)	4	5	5	6	8
Tỷ lệ (%) trên tổng số người học					

41. Người học của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số người học có nhu cầu:

Các tiêu chí	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
1. Tổng diện tích phòng ở (m ²)					
2. Người học có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)					
3. Người học được ở trong ký túc xá (người)					

4. Tỷ số diện tích trên đầu người học ở trong ký túc xá (m ² /người)					
---	--	--	--	--	--

42. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của CTĐT tham gia nghiên cứu khoa học

	Năm học				
	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
Số lượng (người)					
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên					

43. Thống kê số lượng người học của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ					
2. Học viên tốt nghiệp cao học					
3. Sinh viên tốt nghiệp đại học Trong đó:					
Hệ chính quy	7	6	8	6	3
Hệ không chính quy					
4. Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
5. Học sinh tốt nghiệp trung cấp Trong đó:					

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
6. Khác...					

(Tính cả những người học đã đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định nhưng đang chờ cấp bằng)

44. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên hệ chính quy của CTĐT:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
1. Số lượng người học tốt nghiệp (người).	7	6	8	6	3
2. Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%).	7/12	6/10	8/21	8/9	3/3
3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này ☐ chuyển xuống câu 4 B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này ☐ điền các thông tin dưới đây:					
3.1. Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).					
3.2. Tỷ lệ người học trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).					
3.3. Tỷ lệ người học trả lời <i>không học được</i> những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp					

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này ☐ chuyển xuống câu 5 B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này ☐ điền các thông tin dưới đây:					
4.1. Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%). - Sau 6 tháng tốt nghiệp. - Sau 12 tháng tốt nghiệp.					
4.2. Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%).					
4.3. Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm.					
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này ☐ chuyển xuống kết thúc bảng này. B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này ☐ điền các thông tin dưới đây:					
5.1. Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%).					
5.2. Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%).					

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
5.3. Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).					

Ghi chú:

- Người học tốt nghiệp là người học có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những người học chưa nhận được bằng tốt nghiệp;
- Người học có việc làm là người học tìm được việc làm hoặc tạo được việc làm;
- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp;
- Các mục bỏ trống đều được xem là cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về việc này.

VI. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

45. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2,0	0	0	0	0	0	0
2	Đề tài cấp Bộ/Tỉnh*	1,0	7	0	2	1	1	11
3	Đề tài cấp trường	0,5	5	9	3	7	3	13,5
	Tổng		13	9	5	8	4	24,5

Cách tính: Cột 9 = cột 3*(cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số đề tài quy đổi: 24,5

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: $24,5/31 = 0,8$

45. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây:

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
1	2019	2504	95,76	73,65
2	2020	2504	97,32	73,65
3	2021	400	80,65	11,76
4	2022	960	93,11	28,24
5	2023	560	90,91	16,47

47. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 05 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	1	13	22	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	1	2	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số cán bộ tham gia	1	14	24	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

48. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Hệ số**	Số lượng					Tổng
			2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	

								(đã quy đổi)
1	Sách chuyên khảo	2,0	0	0	0	0	0	0
2	Sách giáo trình	1,5	0	0	4	0	2	9
3	Sách tham khảo	1,	0	0	0	1	1	2
4	Sách hướng dẫn	0,5	0	0	0	1	1	1,0
	Tổng		0	0	4	2	4	12

****Hệ số quy đổi:** Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi): 12

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: $12/36 = 0,33$

49. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	0	5	11	5
Từ 4 đến 6 cuốn sách	0	0	0	0
Trên 6 cuốn sách	0	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	0	5	11	5

50. Số lượng bài của đội ngũ cơ hữu đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					
			2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	Tổng (đã quy đổi)
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1,5	2	2	5	5	11	37,5
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1,0	11	9	12	11	8	51
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5	8	21	8	5	11	27,5
	Tổng							116

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 116

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: $116/36 = 3,22$

50. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí khoa học quốc tế (ISI, Scopus,...)	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	Tạp chí / tập san cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	12	23	18
Từ 6 đến 10 bài báo	1	1	6
Từ 11 đến 15 bài báo	0	0	0
Trên 15 bài báo	1	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	14	24	24

52. Số lượng báo cáo khoa học do đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	
1	Hội thảo quốc tế	1,0	3	0	1	1	0	5
2	Hội thảo trong nước	0,5	0	9	0	0	0	4,5
3	Hội thảo cấp trường	0,25	1	1	1	1	1	1,25
	Tổng		4	10	2	2	1	10,25

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của cơ sở giáo dục vì đã được tính 1 lần)

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước.

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 10,25

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: $10,25/36 = 0,28$

53. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 05 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	4	17	4
Từ 6 đến 10 báo cáo	0	0	0
Từ 11 đến 15 báo cáo	0	0	0
Trên 15 báo cáo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	4	17	4

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của trường)

54. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp

Năm học	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
2019-2020	0
2020-2021	0
2021-2022	0
2022-2023	0
2023-2024	0

55. Nghiên cứu khoa học của người học

55.1. Số lượng người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng người học tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	61	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số người học tham gia	0	0	61	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

55.2. Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên:

(Thống kê các giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)

TT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng				
		2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo	1	1	1	1	1

TT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng				
		2019- 2020	2020- 2021	2021- 2022	2022- 2023	2023- 2024
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố		1	1	1	1

VII. Cơ sở vật chất, thư viện

56. Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục (tính bằng m²): 343.847

57. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT (tính bằng m²): 233.524

58. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m²):

Nơi làm việc: Nơi học: Nơi vui chơi giải trí:

59. Diện tích phòng học (tính bằng m²)

- Tổng diện tích phòng học: 10.269

- Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy:

60. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Trung tâm Thông tin

- Thư viện:.....

Tổng số đầu sách trong phòng tư liệu của đơn vị thực hiện CTĐT (nếu có)

61. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT:

- Dùng cho hệ thống văn phòng:

- Dùng cho người học học tập:

Tỷ số số máy tính dùng cho người học/người học chính quy:

VIII. Tóm tắt một số chỉ báo quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ báo quan trọng dưới đây:

1. Giảng viên:

Tổng số giảng viên cơ hữu (người): 37 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): 97%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 35%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 65%

2. Người học:

Tổng số người học chính quy (người):.....

Tỷ số người học chính quy trên giảng viên:

Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%):

3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:

Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%):

Tỷ lệ người học trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%):

4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%):

Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%):

Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm (triệu VNĐ):

5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%):

Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%):

6. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu:.....

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: $24,5/31 = 0,8$.

Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu: 40,75 triệu VNĐ/người

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: $12/36 = 0,33$.

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: $116/36 = 3,22$.

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu $10,25/36 = 0,28$.

7. Cơ sở vật chất:

Tỷ số máy tính dùng cho người học trên người học chính quy:

Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy:

Tỷ số diện tích ký túc xá trên người học chính quy:.....

(Ghi chú: Việc hướng dẫn áp dụng quy định từ các văn bản trích dẫn trên đây sẽ được thay đổi khi có văn bản sửa đổi bổ sung hoặc văn bản mới ban hành của cấp có thẩm quyền).

2. Các tài liệu liên quan: Các Quyết định thành lập Hội đồng TĐG, Ban thư ký; Kế hoạch TĐG; các bảng biểu tổng hợp, thống kê...

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1315./QĐ-ĐHTB

Sơn La, ngày 19 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo
ngành Nông học trình độ đại học**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC

Căn cứ Quyết định số 39/QĐ-TTg ngày 23/03/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Tây Bắc;

Căn cứ “Điều lệ trường đại học” ban hành kèm theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/03/2016 ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng về việc thay thế Tài liệu đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học ban hành kèm theo Công văn số 769/QLCL-KĐCLGD;

Căn cứ Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 của Cục Quản lý chất lượng về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài chương trình đào tạo;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Bảo đảm chất lượng và Thanh tra Pháp chế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Nông học trình độ đại học gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.

Giúp việc cho Hội đồng có Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Hội đồng có nhiệm vụ triển khai tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Nông học trình độ đại học theo Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Hướng dẫn tự đánh giá, đánh giá ngoài chương trình đào tạo của Cục Quản lý chất lượng.



Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên do Chủ tịch Hội đồng phân công. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Trưởng các phòng, ban, khoa; giám đốc các trung tâm thuộc và trực thuộc; Chủ tịch Công đoàn cơ sở; Bí thư Đoàn trường; Chủ tịch Hội sinh viên và các ông/bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *cut*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: BĐCL&TTPC.



KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TS. Đỗ Hồng Đức



**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH NÔNG HỌC**

(Kèm theo Quyết định số 1315/QĐ-DHTB ngày 19 tháng 12 năm 2023)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	TS. Đỗ Hồng Đức	Phó Hiệu trưởng, Phụ trách Trường	Chủ tịch
2	TS. Hoàng Ngọc Anh	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch
3	TS. Vũ Quang Giảng	Trưởng khoa Nông - Lâm	Phó Chủ tịch
4	TS. Nguyễn Văn Khoa	Phó Trưởng Khoa Nông - Lâm	Thư ký
5	TS. Nguyễn Tiến Dũng	Phó Trưởng phòng Đào tạo	Thành viên
6	TS. Vũ Mạnh Cường	Trưởng Phòng TC-HC, Thư ký Hội đồng Trường, Chủ tịch CDCS	Thành viên
7	TS. Nguyễn Thị Lan Anh	Trưởng phòng KHCN&HTQT	Thành viên
8	TS. Nguyễn Duy Hiếu	Phó Trưởng phòng, Phụ trách phòng BDCL&TTPC	Thành viên
9	TS. Vì Thị Xuân Thủy	Giám đốc Trung tâm TH-TN	Thành viên
10	ThS. Lê Thị Bích Hào	Phó Giám đốc Trung tâm TT-TV	Thành viên
11	TS. Dương Văn Mạnh	Trưởng phòng CTCT-QLNH	Thành viên
12	ThS. Hà Văn Niệm	Trưởng phòng Quản trị CSVC	Thành viên
13	TS. Hoàng Văn Thành	Phó Trưởng khoa Nông - Lâm	Thành viên
14	TS. Nguyễn Đức Thuận	Phó Trưởng Bộ môn Nông học, Khoa Nông - Lâm	Thành viên
15	Phạm Văn Hải	Sinh viên lớp K64 Đại học Nông học, Khoa Nông - Lâm	Thành viên

(Danh sách gồm có 15 người)

cut



DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN THƯ KÝ

(Kèm theo Quyết định số 131/QĐ-ĐHTB ngày 19 tháng 12 năm 2023)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	TS. Nguyễn Văn Khoa	Phó Trường Khoa Nông Lâm	Trưởng Ban thư ký
2	ThS. Đặng Văn Công	Phó Trưởng phòng TC-HC	Thành viên
3	ThS. Hoàng Thị Thanh Hà	Giảng viên Bộ môn Nông học	Thành viên
4	ThS. Nguyễn Thị Thu Hiền	Giảng viên Bộ môn Nông học	Thành viên
5	ThS. Nguyễn Hoàng Phương	Giảng viên Bộ môn Nông học	Thành viên
6	ThS. Lê Thị Thảo	Giảng viên Bộ môn Nông học	Thành viên
7	ThS. Phạm Hoàng Đan	Chuyên viên Trung tâm TH-TN	Thành viên
8	ThS. Hoàng Thành Bắc	Trợ lý Khoa Nông Lâm	Thành viên
9	ThS. Nguyễn Thị Quyên	Giảng viên Bộ môn Nông học	Thành viên
10	ThS. Nguyễn Thị Mỹ	Chuyên viên phòng TC-HC	Thành viên
11	ThS. Nguyễn Tây Sơn	Chuyên viên phòng Đào tạo	Thành viên
12	ThS. Dương Thị Ngọc Hà	Chuyên viên phòng BDCL&TTPC	Thành viên
13	ThS. Trịnh Thị Hoàn	Chuyên viên Trung tâm TT-TV	Thành viên
14	ThS. Hà Anh Tuấn	Chuyên viên phòng BDCL&TTPC	Thành viên
15	ThS. Hoàng Thị Mão	Chuyên viên phòng KHCN&HTQT	Thành viên
16	ThS. Hoàng Thị Huế	Chuyên viên phòng QTCSVC	Thành viên
17	ThS. Giảng A Tựa	Chuyên viên phòng CTCT&QLNH	Thành viên

(Danh sách gồm có 17 người)

est

DANH SÁCH CÁC NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH

(Kèm theo Quyết định số 1315/QĐ-ĐHTB ngày 19 tháng 12 năm 2023)

TT	Tiêu chuẩn phụ trách	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
Nhóm 1	Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo	TS. Nguyễn Văn Khoa	Phó Trưởng Khoa Nông Lâm	Nhóm trưởng
		ThS. Hoàng Thị Thanh Hà	Giảng viên Bộ môn Nông học	Thành viên
		ThS. Nguyễn Hoàng Phương	Giảng viên Bộ môn Nông học	Thành viên
		ThS. Đặng Văn Công	Phó Trưởng phòng TC-HC	Thành viên
		ThS. Nguyễn Tây Sơn	Chuyên viên phòng Đào tạo	Thành viên
Nhóm 2	Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học	TS. Hoàng Văn Thành	Phó Trưởng Khoa Nông Lâm	Nhóm trưởng
		ThS. Lê Thị Thảo	Giảng viên Bộ môn Nông học	Thành viên
		ThS. Hoàng Thị Thanh Hà	Giảng viên Bộ môn Nông học	Thành viên
		TS. Nguyễn Đức Thuận	Phó Trưởng Bộ môn Nông học	Thành viên
		ThS. Nguyễn Tây Sơn	Chuyên viên phòng Đào tạo	Thành viên
Nhóm 3	Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học	TS. Hoàng Văn Thành	Phó Trưởng khoa Nông - Lâm	Nhóm trưởng
		ThS. Nguyễn Thị Quyên	Giảng viên Bộ môn Nông học	Thành viên
		ThS. Nguyễn Đức Thuận	Phó Trưởng Bộ môn Nông học	Thành viên
		ThS. Giảng A Tựa	Chuyên viên phòng CTCT&QLNH	Thành viên
		Phạm Văn Hải	Sinh viên	Thành viên
Nhóm 4	Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên	TS. Vũ Quang Giảng	Trưởng khoa Nông - Lâm	Nhóm trưởng
		ThS. Lê Thị Thảo	Giảng viên Bộ môn Nông học	Thành viên
		ThS. Hoàng Thành Bắc	Trợ lý Khoa Nông Lâm	Thành viên
		ThS. Hoàng Thị Mão	Chuyên viên phòng KHCN&HTQT	Thành viên
		ThS. Nguyễn Thị Mỹ	Chuyên viên phòng TC-HC	Thành viên
Nhóm 5	Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và	TS. Vũ Quang Giảng	Trưởng khoa Nông - Lâm	Nhóm trưởng



	trang thiết bị	ThS. Nguyễn Thị Quyên	Giảng viên Bộ môn Nông học	Thành viên
		ThS. Phạm Hoàng Đan	Chuyên viên Trung tâm TH-TN	Thành viên
		ThS. Trịnh Thị Hoàn	Chuyên viên Trung tâm TT-TV	Thành viên
		ThS. Hoàng Thị Huế	Chuyên viên phòng QTCSVC	Thành viên
Nhóm 6	Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra	TS. Hoàng Văn Thành	Phó Trưởng khoa Nông - Lâm	Nhóm trưởng
		ThS. Nguyễn Hoàng Phương	Giảng viên Bộ môn Nông học	Thành viên
		ThS. Nguyễn Thị Thu Hiền	Giảng viên Bộ môn Nông học	Thành viên
		ThS. Dương Thị Ngọc Hà	Chuyên viên phòng BDCL&TTPC	Thành viên
		ThS. Hà Anh Tuấn	Chuyên viên phòng BDCL&TTPC	Thành viên



**KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH NÔNG HỌC
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC, GIAI ĐOẠN 2019-2024**

I. Mục đích tự đánh giá

Nhằm bảo đảm, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT) ngành Nông học và để đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục.

II. Phạm vi tự đánh giá

Đánh giá các hoạt động của Trường Đại học Tây Bắc theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT, ngày 14/3/2016, trong giai đoạn từ năm 2019 đến năm 2024.

III. Công cụ tự đánh giá

Công cụ tự đánh giá là Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT, ngày 14/3/2016, của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và các tài liệu sau đây:

- Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT, ngày 29/11/2013, của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;
- Công văn số 1074/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục, Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn chung về sử dụng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;
- Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo về tài liệu hướng dẫn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;
- Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 của Cục Quản lý chất lượng về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài chương trình đào tạo;
- Công văn số 774/QLCL-KĐCLGD ngày 10/6/2021 của Cục Quản lý chất lượng về việc điều chỉnh một số phụ lục Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD;
- Kế hoạch 1763/KH-ĐHTB ngày 04/12/2023 về triển khai công tác tự đánh giá các chương trình đào tạo năm học 2023-2024 của Trường Đại học Tây Bắc.

IV. Hội đồng tự đánh giá

1. Thành phần Hội đồng tự đánh giá

Hội đồng tự đánh giá (TĐG) chương trình đào tạo ngành Nông học trình độ đại học được thành lập theo Quyết định số 1315/QĐ-ĐHTB ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Bắc, Hội đồng gồm có 15 thành viên.

Danh sách hội đồng tự đánh giá:

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	TS. Đỗ Hồng Đức	Phó Hiệu trưởng, Phụ trách Trường	Chủ tịch
2	TS. Hoàng Ngọc Anh	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch
3	TS. Vũ Quang Giảng	Trưởng khoa Nông - Lâm	Phó Chủ tịch
4	TS. Nguyễn Văn Khoa	Phó Trưởng Khoa Nông - Lâm	Thư ký
5	TS. Nguyễn Tiến Dũng	Phó Trưởng phòng Đào tạo	Thành viên
6	TS. Vũ Mạnh Cường	Trưởng Phòng TC-HC, Thư ký Hội đồng Trường, Chủ tịch CĐCS	Thành viên
7	TS. Nguyễn Thị Lan Anh	Trưởng phòng KHCN&HTQT	Thành viên
8	TS. Nguyễn Duy Hiếu	Phó Trưởng phòng, Phụ trách phòng BDCL&TTTC	Thành viên
9	TS. Vi Thị Xuân Thủy	Giám đốc Trung tâm TH-TN	Thành viên
10	ThS. Lê Thị Bích Hào	Phó Giám đốc Trung tâm TT-TV	Thành viên
11	TS. Dương Văn Mạnh	Trưởng phòng CTCT-QLNH	Thành viên
12	ThS. Hà Văn Niệm	Trưởng phòng Quản trị CSVC	Thành viên
13	TS. Hoàng Văn Thành	Phó Trưởng khoa Nông - Lâm	Thành viên
14	TS. Nguyễn Đức Thuận	Phó Trưởng Bộ môn Nông học, Khoa Nông - Lâm	Thành viên
15	Phạm Văn Hải	Sinh viên lớp K64 Đại học Nông học, Khoa Nông - Lâm	Thành viên

2. Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách

a. Ban thư ký

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	TS. Nguyễn Văn Khoa	Phó Trưởng Khoa Nông Lâm	Trưởng Ban thư ký
2	ThS. Đặng Văn Công	Phó Trưởng phòng TC-HC	Thành viên
3	ThS. Hoàng Thị Thanh Hà	Giảng viên Bộ môn Nông học	Thành viên
4	ThS. Nguyễn Thị Thu Hiền	Giảng viên Bộ môn Nông học	Thành viên
5	ThS. Nguyễn Hoàng Phương	Giảng viên Bộ môn Nông học	Thành viên
6	ThS. Lê Thị Thảo	Giảng viên Bộ môn Nông học	Thành viên

7	ThS. Phạm Hoàng Đan	Chuyên viên Trung tâm TH-TN	Thành viên
8	ThS. Hoàng Thành Bắc	Trợ lý Khoa Nông Lâm	Thành viên
9	ThS. Nguyễn Thị Quyên	Giảng viên Bộ môn Nông học	Thành viên
10	ThS. Nguyễn Thị Mỹ	Chuyên viên phòng TC-HC	Thành viên
11	ThS. Nguyễn Tây Sơn	Chuyên viên phòng Đào tạo	Thành viên
12	ThS. Dương Thị Ngọc Hà	Chuyên viên phòng BĐCL&TTPC	Thành viên
13	ThS. Trịnh Thị Hoàn	Chuyên viên Trung tâm TT-TV	Thành viên
14	ThS. Hà Anh Tuấn	Chuyên viên phòng BĐCL&TTPC	Thành viên
15	ThS. Hoàng Thị Mão	Chuyên viên phòng KHCN&HTQT	Thành viên
16	ThS. Hoàng Thị Huế	Chuyên viên phòng QTCSVC	Thành viên
17	ThS. Giảng A Tựa	Chuyên viên phòng CTCT&QLNH	Thành viên

b. Các nhóm công tác chuyên trách

TT	Tiêu chuẩn phụ trách	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
Nhóm 1	Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo	TS. Nguyễn Văn Khoa	Phó Trưởng Khoa Nông Lâm	Nhóm trưởng
		ThS. Hoàng Thị Thanh Hà	Giảng viên Bộ môn Nông học	Thành viên
		ThS. Nguyễn Hoàng Phương	Giảng viên Bộ môn Nông học	Thành viên
		ThS. Đặng Văn Công	Phó Trưởng phòng TC-HC	Thành viên
		ThS. Nguyễn Tây Sơn	Chuyên viên phòng Đào tạo	Thành viên
Nhóm 2	Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học	TS. Hoàng Văn Thành	Phó Trưởng Khoa Nông Lâm	Nhóm trưởng
		ThS. Lê Thị Thảo	Giảng viên Bộ môn Nông học	Thành viên
		ThS. Hoàng Thị Thanh Hà	Giảng viên Bộ môn Nông học	Thành viên
		TS. Nguyễn Đức Thuận	Phó Trưởng Bộ môn Nông học	Thành viên
		ThS. Nguyễn Tây Sơn	Chuyên viên phòng Đào tạo	Thành viên
Nhóm 3	Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập	TS. Hoàng Văn Thành	Phó Trưởng khoa Nông - Lâm	Nhóm trưởng

	của người học Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học	ThS. Nguyễn Thị Quyên	Giảng viên Bộ môn Nông học	Thành viên
		ThS. Nguyễn Đức Thuận	Phó Trưởng Bộ môn Nông học	Thành viên
		ThS. Giảng A Tựa	Chuyên viên phòng CTCT&QLNH	Thành viên
		Phạm Văn Hải	Sinh viên	Thành viên
Nhóm 4	Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên	TS. Vũ Quang Giảng	Trưởng khoa Nông - Lâm	Nhóm trưởng
		ThS. Lê Thị Thảo	Giảng viên Bộ môn Nông học	Thành viên
		ThS. Hoàng Thành Bắc	Trợ lý Khoa Nông Lâm	Thành viên
		ThS. Hoàng Thị Mão	Chuyên viên phòng KHCN&HTQT	Thành viên
		ThS. Nguyễn Thị Mỹ	Chuyên viên phòng TC-HC	Thành viên
Nhóm 5	Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị	TS. Vũ Quang Giảng	Trưởng khoa Nông - Lâm	Nhóm trưởng
		ThS. Nguyễn Thị Quyên	Giảng viên Bộ môn Nông học	Thành viên
		ThS. Phạm Hoàng Đan	Chuyên viên Trung tâm TH- TN	Thành viên
		ThS. Trịnh Thị Hoàn	Chuyên viên Trung tâm TT- TV	Thành viên
		ThS. Hoàng Thị Huế	Chuyên viên phòng QTCSVC	Thành viên
Nhóm 6	Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra	TS. Hoàng Văn Thành	Phó Trưởng khoa Nông - Lâm	Nhóm trưởng
		ThS. Nguyễn Hoàng Phương	Giảng viên Bộ môn Nông học	Thành viên
		ThS. Nguyễn Thị Thu Hiền	Giảng viên Bộ môn Nông học	Thành viên
		ThS. Dương Thị Ngọc Hà	Chuyên viên phòng BĐCL&TTPC	Thành viên
		ThS. Hà Anh Tuấn	Chuyên viên	Thành viên

			phòng BDCL&TTPC	
--	--	--	--------------------	--

3. Phân công thực hiện nhiệm vụ

a) Nhóm thư ký:

- Trưởng Ban thư ký: Xây dựng kế hoạch đánh giá CTĐT; Tập hợp báo cáo đánh giá các tiêu chuẩn, tiêu chí từ các nhóm chuyên trách để xây dựng báo cáo đánh giá chương trình đào tạo; Chỉ đạo thu thập và hệ thống hóa các minh chứng báo cáo; Tổ chức họp định kỳ hoặc đột xuất các thành viên liên quan đến chương trình đào tạo; Định kỳ báo cáo tiến độ với lãnh đạo Hội đồng đánh giá CTĐT.

- Các thành viên Ban thư ký: Thu thập các minh chứng đánh giá CTĐT; viết báo cáo các tiêu chuẩn, tiêu chí được phân công; thực hiện các nội dung khác khi được Hội đồng và Trưởng Ban thư ký và trưởng các nhóm chuyên trách phân công.

b) Các nhóm công tác, cá nhân (Có thể bao gồm: các thành viên trong Hội đồng TĐG, cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên, ...)

- Trưởng các nhóm chuyên trách có trách nhiệm hoàn thiện báo cáo tiêu chuẩn; các thành viên được phân công viết báo cáo tiêu chí có trách nhiệm thu thập minh chứng và hoàn thiện báo cáo tiêu chí.

TT	Tiêu chuẩn	Nhóm công tác, cá nhân chịu trách nhiệm	Thời gian thu thập thông tin và minh chứng	Ghi chú
	Phần I. KHÁI QUÁT			
	1. Đặt vấn đề	Ban Thư ký	01/2024 đến 3/2024	
	2. Tổng quan chung	Ban Thư ký	01/2024 đến 3/2024	
	Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ		01/2024 đến 3/2024	
	Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	- TS. Nguyễn Văn Khoa, phụ trách chính - Các thành viên Nhóm 1 hỗ trợ	01/2024 đến 3/2024	
	Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo	- ThS. Hoàng Thị Thanh Hà, phụ trách chính - Các thành viên Nhóm 1 hỗ trợ	01/2024 đến 3/2024	
	Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học	- ThS. Hoàng Thị Thanh Hà, phụ trách chính - Các thành viên Nhóm 2 hỗ trợ	01/2024 đến 3/2024	

	Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học	- TS. Nguyễn Đức Thuận phụ trách chính - Các thành viên Nhóm 2 hỗ trợ	01/2024 đến 3/2024	
	Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học	- ThS. Nguyễn Thị Quyên, phụ trách chính - Các thành viên Nhóm 3 hỗ trợ	01/2024 đến 3/2024	
	Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên	- TS. Vũ Quang Giảng, phụ trách chính - Các thành viên Nhóm 4 hỗ trợ	01/2024 đến 3/2024	
	Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên	- ThS. Lê Thị Thảo, phụ trách chính - Các thành viên Nhóm 4 hỗ trợ	01/2024 đến 3/2024	
	Tiêu chuẩn 8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học	- TS. Nguyễn Đức Thuận, phụ trách chính - Các thành viên Nhóm 3 hỗ trợ	01/2024 đến 3/2024	
	Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị	- ThS. Nguyễn Thị Quyên, phụ trách chính - Các thành viên Nhóm 5 hỗ trợ	01/2024 đến 3/2024	
	Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng	- ThS. Nguyễn Hoàng Phương, phụ trách chính - Các thành viên Nhóm 6 hỗ trợ	01/2024 đến 3/2024	
	Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra	- ThS. Nguyễn Thị Thu Hiền, phụ trách chính - Các thành viên Nhóm 6 hỗ trợ	01/2024 đến 3/2024	
	Phần III. KẾT LUẬN	Ban thư ký	T06/2024	
	Phần IV. PHỤ LỤC	Ban thư ký	T06/2024	

V. Tập huấn nghiệp vụ tự đánh giá

1. Đối với Bộ môn Nông học

- Thời gian: ít nhất 1 lần/ 1 tuần.
- Nội dung: thảo luận về phương pháp thu thập, lưu trữ và sử dụng minh chứng; phương pháp phân tích yêu cầu tiêu chí, viết báo cáo tự đánh giá.
- Thành phần: giảng viên thuộc Bộ môn, khách mời (nếu có).
- Chế độ báo cáo: báo cáo bằng văn bản tới Trường khoa kèm theo đầy đủ minh chứng bao gồm kế hoạch, báo cáo tổng hợp, các báo cáo tập huấn, hình ảnh của buổi tập huấn.

2. Đối với Khoa Nông - Lâm

- Thời gian: ít nhất 1 lần/ 1 tháng.
- Nội dung: thảo luận về các tiêu chuẩn theo hướng dẫn tự đánh giá CTĐT; phương pháp thu thập, xử lý, lưu trữ minh chứng; phương pháp viết báo cáo tự đánh giá.

- Thành phần: giảng viên thuộc Khoa (thuộc các hội đồng tự đánh giá, ban thư ký), khách mời (nếu có).

- Chế độ báo cáo: báo cáo bằng văn bản tới Hiệu trưởng qua Phòng BDCL&TTPC kèm theo đầy đủ minh chứng bao gồm kế hoạch, báo cáo tổng hợp, các báo cáo tập huấn, hình ảnh của buổi tập huấn (bao gồm cả các báo cáo của các bộ môn trực thuộc).

3. Đối với Trường Đại học Tây Bắc

- Tập huấn chung về nghiệp vụ tự đánh giá chương trình đào tạo.

- Thời gian: đã thực hiện ngày 23/12/2023, có thể tập huấn bổ sung dựa trên nhu cầu thực tế (có kế hoạch tập huấn cụ thể).

VI. Dự kiến các nguồn lực (nhân lực, tài chính,...) và thời điểm cần huy động/cung cấp

1. Nguồn nhân lực

Nguồn nhân lực chính thực hiện quá trình tự đánh giá bao gồm các thành viên hội đồng tự đánh giá, ban thư ký, các nhóm công tác chuyên trách. Tùy theo tình hình và yêu cầu thực tế khi triển khai, HĐTĐG lập phương án huy động nguồn nhân sự từ các đơn vị (Phòng, Ban, Khoa, Trung tâm) trong Trường.

Các nhóm công tác chuyên trách của Hội đồng tự đánh giá CTĐT chịu trách nhiệm chính về thu thập thông tin, minh chứng; tiến hành tự đánh giá các tiêu chí và tiêu chuẩn theo quy trình nghiệp vụ; xây dựng báo cáo tự đánh giá đối với CTĐT được phân công theo đúng tiến độ thời gian của Kế hoạch này.

Các đơn vị trong toàn Trường, cán bộ, chuyên viên, giảng viên, nhân viên và sinh viên của Trường có trách nhiệm cung cấp minh chứng và các thông tin đầy đủ, trung thực theo yêu cầu của các nhóm CTCT trong quá trình tự đánh giá đối với các thông tin, minh chứng thuộc lĩnh vực hoạt động do đơn vị phụ trách.

Toàn bộ nhân sự của Trường có trách nhiệm tham gia đóng góp ý kiến đối với dự thảo Báo cáo tự đánh giá và các nội dung khác theo quy định.

Phòng Tổ chức - Hành chính là đầu mối thực hiện huy động nhân sự theo đề xuất của Hội đồng tự đánh giá.

Phòng BDCL&TTPC phối hợp với phòng KT-TC tham mưu, tư vấn Hiệu trưởng xây dựng dự toán kinh phí và thực hiện công tác thanh, quyết toán công tác tự đánh giá CTĐT theo quy định.

2. Cơ sở vật chất

Huy động cơ sở vật chất hiện có của Nhà trường phục vụ quá trình tự đánh giá. Nếu thấy cần thiết Hội đồng tự đánh giá lập phương án huy động thêm cơ sở vật chất, trang thiết bị làm việc tập trung, trình Hiệu trưởng phê duyệt.

3. Tài chính

Các hoạt động cần phải huy động kinh phí bao gồm: Kinh phí khoán chi để bồi dưỡng thù lao cho công tác tự đánh giá của Hội đồng và Ban thư ký; kinh phí

mua văn phòng phẩm, vật tư, trang thiết bị phục vụ in ấn, thu thập, lưu trữ, số hóa và bảo quản minh chứng; tổ chức tập huấn nghiệp vụ tự đánh giá CTĐT... thực hiện theo Quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường.

4. Chế độ hỗ trợ

Giảng viên thực hiện công tác tự đánh giá CTĐT được hỗ trợ giờ chuẩn tính vào nhiệm vụ năm học 2023 - 2024 theo quy định của Nhà trường.

Chi tiết các nguồn lực cần huy động/cung cấp:

TT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các nguồn lực cần được huy động/cung cấp	Thời điểm cần huy động	Ghi chú
1	Tiêu chuẩn 1	- Thu thập minh chứng - Tập huấn, chia sẻ kinh nghiệm. - Bổ sung minh chứng - Viết báo cáo	- Ban thư ký, CBGV, các Phòng, đơn vị liên quan - Hội đồng, Ban thư ký, các nhóm chuyên trách - Các Bộ môn; Phòng các Phòng, đơn vị liên quan - Ban thư ký, các nhóm chuyên trách	T01/2024 – T7/2024	
2	Tiêu chuẩn 2	- Thu thập minh chứng - Tập huấn, chia sẻ kinh nghiệm. - Bổ sung minh chứng - Viết báo cáo	- Ban thư ký, CBGV, các Phòng, đơn vị liên quan - Hội đồng, Ban thư ký, các nhóm chuyên trách - Các Bộ môn; Phòng các Phòng, đơn vị liên quan - Ban thư ký, các nhóm chuyên trách	T01/2024 – T7/2024	
3	Tiêu chuẩn 3	- Thu thập minh chứng - Tập huấn, chia sẻ kinh nghiệm. - Bổ sung minh chứng - Viết báo cáo	- Ban thư ký, CBGV, các Phòng, đơn vị liên quan - Hội đồng, Ban thư ký, các nhóm chuyên trách - Các Bộ môn; Phòng các Phòng, đơn vị liên quan - Ban thư ký, các nhóm chuyên trách	T01/2024 – T7/2024	
4	Tiêu chuẩn 4	- Thu thập minh chứng - Tập huấn, chia sẻ kinh nghiệm.	- Ban thư ký, CBGV, các Phòng, đơn vị liên quan - Hội đồng, Ban thư ký, các nhóm chuyên trách - Các Bộ môn; Phòng các Phòng, đơn vị liên quan	T01/2024 – T7/2024	

		- Bổ sung minh chứng - Viết báo cáo	Ban thư ký, các nhóm chuyên trách		
5	Tiêu chuẩn 5	- Thu thập minh chứng - Tập huấn, chia sẻ kinh nghiệm. - Bổ sung minh chứng - Viết báo cáo	- Ban thư ký, CBGV, các Phòng, đơn vị liên quan - Hội đồng, Ban thư ký, các nhóm chuyên trách - Các Bộ môn; Phòng các Phòng, đơn vị liên quan - Ban thư ký, các nhóm chuyên trách	T01/2024 – T7/2024	
6	Tiêu chuẩn 6	- Thu thập minh chứng - Tập huấn, chia sẻ kinh nghiệm. - Bổ sung minh chứng - Viết báo cáo	- Ban thư ký, CBGV, các Phòng, đơn vị liên quan - Hội đồng, Ban thư ký, các nhóm chuyên trách - Các Bộ môn; Phòng các Phòng, đơn vị liên quan - Ban thư ký, các nhóm chuyên trách	T01/2024 – T7/2024	
7	Tiêu chuẩn 7	- Thu thập minh chứng - Tập huấn, chia sẻ kinh nghiệm. - Bổ sung minh chứng - Viết báo cáo	- Ban thư ký, CBGV, các Phòng, đơn vị liên quan - Hội đồng, Ban thư ký, các nhóm chuyên trách - Các Bộ môn; Phòng các Phòng, đơn vị liên quan - Ban thư ký, các nhóm chuyên trách	T01/2024 – T7/2024	
8	Tiêu chuẩn 8	- Thu thập minh chứng - Tập huấn, chia sẻ kinh nghiệm. - Bổ sung minh chứng - Viết báo cáo	- Ban thư ký, CBGV, các Phòng, đơn vị liên quan - Hội đồng, Ban thư ký, các nhóm chuyên trách - Các Bộ môn; Phòng các Phòng, đơn vị liên quan - Ban thư ký, các nhóm chuyên trách	T01/2024 – T7/2024	
9	Tiêu chuẩn 9	- Thu thập minh chứng - Tập huấn, chia sẻ kinh nghiệm.	- Ban thư ký, CBGV, các Phòng, đơn vị liên quan - Hội đồng, Ban thư ký, các nhóm chuyên trách - Các Bộ môn; Phòng các Phòng, đơn vị liên quan	T01/2024 – T7/2024	

		- Bổ sung minh chứng - Viết báo cáo	Ban thư ký, các nhóm chuyên trách		
10	Tiêu chuẩn 10	- Thu thập minh chứng - Tập huấn, chia sẻ kinh nghiệm. - Bổ sung minh chứng - Viết báo cáo	- Ban thư ký, CBGV, các Phòng, đơn vị liên quan - Hội đồng, Ban thư ký, các nhóm chuyên trách - Các Bộ môn; Phòng các Phòng, đơn vị liên quan Ban thư ký, các nhóm chuyên trách	T01/2024 – T7/2024	
11	Tiêu chuẩn 11	- Thu thập minh chứng - Tập huấn, chia sẻ kinh nghiệm. - Bổ sung minh chứng - Viết báo cáo	- Ban thư ký, CBGV, các Phòng, đơn vị liên quan - Hội đồng, Ban thư ký, các nhóm chuyên trách - Các Bộ môn; Phòng các Phòng, đơn vị liên quan Ban thư ký, các nhóm chuyên trách	T01/2024 – T7/2024	

VII. Dự kiến thu thập thông tin từ nguồn ngoài Nhà trường

Các nguồn thông tin cần nghiên cứu, rà soát để hoàn thiện Báo cáo tự đánh giá là: Các kế hoạch chiến lược phát triển kinh tế, xã hội của địa phương; quy hoạch về tuyển dụng và sử dụng nguồn nhân lực; các thông tin cần khảo sát theo yêu cầu đánh giá CTĐT... Trong quá trình triển khai công tác tự đánh giá, các nhóm công tác chuyên trách xây dựng chi tiết kế hoạch thu thập thông tin từ bên ngoài (nếu cần). Kế hoạch phải thể hiện rõ loại thông tin cần thu thập, nguồn cung cấp thông tin, thời gian thực hiện.

VIII. Dự kiến thuê chuyên gia tư vấn để giúp Hội đồng triển khai TĐG

Trong quá trình triển khai công tác tự đánh giá, Hội đồng tự đánh giá nếu có nhu cầu và được Hiệu trưởng nhất trí thì xây dựng kế hoạch thuê chuyên gia tư vấn để giúp Hội đồng triển khai tự đánh giá. Kế hoạch phải xác định rõ những lĩnh vực, hoạt động cần thuê chuyên gia, mục đích thuê chuyên gia, vai trò của chuyên gia, số lượng chuyên gia, thời gian cần thuê chuyên gia.

IX. Lập Bảng danh mục mã minh chứng

Sau khi các nhóm công tác, cá nhân thực hiện xác định nội hàm, phân tích tiêu chí tìm minh chứng cho từng tiêu chí; phân loại và mã hoá các minh chứng thu được. Hội đồng TĐG thảo luận các minh chứng cho từng tiêu chí đã thu thập được và lập Bảng danh mục mã minh chứng.

Bảng danh mục mã minh chứng được trình bày bằng theo chiều ngang của khổ A4 (có thể để riêng và để ở phần Phụ lục của báo cáo TĐG).

X. Thời gian và nội dung hoạt động

Thời gian	Nội dung hoạt động
Tuần 1 - 2 (từ 08/01/2024 đến 21/01/2024)	1. Hội đồng CTĐT cơ sở giáo dục và lãnh đạo đơn vị thực hiện CTĐT để thảo luận mục đích, yêu cầu, thời gian biểu và xác định các thành viên của Hội đồng TĐG CTĐT. 2. Thủ trưởng cơ sở giáo dục ra quyết định thành lập Hội đồng TĐG CTĐT. 3. Hội đồng TĐG CTĐT đề: - Công bố quyết định thành lập Hội đồng TĐG; - Tập huấn về quy trình TĐG và bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT; - Thảo luận về nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng; - Dự thảo kế hoạch TĐG CTĐT.
Tuần 3 - 4 (từ 22/01/2024 đến 25/02/2024)	1. Phổ biến chủ trương triển khai TĐG đến toàn thể cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên và sinh viên tham gia thực hiện CTĐT. 2. Tổ chức hội thảo/hội nghị về chuyên môn, nghiệp vụ triển khai TĐG cho đội ngũ chủ chốt liên quan. 3. Hội đồng TĐG CTĐT đề thông qua: - Bản kế hoạch TĐG CTĐT; - Dự thảo đề cương báo cáo TĐG (dựa trên cơ sở tài liệu hướng dẫn của Bộ GDĐT và điều kiện cụ thể của đơn vị thực hiện CTĐT); - Trình Thủ trưởng cơ sở giáo dục đề nghị ban hành kế hoạch TĐG.
Tuần 5 - 8 (từ 26/02/2024 đến 24/3/2024)	1. Công bố kế hoạch TĐG đã được phê duyệt, thông báo phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách giúp việc cho Hội đồng. 2. Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng. 3. Mã hoá các thông tin và minh chứng thu được. 4. Phân tích thông tin và minh chứng thu được. 5. Phân tích, lý giải nội hàm của các minh chứng để xem xét sự phù hợp của minh chứng với các yêu cầu trong từng tiêu chí của tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT.
Tuần 9 - 15 Tuần 5 - 8 (từ 25/3/2024 đến 12/5/2024)	1. Các nhóm công tác chuyên trách viết các báo cáo của từng tiêu chí (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết). 2. Trưởng các nhóm chuyên trách tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành các báo cáo tiêu chuẩn (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết).
Tuần 16 (từ 13/5/2024 đến 19/5/2024)	Hội đồng TĐG CTĐT: - Xem xét các báo cáo của từng tiêu chuẩn, tiêu chí do các nhóm chuyên trách dự thảo; - Kiểm tra lại các thông tin và minh chứng được sử dụng trong báo cáo TĐG; - Xác định các vấn đề phát sinh từ các thông tin và minh chứng thu được; - Xác định các thông tin cần thu thập bổ sung; - Thư ký Hội đồng tập hợp các báo cáo tiêu chuẩn thành dự thảo báo cáo TĐG CTĐT.

Thời gian	Nội dung hoạt động
Tuần 17-18 (từ 20/5/2024 đến 02/6/2024)	1. Hội đồng TĐG CTĐT xem xét dự thảo báo cáo TĐG và đề xuất những chỉnh sửa (nếu cần). 2. Hội đồng TĐG CTĐT họp với các bộ môn, phòng, ban, ... để thảo luận về báo cáo TĐG, xin ý kiến góp ý.
Tuần 19-21 (từ 03/6/2024 đến 23/6/2024)	1. Công bố bản báo cáo TĐG (đã chỉnh sửa sau góp ý của các bộ môn, phòng, ban, ...) trong nội bộ cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT. 2. Các bộ môn, phòng ban, cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên, người học, đóng góp ý kiến phản biện về báo cáo TĐG.
Tuần 22-23 (từ 24/6/2024 đến 07/7/2024)	1. Hội đồng TĐG CTĐT họp để tiếp tục bổ sung và hoàn thiện báo cáo TĐG theo các ý kiến phản biện. 2. Hội đồng TĐG CTĐT thông qua báo cáo TĐG lần cuối và nộp báo cáo TĐG cho lãnh đạo đơn vị thực hiện CTĐT và thủ trưởng cơ sở giáo dục để xem xét. 3. Hoàn thiện báo cáo TĐG.
Tuần 24 (từ 08/7/2024 đến 14/7/2024)	1. Cơ sở giáo dục gửi báo cáo TĐG và công văn cho cơ quan quản lý trực tiếp, Bộ GDĐT. 2. Cơ sở giáo dục bảo quản báo cáo TĐG, lưu giữ các thông tin minh chứng theo thứ tự mã minh chứng đã ghi trong báo cáo TĐG.

Nơi nhận:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (để b/c);
- Hội đồng TĐG (để th/h);
- Các đơn vị (để th/h);
- Lưu: VT, BDCL&TTTC.

**KT. HIỆU TRƯỞNG**
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TS. Đỗ Hồng Đức
